

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

BÀI 1 : LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM.

TIẾT 1 : LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và dân quân tự vệ.
- Từ những truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua mỗi giai đoạn..

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức trân trọng với truyền thống dân tộc Việt Nam
- Xác định trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang dân tộc.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Các bức ảnh về đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, chiến thắng Điện Biên Phủ, giải phóng Sài Gòn
- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Biết được một số thông tin về lịch sử quân đội Việt Nam

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giới thiệu cho HS một số bức ảnh về thời chiến tranh và lý giải từng tranh.
- *Giới thiệu bài:* Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước. Trải qua trên 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Quân đội nhân dân đã lập bao chiến công hiển hách, xây dựng truyền thống vẻ vang, xứng đáng là công cụ bạo lực của Đảng, nhà nước và niềm tin tưởng của nhân dân.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: 1. Lịch sử quân đội nhân dân việt nam. (10 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được sự ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Hiểu về Quân đội nhân dân Việt Nam

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi:	I. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Câu 1. Quan sát hình 1.1 và cho biết: lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam gồm những thành phần nào? Câu 2. Em hãy nêu sự cần thiết thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. Câu 3. Em hãy nêu cơ sở thực tiễn và sự hình thành quân đội nhân dân Việt Nam? Câu 4. Trong giai đoạn hình thành quân đội ta trải qua những tên gọi nào. Câu 5. Tìm những hình ảnh phù hợp với từng giai đoạn của lịch sử? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Nhóm HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời ghi ra giấy A3 - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời của mỗi nhóm. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức - HS ghi nội dung vào vở	1. Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam (10 phút) a. những năm đầu cách mạng giai đoạn 1930 – 1945 - Quân đội là công cụ bạo lực sắc bén của đảng, và bạo lực cách mạng là phương tiện để lật đổ chế độ thực dân dành chính quyền về tay nhân dân và Trong chính cương vắn tắt của Đảng tháng 2/1930, đã đề cập tới việc “Tổ chức ra quân đội công nông” và Trong Luận Cương Chính Trị tháng 10/1930, xác định nhiệm vụ: “Vũ trang cho công nông”, “Lập quân đội công nông”, “Tổ chức đội tự vệ công nông”. - Cơ sở thực tiễn và sự hình thành QĐND Việt Nam: + Trong cao trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh, tự vệ đỏ ra đời. Đó là nền móng đầu tiên của LLVT cách mạng, của quân đội cách mạng nước ta. + Từ cuối năm 1939, C/M Việt Nam chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ trọng tâm vào giải phóng dân tộc, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. + Ngày 22/12/1944 đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại Cao Bằng. Đội gồm 34 người (3 nữ), có 34 khẩu súng đủ các loại, do đồng chí Võ Nguyên Giáp tổ chức lãnh đạo, chỉ huy. + Tháng 4 năm 1945, Đảng quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang cả nước thành lập Việt Nam Giải Phóng Quân. + Trong cách mạng tháng 8/1945, Việt Nam giải phóng quân mới có 5000 người, vũ khí gậy tày, súng kíp, đã hăng hái cùng toàn dân chiến đấu giành chính quyền.
--	--

Hoạt động 2: 1. Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam. (15 phút)

a. Mục tiêu: Hiểu được quá trình chiến thắng, trưởng thành của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm được quá trình phát triển trong các cuộc kháng chiến

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Nêu quá trình phát triển của quân đội nhân dân Việt Nam? Câu 2. Từ 1946 cho tới nay quân đội ta đã trải qua những tên gọi nào? Câu 3. Tìm những hình ảnh phù hợp với từng giai đoạn của lịch	I. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM 1. Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam (15ph) b. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954): - Quá trình phát triển: Quân đội phát triển nhanh, từ các đơn vị du kích, đơn vị nhỏ, phát triển thành các đơn vị chính quy. + Cách mạng tháng 8 thành công, Việt Nam giải phóng quân được đổi tên thành Vệ quốc Đoàn. + Ngày 22/5/1946, chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 71/SL về quân đội quốc gia Việt Nam. Năm 1950, quân đội quốc gia đổi tên thành QĐND Việt Nam.

sử? Câu 4. Em hãy nêu tên các anh hùng trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức, tổng kết: - Với chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất, QĐND Việt Nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, xứng đáng là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Hiện nay, Quân đội ta xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại làm nòng cốt cho nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, Quân đội ta đang cùng với các lực lượng khác tiếp tục tăng cường sức chiến đấu và nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong mọi tình huống; đồng thời tích cực tham gia các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch hoạ, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.	+ Ngày 28/8/1949 thành lập đại đoàn bộ binh 308, là đại đoàn chủ lực đầu tiên của QĐND Việt Nam. - Quân đội chiến đấu, chiến thắng: + Chiến thắng Việt Bắc- Thu Đông 1947. + Từ thu đông 1947 đến đầu năm 1950, quân ta mở 30 chiến dịch lớn nhỏ trên khắp các chiến trường cả nước. Qua 2 năm chiến đấu “Ta đã tiến bộ nhiều về phương tiện tác chiến cũng như về phương diện xây dựng lực lượng”. + Sau chiến dịch Biên Giới (1950), quân dân ta mở liên tiếp các chiến dịch và phối hợp với quân giải phóng Pa Thét Lào mở chiến dịch Thượng Lào. + Đông xuân 1953 – 1954, quân và dân ta thực hiện tiến công trên chiến lược trên chiến trường toàn quốc, mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau 55 ngày chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. <i>c. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.</i> - QĐND phát triển mạnh: + Các quân chủng, binh chủng ra đời. + Hệ thống nhà trường quân đội được xây dựng. + Có lực lượng hậu bị hùng hậu, một lớp thanh niên có sức khoẻ, có văn hoá vào quân đội theo chế độ NVQS. - QĐND chiến đấu, chiến thắng vẻ vang. QĐND thực sự làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. + Cùng nhân dân đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ. + Đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ, bảo vệ miền bắc XHCN. + Mùa xuân năm 1975, quân dân ta mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh. Thực hiện trọn vẹn di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”. <i>d. Sau khi đất nước thống nhất.</i> - Đất nước thống nhất, cả nước thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN. - QĐND Việt Nam tiếp tục xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; trong đó có một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; làm nòng cốt bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; góp phần quan trọng vào giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. - Ngày 17/10/1989, Đảng ta quyết định lấy ngày 22/12/1944 là ngày thành lập QĐND Việt Nam, đồng thời là ngày hội QPTD.
---	--

Hoạt động 3: 2. Bản chất của quân đội nhân dân Việt Nam; 3. truyền thống của quân đội nhân dân Việt Nam (10 phút).

- a. Mục tiêu:** Nắm được kiến thức về bản chất, truyền thống quân đội Việt Nam
b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận
c. Sản phẩm: Tiếp thu thông tin và nắm vững kiến thức
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Theo em, bản chất của quân đội nhân dân Việt Nam là gì? Câu 2. Qua quá trình chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành quân đội ta đã đúc rút được những truyền thống tốt đẹp nào? Câu 3. Sự trung thành của QĐND Việt Nam thể hiện ở đâu? Và nó khái quát ở câu nói nào của Bác Hồ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trả lời câu hỏi + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	I. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM 2. Bản chất và của quân đội nhân dân Việt Nam. (5 phút) - Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; Luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân và chế độ xhcn. - Sự trung thành của QĐND Việt nam, trước hết thể hiện trong chiến đấu vì mục tiêu, lí tưởng của Đảng là độc lập dân tộc và CNXH. Mục tiêu lí tưởng của Đảng trở thành niềm tin, lẽ sống của QĐND. - Đảng lãnh đạo QĐND theo nguyên tắc “tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt”. Tổ chức Đảng trong quân đội được thực hiện theo hệ thống dọc từ trung ương đến cơ sở. - Khái quát và ngợi khen quân đội ta, Bác Hồ nói: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của tổ quốc, vì CNXH, nhiệm vụ nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. 3. truyền thống của quân đội nhân dân Việt Nam (5 phút) - Truyền thống: Trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam XHCN, với Đảng với nhà nước và nhân dân; Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng; Gắn bó máu thịt với nhân dân; Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỉ luật tự giác, nghiêm minh; Độc lập, tự chủ, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công; lối sống trong sạch, lành mạnh có văn hóa, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan; luôn nêu cao tinh thần ham học, cầu tiến, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống, đoàn kết quốc tế, trong sáng, thủy chung, chí nghĩa chí tình.

C. KẾT THÚC GIẢNG DẠY (5 phút)

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học
b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời
c. Sản phẩm: Kết quả của HS
d. Tổ chức thực hiện:
GV đặt câu hỏi: Câu 1. Em hãy nêu các quá trình cơ bản của lịch sử Quân đội nhân dân?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: (Thời kì hình thành, thời kì xây dựng và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 – 1975), thời kì đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH từ 1975 đến nay)

Câu 2. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân như thế nào? tổ chức Đảng trong lực lượng được phân bố ra sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: Kiến thức sgk

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS đọc trước bài:

- Nhận xét buổi học

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày ... tháng ... năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 2: LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM.

TIẾT 2: LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và dân quân tự vệ.
- Từ những truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua mỗi giai đoạn..

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức trân trọng truyền thống dân tộc Việt Nam
- Nắm được những nét cơ bản của lực lượng vũ trang CAND
- Hiểu được lịch sử và rút ra truyền thống của lực lượng CAND Việt Nam

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh về lịch sử đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam.
- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP- An ninh 10, đọc trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Biết được một số thông tin về lịch sử quân đội Việt Nam

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giới thiệu cho HS một đoạn phim tư liệu về lực lượng CAND Việt Nam
- *Giới thiệu bài:* Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc, kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam thường phối hợp giữa tiến công quân sự bên ngoài với các hoạt động lật đổ bên trong. Chúng cấu kết chặt chẽ với nhau, chống phá ta trên mọi lĩnh vực. Do đó, sự ra đời của CAND là một đòi hỏi tất yếu khách quan của lịch sử.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: 1. Lịch sử công an nhân dân Việt Nam (Giai đoạn 1930-1945). (7 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được quá trình hình thành của lực lượng CAND Việt Nam

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Giai đoạn 1930-1945 những tổ	II. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN 1. Lịch sử công an nhân dân Việt Nam. (10ph)

chức nào là tiền thân của công an nhân dân Việt Nam? Câu 2. Nêu hoàn cảnh ra đời sự cần thiết hình thành Công an nhân dân Việt Nam? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trả lời câu hỏi + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	<i>a. Thời kì hình thành 1930-1945</i> - Tiền thân của Công an nhân dân: Đội tự vệ đỏ; đội tự vệ công nông; Ban công tác đội; Đội tự vệ cứu quốc; Đội danh dự trừ gian; Đội trinh sát; Đội hộ lương diệt ác. => Đây là các tổ chức tiền thân của lực lượng CAND cùng nhân dân tham gia khởi tổng nghĩa giành chính quyền, Đồng thời bảo vệ thành công ngày quốc khánh nước Việt Nam DCHH (2/9/1945). - Sau khi cách mạng tháng 8/1945 thành công. yêu cầu bảo vệ chính quyền cách mạng được đặc biệt coi trọng. Ngày 19/8/1945, dưới sự chỉ đạo của Đảng, lực lượng công an được thành lập để cùng với các lực lượng khác bảo vệ thành quả cách mạng. - ở bắc bộ đã thành lập: sở liên phòng và sở cảnh sát. - ở trung bộ thành lập Sở trinh sát - ở Nam bộ thành lập Quốc gia tự vệ cuộc. - ở các tỉnh thành lập: Ti liên phòng và ti cảnh sát.
--	---

Hoạt động 2: Thời kì hình thành và phát triển (Giai đoạn 1945 cho đến nay). (8 phút)

a. Mục tiêu: Biết được thời kì xây dựng và trưởng thành của CAND Việt Nam thông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Hãy nêu các thời kì Xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Công an nhân dân? Câu 2. Trong quá trình đó CAND đã lập được những chiến công gì? em có thể nêu một số tấm gương anh hùng tiêu biểu trong từng thời kì không? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Chia lớp thành 2 nhóm: + N1: Tìm hiểu về thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).	II. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN 1. Lịch sử công an nhân dân Việt Nam. (10ph) <i>b. Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)</i> - 21/02/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh 23-SL hợp nhất sở cảnh sát và sở liên phòng toàn quốc thành Việt Nam công an vụ. có nhiệm vụ tìm hiểu, tập trung tin tức, tài liệu liên quan đến an toàn quốc gia, thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ toàn Quốc kháng chiến, công an nhân dân đấu tranh chống phản cách mạng, bảo vệ an ninh trật tự vùng hậu phương. - Đầu năm 1947, nha CATW được chấn chỉnh về tổ chức gồm: Văn phòng, Ti điệp báo. Ti chính trị, Bộ phận an toàn khu. - Tháng 6/1949, nha CATW tổ chức hội nghị điều tra toàn quốc. Ngày 28/2/1950, sát nhập bộ phận tình báo quân đội vào nha CA.

+ N2: Tìm hiểu về thời kì kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975). Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện nhóm đứng dậy trả lời + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	- Trong chiến dịch biên biên phủ, CA có nhiệm vụ bảo vệ các lực lượng tham gia chiến dịch, bảo vệ dân công, bảo vệ giao thông vận tải, bảo vệ kho tàng... góp phần làm nên chiến thắng Biên Biên Phủ lịch sử. - Xuất hiện nhiều tấm gương: chị Võ Thị Sáu, Trần Việt Hùng, Trần Văn Châu... <i>c. Thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 – 1975):</i> - Giai đoạn từ năm 1954 – 1960: ổn định an ninh, chống phản cách mạng, phục vụ công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN. - Giai đoạn từ năm 1961 – 1965: tăng cường xây dựng lực lượng, góp phần đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” - Giai đoạn từ năm 1965 – 1968: Giữ gìn an ninh chính trị, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” - Giai đoạn từ năm 1969 – 1973: Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm phá sản chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” - Giai đoạn từ năm 1973 – 1975: cùng cả nước dốc sức giải phóng miền nam, thống nhất đất nước. <i>d. Giai đoạn xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN từ 1975 đến nay.</i> Năm 1976, bộ công an và một phần bộ nội vụ hợp nhất thành bộ nội vụ, CAND vừa chống phản động vừa tập trung giáo dục cải tạo thực hiện nhiệm vụ tiếp quản; đấu tranh chống địch địch lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, phòng, chống bạo loạn, chống chiến tranh xâm lược biên giới Tây nam và chiến tranh biên giới phía Bắc; đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Năm 1998 bộ nội vụ đổi tên thành Bộ công an. Hiện nay CAND là lực lượng nòng cốt giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; cùng với lực lượng quân đội và dân quân tự vệ làm nòng cốt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN
--	--

Hoạt động 3: Bản chất và Truyền thống CAND (10 phút)

a. Mục tiêu: Hiểu được bản chất truyền thống của lực lượng CAND với Đảng và nhân dân.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 5 nhóm và phân công nhiệm vụ: + Nhóm 1: Tìm hiểu về truyền thống trung thành tuyệt đối với sự	II. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN 2. Bản chất của công an nhân dân Việt Nam. - Mang bản chất của giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi

ngiệp của Đảng? + Nhóm 2: Tìm hiểu về truyền thống vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu + Nhóm 3: Tìm hiểu về truyền thống độc lập tự chủ, tự cường và tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ an ninh, trật tự và những thành tựu khoa học – công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu + Nhóm 4: Tìm hiểu về truyền thống tận tụy trong công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu + Nhóm 5: Tìm hiểu về truyền thống quan hệ hợp tác quốc tế trong sáng thủy chung, nghĩa tình Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + Các nhóm nhận nhiệm vụ, thảo luận, tìm câu trả lời. + GV quan sát, hướng dẫn HS thảo luận nhóm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện các nhóm lên ghi kết quả vào bảng phụ. + GV gọi HS nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức, tổng kết: Trên 60 năm xây dựng trưởng thành và chiến thắng, CAND Việt Nam đã dệt lên trang sử hào hùng “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”. Tạo nên những truyền thống vẻ vang của CAND Việt Nam.	mặt của Đảng. luôn tuyệt đối trung thành với đảng, tổ quốc , nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. 3. Truyền thống của công an nhân dân Việt Nam. - <i>Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng:</i> CAND chiến đấu vì mục tiêu, lí tưởng của Đảng và trở thành công cụ bạo lực sắc bén của nhà nước trong việc chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, trung thành với mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kì. - <i>Vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu</i> - Công an nhân dân Việt Nam từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu đã lập bao chiến công hiển hách trong lịch sử xây dựng và chiến đấu của mình. - Chiến công: bắt gián điệp, khám phá phản tử phản động trong nước, những cuộc chiến đấu cam go quyết liệt với kẻ cầm đầu gây rối trật tự an ninh XH. CAND lấy sự bình yên cuộc sống làm mục tiêu phục vụ và lấy sự gắn bó phối hợp cùng nhân dân là điều kiện hoàn thành nhiệm vụ. <i>3. Độc lập tự chủ, tự cường và tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ an ninh, trật tự và những thành tựu khoa học – công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu</i> - CAND Việt Nam đã phát huy đầy đủ các nhân tố nội lực, làm nên sức mạnh giành thắng lợi. - Với tinh thần “người Việt Nam phải tự giải phóng lấy mình, tự cứu mình trước khi chờ cứu” CAND đã tích cực, chủ động bám trụ, nắm địa bàn, chủ động phát hiện những dấu tích tội phạm. - Phương tiện trong tay lực lượng CA mặc dù chưa phải là hiện đại, thậm chí rất thô sơ nhưng đã biết tận dụng, vận dụng và sáng tạo trong những hoàn cảnh điều kiện nhất định, thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả nhất. <i>4. Tận tụy trong công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu</i> - Kẻ thù chống phá cách mạng thường sử dụng trăm phương ngàn kế với những thủ đoạn rất tinh vi, xảo quyệt. - Để đánh thắng kẻ thù lực lượng công an phải luôn tận tụy với công việc, cảnh giác, bí mật mưu trí. Tận tụy trong công việc giúp CA điều tra, xét hỏi, nắm bằng chứng được chính xác và chuẩn bị chứng cứ để bắt đúng kẻ phạm tội. <i>5. Quan hệ hợp tác quốc tế trong sáng thủy chung, nghĩa tình</i>
--	--

	- Đây là những phẩm chất không thể thiếu giúp CAND hoàn thành nhiệm vụ. - Thể hiện tập trung nhất về sự hợp tác quốc tế là sự phối hợp công tác của CA 3 nước Đông Dương: Việt Nam, Lào, Campuchia trong 2 cuộc kháng chiến. - Lực lượng intepol Việt Nam đã phối hợp với lực lượng intepol quốc tế để điều tra, truy bắt những tên tội phạm quốc tế và những vụ án ma túy lớn...
--	---

Hoạt động 4: 1. Lịch sử dân quân tự vệ (10 phút).

a. Mục tiêu: Hiểu được về lịch sử truyền thống của lực lượng Dân quân tự vệ.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Theo em ngày truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ là ngày nào? Câu 2. Trong quá trình đó CAND đã lập được những chiến công gì? em có thể nêu một số tấm gương anh hùng tiêu biểu trong từng thời kì không? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Chia lớp thành 2 nhóm: + N1: Tìm hiểu về thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). + N2: Tìm hiểu về thời kì kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975). Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện nhóm đứng dậy trả lời + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	III. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ. 1. Lịch sử dân quân tự vệ a. thời kì hình thành (1935-1945) Ngày 28 tháng 3 năm 1935, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất ra “Nghị quyết về đội tự vệ” được coi là ngày thành lập Dân quân tự vệ Việt Nam và đã cùng toàn dân tiến hành thắng lợi cuộc tổng khởi nghĩa và giành chính quyền tháng 8-1945. b. Trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954 ngày 19/12/1946, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh, lực lượng dân quân tự vệ ngày càng phát triển, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, thực hiện chiến tranh du kích ở địa phương. c. Giai đoạn kháng chiến chống Mĩ 1954-1975 Lực lượng dân quân du kích hai miền Nam, Bắc kết hợp cùng quân đội luôn chủ động đánh địch; vận dụng các hình thức đánh địch; vận dụng các hình thức đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến công địch bằng ba mũi giáp công, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân làm nên chiến thắng 30/4/1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. d. Từ năm 1975 đến nay. Dân quân tự vệ trong cả nước từng bước phát triển cả về số lượng, chất lượng, biên chế trang bị; hoạt động ngày càng gắn chặt với cơ sở vững mạnh toàn diện, xây dựng khu vực phòng thủ, tang cường quốc phòng, an ninh ở địa phương. Phối hợp với các lực lượng giữ vững an ninh chính trị, trật

	tự an toàn xã hội.
--	--------------------

C. KẾT THÚC GIẢNG DẠY. (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi: Câu 1. Em hãy nêu các quá trình cơ bản của lịch sử Công an nhân dân Việt Nam, Dân quân tự vệ Việt Nam?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: (Thời kì hình thành, thời kì xây dựng và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 – 1975), thời kì đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH từ 1975 đến nay)

Câu 2. Đảng lãnh đạo công an như thế nào? tổ chức Đảng trong lực lượng được phân bố ra sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: Kiến thức sgk

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò HS đọc trước bài:

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 2: NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT VỀ QUỐC PHÒNG AN NINH CỦA VIỆT NAM

TIẾT 1: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VÀ LUẬT QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích trình bày được những nội dung cơ bản của Luận giáo dục quốc phòng và an ninh, luật Sĩ quan, Quân đội nhân dân Việt Nam và luật Công an nhân dân.
- Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về Quốc phòng và an ninh.
- Qua nghiên cứu nội dung luật, có định hướng nghề nghiệp sau khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; phấn đấu được ở lại phục vụ quân đội, công an lâu dài cũng như đăng kí thi vào các học viện, nhà trường quân đội, công an.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức trong học tập bộ môn mới trong nhà trường THPT.
- Xác định trách nhiệm trong việc học tập và rèn luyện.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10
- Xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Biết được một số thông tin về lịch sử môn học.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh học tập của bộ môn.
- *Giới thiệu bài:* Trong chiến lược quốc phòng, chiến lược quân sự Việt Nam, chiến lược An ninh Việt Nam, Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Việt Nam đã được luật hóa. Trải qua hơn 70 năm xây dựng và trưởng thành, Việt Nam đã nhận rõ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh sinh viên trong giáo dục quốc gia, là nguồn nhân lực chất lượng cao, lực lượng nòng cốt cho đất nước trong tương lai

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: 1. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh (20 phút)

a. Mục tiêu: Hiểu được sự hình thành của môn học giáo dục quốc phòng an ninh

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Hiểu về môn học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi: - Em biết gì về bộ môn này và đã tìm hiểu về nó như thế nào? - Em biết những hoạt động nào về giáo dục quốc phòng và an ninh? Theo em biết, môn học GDQP VÀ AN được thực hiện chính khóa ở những cấp học nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức - HS ghi nội dung vào vở	I. NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 1. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh (20 phút) Luật giáo dục quốc phòng an ninh năm 2013 gồm 8 chương, 47 điều quy định nguyên tắc chính sách, nội dung cơ bản, hình thức GDQPAN; Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, quyền và trách nhiệm của công dân về giáo dục quốc phòng và an ninh. - Mục tiêu GDQP VÀ AN (điều 4): Giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. - Quyền và trách nhiệm của công dân về GDQP VÀ AN (điều 7): Công dân có quyền và trách nhiệm học tập, nghiên cứu để nắm vững kiến thức quốc phòng và an ninh. Người tham gia giáo dục quốc phòng và an ninh được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. - Các hành vi bị nghiêm cấm (điều 9): + Lợi dụng hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh để tuyên truyền xuyên tạc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tiết lộ bí mật nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. + Cản trở việc thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh. + Các hành vi khác theo quy định của pháp luật. - Giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường (điều 10.11.12.13.): + Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề là môn học chính khóa. + Bảo đảm cho học sinh có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. + Tổ chức dạy và học theo phân phối chương trình. Trong năm học, căn cứ vào điều kiện cụ thể, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tổ chức cho học sinh học tập ngoại khóa với nội dung và hình thức thích hợp.

Hoạt động 2: 2. Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam (15 phút).

- a. Mục tiêu:** Hiểu được mục đích, yêu cầu và đặc thù của môn học
- b. Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận
- c. Sản phẩm:** Nắm được mục đích, yêu cầu và đặc thù của môn học
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Em cho biết những những hoạt động của sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam ngoài những hoạt động em đã quan sát trên hình ở sgk? Câu 2. Theo em vị trí, chức năng, nghĩa vụ của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là gì? Câu 3. Là công dân thì cần phải có những điều kiện gì để được tuyển chọn đào tạo sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức, tổng kết: + Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học đặc thù cả về nội dung, phương pháp và hình thức thực hiện trong mỗi chủ đề, mỗi bài học cần có những phương pháp riêng thể hiện tính đặc thù của môn học.	I. NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 2. Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam. Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam 1999 được sửa đổi, bổ sung 2008 và năm 2014 bao gồm 7 chương, 51 điều. - Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam (điều 1): Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (sau đây gọi chung là sĩ quan) là cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực quân sự, được Nhà nước phong quân hàm cấp Ủy, cấp Tá, cấp Tướng. - Vị trí, chức năng sĩ quan (điều 2): Sĩ quan là lực lượng nòng cốt của quân đội và là thành phần chủ yếu trong đội ngũ cán bộ quân đội, đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý hoặc trực tiếp thực hiện một số nhiệm vụ khác, bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. - Nghĩa vụ của sĩ quan (điều 26): + Sẵn sàng chiến đấu, hi sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. + Thường xuyên giữ gìn và trau dồi đạo đức cách mạng, học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, kiến thức năng lực chính trị, quân sự, văn hóa, chuyên môn và thể lực để hoàn thành nhiệm vụ. + Tuyệt đối phục tùng chỉ huy, nghiêm chỉnh chấp hành điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội, giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia. + Thường xuyên chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần cho bộ đội. + Gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tôn trọng gắn bó mật thiết với nhân dân. - Trách nhiệm của sĩ quan (điều 27). + Sẵn sàng chiến đấu, hi sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. + Thường xuyên giữ gìn và trau dồi đạo đức cách mạng, học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, kiến thức năng lực chính trị, quân sự, văn hóa, chuyên môn và thể lực để hoàn thành nhiệm vụ. + Tuyệt đối phục tùng chỉ huy, nghiêm chỉnh chấp hành điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội, giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia. + Thường xuyên chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần cho bộ

	đội. + Gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tôn trọng gắn bó mật thiết với nhân dân.
--	---

C. KẾT THÚC BÀI GIẢNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS về nhà trả lời:
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà trả lời câu hỏi
- GV chuẩn kiến thức bài học.

*** Hướng dẫn về nhà:** Đọc trước mục III trong SGK.

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 2: NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT VỀ QUỐC PHÒNG AN NINH CỦA VIỆT NAM

TIẾT 2: LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích trình bày được những nội dung cơ bản của Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, luật Sĩ quan, Quân đội nhân dân Việt Nam và luật Công an nhân dân.
- Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về Quốc phòng và an ninh.
- Qua nghiên cứu nội dung luật, có định hướng nghề nghiệp sau khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; phấn đấu được ở lại phục vụ quân đội, công an lâu dài cũng như đăng kí thi vào các học viện, nhà trường quân đội, công an.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức chấp hành về luật giáo dục quốc phòng an ninh.
- Nắm được nội dung cơ bản về luật giáo dục quốc phòng an ninh.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP- An ninh 10, đọc trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Nắm được nội dung cơ bản về luật giáo dục quốc phòng an ninh.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giới thiệu cho HS một đoạn phim tư liệu về lực lượng CAND Việt Nam
- *Giới thiệu bài:* Trong chiến lược quốc phòng, chiến lược quân sự Việt Nam, chiến lược An ninh Việt Nam, Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Việt Nam đã được luật hóa. Trải qua hơn 70 năm xây dựng và trưởng thành, Việt Nam đã nhận rõ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh sinh viên trong giáo dục quốc gia, là nguồn nhân lực chất lượng cao, lực lượng nòng cốt cho đất nước trong tương lai.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: 3. Luật công an nhân dân. (20 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được quá trình hình thành của lực lượng CAND Việt Nam

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:	3. Luật công an nhân dân (20 phút). Luật Công an nhân dân năm 2018 gồm 7 chương, 46 điều

Đọc sgk các chương của luật Câu 1. Em hãy nêu một số hoạt động của công an nhân dân Việt Nam? Câu 2. Vị trí, chức năng của Công an nhân dân là gì? Câu 3. Tiêu chuẩn tuyển chọn của Công an nhân? Đối tượng nào được ưu tiên? Câu 4. Nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân của công nhân là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trả lời câu hỏi + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; bảo đảm điều kiện hoạt động, chế độ, chính sách với công an nhân dân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức các nhân có liên quan. Một số hoạt động: truy bắt tội phạm, chống khủng bố, chống bạo động, tuần tra, bảo vệ an ninh các ngày lễ lớn, thực hiện chuyên án, Điều 3. Vị trí của Công an nhân dân Công an nhân dân là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Điều 15. Chức năng của Công an nhân dân Công an nhân dân có chức năng tham mưu với Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Điều 31. Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân - Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước. - Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh Công an nhân dân, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên. - Trung thực, dũng cảm, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. - Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; liên hệ chặt chẽ với Nhân dân; tận tụy phục vụ Nhân dân, kính trọng, lễ phép đối với Nhân dân. - Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ; rèn luyện phẩm chất cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và thể lực. - Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về mệnh lệnh của mình, về việc chấp hành mệnh lệnh của cấp trên và việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới thuộc quyền. Khi nhận mệnh lệnh của người chỉ huy, nếu có căn cứ cho là mệnh lệnh đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra mệnh lệnh; trường hợp vẫn phải chấp hành mệnh lệnh thì không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành mệnh lệnh đó và báo cáo kịp thời lên cấp trên trực tiếp của người ra mệnh lệnh.
---	--

Hoạt động 2: II. PHÂN ĐẦU TRỞ THÀNH SĨ QUAN QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM (15 phút)

a. Mục tiêu: Biết được những nội dung cơ bản về luật

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Em hãy nêu tiêu chuẩn tuyển chọn sĩ quan quân đội và công an nhân dân Việt Nam? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Chia lớp thành 3 nhóm xây dựng và báo cáo nội dung yêu cầu: + Nhóm 1: Xây dựng chủ đề “học môn giáo dục quốc phòng những điều thú vị” + Nhóm 2: Xây dựng kế hoạch ngoại khóa cho bộ môn giáo dục quốc phòng. Nhóm 3: Xây dựng báo cáo hướng nghiệp vận động đăng kí tham gia vào các trường quân đội và công an nhân dân Bước 3: Báo cáo, thảo luận. + Nhóm báo cáo. + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	II. PHÂN ĐẦU TRỞ THÀNH SĨ QUAN QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM. 1. Tiêu chuẩn Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe, tuổi đời có nguyện vọng và khả năng hoạt động trong lĩnh vực quân sự thì có thể tuyển chọn đào tạo sĩ quan quân đội và sĩ quan công an nhân dân. Ngoài ra, nguồn bổ sung sĩ quan tại ngũ trong quân đội gồm: hạ sĩ quan, binh sĩ tốt nghiệp các trường đại học ngoài quân đội; hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu; quân nhân chuyên nghiệp và công chức quốc phòng tại ngũ tốt nghiệp đại học trở lên đã được đào tạo, bồi dưỡng chương trình quân sự Theo quy định của Bộ trưởng Bộ quốc phòng. 2. Tình huống (sử lí tình huống sgk)

C. KẾT THÚC BÀI GIẢNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: **đáp án đúng**

- GV chuẩn kiến thức bài học.

* **Hướng dẫn về nhà:** Dặn dò HS đọc trước bài ...

- Nhận xét buổi học

- Kiểm tra sĩ số, vật chất:

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....
.....
.....

Ngày soạn: .../.../...
Ngày dạy: .../.../....

BÀI 3: MA TÚY, TÁC HẠI CỦA MA TÚY

TIẾT 1: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG MA TÚY

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, phân tích được tác hại của ma túy và những hình thức, con đường gây nghiện; chủ động, tích cực vận động người thân, cộng đồng trong việc đấu tranh phòng, chống ma túy.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết yêu thương, thông cảm với những người nghiện ma túy
- Có ý thức cảnh giác để tự phòng tránh, không sử dụng, không tham gia vận chuyển, cất giấu, mua bán ma túy.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK và tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị trang phục theo quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu một đoạn phim tài liệu liên quan đến chất ma túy

- GV giới thiệu bài:

Ma túy có rất nhiều tác hại, tác hại đối với bản thân người sử dụng như: Gây tổn hại về sức khỏe, gây tổn hại về tinh thần, tổn hại về kinh tế, tình cảm gia đình; tác hại của tệ nạn ma túy đối với nền kinh tế; đối với trật tự an toàn xã hội. Đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Trong đó thanh niên, học sinh đang học tập tại các trường THPT đóng vai trò hết sức quan trọng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: 1. Thế nào là chất ma túy (20 phút).

a. Mục tiêu: Nắm được khái niệm, quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.

b. Nội dung: HS đọc sgk, nghe giáo viên giảng bài và thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Theo em, chất ma túy là gì, hãy kể tên một số chất ma túy mà em biết? Câu 2. Những cây nào có chứa chất ma túy ?	I. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG MA TÚY 1. Thế nào là chất ma túy (10 phút). - Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành. + Chất gây nghiện là chất kích thích, ức chế thần kinh dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

Câu 3. Thế nào là người nghiện ma túy ? Câu 4. Chất ma túy tồn tại ở những dạng nào ? tiền chất ma túy là gì ? phân biệt chất ma túy với tiền chất ma túy ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và tìm ra câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời + HS khác nhận xét, đánh giá và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, chuẩn kiến thức	+ Chất hướng thần là kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng. - Cây có chứa chất ma túy : cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do chính phủ ban hành. - Người là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này. Tiền chất là hóa chất không thể thiếu trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục tiền chất do chính phủ ban hành.
--	---

2. Hoạt động 2: 2. Các văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy (15 phút)

a. Mục tiêu: hiểu biết một số quy định về luật như bộ luật hình sự quy định các tội về ma túy, luật sử lý vi phạm hành trình về ma túy.

b. Nội dung: HS đọc sgk, nghe giáo viên giảng bài và thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến và sử lý tình huống

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nghiên cứu tìm hiểu các văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy: Câu 1. Theo em các hành vi nào bị nghiêm cấm trong phòng, chống ma túy ? Câu 2. Hãy nêu các tội phạm về ma túy ? Câu 3. Theo em, cá nhân và gia đình phải làm gì để phòng chống ma túy ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và tìm ra câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời + HS khác nhận xét, đánh giá và bổ sung	I. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG MA TÚY 2. Các văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy Công tác phòng, chống ma túy được quy định ở nhiều văn bản pháp luật, trong đó : - Bộ luật Hình sự năm 2015 Sửa đổi năm 2017 bộ luật này quy định các tội về ma túy tại chương XX, gồm gồm 13 Điều (từ Điều 247 đến Điều 259) quy định về các tội như: trồng cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa.... ; tội sản xuất trái phép chất ma túy; tội mua bán trái phép chất ma túy; tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy... - Luật phòng, chống ma túy 2021 gồm 8 chương, 55 điều quy định về phòng, chống ma túy; quản lý người sử dụng trái phép ma túy; cai nghiện; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy. - Luật sử lý vi phạm hành chính năm 2012 : Phần thứ ba ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH (gồm 5 chương, 29 điều từ 98 -118) quy định các biện pháp sử lý hành chính nói chung, trong đó có vi phạm hành chính về ma túy, bao gồm các biện pháp: giáo dục tại địa phương; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, chuẩn kiến thức.	buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nghị định số 167/2013/NĐ-CP điều 21 quy định « vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy »
---	---

C. KẾT THÚC HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY. (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu trả lời câu hỏi:

- GV gọi 2 học sinh lên trả lời.

- Nhận xét và cho điểm.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước phần “Tác hại của ma túy”

- Nhận xét buổi học

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: MA TÚY, TÁC HẠI CỦA MA TÚY

TIẾT 2: TÁC HẠI CỦA MA TÚY VÀ HÌNH THỨC, CON ĐƯỜNG GÂY NGHIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, phân tích được tác hại của ma túy và những hình thức, con đường gây nghiện; chủ động, tích cực vận động người thân, cộng đồng trong việc đấu tranh phòng, chống ma túy.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết yêu thương, thông cảm với những người nghiện ma túy
- Có ý thức cảnh giác để tự phòng tránh, không sử dụng, không tham gia vận chuyển, cất giấu, mua bán ma túy.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK và tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị trang phục theo quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện: GV chiếu một đoạn phim tài liệu liên quan đến chất ma túy

- GV giới thiệu bài: Ma túy có rất nhiều tác hại, tác hại đối với bản thân người sử dụng như: Gây tổn hại về sức khỏe, gây tổn hại về tinh thần, tổn hại về kinh tế, tình cảm gia đình; tác hại của tệ nạn ma túy đối với nền kinh tế; đối với trật tự an toàn xã hội. Đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Trong đó thanh niên, học sinh đang học tập tại các trường THPT đóng vai trò hết sức quan trọng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: Tác hại của ma túy (10 phút)

a. Mục tiêu: Tác hại nguy hiểm của ma túy đối với người sử dụng, gia đình, xã hội.

b. Nội dung: HS đọc sgk, nghe giáo viên giảng bài và thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Em hãy trình bày tác hại của ma túy đối với bản thân người sử dụng? + Em hãy trình bày tác hại của ma túy đối với nền kinh tế?	II. TÁC HẠI CỦA TỆ NẠN MA TÚY VÀ HÌNH THỨC, CON ĐƯỜNG GÂY NGHIỆN. 1. Tác hại của ma túy (10 phút). - Đối với người nghiện: + Gây tổn hại về sức khỏe thể chất + Gây tổn hại về tinh thần. Các công trình nghiên cứu về người nghiện ma túy khẳng định rằng nghiện ma túy gây ra một loại

+ Em hãy trình bày tác hại của ma túy đối với trật tự an toàn xã hội? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và tìm ra câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời + HS khác nhận xét, đánh giá và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, chuẩn kiến thức.	bệnh tâm thần đặc biệt. + Gây tổn hại về kinh tế, tình cảm, hạnh phúc gia đình - Đối với gia đình: Làm tiêu tốn tài sản gia đình, người thân trong gia đình trong trạng thái lo âu, mặc cảm; thường có xung đột, cãi vã, đánh chửi; ảnh hưởng đến giống nòi, ... - Đối với nền kinh tế: + Hàng ngàn tỉ đồng bị người nghiện tiêu phí + Hàng năm Nhà nước phải chi phí hàng ngàn tỷ đồng cho việc xóa bỏ cây thuốc phiện... + Làm suy giảm lực lượng lao động của gia đình và xã hội cả về số lượng và chất lượng... + Ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư nước ngoài, khách du lịch. + Làm lũng đoạn và chi phối thị trường tiền tệ các nước + Là nguyên nhân hình thành tổ chức Maphia - Đối với an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. + Xuất nhập cảnh trái phép, phát sinh tội phạm rửa tiền ảnh hưởng đến kinh tế của đất nước. + TNMT là nguyên nhân làm nảy sinh, gia tăng tình hình tội phạm trong nước gây ảnh hưởng đến ANTT (trộm, cướp, buôn bán ma túy, buôn bán người, khủng bố...); + TNMT là NN, ĐK nảy sinh, phát triển các TNXH khác (mại dâm, cờ bạc...); + Gây bất ổn về tâm lý cho QCND trên địa bàn.
--	---

Hoạt động 2: 2. Đặc điểm, dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy (10 phút)

a. Mục tiêu: Biết được biểu hiện của người nghiện ma túy

b. Nội dung: HS đọc sgk, nghe giáo viên giảng bài và thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Nêu dấu hiệu HS nghiện ma túy là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và tìm ra câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời + HS khác nhận xét, đánh giá và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, chuẩn kiến thức.	II. TÁC HẠI CỦA TỆ NẠN MA TUÝ VÀ HÌNH THỨC, CON ĐƯỜNG GÂY NGHIỆN. 2. Đặc điểm, dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy. Người nghiện ma túy thường bị rối loạn về tâm lý, thể chất và nhân cách, rất khó từ bỏ ma túy và dễ bị tái nghiện. Người nghiện ma túy thường tụ tập bạn bè, đi chơi về khuya, dạy muộn, ngủ nhiều, ; tính khí thất thường, lo lắng, bồn chồn, thường xuyên có biểu hiện chống đối, cáu gắt ; thích ở 1 mình, lười lao động, luôn trong tình trạng uể oải, mệt mỏi, chán ăn, không chăm lo vệ sinh cá nhân ; có nhu cầu tiêu tiền ngày một nhiều ; dễ bị kích động, không làm chủ hành vi, ảo giác, mất động, bạo lực. Tuy nhiên, để có cơ sở chắc chắn hơn khi xác định thì cần đưa người có biểu hiện đến cơ sở y tế để kiểm tra.

Hoạt động 3: Hình thức con đường gây nghiện ma túy (10 phút)

a. Mục tiêu: Biết được biểu hiện của người nghiện ma túy

b. Nội dung: HS đọc sgk, nghe giáo viên giảng bài và thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Quá trình nghiện ma túy gồm những giai đoạn nào? Câu 2. Theo em nguyên nhân dẫn tới nghiện ma túy là gì? Nguyên nhân nào là chính? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và tìm ra câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời + HS khác nhận xét, đánh giá và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, chuẩn kiến thức.	II. TÁC HẠI CỦA TỆ NẠN MA TÚY VÀ HÌNH THỨC, CON ĐƯỜNG GÂY NGHIỆN. 3. Hình thức con đường gây nghiện ma túy (10 phút) Sử dụng lần đầu tiên -> Thỉnh thoảng sử dụng-> sử dụng thường xuyên -> Sử dụng do phụ thuộc. <u>Quá trình mắc nghiện:</u> Lâu hay mau phụ thuộc vào các yếu tố : Độc tính của chất ma túy; Tần suất sử dụng ; Hình thức sử dụng (tiêm chích, hút, hít, uống) ; Thái độ của người sử dụng. * Một số nguyên nhân dẫn đến nghiện các chất ma túy <u>- Nguyên nhân khách quan</u> + Do ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường, lối sống thực dụng, buông thả... một số học sinh không làm chủ được bản thân. + Sự tác động của lối sống thực dụng, văn hoá phẩm độc hại dẫn đến một số em có lối sống chơi bời, trác táng, tham gia vào các tệ nạn xã hội. + Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong quản lý học sinh, sinh viên ở một số địa phương chưa thực sự có hiệu quả. + Công tác quản lý địa bàn dân cư ở một số địa phương chưa tốt. + Do một bộ phận các bậc cha mẹ thiếu quan tâm đến việc học tập, sinh hoạt của con, em. <u>- Nguyên nhân chủ quan:</u> + Do thiếu hiểu biết về tác hại của ma túy, nên nhiều em học sinh bị những đối tượng xấu kích động, lôi kéo sử dụng ma túy, tham gia vận chuyển, mua bán ma túy. + Do muốn thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ, thích thể hiện mình, nhiều em đã chủ động đến với ma túy. + Do tâm lý đua đòi, hưởng thụ; nhiều em học sinh có lối sống buông thả . Một số trường hợp do hoàn cảnh gia đình bất lợi.

Hoạt động 4: III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

a. Mục tiêu: Biết được trách nhiệm của HS trong phòng, chống ma túy

b. Nội dung: HS đọc sgk, nghe giáo viên giảng bài và thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Em hãy nêu những việc học sinh cần làm và không được làm?	III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG PHÒNG, CHỐNG MA TÚY 1. Nhận thức. Nhận thức đầy đủ về hậu quả và tác động của ma túy; chủ động bảo vệ bản thân; không sử dụng ma túy dưới bất kì hình thức nào.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và tìm ra câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời + HS khác nhận xét, đánh giá và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, chuẩn kiến thức.	2. Trách nhiệm cá nhân. - Nghiêm túc thực hiện chương trình giáo dục và phòng, chống ma túy; phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh do nhà trường tổ chức. - Học tập, nghiên cứu nắm vững những quy định của pháp luật đối với công tác phòng, chống ma túy và nghiêm chỉnh chấp hành. Không sử dụng ma túy dưới bất kỳ hình thức nào. - Không tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc làm những việc khác liên quan đến ma túy. Khuyến nhủ bạn học, người thân của mình không sử dụng ma túy hoặc tham gia các hoạt động vận chuyển, mua bán ma túy. Khi phát hiện những học sinh, sinh viên có biểu hiện sử dụng ma túy hoặc nghi vấn buôn bán ma túy phải báo cáo kịp thời cho Thầy, Cô giáo để có biện pháp ngăn chặn. - Nâng cao cảnh giác tránh bị đối tượng xấu rủ rê, lôi kéo vào các việc làm phạm pháp, kể cả việc sử dụng và buôn bán ma túy. Có ý thức phát hiện những đối tượng có biểu hiện nghi vấn dụ dỗ học sinh, sinh viên sử dụng ma túy hoặc lôi kéo học sinh, sinh viên vào hoạt động vận chuyển, mua bán ma túy; báo cáo kịp thời cho Thầy, Cô giáo hoặc cán bộ có trách nhiệm của nhà trường. Phát hiện những đối tượng bán ma túy xung quanh khu vực trường học và kịp thời báo cáo cho Thầy, Cô giáo, cán bộ nhà trường. Tích cực tham gia phong trào phòng, chống ma túy do nhà trường, tổ chức đoàn, tổ chức hội phụ nữ phát động. - Hưởng ứng và tham gia thực hiện những công việc cụ thể, góp phần thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy tại nơi cư trú, tạm trú do chính quyền địa phương phát động.
---	---

C. KẾT THÚC GIẢNG DẠY (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu trả lời câu hỏi:

- GV gọi 2 học sinh lên trả lời.

- Nhận xét và cho điểm.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới.

- Nhận xét buổi học

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 4 : PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS tìm hiểu về luật an toàn giao thông và trình bày được một số nội dung cơ bản về trật tự an toàn giao thông.
- Tự giác tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn giao thông và tham gia giao thông an toàn, biết tuyên truyền vận động mọi người chấp hành nghiêm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức trong tham gia giao thông.
- Xác định trách nhiệm trong việc thực hiện đúng pháp luật về an toàn giao thông.

3. Phẩm chất

- Có ý thức cao trong tham gia giao thông và là người có trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Biết được một số thông tin về lịch sử môn học.

d. Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS một số thống kê vi phạm luật giao thông, những hình ảnh do tai nạn gây nên.

- *Giới thiệu bài:* Tai nạn giao thông đang diễn ra từng ngày từng giờ và có thể cướp đi mạng sống của con người bất kỳ lúc nào. Mỗi ngày trôi qua có nhiều sinh mạng bị đe dọa bởi tai nạn giao thông? Đáng buồn hơn khi không ít những nạn nhân của tai nạn giao thông là học sinh, sinh viên.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (5 phút)

Hoạt động 1: 1. Pháp luật về trật tự an toàn giao thông; 2. Vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (20 phút).

a. Mục tiêu: nắm vững quy tắc chung khi tham gia giao thông.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nhận biết được một số biển báo thường gặp.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi: Câu 1. em hãy nhận xét về một số hành vi trong hình 4,1 sgk? Câu 2. Kể tên các loại hình giao thông ở Việt Nam?	I. NHẬN THỨC CHUNG. 1. Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông (10 phút). Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là những quy phạm hành vi do nhà nước ban hành mà mọi người dân buộc phải tuân theo, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội và bảo vệ trật tự xã hội trong lĩnh vực giao thông.

Câu 3. Theo em, độ tuổi nào dưới đây phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức - HS ghi nội dung vào vở	Nội dung các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông điều chỉnh các hoạt động giao thông trên các loại hình giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. 2. Vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (10 phút). Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi của người có năng lực hành vi; hành vi đó được quy định bởi pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Để xác định một hành vi có phải là vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông cần xem xét cụ thể các dấu hiệu sau. - Hành vi của người tham gia giao thông là hành vi có thể nhận biết được. - Hành vi của người tham gia giao thông trái với quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông. - Người tham gia giao thông là người có độ tuổi chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định, không mắc bệnh tâm thần và có khả năng nhận thức được hậu quả hành vi của mình gây ra.
---	--

Hoạt động 2: 3. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (15 phút).

a. Mục tiêu: Hiểu được những quy định trong Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm được những quy định về luật giao thông đường sắt, đường thủy nội địa..

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Em hãy cho biết sự khác nhau giữa phòng ngừa và đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông? Câu 2. theo em, khi đi trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông có thể xảy ra những tai nạn gì ? để phòng, chống những tai nạn đó, người lái phương tiện và hành khách cần phải làm gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức, tổng kết:	I. NHẬN THỨC CHUNG 3. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông. - Phòng ngừa vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều hình thức biện pháp hướng đến việc triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm và từng bước loại trừ vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông ra khỏi đời sống xã hội. - Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước nắm tình hình, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện, từ đó áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

C. KẾT THÚC HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY. (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS về nhà trả lời:
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà trả lời câu hỏi
- GV chuẩn kiến thức bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước mục trong SGK.
- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 4 : PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS tìm hiểu về luật an toàn giao thông và trình bày được một số nội dung cơ bản về trật tự an toàn giao thông.
- Tự giác tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn giao thông và tham gia giao thông an toàn, biết tuyên truyền vận động mọi người chấp hành nghiêm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức trong tham gia giao thông.
- Xác định trách nhiệm trong việc thực hiện đúng pháp luật về an toàn giao thông.

3. Phẩm chất

- Có ý thức cao trong tham gia giao thông và là người có trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: HS tìm hiểu những quy định xử phạt hành chính khi vi phạm một số lỗi cơ bản trong tham gia giao thông theo quy định hiện hành.

d. Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS một số thống kê vi phạm luật giao thông, những hình ảnh do tai nạn gây nên.

- Giới thiệu nội dung tiết học:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: II. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

a. Mục tiêu: Hiểu được trách nhiệm của học trong phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: nắm vững kiến thức tham gia vào tuyên truyền phòng chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Đọc sgk các chương của luật Câu 1. Em hãy cho biết nghĩa vụ của học sinh trong việc tham gia gia bảo an ninh quốc gia, trật tự	II. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH 1. Trách nhiệm chung. (15 phút) a. nghĩa vụ của học sinh. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định : công dân có nghĩa vụ tuân theo hiến pháp và pháp luật ; tham gia bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (trích điều

an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng?

Câu 2. Em hãy cho biết ý nghĩa của tín hiệu đèn giao thông khi bật sáng?

Câu 3. Em hãy cho biết những quy tắc chung khi tham gia giao thông đường bộ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS trả lời câu hỏi

+ HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

+ GV chuẩn kiến thức

+ HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.

46).

Mỗi học sinh là một công dân có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b. Thực hiện nghiêm các quy định về trật tự an toàn giao thông.

* đối với hoạt động giao thông đường bộ :

- Tuân thủ quy tắc chung : Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ (điều 9). **Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm:** Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn (điều 10).

- Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

+ *Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông:*

Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại;

Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

+ *Tín hiệu đèn giao thông có ba màu, quy định như sau:*

Tín hiệu xanh là được đi; Tín hiệu đỏ là cấm đi.

Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường.

+ *Biển báo hiệu đường bộ gồm năm nhóm, quy định như sau:*

Biển báo cấm để biểu thị các điều cấm; Biển báo nguy hiểm để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra; Biển hiệu lệnh để báo các hiệu lệnh phải thi hành; Biển chỉ dẫn để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần biết; Biển phụ để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.

Vạch kẻ đường là vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại.

Cọc tiêu hoặc tường bảo vệ được đặt ở mép các đoạn

	đường nguy hiểm để hướng dẫn cho người tham gia giao thông biết phạm vi an toàn của nền đường và hướng đi của đường. Rào chắn được đặt ở nơi đường bị thắt hẹp, đầu cầu, đầu cống, đầu đoạn đường cấm, đường cụt không cho xe, người qua lại hoặc đặt ở những nơi cần điều khiển, kiểm soát sự đi lại. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về báo hiệu đường bộ. - tuân thủ một số quy định cụ thể: + khi đi bộ: + khi qua đường: + khi điều khiển xe đạp, xe gắn máy và xe mô tô 2 bánh: chỉ được chở 1 người và tất cả mọi người trên xe (trừ xe đạp) phải đội nón bảo hiểm. không được đi xe dàn hàng ngang; không được sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh; không buông cả hai tay hoặc đi xe 1 bánh. Học sinh đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi lanh dưới 50cm³.
--	--

Hoạt động 2: II. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

a. Mục tiêu: Hiểu được trách nhiệm của học trong phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: nắm vững kiến thức tham gia vào tuyên truyền phòng chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Đọc sgk các chương của luật Câu 1. Em hãy cho biết những quy tắc chung khi tham gia giao thông đường sắt? Câu 2. Em hãy cho biết những quy tắc chung khi tham gia giao thông đường thủy? Câu 3. Em hãy cho biết những quy tắc chung khi đi máy bay? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trả lời câu hỏi	II. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH 1. Trách nhiệm chung. (10 phút) b. Thực hiện nghiêm các quy định về trật tự an toàn giao thông. * Đối với hoạt động giao thông đường sắt: - Tuân thủ các quy tắc: Tất cả các phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải nhường đường cho phương tiện giao thông đường sắt tại nơi đường sắt giao nhau với đường bộ Tại nơi đường bộ giao nhau với đường sắt có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu màu đỏ bật sáng, có chuông báo hiệu, rào chắn đang dịch chuyển hoặc đã đóng, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại phía phần đường của mình và cách rào chắn một khoảng cách an toàn; khi đèn tín hiệu tắt, rào chắn mở hết, tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua. Tại nơi đường bộ giao nhau với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải quan sát cả 2 phía, khi thấy chắc chắn không có phương tiện đường sắt đang đi tới mới được đi qua, nếu thấy có phương tiện đường sắt đang

+ HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	đi tới thì phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu là 5m tính từ ray gần nhất và chỉ khi phương tiện đường sắt đã đi qua mới được đi. - Không thực hiện hành vi sau: + Phá hoại công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt. + Xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt; để vật chướng ngại, đồ chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt; để chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt. + Chắn thả súc vật, hộp chợ trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt. + Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên đường sắt. + Ném đất, đá hoặc vật khác lên tàu hoặc từ trên tàu xuống. * Đối với hoạt động giao thông đường thủy nội địa: Mọi người khi tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện. * Đối với hoạt động giao thông đường không: Mọi người khi đi máy bay phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của tiếp viên hàng không.
--	---

Hoạt động 3: 2. Hành động cụ thể. (10 phút)

a. Mục tiêu: Có ý thức thực hiện đúng pháp luật về tham gia giao thông, tuyên truyền vận động trong xã hội

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Em sẽ tuyên truyền thế nào khi có người thân vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trả lời câu hỏi + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức, tổng kết:	II. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH 2. Hành động cụ thể. - Tuyên truyền, vận động người thân tham gia phòng ngừa vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông. - Đối tượng tuyên truyền là người thân trong gia đình; bạn bè... - Các hình thức tuyên truyền: + Tạo môi trường thân thiện khi tham gia giao thông. + Giao tiếp, ứng xử có văn hóa. + Mặc trang phục phù hợp, gọn gàng. + giúp đỡ người tham gia giao thông gặp khó khăn. + Sử dụng phương tiện an toàn, sạch đẹp. + Phối hợp với các lực lượng chức năng, để bảo đảm trật tự an toàn giao thông. + Thể hiện rõ thái độ không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

	+ Phản ánh, báo cáo cho thầy, cô giáo và nhà trường biết các hành vi vi phạm luật giao thông để có biện pháp phòng, chống phù hợp.
--	--

C. KẾT THÚC BÀI GIẢNG (5 phút)

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học

b. **Nội dung:** GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: **đáp án đúng**

* **Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò HS đọc trước bài số

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 5 : BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm an toàn xã hội.

- Nêu được nghĩa vụ của công dân trong việc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Trách nhiệm của Đảng và nhà nước và các lực lượng vũ trang trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

- Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm của công dân trong phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; *Ngày* Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.
- Xác định trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động và tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3. Phẩm chất

- Có ý thức cao trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc là người có trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Có ý thức cao trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc

d. Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS một số hoạt động về bảo vệ an ninh quốc gia.

- *Giáo viên giới thiệu bài:* Những tư duy, định hướng phát triển lĩnh vực quốc phòng, an ninh của Đại hội Đảng lần thứ XIII vừa khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế vừa phát huy được sức mạnh thời đại trong bảo vệ an ninh quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng ngày nay, Đại hội XIII của Đảng ta xác định: Vấn đề an ninh quốc gia cần được hiểu một cách toàn diện hơn, rộng hơn, sâu hơn, không chỉ có các vấn đề an ninh chính trị, quân sự truyền thống mà còn bao quát cả những vấn đề an ninh phi truyền thống, như: An ninh mạng; khủng bố, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia; an ninh tài chính - tiền tệ; an ninh năng lượng; an ninh lương thực; an ninh môi trường, dịch bệnh; thậm chí cũng cần phải bàn đến “an ninh chính quyền”, “an ninh chế độ”...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Có ý thức cao trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc

Hoạt động 1: 1. Một số khái niệm. (20 phút)

a. Mục tiêu: Nắm vững quy tắc chung khi tham gia giao thông.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nhận biết được một số biển báo thường gặp.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi: Câu 1. em hãy cho biết an ninh quốc gia là gì? Bảo vệ an ninh quốc gia là gì? Gồm các lĩnh vực nào?	I. TÌNH HÌNH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI. 1. Một số khái niệm. (20 phút) - An ninh quốc gia: Là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước; sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Câu 2. Em hiểu thế nào là một xã hội trật tự, an toàn? Câu 3. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là gì? Gồm những hoạt động nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức - HS ghi nội dung vào vở	- Bảo vệ an ninh quốc gia: là Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và loại trừ nguy cơ đe dọa. + Bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm: bảo vệ an ninh chính trị; bảo vệ an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh quốc phòng, an ninh tư tưởng – văn hóa, an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo, an ninh biên giới, an ninh xã hội, an ninh đối ngoại. - Trật tự, an toàn xã hội: Là trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lí xác định. - Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội: Là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội. Các hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn xã hội gồm: đấu tranh, phòng chống tội phạm về trật tự, an toàn xã hội; giữ gìn trật tự nơi công cộng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn lao động và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; bài trừ các tệ nạn xã hội; bảo vệ môi trường.
--	---

Hoạt động 2: I. TÌNH HÌNH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.

2. Tình hình bảo vệ an ninh quốc gia. (15 phút)

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: nắm được Tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Em hãy nêu tình hình an ninh thế giới trong giai đoạn hiện nay? Câu 2. Em hãy nêu một số nét chính tình hình bảo vệ an ninh quốc gia trong giai đoạn hiện nay? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức, tổng kết:	2. Tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. - Tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, các hoạt động xung đột vũ trang, can thiệp tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo vẫn tiếp tục phức tạp. các thế lực thù địch, phản động tiếp tục thực hiện “diễn biến hòa bình” tìm mọi cách xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. - Hoạt động của các loại tội phạm diễn ra với những phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt làm cho tình hình trật tự, an toàn xã hội ngày càng phức tạp. - Tuy nhiên, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta không một phút lơ là nhiệm vụ, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

C. KẾT THÚC BÀI GIẢNG (5 phút)

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học

b. **Nội dung:** GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS về nhà trả lời:
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà trả lời câu hỏi
- GV chuẩn kiến thức bài học.

* **Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước mục I phần B trong SGK.
- Nhận xét buổi học

.....

 - Kiểm tra sỹ số, vật chất:

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 5 : BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm an toàn xã hội.
- Nêu được nhiệm vụ của công dân trong việc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Trách nhiệm của Đảng và nhà nước và các lực lượng vũ trang trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

- Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm của công dân trong phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức trong tham gia giao thông.
- Xác định trách nhiệm trong việc thực hiện đúng pháp luật về an toàn giao thông.

3. Phẩm chất

- Có ý thức cao trong tham gia giao thông và là người có trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: HS tìm hiểu những quy định xử phạt hành chính khi vi phạm một số lỗi cơ bản trong tham gia giao thông theo quy định hiện hành.

d. Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS một số thống kê vi phạm luật giao thông, những hình ảnh do tai nạn gây nên.

- Giới thiệu nội dung tiết học:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: II. NHIỆM VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG VIỆC ĐẤU TRANH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI (15 phút)

a. Mục tiêu: Xây dựng ý thức trách nhiệm trong bảo vệ an ninh tổ quốc.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận.

c. Sản phẩm: Hiểu được nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Em và người thân đã tham gia những hoạt động gì để góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trả lời câu hỏi + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định	II. NHIỆM VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG VIỆC ĐẤU TRANH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI (15 phút) 1. Nhiệm vụ chung. Tham gia các lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật. 2. Nhiệm vụ cụ thể. - Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền lợi và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. - Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. - Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến

+ GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	hoạt động xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nơi gần nhất. - Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật. - Giúp đỡ tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.
---	---

Hoạt động 2: III. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG VIỆC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI. (20 phút)

a. Mục tiêu: xây dựng ý thức trách nhiệm của học sinh

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Có ý thức xây dựng và bảo vệ an ninh quốc gia.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1: <i>em hãy tìm hiểu hoạt động của các lực lượng vũ trang?</i> Câu 2. <i>Em hãy nêu những hoạt động của trường em góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội?</i> Câu 3. <i>Em hãy nêu trách nhiệm của học sinh với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trả lời câu hỏi + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	III. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG VIỆC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI. (20 phút) 1. Trách nhiệm của Đảng, nhà nước. Đảng đề ra đường lối chính sách và phương pháp đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội đúng đắn; lãnh đạo chặt chẽ bộ máy nhà nước và các đoàn thể quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối chính sách đó. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; phát huy vai trò tác dụng của chính quyền các cấp; phối kết hợp chức năng của các cơ quan nhà nước vào việc bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. 2. trách nhiệm của các lực lượng vũ trang. Công an nhân dân: là lực lượng nòng cốt bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, nhà nước, chế độ và nhân dân; đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia trật tự, an toàn xã hội. Quân đội nhân dân: là lực lượng nòng cốt bảo vệ sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc, phối hợp với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Dân quân tự vệ: cùng với quân đội nhân dân và công an nhân dân bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh. III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH.

	1. Trách nhiệm chung. bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Với vai trò là những chủ nhân tương lai của đất nước, mỗi học sinh cần phát huy vai trò, thực hiện trách nhiệm công dân với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội để kế thừa xứng đáng với truyền thống ông cha để lại. 2. trách nhiệm của học sinh. Nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của bản thân trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Không tụ tập bạn bè để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội/ Thông báo cho cơ quan chức năng về những người có hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Kịp thời ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của bạn bè về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: **đáp án đúng**

- GV chuẩn kiến thức bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò HS đọc trước bài 6:

- Nhận xét buổi học

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 6 : MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ AN NINH MẠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được một số khái niệm cơ bản về mạng, an ninh mạng, bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng ; nội dung cơ bản của luật An ninh mạng.
- Biết bảo mật thông tin cá nhân, cảnh giác trước thủ đoạn xâm nhập, phát tán mã độc, thông tin giả trên mạng.
- Biết vận dụng những kiến thức đưa vào cuộc sống.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức trong học tập, tìm hiểu và biết cách sử dụng công nghệ thông tin.
- Xác định trách nhiệm trong học tập cũng như thực hiện đúng pháp luật về an ninh mạng.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt, hiểu rõ về luật an ninh mạng, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Nắm được những khái niệm, nội dung về an ninh mạng .

d. Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh liên quan đến nội dung.

- *Giới thiệu bài:* Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0, bảo vệ an ninh mạng ngày càng quan trọng hơn bao giờ hết, nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xây dựng không gian mạng thực sự lành mạnh và an toàn. Để đảm bảo an ninh mạng, cần phát huy sức mạnh tổng hợp và đồng bộ của các lực lượng, trong đó mỗi cá nhân có vai trò hết sức quan trọng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: Chức trách quân nhân (15 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được những trách nhiệm quân nhân trong sinh hoạt và công tác.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức nội dung áp dụng thực tế sinh hoạt và học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi: Câu 1. Em hãy kể tên một số dịch vụ Internet phổ biến mà em thường sử dụng? Câu 2. Em hãy nêu những khái niệm về mạng? không gian mạng? và an ninh mạng? Câu 3. Muốn trao đổi thông tin trên mạng, em cần có những thiết bị gì? Vì sao cần phải bảo vệ an ninh mạng Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời	I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MẠNG, AN NINH MẠNG. (15 phút) 1. Mạng. Mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua mạng viễn thông và mạng internet. 2. Không gian mạng. Là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. 3. An ninh mạng. “An ninh mạng” là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi

- HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức - HS ghi nội dung vào vở	ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân
--	--

Hoạt động 2: II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT AN NINH MẠNG. (1. Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng) (20 phút)

- a. Mục tiêu:** Hiểu được mục đích, yêu cầu của lễ tiết tắc phong trong quân đội.
b. Nội dung: Nắm được nội dung, yêu cầu của lễ tiết tắc phong quân nhân.
c. Sản phẩm: Nắm vững nội dung, vận dụng vào thực tế cuộc sống.
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Theo em những hành vi đăng tải nội dung sai sự thật trên mạng xã hội đúng hay sai? Và bị xử lý như thế nào? Câu 2. Em hãy nêu các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức, tổng kết:	II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT AN NINH MẠNG. <i>Luật an ninh mạng 2018 bao gồm 7 chương và 43 điều quy định những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng; triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</i> 1. Một số nhóm hành vi bị nghiêm cấm thực hiện trên không gian mạng. - Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này. - Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; - Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc. - Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; bịa đặt thông tin sai sự thật gây hoang mang trong nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư. Thực hiện các hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. - Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng; Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu

thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán; Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

- Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội hoặc hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

- Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

- Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

2. Bảo vệ trẻ em trên không gian mạng (Điều 29)

- Trẻ em có quyền được bảo vệ, tiếp cận thông tin, tham gia hoạt động xã hội, vui chơi, giải trí, giữ bí mật cá nhân, đời sống riêng tư và các quyền khác khi tham gia trên không gian mạng.

- Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng có trách nhiệm kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống thông tin hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp để không gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; ngăn chặn việc chia sẻ và xóa bỏ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; kịp thời thông báo, phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để xử lý.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên không gian mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong bảo đảm quyền của trẻ em trên không gian mạng, ngăn chặn thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em theo quy định của Luật này và pháp luật về trẻ em.

- Cơ quan, tổ chức, cha mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và cá nhân khác liên quan có trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em, bảo vệ trẻ em khi tham gia không gian mạng theo quy định của pháp luật về trẻ em.

- Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và các cơ quan

	chức năng có trách nhiệm áp dụng biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi sử dụng không gian mạng gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học**b. Nội dung:** GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS**d. Tổ chức thực hiện:**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: **đáp án đúng**

- GV chuẩn kiến thức bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò HS đọc trước bài tiếp theo.

- Đọc trước mục trong SGK.

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn**Rút kinh nghiệm bổ sung**

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 6 : MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ AN NINH MẠNG**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Nêu được một số khái niệm cơ bản về mạng, an ninh mạng, bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng ; nội dung cơ bản của luật An ninh mạng.

- Biết bảo mật thông tin cá nhân, cảnh giác trước thủ đoạn xâm nhập, phát tán mã độc, thông tin giả trên mạng.

- Biết vận dụng những kiến thức đưa vào cuộc sống.

2. Năng lực**Năng lực chung:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức trong học tập, tìm hiểu và biết cách sử dụng công nghệ thông tin.
- Xác định trách nhiệm trong học tập cũng như thực hiện đúng pháp luật về an ninh mạng.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt, hiểu rõ về luật an ninh mạng, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Nắm được những nội dung cơ bản về luật an ninh mạng, biết cách bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian mạng.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh liên quan đến nội dung.

- *Giới thiệu bài:* Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0, bảo vệ an ninh mạng ngày càng quan trọng hơn bao giờ hết, nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xây dựng không gian mạng thực sự lành mạnh và an toàn. Để đảm bảo an ninh mạng, cần phát huy sức mạnh tổng hợp và đồng bộ của các lực lượng, trong đó mỗi cá nhân có vai trò hết sức quan trọng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT AN NINH MẠNG. (Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng). (15 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Hiểu được trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Đọc sgk các chương của luật Câu 1. Theo em, trẻ em được hưởng lợi và được làm những gì trên không gian mạng? điều 29. Câu 2. Em hãy nêu Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng? Tại chương 6 từ điều đến điều 42) nội dung trọng tâm điều 42. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT AN NINH MẠNG. 3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng. (15 phút) - Kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến bảo vệ an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng cho cơ quan có thẩm quyền, lực lượng bảo vệ an ninh mạng. - Với mục đích tạo thói quen tích cực trong các hành vi ứng xử của người dùng trên mạng xã hội, Bộ thông tin và truyền thông ban hành bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội để tuyên truyền, quảng bá về đất nước - con người, văn hóa tốt đẹp của Việt Nam, chia sẻ thông tin tích cực,

+ HS trả lời câu hỏi + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở.	những tấm gương người tốt, việc tốt.
--	--------------------------------------

Hoạt động 2: III. BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG. (20 phút)

- a. Mục tiêu:** Biết cách bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng.
b. Nội dung: Nắm được nội dung, yêu cầu của lễ tiết tắc phong công an nhân dân.
c. Sản phẩm: Nắm vững nội dung, vận dụng vào thực tế cuộc sống.
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Hãy nêu một số phương thức phổ biến mà các đối tượng xấu thường sử dụng để đánh cắp thông tin cá nhân trên không gian mạng? Câu 2. Theo em, thông tin cá nhân gồm những gì? Việc chia sẻ thông tin cá nhân trên không gian mạng có an toàn không? Vì sao? Câu 3. Em đã làm gì để bảo mật thông tin cá nhân của mình trên không gian mạng? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức, tổng kết:	III. BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG. (20 phút) Thông tin cá nhân: là thông tin đủ để xác định chính xác danh tính một cá nhân, bao gồm ít nhất nội dung trong những thông tin sau đây: họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức danh, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu. Những thông tin thuộc bí mật cá nhân gồm có hồ sơ y tế, hồ sơ nộp thuế, số thẻ bảo hiểm xã hội, số thẻ tín dụng và những bí mật cá nhân khác. 1. Một số thủ đoạn đánh cắp thông tin cá nhân người dùng. Một số phương thức phổ biến nhằm đánh cắp thông tin cá nhân của người dùng trên các đối tượng xấu thường sử dụng như sau: Thông qua các trang mạng có nội dung hấp dẫn thu hút người dùng, khi người dùng truy cập sẽ tự động cài mã độc vào máy để thu thập thông tin. Gửi tin nhắn dụ người dùng truy cập vào đường dẫn mở tới một trang mạng đối tượng lập sẵn. người dùng sẽ bị đánh cắp dữ liệu cá nhân nếu điền thông tin trên trang mạng này. Thông qua thiết bị ngoại vi và các thiết bị lưu trữ nhiễm mã độc khi được kết nối vào máy tính sẽ tiến hành thu thập dữ liệu, khi có điều kiện kết nối internet mã độc sẽ gửi dữ liệu ra máy chủ đặt ở nước ngoài. 2. Một số biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian mạng. - sử dụng phần mềm diệt vi rút có bản quyền, đặt mật khẩu có độ an toàn cao cho thiết bị cá nhân như máy tính, điện thoại thông minh. - không tùy tiện kết nối vào các mạng wifi công cộng miễn phí vì tin tức có thể bị mật thiết lập một chương trình trung gian nhằm theo dõi người dùng trong mạng đó. - thường xuyên cập nhật hệ điều hành mới nhất, kích hoạt tính năng xác thực nhiều bước để bảo vệ tài khoản. - Chia sẻ thông tin cá nhân có chọn lọc khi tham gia mạng xã

	hội; không trả lời tin nhắn từ người lạ; không mở thư điện tử từ những người lạ gửi tới. - Thường xuyên kiểm tra quyền riêng tư, tính bảo mật trên thiết bị và nhật kí hoạt động để phát hiện các dấu hiệu bất thường.
--	--

C. KẾT THÚC BÀI GIẢNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: **đáp án đúng**

- GV chuẩn kiến thức bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò HS đọc trước bài tiếp theo.

- Đọc trước mục trong SGK.

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

TIẾT 1.

BÀI 7: THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ LOẠI BOM, Mìn, Đạn, Vũ Khí HÓA HỌC, Vũ Khí SINH HỌC, Vũ Khí CÔNG NGHỆ CAO, THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai và cháy nổ.

- Nhận diện được một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, vật liệu nổ; nguy cơ xảy ra mất an toàn do thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ gây ra.
- Biết cách phòng, tránh và hướng dẫn phòng, tránh tác hại của bom, mìn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết cách phòng tránh thông thường đối với một số loại bom, đạn và thiên tai hiện nay

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK và tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị trang phục theo quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh liên quan đến nội dung.

- Giới thiệu bài:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: Tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao.

a. Mục tiêu: Nắm được đặc điểm và tác hại mà bom, đạn gây ra

b. Nội dung: HS quan sát sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, giảng bài và thực hiện thảo luận.

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc sgk và trả lời câu hỏi: Câu 1. Em hãy các khái niệm bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao? Câu 2. Hãy phân biệt các loại bom, mìn, đạn trong hình 7.1. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - H/S tiếp nhận nhiệm vụ, tham khảo sgk và tìm câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận.	I. PHÒNG TRÁNH BOM, MÌN, ĐẠN, VŨ KHÍ HÓA HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC, VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO. (20 phút) 1. Tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao. - Bom: Là một loại vũ khí dung uy lực của thuốc nổ, chất cháy, chất độc hóa học, vi trùng, hạt nhân, mảnh của vỏ bom, nhằm sát thương người, phá hoại; phá hủy phương tiện, binh khí kĩ thuật; phá hoại các công trình... của đối phương. - Mìn: Là một loại vũ khí dung uy lực của thuốc nổ, mảnh vỏ của vỏ mìn, chất cháy, chất độc hóa học và được bố trí sẵn nhằm phá hoại, sát thương đối tượng hoặc gây cản trở trong phạm vi tác dụng như: nhiễm độc, nhiễm xạ, hạn chế tầm nhìn,... - Đạn: Là vật thể mang phần tử sát thương sinh lực, Hoặc công dụng đặc biệt, nạp vào hỏa khí hay đặt lên thiết bị phóng để bắn đến mục tiêu. Đạn được sử dụng để tiêu diệt

+ HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	sinh lực hoặc phá hủy các phương tiện kỹ thuật quân sự đối phương. - Vũ khí hóa học: Một loại vũ khí hủy diệt lớn, mà tác dụng sát thương trên cơ sở sử dụng độc tính của các loại chất độc quân sự để gây độc đối với người, sinh vật và phá hủy môi trường sinh thái. - Vũ khí sinh học: Một loại vũ khí hủy diệt lớn, mà tác dụng sát thương trên cơ sở sử dụng các loại vi sinh vật khác nhau để gây bệnh cho người và động vật, cây cối, hoa màu. - Vũ khí công nghệ cao: Hay còn gọi là vũ khí thông minh, là loại vũ khí có độ chính xác cao, uy lực lớn, tầm hoạt động xa, hoạt động trong mọi điều kiện thời tiết,...
---	--

Hoạt động 2: Một số biện pháp phòng tránh của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao. (15 phút)

a. Mục tiêu: Hiểu được biện pháp phòng tránh bom, đạn thông thường

b. Nội dung: HS quan sát sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, giảng bài và thực hiện thảo luận.

c. Sản phẩm: Hiểu rõ kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS đọc sgk và trả lời câu hỏi: Câu 1. Theo em, học sinh cần làm gì để phòng tránh bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao? GV chia lớp thành các nhóm và yêu cầu thực hiện: + Nhóm 1: Tìm hiểu về biện pháp phòng tránh bom, mìn đạn. + Nhóm 2: Tìm hiểu về biện pháp phòng tránh vũ khí hóa học. + Nhóm 3: Tìm hiểu biện pháp phòng tránh vũ khí sinh học. + nhóm 4: tìm hiểu về biện pháp phòng tránh vũ khí công nghệ cao. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - H/S tiếp nhận nhiệm vụ, tham khảo sgk và tìm câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận lên bảng phụ + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - GV lưu ý: Hiện nay trên đất nước ta tuy không có chiến tranh nhưng bom đạn địch vẫn còn sót lại trong lòng đất ở nhiều nơi. Vì vậy khi phát	I. PHÒNG TRÁNH BOM, MÌN, ĐẠN, VŨ KHÍ HÓA HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC, VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO. (15 phút) 2. Một số biện pháp phòng tránh của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao. Phòng tránh bom: tổ chức quan sát, phát hiện sớm và thông báo cho mọi người; nguy trang, nghi binh lừa địch; làm hầm chui ẩn, tận dụng các công trình, kiến trúc cơ sở hạ tầng để tránh bom; khắc phục hậu quả sau đánh bom (cứu thương, cứu sập, cứu hóa...). Phòng tránh mìn: Không đến gần nơi bố trí mìn hoặc nghi ngờ có mìn; khi phát hiện mìn nhanh chóng báo cho cơ quan chức năng biết để xử lý (rà, phá hoặc dò, gỡ và làm mất tác dụng của mìn). Phòng tránh đạn: Triệt để lợi dụng địa hình, địa vật và hệ thống công sự, trận địa. Hiện nay, Việt Nam đã tham gia công ước quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí hóa học và tiêu hủy chúng(1993) và cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí sinh học và độc tố (1972).

hiện phải giữ nguyên hiện trường, đánh dấu bằng phương tiện giản đơn (cành cây, gạch đá) và báo cáo ngay với người có trách nhiệm để xử lý, tuyệt đối không làm thay đổi vị trí, cũng như tự động xử lý.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Cùng cố lại kiến thức đã học

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi:

Câu 1: Đặc điểm, tác hại của một số loại bom đạn?

Câu 2: Một số biện pháp phòng tránh bom đạn thông thường?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành 2 câu hỏi được giao.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm :

* **Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò HS học bài cũ và đọc trước phần “Thiên tai, tác hại của chúng và cách phòng tránh.

- Nhận xét buổi học

.....
.....
- Kiểm tra sỹ số, vật chất:
.....
Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....
.....
.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

TIẾT 2.

BÀI 7: THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ LOẠI BOM, Mìn, ĐẠN, VŨ KHÍ HÓA HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC, VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO, THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai và cháy nổ.

- Nhận diện được một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, vật liệu nổ; nguy cơ xảy ra mất an toàn do thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ gây ra.
- Biết cách phòng, tránh và hướng dẫn phòng, tránh tác hại của bom, mìn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết cách phòng tránh thông thường đối với một số loại bom, đạn và thiên tai hiện nay

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK và tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị trang phục theo quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập trung lớp học, kiểm tra quân số, các vật chất phục vụ việc học tập, kiểm tra trang phục của học sinh theo quy định.
- Phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn, kỉ luật, tác phong, vệ sinh, đi lại trong thời gian ra vào lớp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: 1. Phòng, chống thiên tai. (15 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được các loại thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra; Biết được hậu quả nghiêm trọng mà thiên tai mang lại. Đồng thời biết cách phòng ngừa đối với các loại thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ..

b. Nội dung: HS quan sát sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, giảng bài và thực hiện thảo luận.

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc sgk và trả lời câu hỏi: Câu 1. <i>Em hãy nêu tác hại của một số loại thiên tai ở nước ta?</i> Câu 2. <i>Em hãy nêu một số biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai?</i> + Nhóm 1: Tìm hiểu về bão ở nước ta + Nhóm 2: tìm hiểu về lũ lụt ở nước ta + Nhóm 3: Tìm hiểu về lũ quét và	II. PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ. 1. Phòng, chống thiên tai. (15 phút) - Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế- xã hội. Thiên tai bao gồm : bão, áp thấp nhiệt đới, lốc sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở, sụt lún, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần.... - Thiên tai gây ra hậu quả nghiêm trọng, sau thiên tai tác hại gây ra vẫn diễn ra phức tạp : phát sinh dịch bệnh, cơ sở vật chất bị phá hủy, ô nhiễm môi trường, kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng.

bùn đá ở khu vực vùng núi nước ta + Nhóm 4: Tìm hiểu ngập úng, hạn hán ở nước ta. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, tham khảo sgk và tìm câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- phòng, chống thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. - Thực hiện phương châm 4 tại chỗ : chỉ huy tại chỗ ; lực lượng tại chỗ ; phương tiện tại chỗ, vật tư tại chỗ ; hậu cần tại chỗ. - Thương xuyên theo dõi thông tin dự báo, cảnh báo về thiên tai ; thực hiện nghiêm túc kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai tại địa phương ; gia cố nhà, công trình ; chuẩn bị sẵn lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh ; chủ động sơ tán người, tài sản ở những nơi không an toàn ; chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh sau thiên tai. - Tích cực tham gia các hoạt động xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước ; tuyên truyền, giáo dục phòng, chống thiên tai trong trường học và nơi em ở.
--	--

Hoạt động 2: III. PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH. (10 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được hậu quả nghiêm trọng mà dịch bệnh mang lại. Đồng thời biết cách phòng, chống dịch bệnh.

b. Nội dung: HS quan sát sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, giảng bài và thực hiện thảo luận.

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc sgk và trả lời câu hỏi: Câu 1. Theo em, dịch bệnh là gì? Câu 2. Em hãy nêu một số biện pháp phòng, chống dịch bệnh? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - H/S tiếp nhận nhiệm vụ, tham khảo sgk và tìm câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận lên bảng phụ + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ. 2. Phòng, chống dịch bệnh. (10 phút) - Bệnh truyền nhiễm là bệnh lây truyền trực tiếp hoặc gián tiếp từ người hoặc từ động vật sang người do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm. khi xuất hiện bệnh truyền nhiễm với số người mắc bệnh vượt quá số người mắc bệnh dự tính bình thường trong một khoảng thời gian xác định ở một khu vực nhất định thì trở thành dịch bệnh. - Có một số loại dịch bệnh như: Cúm A-H5N1, Covid19, tả, bạch hầu, sốt xuất huyết, ho gà, lao phổi, bệnh chân – tay – miệng, uốn ván, đậu mùa, than, thủy đậu...Dịch bệnh đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người, nhất là với trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi; ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt, học tập; làm đình trệ sản xuất, ảnh hưởng đến môi trường sống. - Một số biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Thông tin, giáo dục, tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh tới tất cả mọi người. tiến hành công tác vệ sinh để phòng bệnh truyền nhiễm nơi ở và nơi làm việc. tổ chức giám sát chặt chẽ các trường hợp mắc bệnh; giám sát tác nhân gây bệnh truyền nhiễm. sử dụng vaccin, sinh phẩm y tế để phòng dịch. Khi bùng phát dịch, thực hiện các biện pháp cách li

	người, khu vực nhiễm bệnh; diệt khuẩn, khử trùng môi trường; phòng hộ cá nhân, vệ sinh cá nhân.
--	---

Hoạt động 3: IV. PHÒNG, CHỐNG CHÁY NỔ (10 phút)

a. Mục tiêu: Biết được Tác hại của cháy nổ và nắm được Một số biện pháp phòng, chống cháy nổ.

b. Nội dung: HS quan sát sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, giảng bài và thực hiện thảo luận.

c. Sản phẩm: Nắm vững kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc sgk và trả lời câu hỏi: Câu 1. Em hãy nêu một số vụ cháy nổ lớn gần đây và nêu tác hại của cháy nổ? Câu 2. Em hay nêu tác hại của cháy nổ? Câu 3. Em hay nêu một số biện pháp phòng, chống cháy nổ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - H/S tiếp nhận nhiệm vụ, tham khảo sgk và tìm câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận. + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ. (10 phút) 3. Phòng. Chống cháy nổ. - Cháy nổ xảy ra do nhiều nguyên nhân như thiên tai, tác động của các hiện tượng tự nhiên ; sự cố hệ thống, thiết bị điện ; sự bất cẩn của con người trong sử dụng lửa, điện... ; ma sát tĩnh điện, tự cháy... - Cháy nổ có thể gây thiệt hại nghiêm trọng và sức khỏe, tính mạng con người, tài sản và ảnh hưởng đến môi trường. Cháy rừng còn trực tiếp giết chết nhiều loại động vật, thực vật gây mất cân bằng sinh thái, gây biến đổi khí hậu... - Một số biện pháp phòng, chống cháy nổ. + Thực hiện quy định của pháp luật và phương châm 4 tại chỗ: chỉ huy tại chỗ ; lực lượng tại chỗ ; phương tiện tại chỗ, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ. + Sử dụng an toàn chất dễ cháy nổ ; không để các chất dễ cháy nổ gần nguồn lửa, nguồn nhiệt và những nơi có khả năng sinh nhiệt. + Thương xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời nguy cơ trực tiếp phát sinh chất nổ ; lắp đặt hệ thống báo cháy và chữa cháy, lắp của năng cháy lan. + Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng cháy và chữa cháy ; thực hiện nghiêm chỉnh nội quy phòng cháy, chữa cháy ; ngăn chặn hành vi vi phạm quy định an toàn về phòng cháy chữa cháy ; biết sử dụng dụng cụ, phương tiện chữa cháy. - Khi gặp sự cố cháy nổ, cần bình tĩnh thực hiện theo các bước : Báo động khẩn cấp; Lập tức ngắt điện toàn bộ khu vực bị cháy; cứu người và di chuyển tài sản; tham gia chữa cháy bằng các phương tiện tại chỗ; gọi điện cho 114; hỗ trợ lực lượng phòng cháy chữa cháy để dập đám cháy.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành 2 câu hỏi được giao.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, HS trả lời nhanh:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.

* Hướng dẫn về nhà

- Dẫn dò HS học bài cũ và đọc trước bài 6

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

TIẾT 3

BÀI 7: THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ LOẠI BOM, Mìn, ĐẠN, VŨ KHÍ HÓA HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC, VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO, THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai và cháy nổ.

- Nhận diện được một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, vật liệu nổ; nguy cơ xảy ra mất an toàn do thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ gây ra.
- Biết cách phòng, tránh và hướng dẫn phòng, tránh tác hại của bom, mìn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết cách phòng tránh thông thường đối với một số loại bom, đạn và thiên tai hiện nay

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK và tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị trang phục theo quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập trung lớp học, kiểm tra quân số, các vật chất phục vụ việc học tập, kiểm tra trang phục của học sinh theo quy định.
- Phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn, kỉ luật, tác phong, vệ sinh, đi lại trong thời gian ra vào lớp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: Tổ chức thực hành một số biện pháp, kỹ năng phòng, chống, bom, mìn, vũ khí công nghệ cao, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học. (20 phút)

a. Mục tiêu: Trang bị kỹ năng sử lí các tình huống xảy ra.

b. Nội dung: HS quan sát sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, giảng bài và thực hiện thảo luận.

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc sgk và xây dựng các biện pháp cụ thể phòng, chống: - Tình huống cụ thể 1: Xây dựng hầm hố, công sự, và vật chất phòng tránh bom, mìn, đạn ... - Sử lí tình huống phát hiện một bạn trong lớp nhiễm bệnh truyền nhiễm? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - H/S tiếp nhận nhiệm vụ, tham khảo sgk và tìm câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận	II. PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ. 1. phòng, chống bom, mìn, đạn, vũ khí công nghệ cao, vũ khí hóa học, sinh học. - thiết kế mô hình khiêng, áo chống đạn. - làm hầm hố phòng, chống bom, mìn.. - xây dựng mô hình nguy trang chống vũ khí công nghệ cao. 2. phòng chống dịch bệnh - báo cáo cơ quan y tế. - Xác định bệnh - cách li bệnh nhân - khoanh vùng tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp - vệ sinh lớp học và cá nhân.

lên bảng phụ + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	
--	--

Hoạt động 2: Tổ chức thực hành một số biện pháp, kỹ năng phòng, chống, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ. (15 phút)

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS quan sát sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, giảng bài và thực hiện thảo luận.

c. Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc sgk và trả lời câu hỏi: - Sử lí tình huống bão cấp 12 sẽ tới trong 24h nữa? - Sử lí tình huống xảy ra cháy do chập điện tại lớp học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - H/S tiếp nhận nhiệm vụ, tham khảo sgk và tìm câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận lên bảng phụ + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ. 3. Phòng chống, thiên tai. - Lên kế hoạch - Thực hiện phòng chống 4 tại chỗ - Sơ tán khu vực nguy hiểm. - Chằng, chống nhà cửa. - chặt, tỉa bớt cành cây lớn gần nhà. 4. Phòng, chống cháy nổ. - Khi gặp sự cố cháy nổ cần bình tĩnh thực hiện theo các bước : - Báo động khẩn cấp - Lập tức ngắt điện toàn bộ khu vực bị cháy. - - Cứu người và di chuyển tài sản; tham gia chữa cháy bằng các phương tiện tại chỗ. - Gọi điện cho 114; hỗ trợ lực lượng phòng cháy chữa cháy để dập đám cháy.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi:

Câu 1: Đặc điểm, tác hại của một số loại thiên tai?

Câu 2: Một số biện pháp phòng tránh thiên tai thông thường?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành 2 câu hỏi được giao.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, HS trả lời nhanh:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi: **1b, 2c, 3a, 4b, 5c, 6b, 7d**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài 6

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

TIẾT 1:

**BÀI 8 : MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI VÀ
CÔNG ANH NHÂN DÂN**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nêu được một số nội dung chính trong điều lệnh quản lý bộ đội và công an nhân dân.

- Hiểu và vận dụng những kiến thức được học vào cuộc sống.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức tổ chức, tính kỷ luật nề nếp tác phong.
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức trong học tập để đạt được kết quả cao.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Các bức ảnh về sinh hoạt tổ chức trong quân đội.
- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Nắm nội dung chính trong điều lệnh quản lý bộ đội và công an nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS một số bức ảnh về tổ chức sinh hoạt trong quân đội

- *Giới thiệu bài:* Điều lệnh là hình thức văn bản có tính pháp quy, quy định những điều cụ thể có tính bắt buộc thi hành đối với mọi quân nhân trong các lực lượng vũ trang, đưa mọi hoạt động của quân đội, công an vào nề nếp chính quy.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: 1. Nhiệm vụ, chức trách quân nhân. (20 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức được học vào cuộc sống.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm nội dung chính trong điều lệnh quản lý bộ đội và công an nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi: <i>Câu 1. Em hãy nêu chức trách quân nhân trong quân đội nhân dân Việt Nam?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Nhóm HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời ghi ra giấy A3 - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời của mỗi nhóm.	I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI. (20 phút) 1. Nhiệm vụ, chức trách quân nhân. Quân nhân phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với chế độ XHCN; triệt để chấp hành đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và kỉ luật quân đội. (1a) - Thực hiện đúng 10 lời thề danh dự và 12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân, luôn rèn luyện ý trí chiến đấu, khắc phục mọi khó khăn không sợ hy sinh gian khổ, quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. (2c) - Tuyệt đối phục tùng lãnh đạo chỉ huy chấp hành nghiêm chỉ thị, mệnh lệnh cấp trên, điều lệnh quân đội và các chế độ quy định của đơn vị. - Tích cực học tập chính trị quân sự, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nhiệm vụ và pháp luật để không ngừng nâng cao trình

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức - HS ghi nội dung vào vở	độ phẩm chất năng lực, thể lực và tác phong chiến đấu, công tác, sử dụng thành thạo các loại VKTB. (3b) - Giữ gìn đoàn kết nội bộ đề cao phê bình và tự phê, trung thực, bình đẳng, thương yêu tôn trọng bảo vệ và giúp đỡ lẫn nhau trong lúc thường cũng như trong chiến đấu.(4e) - Giữ gìn VKTB tài sản của QĐ, tiết kiệm của công, không tham ô lãng phí. - Tuyệt đối giữ bí mật của nhà nước, Q Đ, đề cao cảnh giác cách mạng, nếu bị địch bắt quyết 1 lòng trung thành sự nghiệp cách mạng không phản bội xưng khai. - Đoàn kết bảo vệ và giúp đỡ nhân dân, tôn trọng lợi ích chính đáng, phong tục tập quán của nhân dân, tuyên truyền vận động ND chấp hành đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.(5d) - gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, quy tắc sinh hoạt xã hội, bảo vệ cơ quan Đảng, Nhà nước, cùng với chính quyền giữ gìn an ninh chí trị, trật tự ATXH. - Nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế. - Chấp hành đúng chính sách với tù binh, hàng binh, tích cực công tác tiến hành tuyên truyền đặc biệt.
--	--

Hoạt động 2: I.MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI.(15 p)

- a. Mục tiêu:** Nắm được quy tắc chào, xưng hô và trang phục trong công an nhân dân
- b. Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận
- c. Sản phẩm:** Nắm vững quy tắc chào, xưng hô và trang phục trong công an nhân dân
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Em hãy quy cách chào, hỏi quân nhân trong quân đội nhân dân Việt Nam? Câu 2. Em hãy nêu phong cách quân nhân trong quân đội nhân dân Việt Nam? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời	I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI. (20 phút) 2. Xưng hô, chào hỏi. - Quân nhân gọi nhau bằng “đồng chí” và xưng tôi, sau tiếng đ/c có thể gọi tiếp cấp bậc, chức vụ, họ tên người mà mình tiếp xúc, đối với chỉ huy trực tiếp và cấp trên có thể gọi là thủ trưởng; nghe gọi đến tên, quân nhân phải trả lời “có” khi nhận lệnh hoặc trao đổi công việc xong, quân nhân phải nói “rõ”, nếu chưa rõ phải hỏi lại. - Trong lúc nghỉ ngơi quân nhân có thể gọi nhau theo tập quán thông thường. - Quân nhân khi gặp nhau phải chào; cấp dưới phải chào cấp trên trước; người được chào phải chào lại. 3. Phong cách quân nhân. - Trong quan hệ QN: mọi QN phải giữ gìn phẩm chất đạo đức, cách mạng và nghiêm chỉnh tuân theo những yêu cầu sinh hoạt

- HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức, tổng kết:	xã hội. trong quan hệ với ND phải kính trọng người già, yêu mến trẻ em, kính trọng phụ nữ. - Quân nhân phải thể hiện là người có ý thức tổ chức kỷ luật có tinh thần đoàn kết tương trợ và có nếp sống văn minh, lành mạnh, thái độ hòa nhã, khiêm tốn, biết tự chủ và tự trọng, trong lời nói cũng như hành động. + Mang mặc đúng quy định của Q Đ: theo mùa đặc thù từng đơn vị. Đầu tóc phải gọn gàng, không xăm trổ trên cơ thể, chỉ tóc màu đen, nam QN tóc mai, tóc gáy phải ngắn, không được để râu. Nữ QN khi mang mặc phải búi tóc sau gáy, được buộc trong túi lưới, không làm ảnh hưởng tác phong khi đội mũ. + Đi đứng phải thành hàng ngũ, giữ đúng tư thế tác phong QN, khi đi tập thể phải thành hàng ngũ và có người chỉ huy. + Phải gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước và những nguyên tắc sinh hoạt của xã hội. + Cấm QN uống, rượu bia trong khi thực hiện nhiệm vụ, uống say mọi lúc mọi nơi, cấm hút thuốc lá nơi công cộng, cấm mua bán, tàng trữ sử dụng trái phép chất kích thích các chất gây nghiện dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của pháp luật 4. Trang phục của quân nhân. Trang phục quân nhân bao gồm: trang phục dự lễ, trang phục thường dung, trang phục dã chiến, trang phục nghiệp vụ, trang phục công tác. Quân nhân mặc trang phục từng mua theo quy định.
---	--

C. KẾT THÚC GIẢNG DẠY (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS về nhà trả lời:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà trả lời câu hỏi

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước mục II trong SGK.

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

**BÀI 8 : MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI VÀ
CÔNG AN NHÂN DÂN**

TIẾT 2: II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nêu được một số nội dung chính trong điều lệnh quản lý bộ đội và công an nhân dân.
- Hiểu và vận dụng những kiến thức được học vào cuộc sống.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hình thành ý thức tổ chức, tính kỷ luật nề nếp tác phong.
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức trong học tập để đạt được kết quả cao.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Các bức ảnh về sinh hoạt tổ chức trong quân đội.
- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10, xem trước bài học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Nắm nội dung chính trong điều lệnh quản lý bộ đội và công an nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giới thiệu cho HS một số bức ảnh về tổ chức sinh hoạt trong công an nhân dân.
- *Giới thiệu bài:* Điều lệnh là hình thức văn bản có tính pháp quy, quy định những điều cụ thể có tính bắt buộc thi hành đối với mọi quân nhân trong các lực lượng vũ trang, đưa mọi hoạt động của quân đội, công an vào nề nếp chính quy.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN.

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức được học vào cuộc sống.

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi GV, thực hiện thảo luận

c. Sản phẩm: Nắm nội dung chính trong điều lệnh quản lý bộ đội và công an nhân dân.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: <i>Câu 1. Em hãy nêu chức trách của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân?</i> <i>Câu 2. Nêu 6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS trả lời câu hỏi dựa vào SGK. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trả lời câu hỏi + HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định + GV chuẩn kiến thức + HS chú ý lắng nghe tiếp thu ý kiến và ghi chọn lọc vào vở. 6 điều Bác Hồ dạy công an	II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN. 1. Chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân. (15ph) - Thực hiện nghiêm túc 5 lời thề danh dự, 10 điều kỷ luật Công an nhân dân Việt Nam; thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện theo 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân; gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của lực lượng Công an nhân dân và của địa phương nơi cư trú. - Chấp hành nghiêm chỉnh sự lãnh đạo, chỉ đạo, chương trình, kế hoạch công tác; thực hiện đúng quy chế, quy trình làm việc, điều lệnh Công an nhân dân, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. - Tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ, tin học; rèn luyện thể lực, tác phong công tác, kỹ năng sử dụng các loại phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ và kỹ thuật, chiến thuật quân sự, võ thuật.

nhân dân • Đối với tự mình phải: Cần, Kiệm, Liêm, Chính. • Đối với đồng sự phải: Thân Ái Giúp Đỡ • Đối với Chính phủ phải: Tuyệt Đối Trung Thành. • Đối với nhân dân phải: Kính Trọng Lễ Phép. • Đối với công việc phải: Tận Tụy. • Đối với địch phải: Cương Quyết, Khôn Khéo.	- Giữ gìn đoàn kết nội bộ, nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, trung thực, thẳng thắn, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. - Đề cao cảnh giác cách mạng trước âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và bọn tội phạm; bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước và của ngành Công an. - Nêu cao ý thức trách nhiệm vì nhân dân phục vụ, tôn trọng, lễ phép với nhân dân, bảo vệ, giúp đỡ và lắng nghe ý kiến của nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. - Nêu cao tinh thần đoàn kết, hữu nghị trong quan hệ hợp tác quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.
---	--

Hoạt động 2: II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN.

a. Mục tiêu: Nắm được quy tắc chào, xưng hô và trang phục trong công an nhân dân

b. Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: Nắm vững quy tắc chào, xưng hô trong công an nhân dân

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu 1. Theo em cách xưng hô, chào hỏi của công an nhân dân như thế nào? Và có ý nghĩa gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc sgk và tìm câu trả lời - GV quan sát, hướng dẫn khi HS cần Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đứng dậy trình bày câu trả lời - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn kiến thức, tổng kết:	II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN. 2. Xưng hô, chào hỏi. (20ph) - Khi làm việc và quan hệ công tác với cán bộ và nhân dân tùy từng trường hợp có thể gọi nhau bằng “đồng chí” và xưng “tôi”; hoặc tùy theo lứa tuổi để xưng hô sao cho phù hợp với phong tục, truyền thống văn hóa Việt Nam. - Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân khi gặp nhau phải chào; cấp dưới phải chào cấp trên trước; cùng chức vụ thì người nào có cấp bậc thấp hơn phải chào trước; ngang chức, ngang cấp thì người nào tuổi đời thấp hơn hoặc nhìn thấy trước phải chào trước; người được chào phải chào lại. - Cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân xưng hô với nhau bằng “đồng chí” và xưng tôi, sau tiếng đ/c có thể gọi tiếp cấp bậc, chức vụ, họ tên người mà mình tiếp xúc, đối với chỉ huy trực tiếp và cấp trên có thể gọi là thủ trưởng; nghe gọi đến tên, quân nhân phải trả lời “có” khi nhận lệnh hoặc trao đổi công việc xong, quân nhân phải nói “rõ”, nếu chưa rõ phải hỏi lại. 3. Những điều cấm đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân. - Không đeo kính màu đen khi trực tiếp giải quyết công việc với người khác; không đút tay vào túi quần hoặc túi áo khi làm nhiệm vụ. - Không nhuộm tóc khác màu đen; móng tay, móng chân không để dài và không sơn màu. Cán bộ, chiến sĩ nam không để tóc dài trùm tai, trùm gáy hay cắt tóc quá ngắn; không để

	râu, ria ở cằm, ở cổ và trên mặt. Cán bộ, chiến sĩ nữ tóc phải gọn gàng. - Không ăn, uống ở hàng quán vỉa hè; không uống rượu, bia và các chất có cồn trong giờ làm việc và tại trụ sở cơ quan (trừ trường hợp được phép của thủ trưởng cấp Tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trở lên); không sử dụng chất gây nghiện trái phép; không uống rượu, bia say trong mọi trường hợp, mọi lúc, mọi nơi; không hút thuốc khi làm nhiệm vụ và ở những nơi có quy định cấm. - Nghiêm cấm đánh bạc dưới mọi hình thức; không mê tín, bói toán, lập bàn thờ, đốt bát hương, thắp hương trong hội trường, phòng làm việc, phòng ở, nhà kho, nhà ăn tập thể, nơi để hồ sơ tài liệu thuộc phạm vi trụ sở đơn vị Công an. 4. Trang phục của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân. Trang phục Công an nhân dân gồm: - Lễ phục xuân hè, lễ phục thu đông; - Trang phục thường dùng xuân hè, trang phục thường dùng thu đông; Trang phục chuyên dùng. - Trang phục Công an nhân dân phải sử dụng đúng mục đích theo quy định.
--	---

C. KẾT THÚC GIẢNG DẠY (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: GV giao câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng sgk và kiến thức đã học để trả lời

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

- Sản phẩm dự kiến: **đáp án đúng**

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò HS đọc trước bài

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 9: ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG

TIẾT 1: ĐỘNG TÁC NGHIÊM, NGHỈ, QUAY TẠI CHỖ, CHÀO, THÔI CHÀO.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Thực hiện được một số động tác đội ngũ từng người không có súng trong điều lệnh đội ngũ của quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- năng lực quản lí, năng lực lãnh đạo.

- Thực hiện được động tác đội ngũ từng người không có súng: nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ và chào.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10
- Sưu tầm tranh ảnh về các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Sân tập ngoài trời

2. Chuẩn bị của học sinh

- Giày thể dục, đọc bài mới

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện: Lớp phó thể dục cho lớp: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- GV nêu tên bài học, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)

Hoạt động 1: Động tác nghiêm, nghỉ (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện động tác nghiêm, nghỉ.

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện động tác nghiêm, nghỉ

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu Động tác nghiêm qua 3 bước: + Bước 1: làm tổng hợp + Bước 2: làm chậm có phân tích. + Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chú ý nghe giảng, tập trung ghi nhớ các động tác mà giáo viên đã phân tích. - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác nghiêm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Lớp phó thể dục hô để cả lớp thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung	1. Động tác nghiêm, nghỉ. (5 phút) a. động tác nghiêm. - Ý nghĩa: để rèn luyện cho mọi người tác phong nghiêm túc, tư thế hùng mạnh, khải trượng, đức tính bình tĩnh, nhẫn nại, đồng thời rèn luyện ý thức tổ chức, kỉ luật thống nhất và tập trung, sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh. - Khẩu lệnh: “nghiêm”. - Động tác: Nghe dứt động lệnh nghiêm, hai gót chân đặt sát vào nhau, nằm trên 1 đường thẳng ngang, hai bàn chân mở rộng 1 góc 45 độ, hai đầu gối thẳng, sức nặng toàn thân dồn đều vào 2 chân, ngực nở, bụng hơi thót lại, hai vai thẳng bằng, hai tay buông thẳng, năm ngón tay khép lại... b. Động tác nghỉ. (5 phút) - ý nghĩa: Để đứng trong đội hình đỡ mỏi mà vẫn giữ được tư thế, hàng ngũ nghiêm chỉnh và tập trung sức chú ý. - Khẩu lệnh: “nghỉ”. - Động tác: Nghe dứt động lệnh “nghỉ”, đầu gối hơi

luyện tập.	chùng, sức nặng toàn thân dồn vào chân phải, thân trên và 2 tay vẫn giữ như khi đứng nghiêm. khi mỗi đôi chân
------------	---

Hoạt động 2: Động tác quay tại chỗ (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kỹ thuật khi thực hiện động tác quay tại chỗ

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện động tác quay tại chỗ

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu Động tác nghiêm qua 3 bước: + Bước 1: làm tổng hợp + Bước 2: làm chậm có phân tích. + Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chú ý nghe giảng, tập trung ghi nhớ các động tác mà giáo viên đã phân tích. - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác quay tại chỗ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức triển khai kế hoạch tập luyện của HS. - Cho HS đứng thành 4 hàng ngang đứng so le giãn cách, tập đồng loạt theo lệnh hô của GV. Sau đó có thể cho từng tổ tiến hành luyện tập theo sự chỉ huy của từng tổ trưởng. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	2. Động tác quay tại chỗ (5 phút) - Quay tại chỗ: ý nghĩa: để đổi hướng nhanh chóng, chính xác mà vẫn giữ được vị trí đứng. Quay tại chỗ là động tác cơ bản làm cơ sở cho đổi hình, đổi hướng trong phân đội được trật tự thống nhất. a) Động tác quay bên phải: - Khẩu lệnh: “Bên phải – Quay”. - Nghe dứt động lệnh quay thực hiện 2 cử động: - Cử động 1: Thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai đầu gối thẳng tự nhiên, lấy gót chân phải và mũi chân trái làm trụ, phối hợp với sức xoay của thân người quay toàn thân sang phải 1 góc 90 độ, sức nặng toàn thân dồn vào chân phải. - Cử động 2: Đưa chân trái lên, đặt hai gót chân sát vào nhau thành tư thế đứng nghiêm. b) Động tác quay bên trái. c) Động tác quay nửa bên trái. d) Động tác quay nửa bên phải. e) Động tác quay đằng sau. Các động tác trên phân tích các bước giống như động tác quay bên phải.

Hoạt động 3: Động tác chào, thôi chào. (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kỹ thuật khi thực hiện động tác quay tại chỗ

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện động tác quay tại chỗ

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu Động tác nghiêm qua 3 bước: + Bước 1: làm tổng hợp + Bước 2: làm chậm có phân tích. + Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chú ý nghe giảng, tập trung ghi nhớ các động tác mà giáo viên đã phân tích. - HS theo dõi quan sát GV hướng	3. Động tác chào, thôi chào (5 phút) Ý nghĩa: Biểu thị tính tổ chức, tính kỷ luật, tinh thần đoàn kết, nếp sống văn minh và tôn trọng lẫn nhau. a. chào và thôi chào khi đội mũ cứng. * chào cơ bản - Khẩu lệnh: “Chào” - Khi dứt khẩu lệnh “Chào”, tay phải đưa lên theo đường gần nhất, đặt đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành mũ, năm ngón tay khép lại và duỗi thẳng, bàn tay úp xuống và hơi chếch về trước, bàn tay và cẳng tay thành một đường thẳng, cánh tay hơi nâng lên cao ngang tầm vai, đầu ngay ngắn, mắt nhìn thẳng.

dẫn thực hiện động tác quay tại chỗ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức triển khai kế hoạch tập luyện của HS. - Cho HS đứng thành 4 hàng ngang đứng so le giãn cách, tập đồng loạt theo lệnh hô của GV. Sau đó có thể cho từng tổ tiến hành luyện tập theo sự chỉ huy của từng tổ trưởng. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	* Thôi chào: - Khẩu lệnh: “Thôi”. - Nghe dứt động lệnh “Thôi”, tay phải đưa xuống đường gần nhất về tư thế đứng nghiêm. * Nhìn bên phải (trái) chào. - Khẩu lệnh: “Nhìn bên phải (trái) – Chào”. - Nghe dứt động lệnh “Chào”, tay phải đưa lên chao, đồng thời mặt đánh lên 15⁰, quay sang phải (trái) 45⁰ để chào. * Thôi chào: - Khẩu lệnh: “Thôi”. - Nghe dứt động lệnh “Thôi”, tay phải đưa xuống đường gần nhất về tư thế đứng nghiêm. * Chú ý: - Không chào bằng tay trái. - Tay phải không đưa vòng, năm ngón tay khép (nhất là ngón út và ngón cái). - Không nghiêng đầu, lệch vai. - Khi thay đổi hướng chào không xoay người, điểm chạm đầu ngón tay giữa trên vành mũ có thay đổi. - Mắt nhìn thẳng vào người mình chào, không liếc nhìn xung quanh, không nói chuyện. - Khi mang găng tay vẫn chào bình thường, khi bắt tay phải tháo găng tay.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP. (20 phút)

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học
- b. Nội dung:** HS tổ chức thực hiện động tác
- c. Sản phẩm:** HS thực hiện thành thạo các động tác
- d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chia lớp thành các nhóm, cử mỗi nhóm một bạn đội trưởng để thực hiện luyện tập
- HS thực hiện nhiệm vụ
- GV kiểm tra kết quả một số nhóm sau khi luyện tập, đánh giá.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

- a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn
- b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS

1. Thực hiện động tác Nghiêm, nghỉ và động tác quay phải, quay trái?
2. Thực hiện động tác quay đằng sau và chào khi gặp cấp trên?

* Hướng dẫn về nhà

- Dặn dò: Đọc mục
- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 9: ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG

TIẾT 2: ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN KHI ĐANG ĐI ĐỀU; GIẠM CHÂN, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN KHI ĐANG GIẠM CHÂN. ĐỘNG TÁC GIẠM CHÂN CHUYỂN THÀNH ĐI ĐỀU VÀ NGƯỢC LẠI LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Thực hiện được một số động tác đội ngũ từng người không có súng trong điều lệnh đội ngũ của quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- năng lực quản lí, năng lực chỉ huy.
- Thực hiện được động tác đội ngũ từng người không có súng: động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều; động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân khi đang giậm chân; động tác giậm chân chuyển thành đi đều và ngược lại.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10
- Sưu tầm tranh ảnh về các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Sân tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Giày thể dục

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện: Lớp phó thể dục cho lớp: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- GV nêu tên bài học, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)

Hoạt động 1: Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều.

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - <i>Nêu ý nghĩa của từng động tác:</i> - GV giới thiệu các động tác qua 3 bước: + Bước 1: làm nhanh động tác (tự hô khẩu lệnh và làm mẫu động tác đi đều, đứng lại). + Bước 2: làm chậm có phân tích. + Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác	1. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều (5 phút) a. Động tác đi đều: - ý nghĩa: Vận dụng để di chuyển vị trí đội hình có trật tự, thống nhất, hùng mạnh và trang nghiêm. - Khẩu lệnh: “Đi đều - bước” - Nghe dứt động lệnh “Bước”, thực hiện 2 cử động: + Cử động 1: Chân trái bước lên cách chân phải 60 cm tính từ gót chân nọ đến gót của chân kia, đặt gót rồi đặt cả bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, đồng thời tay phải đánh ra phía trước, khuỷ tay gập và nâng lên, cánh tay tạo với thân người 1 góc 60⁰, bàn tay và cẳng tay thành đường thẳng và song song với mặt đất, cách thân người 20 cm, có độ đùng, nắm tay úp xuống, khớp xương

ngghiêm nghi. - Khi giảng từng động tác GV nêu khẩu lệnh, sau đó giới thiệu động tác. - GV nêu các điểm chú ý của 2 động tác này. + Đối với động tác đứng lại GV phải phân tích cho HS rõ tiếng hô của người chỉ huy, dự lệnh, động lệnh khi chân phải bước xuống. + Đối với động tác giậm chân dữ lệnh và động lệnh đều rơi vào chân phải. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Lớp phó thể dục hô để cả lớp thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	thứ ba của ngón tay trở cao ngang mép dưới và thẳng với cúc áo bên trái, tay trái đánh về sau, tay thẳng sát thân người, hợp với thân người 1 góc 45^0, có độ dừng, lòng bàn tay hướng vào trong, mắt nhìn thẳng. + Cử động 2: Chân phải bước lên cách chân trái 60cm, tay trái đánh ra trước như tay phải, tay phải đánh về sau như tay trái (ở cử động 1), chỉ khác: Khớp xương thứ 3 của ngón trở cao ngang mép dưới và thẳng với cúc áo ngực bên phải. Cứ như vậy chân nọ tay kia phối hợp tiếp tục với tốc độ 106 bước trong một phút. * Chú ý: Khi đánh tay ra phía trước phải nâng khuỷu tay và đứng độ cao. Đánh ra sau phải sát thân người. Hai tay đánh phải có độ dừng, khớp cổ tay khoá lại; Người ngay ngắn không nghiêng ngả, gật gù, không nhìn xung quanh. Mắt nhìn thẳng, nét mặt tươi vui. b. động tác đứng lại. - Ý nghĩa: Để dừng lại được nghiêm chỉnh, trật tự, thống nhất vẫn giữ được đội hình. - Khẩu lệnh: “Đứng lại - Đứng”. - Nghe dứt động lệnh “Đứng” làm hai cử động. - Cử động 1: Chân trái bước lên một bước, bàn chân đặt chéch sang bên trái một góc $22,5^0$, hai tay vẫn đánh. - Cử động 2: Chân phải đưa lên đặt gót chân sát nhau (bàn chân đặt chéch sang bên phải một góc $22,5^0$), đồng thời 2 tay đưa về tư thế nghiêm. * Chú ý: Nghe dứt động lệnh không đứng nghiêm ngay; Chân phải đưa lên không đưa ngang đập gót. c. Động tác đổi chân khi đang đi đều. - Ý nghĩa: Để thống nhất nhịp đi chung trong phân đội hoặc theo tiếng hô của người chỉ huy. Động tác thực hiện: - Cử động 1: Chân trái bước lên 1 bước vẫn đi đều. - Cử động 2: Chân phải bước lên 1 bước ngắn, đặt mũi bàn chân sau gót chân trái, dùng mũi chân phải làm trụ, chân trái bước nhanh về phía trước một bước ngắn, hai tay vẫn giữ nguyên. - Cử động 3: Chân phải bước lên phối hợp với đánh tay, đi theo nhịp thống. * Chú ý: Khi thấy mình đi sai với nhịp chung của phân đội phải đổi chân ngay; Khi đổi chân không nhảy cò; Phối hợp tay chân nhịp nhàng.
--	--

Hoạt động 2: Động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân khi đang giậm chân (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân khi đang giậm chân

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-------------------------------	-------------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu các động tác qua 3 bước: Bước 1: làm nhanh động tác (tự hô khẩu lệnh và làm mẫu động tác đi đều, đứng lại). Bước 2: làm chậm có phân tích. Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chú ý nghe giảng, tập trung ghi nhớ các động tác mà giáo viên đã phân tích. - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác nghiêm nghị. - Khi giảng từng động tác GV nêu khẩu lệnh, sau đó giới thiệu động tác. - Nêu các điểm chú ý của 2 động tác này. + Đối với động tác đứng lại GV phải phân tích cho HS rõ tiếng hô của người chỉ huy, dự lệnh, động lệnh khi chân phải bước xuống. + Đối với động tác giậm chân dữ lệnh và động lệnh đều rơi vào chân phải. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Lớp phó thể dục hô đề cả lớp thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	2. động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân khi đang giậm chân. (5 phút) a. Động tác giậm chân: - Ý nghĩa: Để điều chỉnh đội hình trong khi đi được nhanh chóng và trật tự. - Khẩu lệnh: “Giậm chân - Giậm” - Khi dứt khẩu lệnh “Giậm”, thực hiện hai cử động: + Cử động 1: Chân trái nâng lên, mũi bàn chân cách mặt đất 20cm, tay phải đánh về phía trước, tay trái đánh về sau như đi đều. + Cử động 2: Chân trái giậm chân xuống, chân phải nâng lên, mũi bàn chân cách mặt đất 20cm, tay trái đánh về trước, tay phải đánh về sau như đi đều. Cứ như vậy chân nọ tay kia phối hợp nhịp nhàng giậm chân tại chỗ. * Chú ý: Không nghiêng người, không lắc vai; Đặt mũi bàn chân rồi đặt cả bàn chân xuống đất; Nhắc chân đứng độ cao. b. Động tác đứng lại. - Khẩu lệnh: “Đứng lại - Đứng”. - Nghe dứt động lệnh “Đứng” làm hai cử động. + Cử động 1: Chân trái giậm xuống, bàn chân đặt chéo sang bên trái một góc $22,5^0$, chân phải nâng lên, hai tay vẫn đánh, + Cử động 2: Chân phải giậm xuống hai gót chân sát nhau (bàn chân đặt chéo sang bên phải một góc $22,5^0$) đồng thời 2 tay đưa về tư thế nghiêm. c. Động tác đổi chân trong khi giậm chân. - Ý nghĩa: Để thống nhất nhịp đi chung trong phân đội hoặc theo tiếng hô của người chỉ huy. - Động tác thực hiện: + Cử động 1: Chân trái giậm tiếp một nhịp, hai tay vẫn đánh. + Cử động 2: Chân phải giậm liên tiếp hai nhịp (chạm mũi bàn chân xuống đất), hai tay giữ nguyên. + Cử động 3: Chân trái giậm xuống kết hợp đánh hai tay, rồi tiếp tục giậm chân theo nhịp thống nhất.
---	---

Hoạt động 3: Động tác giậm chân chuyển thành đi đều và ngược lại (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện động tác giậm chân chuyển thành đi đều và ngược lại

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu các động tác qua 3 bước: + Bước 1: làm nhanh động tác (tự hô khẩu lệnh và làm mẫu động tác đi đều, đứng lại).	3. Động tác giậm chân chuyển thành đi đều và ngược lại (5 phút) a. Động tác giậm chân chuyển thành đi đều.

+ Bước 2: làm chậm có phân tích. + Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS luyện tập theo 3 bước: + Bước 1: từng cá nhân trong nhóm tự nghiên cứu động tác. + Bước 2: Tập chậm theo các cử động 1, 2. + Bước 3: Luyện tập tổng hợp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV nêu những điểm chú ý của từng động tác. - GV tổ chức triển khai kế hoạch tập luyện của HS. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	- Khẩu lệnh: “Đi đều - Bước”, người chỉ huy hô dự lệnh và động lệnh khi chân phải giậm xuống. - Nghe dứt động lệnh: “Bước”, chân trái bước lên chuyển thành động tác đi đều. b. Động tác đang đi đều chuyển thành giậm chân. - Khẩu lệnh: “Giậm chân - Giậm”, người chỉ huy hô dự lệnh và động lệnh khi chân phải bước xuống. - Nghe dứt động lệnh “Giậm”, chân trái bước lên 1 bước rồi dừng lại. chân phải nhấc lên, mũi bàn chân cách mặt đất 20 cm, phối hợp nhịp nhàng chân nọ tay kia giậm chân tại chỗ. - Động tác đang đi đều chuyển thành giậm chân.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP. (20 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: HS tổ chức thực hiện động tác

c. Sản phẩm: HS thực hiện thành thạo các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

- GV *Phổ biến kế hoạch và hướng dẫn nội dung tập luyện.*

- *Phân công vị trí luyện tập của từng bộ phận.*

- *HS thực hiện nhiệm vụ được giao.*

- *Sau khi luyện tập, GV gọi hai HS lên thực hiện, GV nhận xét.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS

1. Thực hiện động tác đi đều, đứng lại?

2. Thực hiện động tác giậm chân và giậm chân chuyển thành đi đều?

Gv gọi 2 hs lên thực hiện động tác.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò: Đọc mục SGK .

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

Ngày soạn: .../... / ...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 9: ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG

TIẾT 3: ĐỘNG TÁC TIẾN LÙI, QUA PHẢI, QUA TRÁI, NGỒI XUỐNG, ĐỨNG DẬY. ĐỘNG TÁC CHẠY ĐỀU, ĐỨNG LẠI.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Thực hiện được một số động tác đội ngũ từng người không có súng trong điều lệnh đội ngũ của quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- năng lực quản lí, chỉ huy.
- Thực hiện được động tác đội ngũ từng người không có súng: động tác tiến lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống, đứng dậy. động tác chạy đều, đứng lại.
- Biết hô khẩu lệnh to, rõ ràng.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sách giáo khoa GDQP – An ninh 10
- Sưu tầm tranh ảnh về các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Sân tập

2. Chuẩn bị của học sinh: đồng phục thể dục

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện: Lớp phó thể dục cho lớp: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- GV nêu tên bài học, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)

Hoạt động 1: Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái.

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu các động tác qua 3 bước: + Bước 1: làm nhanh động tác (tự hô khẩu lệnh và làm mẫu động tác đi tiến, lùi, qua phải, qua trái). + Bước 2: làm chậm có phân tích. + Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên.. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác nghiêm nghị. - Khi giảng từng động tác GV nêu khẩu lệnh, sau đó giới thiệu động tác. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Lớp phó thể dục hô để cả lớp thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	1. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái (5 phút) a. Động tác tiến, lùi. - Khẩu lệnh: “Tiến (lùi) X bước - Bước” - Khi tiến: Nghe dứt động lệnh “Bước”, chân trái bước lênh cách chân phải 60cm, thân người vẫn tư thế nghiêm, chân phải bước tiếp cách chân trái 60 cm, cứ như vậy bước đủ số bước thì chân phải (trái) đưa về tư thế nghiêm. - Khi lùi: (SGK) cơ bản như động tác tiến. b. Động tác qua phải, qua trái. - Khẩu lệnh “Qua phải (trái) x bước - Bước”. - Nghe dứt động lệnh “Bước” chân phải (trái) bước sang phải (trái), mỗi bước rộng bằng vai, sau đó chân trái (phải) đưa chân sang thành tư thế đứng nghiêm rồi tiếp tục bước đủ số bước quy định thì đứng lại thành tư thế đứng nghiêm. * Chú ý: - Khi bước thân người phải ngay ngắn.

	- Không nhìn xuống đất để bước.
--	---------------------------------

Hoạt động 2: Động tác ngồi xuống, đứng dậy (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện động tác ngồi xuống, đứng dậy

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu các động tác qua 3 bước: Bước 1: làm nhanh động tác (tự hô khẩu lệnh và làm mẫu động tác ngồi xuống, đứng dậy). Bước 2: làm chậm có phân tích. Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chú ý nghe giảng, tập trung ghi nhớ các động tác mà giáo viên đã phân tích. - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác ngồi xuống, đứng dậy - Khi giảng từng động tác GV nêu khẩu lệnh, sau đó giới thiệu động tác. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Lớp phó thể dục hô đề cả lớp thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	II. động tác ngồi xuống, đứng dậy (5 phút) a. Động tác ngồi xuống. - ý Nghĩa: Vận dụng để học tập, nghe nói chuyện ở ngoài bãi tập được trật tự, thống nhất. - Khẩu lệnh :“Ngồi xuống“. - Nghe dứt động lệnh Ngồi xuống , thực hiện hai cử động: + Cử động 1: Chân phải bước chéo qua chân trái, gót chân phải đặt ngang $\frac{1}{2}$ bàn chân trái. + Cử động 2: Người từ từ ngồi xuống, hai chân chéo nhau hoặc để rộng bằng vai, hai tay cong tự nhiên, hai khuỷu tay đặt trên hai đầu gối hai chân, bàn tay trái nắm cổ tay phải, khi mỏi thì đổi chân. b. Động tác đứng dậy. - Khẩu lệnh: Đứng dậy. - Nghe dứt động lệnh Đứng dậy, thực hiện hai cử động: + Cử động 1: Hai chân đặt chéo nhau như khi ngồi xuống, hai tay nắm lại chống xuống đất, cổ tay thẳng, phối hợp hai chân đẩy người đứng dậy. + Cử động 2: Chân phải đưa về đặt gót chân trái thành tư thế đứng nghiêm. * Chú ý: Ngồi ngay ngắn, không di chuyển vị trí; Đứng dậy, không cúi người, không chống tay về trước.

Hoạt động 3: Động tác chạy đều, đứng lại (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện động tác chạy đều, đứng lại.

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu các động tác qua 3 bước: + Bước 1: làm nhanh động tác (tự hô khẩu lệnh và làm mẫu động tác đi chạy đều, đứng lại). + Bước 2: làm chậm có phân tích. + Bước 3: Làm tổng hợp các bước trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS luyện tập theo 3 bước: + Bước 1: từng cá nhân trong nhóm tự nghiên cứu động tác.	3. Động tác chạy đều, đứng lại (5 phút) - Động tác chạy đều để di chuyển cự li xa (trên 5 bước) được nhanh chóng, trật tự thống nhất. <u>Chú ý:</u> + Không chạy bằng cả bàn chân. + Tay đánh ra phía trước đúng độ cao, không ôm bụng. + Động tác đang đi đều chuyển thành

+ Bước 2: Tập chậm theo các cử động 1, 2. + Bước 3: Luyện tập tổng hợp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV nêu những điểm chú ý của từng động tác. - GV tổ chức triển khai kế hoạch tập luyện của HS. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	giậm chân. - Động tác đứng lại để dừng lại trật tự và thông nhất mà vẫn giữ được đội hình. <u>Chú ý:</u> + Mỗi bước chạy ở từng cử động ngắn dần và giảm tốc độ. + Khi dừng lại (ở cử động 4) không lao người về phía trước.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (20 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại các động tác đã học

b. Nội dung: HS tổ chức thực hiện động tác

c. Sản phẩm: HS thực hiện thành thạo các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS tự nghiên cứu và tập lại các động tác.

- GV hô khẩu lệnh cho HS tập chậm từng cử động, GV theo dõi uốn nắn, sửa tập cho từng HS.

- GV hô khẩu lệnh cho HS tập tổng hợp các động tác.

- GV nhận xét, sau đó tiếp tục gọi các tổ khác lên tập.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS

1. Thực hiện động tác tiến và lùi? Nêu ý nghĩa của các động tác?

2. Nêu ý nghĩa của động tác ngồi xuống và đứng dậy? Thực hiện động tác ngồi xuống và đứng dậy.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc bài: đội ngũ đơn vị - SGK Tr..... GDQP 10

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 9: ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG

TIẾT 4: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Thực hiện được một số động tác đội ngũ từng người không có súng trong điều lệnh đội ngũ của quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Thực hiện được thuần thục các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Biết hô khẩu lệnh to, rõ ràng.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sân tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Giày thể dục

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện:

- Lớp phó thể dục cho lớp: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).
- GV nêu tên bài học, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (5 phút)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (30 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại các động tác đã học

b. Nội dung: HS tổ chức thực hiện động tác

c. Sản phẩm: HS thực hiện thành thạo các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các bộ phận (trên cơ sở các tổ học tập), các tổ trưởng đã được bồi dưỡng duy trì luyện tập, GV theo dõi chung.
- Sau khi phổ biến kế hoạch luyện tập, GV phát lệnh cho các tổ về vị trí triển khai luyện tập.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Khi các tổ về đến vị trí, GV phát lệnh: “Bắt đầu tập”.
- Trong khi các tổ luyện tập, GV quan sát, theo dõi các bộ phận để nhắc nhở, uốn nắn.
- khi sửa động tác của HS, phải thực hiện sai đâu sửa đó, nếu sai ít sửa trực tiếp, nếu sai nhiều phải tập hợp để thống nhất lại nội dung đó.
- HS thay nhau phụ trách đề hô khẩu lệnh và điều hành luyện tập hteo các bước sau:
 - + Tập hợp tổ thành hàng ngang.
 - + Cho HS tự nghiên cứu và tập lại động tác.
 - + Hô khẩu lệnh cho HS tập chậm từng cử động, người phụ trách theo dõi sửa tập cho từng bạn cho đến khi thuần thục.
 - + Hô khẩu lệnh cho HS tập tổng hợp các động tác.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Hết thời gian luyện tập, GV phát lệnh “Thôi tập, các tổ chỉ huy về vị trí tập trung”.
- GV tập hợp cả lớp, nhận xét ý thức và kết quả luyện tập của HS.
- Sau khi nghe GV phát lệnh, các tổ lập tức nhanh chóng trở về vị trí tập hợp của lớp.
- GV giải đáp thắc mắc, củng cố nội dung bài học, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi trong SGK, nhận xét buổi học, kiểm tra trang phục.

- HS nếu có vấn đề cần thắc mắc có thể hỏi trực tiếp GV. Cả lớp lắng nghe GV giải đáp thắc mắc của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nêu yêu cầu HS ôn luyện các nội dung ở nhà thông qua các câu hỏi trong SGK.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS

1. Thực hiện động tác tiến và lùi? Nêu ý nghĩa của các động tác?

2. Nêu ý nghĩa của động tác ngồi xuống và đứng dậy? Thực hiện động tác ngồi xuống và đứng dậy.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc bài: đội ngũ đơn vị - SGK Tr..... GDQP 10

- Nhận xét buổi học

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 10: ĐỘI NGŨ TIỂU ĐỘI
TIẾT 1: TẬP HỢP TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG,

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được thứ tự động tác tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội để vận dụng trong các hoạt động chung của nhà trường.

- Biết cách điều khiển, tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Thực hiện được đúng thứ tự các bước tập hợp, tác phong chính quy.
- Biết hô khẩu lệnh to, rõ ràng.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK và tài liệu tham khảo.
- Tranh ảnh về đội ngũ đơn vị.
- Sơ đồ, sân tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị trang phục theo quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện: Lớp phó thể dục cho lớp: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- GV phổ biến nội dung bài học: ĐNĐV là nội dung của điều lệnh đội ngũ, quy định từ cấp tiểu đội đến cấp trung đoàn trong QĐND Việt Nam, quy định trách nhiệm của người chỉ huy và quân nhân trong hàng ngũ, chấp hành ĐLĐN có tác dụng rèn luyện cho mọi quân nhân ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong khắt khe, tinh thần sẵn sàng chấp hành nhiệm vụ....

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)

Hoạt động 1: I. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG (5 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện tập hợp đội hình tiểu đội một hàng ngang.

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv nêu ý nghĩa của đội hình: giúp cho học sinh có thể liên hệ và vận dụng được trong thực tế. - Động tác: - Gv nêu thứ tự các bước tập hợp đội hình sau đó cùng với đội hình mẫu giới thiệu động tác qua 2 bước: + Bước 1: Làm nhanh động tác tập hợp đội hình: + Bước 2: Làm chậm và phân tích động tác: - Gv vừa nói kết hợp với đội hình mẫu thực hiện động tác đến đó	I. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG (8 phút) 1. Trường hợp vận dụng. Thường vận dụng trong học tập, sinh hoạt, hạ mệnh lệnh, kiểm tra quân số, khám súng, giá súng... 2. Đội hình a. Đội ngũ tiểu đội 1 hàng ngang. - Bước 1: Tập hợp. + Khẩu lệnh: “ Tiểu đội X thành 1 hàng ngang - Tập hợp”. + Dự lệnh “Tiểu đội X thành 1 hàng ngang”. + Động lệnh “Tập hợp”. + Động tác của chiến sĩ và tiểu đội trưởng: Hô khẩu lệnh xong, tiểu đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn. Nghe khẩu lệnh “ Tiểu đội X”, toàn tiểu đội tiểu quay mặt về phía tiểu đội trưởng, đứng nghiêm chờ lệnh. Nghe dứt động lệnh “ Tập hợp”, các chiến

theo thứ tự 4 bước Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác nghiêm nghị. - Khi giảng từng động tác GV nêu khẩu lệnh, sau đó giới thiệu động tác. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Lớp phó thể dục hô đề cả lớp thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	sĩ nhanh chóng im lặng, chạy vào vị trí tập hợp đứng bên trái tiểu đội trưởng thành 1 hàng ngang, đứng đúng giãn cách, cự ly quy định, tự động gióng hàng, xong đứng nghiêm. Khi thấy 2-3 chiến sĩ đứng vào vị trí bên trái mình, tiểu đội trưởng đi đều về phía trước chính giữa đội hình, cách đội hình từ 3-5 bước dừng lại, quay vào đội hình đơn độc tập hợp. Bước 2: Điểm số. Khẩu lệnh chỉ động lệnh, không có dự lệnh. Động tác của chiến sĩ và tiểu đội trưởng: Tiểu đội đang đứng nghiêm, nghe khẩu lệnh “Điểm số”, các chiến sĩ thứ tự từ phải sang trái trở về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số của mình, đồng thời quay mặt sang bên trái 45°, khi điểm số xong quay mặt trở lại. Lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội, người đứng cuối cùng của hàng khi điểm số không phải quay mặt, sau khi điểm số xong hô “Hết”. Bước 3: Chính đồn hàng ngũ. + Khẩu lệnh: “Nhìn bên phải (trái)- Thẳng”. + Dự lệnh: “Nhìn bên phải (trái)”, động lệnh “Thẳng”. + Động tác của chiến sĩ và tiểu đội trưởng: Nghe dứt động lệnh “Thẳng”, trừ chiến sĩ làm chuẩn vẫn nhìn thẳng, các chiến sĩ còn lại phải quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên, xuống để gióng hàng cho thẳng và điều chỉnh giãn cách. Nghe dứt động lệnh “Thôi”, các chiến sĩ quay mặt trở lại nhìn thẳng về phía trước, đứng nghiêm không xê dịch vị trí đứng. Tiểu đội trưởng đi đều về phía người làm chuẩn và cách người làm chuẩn từ 2-3 bước dừng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng. Khi kiểm tra thấy gót chân và ngực của các chiến sĩ cùng nằm trên một đường thẳng là được. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội dùng khẩu lệnh, “Đồng chí (hoặc số).....Lên (hoặc Xuống)”. Cũng có thể cùng một lúc, tiểu đội trưởng sửa cho 3- 4 chiến sĩ. Chiến sĩ khi nghe tiểu đội trưởng gọi tên mình phải quay mặt về phía tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng, tiến lên (hoặc lùi xuống). Khi tiến lên hoặc lùi xuống phải gióng hàng cho thẳng. Khi thấy các chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “Được”. Nghe dứt động lệnh “Được”, chiến sĩ quay mặt trở lại, nhìn thẳng. Sau đó tiểu đội trưởng đi về vị trí chỉ huy. Bước 4: Giải tán. Khẩu lệnh chỉ động lệnh, không có dự lệnh. Nghe dứt động lệnh, các chiến sĩ trong hàng nhanh chóng tản ra. Nếu đang đứng ở tư thế nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi mới tản ra. b. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang. Tương tự đội hình 1 hàng ngang, chỉ khác đội hình 2 hàng ngang có 3 bước. Bước 1: Tập hợp. Bước 2: Chính đồn hàng ngũ.
--	--

Bước 3: Giải tán.

Hoạt động 2: II. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC. (7 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện tập hợp đội hình tiểu đội một hàng dọc, hai hàng dọc.

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv nêu ý nghĩa của đội hình: giúp cho học sinh có thể liên hệ và vận dụng được trong thực tế. - Động tác: - Gv nêu thứ tự các bước tập hợp đội hình sau đó cùng với đội hình mẫu giới thiệu động tác. - Gv vừa nói kết hợp với đội hình mẫu thực hiện động tác đến đó theo thứ tự 4 bước Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác nghiêm nghị. - Khi giảng từng động tác GV nêu khẩu lệnh, sau đó giới thiệu động tác. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Lớp phó thể dục hô để cả lớp thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	II. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC. 1. Trường hợp vận dụng: Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc thường dùng trong hành quân, trong đội hình tập hợp của trung đội, đại đội khi tập trung học tập, sinh hoạt. 2. Đội hình. a. Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc - Bước 1: Tập hợp. + Khẩu lệnh: “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc - Tập hợp”. + Dự lệnh “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc”. + Động lệnh “Tập hợp”. + Động tác của chiến sĩ và tiểu đội trưởng: Hô khẩu lệnh xong, tiểu đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn. Khi nghe dứt động lệnh “Tập hợp”, các chiến sĩ nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp đứng đằng sau tiểu đội trưởng thành 1 hàng dọc, đứng đúng cự ly quy định, tự động gióng hàng. Gióng hàng xong đứng nghỉ. Khi thấy có từ 2- 3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng đi đều ra phía trước chệch về bên trái của đội hình, cách đội hình từ 3 -5 bước dừng lại, quay vào đội hình đơn đốc tập hợp. - Bước 2: Điểm số. Khẩu lệnh chỉ động lệnh, không có dự lệnh. - Động tác của chiến sĩ và tiểu đội trưởng: Nghe dứt động lệnh “Điểm số”, các chiến sĩ theo thứ tự từ trên xuống dưới trở về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số của mình đồng thời quay mặt hết cỡ sang bên trái, khi điểm số xong quay mặt trở lại. Người đứng cuối cùng của hàng, khi điểm số không phải đánh mặt, sau khi điểm số của mình xong, hô “Hết”. Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ. + Khẩu lệnh: “Nhìn trước - Thẳng”. + Dự lệnh: “Nhìn trước”, động lệnh “Thẳng”. + Động tác của chiến sĩ và tiểu đội trưởng: Nghe dứt động lệnh “Thẳng”, trừ chiến sĩ số 1 làm chuẩn, các chiến sĩ còn lại phải gióng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình. Xê dịch qua phải qua trái để gióng hàng dọc cho thẳng, xê dịch lên, xuống để điều chỉnh cự ly. Nghe dứt động lệnh “Thôi”, các chiến sĩ đứng nghiêm không xê dịch vị trí đứng. - Tiểu đội trưởng đi đều về chính giữa đội hình, cách người

	đứng đầu đội hình 2 – 3 bước thì dừng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Khi kiểm tra thấy đầu, cạnh vai của các chiến sĩ cùng nằm trên một đường thẳng là được. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh để điều chỉnh hàng cho thẳng. - Bước 4: Giải tán. Khẩu lệnh chỉ động lệnh, không có dự lệnh. b. Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc. Tương tự đội hình 1 hàng dọc, chỉ khác đội hình 2 hàng dọc có 3 bước. Bước 1: Tập hợp. Bước 2: Chỉnh đốn hàng ngũ. Bước 3: Giải tán.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP. (30 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: HS tổ chức thực hiện động tác

c. Sản phẩm: HS thực hiện thành thạo các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

- GV Phổ biến kế hoạch và hướng dẫn nội dung tập luyện.
- Phân công vị trí luyện tập của từng bộ phận.
- HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Sau khi luyện tập, GV gọi hai HS lên thực hiện, GV nhận xét.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS

1. Tập hợp đội hình hàng ngang?

2. Tập hợp đội hình hàng dọc?

Gv gọi 2 tiểu đội lên thực hiện động tác.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò: Đọc mục SGK .
- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 10: ĐỘI NGŨ TIỂU ĐỘI

TIẾT 2: ĐỘNG TÁC TIẾN, LÙI, QUA PHẢI, QUA TRÁI, GIẢN ĐỘI HÌNH, THU ĐỘI HÌNH, RA KHỎI HÀNG VỀ VỊ TRÍ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được thứ tự động tác tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội để vận dụng trong các hoạt động chung của nhà trường.
- Biết cách điều khiển, tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Thực hiện được đúng thứ tự các bước tập hợp, tác phong chính quy.
- Biết hô khẩu lệnh to, rõ ràng.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK và tài liệu tham khảo.
- Tranh ảnh về đội ngũ đơn vị, còi
- Sơ đồ, sân tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị trang phục theo quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện:

- Lớp phó thể dục cho lớp: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- GV phổ biến nội dung bài học: ĐNĐV là nội dung của điều lệnh đội ngũ, quy định từ cấp tiểu đội đến cấp trung đoàn trong QĐND Việt Nam, quy định trách nhiệm của người chỉ huy và quân nhân trong hàng ngũ, chấp hành ĐLĐN có tác dụng rèn luyện cho mọi quân nhân ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong khắt khe, tinh thần sẵn sàng chấp hành nhiệm vụ....

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)

1. Hoạt động 1: 1. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái.

a. Mục tiêu: Nắm được kĩ thuật khi thực hiện được động tác động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái.

b. Nội dung: HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo

c. Sản phẩm: HS thực hiện được động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ + GV nêu ý nghĩa động tác. Phân tích khẩu lệnh của từng động tác -Tùy theo từng động tác (dễ hay khó) làm mẫu theo 2, hoặc 3 bước - Bước 1(làm nhanh không phân tích) - Bước 2 (làm chậm có phân tích) - Bước 3 làm tổng hợp Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ +H/S Lắng nghe, quan sát GV thực hiện động tác + GV giới thiệu cách tính bước và di chuyển của từng đồng chí. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + H/S Lắng nghe, quan sát GV thực	III. TIẾN, LÙI, QUA TRÁI, QUA PHẢI; RA KHỎI HÀNG, VỀ VỊ TRÍ. (5 phút) 2. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái. a. trường hợp vận dụng. - Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái để di chuyển đội hình (không quá 5 bước) được nhanh chóng, bảo đảm tính thống nhất mà vẫn giữ được tính thống nhất đội hình. 2. Các bước thực hiện. b. khẩu lệnh. - Khẩu lệnh: “Tiến (lùi) x bước – bước hoặc “qua phải (trái) x bước – bước” có dự lệnh và động lệnh. c. Động tác: nghe dứt động lệnh “bước” toàn tiểu đội đồng loạt thực hiện theo lệnh của tiểu đội trưởng(thực hiện như động tác từng người) khi bước đủ số bước

hiện động tác Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	quy định thì đứng lại và tự động đóng hàng đứng cự li, giãn cách, thẳng hàng rồi mới về tư thế đứng nghiêm. d. Chú ý: cần phối hợp đều, thống nhất toàn đội; ...
---	---

Hoạt động 2: 2. Ra khỏi hàng, về vị trí.

- a. Mục tiêu:** Nắm được kĩ thuật khi thực hiện được động tác ra khỏi hàng, về vị trí.
- b. Nội dung:** HS quan sát GV thực hiện, thực hiện theo
- c. Sản phẩm:** HS thực hiện được động tác
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ + GV nêu ý nghĩa động tác. Phân tích khẩu lệnh của từng động tác -Tùy theo từng động tác (dễ hay khó) làm mẫu theo 2, hoặc 3 bước - Bước 1(làm nhanh không phân tích) - Bước 2 (làm chậm có phân tích) - Bước 3 làm tổng hợp Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ +H/S Lắng nghe, quan sát GV thực hiện động tác + GV giới thiệu cách tính bước và di chuyển của từng đồng chí. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + H/S Lắng nghe, quan sát GV thực hiện động tác Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho một số HS. Chuyển nội dung luyện tập.	III. TIẾN, LÙI, QUA TRÁI, QUA PHẢI; RA KHỎI HÀNG, VỀ VỊ TRÍ. (5 phút) 2. Ra khỏi hàng, về vị trí. a. trường hợp vận dụng. - Ra khỏi hàng, về vị trí thường dùng để ra khỏi hàng, về vị trí trong đội hình nhanh chóng và trật tự. b. Khẩu lệnh: “Đồng chí (số)- Ra khỏi hàng; Về vị trí”. c. Động tác: Chiến được gọi tên (số) của mình đứng nghiêm trả lời ‘Có’. Nghe lệnh “ Ra khỏi hàng”, Chiến sĩ hô “Rõ”, đi đều hoặc chạy đều đến trước mặt tiểu đội trưởng, cách tiểu đội trưởng 2-3 bước thì dừng lại, chào và báo cáo “Tôi có mặt”. Nhận mệnh lệnh xong, trả lời “Rõ”. Khi đứng trong đội hình hàng dọc chiến sĩ qua phải hoặc qua trái, nếu đứng hàng thứ 2 trong đội hình hàng ngang quay đằng sau rồi vòng bên phải (trái) lên gặp tiểu đội trưởng. Khi nhận lệnh “ Về vị trí”, chiến sĩ chào tiểu đội trưởng trước khi về vị trí.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (30 phút)

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học
- b. Nội dung:** HS tổ chức thực hiện động tác
- c. Sản phẩm:** HS thực hiện thành thạo các động tác
- d. Tổ chức thực hiện:**
- GV Phổ biến kế hoạch và hướng dẫn nội dung tập luyện.
 - Phân công vị trí luyện tập của từng bộ phận.
 - HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - Sau khi luyện tập, GV gọi hai HS lên thực hiện, GV nhận xét.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

- a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn
- b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**
- GV yêu cầu HS
1. Thực hiện động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái?

2. Thực hiện động tác ra khỏi hàng, về vị trí?

Gv gọi 2 hs lên thực hiện động tác.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò: Đọc mục SGK .

- Nhận xét buổi học

.....

 - Kiểm tra sỹ số, vật chất:

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

**BÀI 10: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ
 TIẾT 3 : LUYỆN TẬP**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được thứ tự động tác tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội để vận dụng trong các hoạt động chung của nhà trường.

- Biết cách điều khiển, tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Thực hiện được đúng thứ tự các bước tập hợp, tác phong chính quy.
- Biết hô khẩu lệnh to, rõ ràng.

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có thái độ học tập và rèn luyện tốt. Luôn yêu quê hương, yêu đất nước, có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỉ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án, SGK và tài liệu tham khảo.
- Tranh ảnh về đội ngũ đơn vị, còi
- Sơ đồ, sân tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị trang phục theo quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học

b. Nội dung: GV cho lớp làm các thủ tục thao trường

c. Sản phẩm: Thực hiện động tác khởi động

d. Tổ chức thực hiện:

- Lớp phó thể dục cho lớp: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- GV phổ biến nội dung bài học: ĐNĐV là nội dung của điều lệnh đội ngũ, quy định từ cấp tiểu đội đến cấp trung đoàn trong QĐND Việt Nam, quy định trách nhiệm của người chỉ huy và quân nhân trong hàng ngũ, chấp hành ĐLĐN có tác dụng rèn luyện cho mọi quân nhân ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong khắt khe, tinh thần sẵn sàng chấp hành nhiệm vụ....

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: nêu lại nội dung luyện tập (5 phút)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (30 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại các động tác đã học

b. Nội dung: HS tổ chức thực hiện động tác

c. Sản phẩm: HS thực hiện thành thạo các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các bộ phận (trên cơ sở các tổ học tập), các tổ trưởng đã được bồi dưỡng duy trì luyện tập, GV theo dõi chung.

- Sau khi phổ biến kế hoạch luyện tập, GV phát lệnh cho các tổ về vị trí triển khai luyện tập.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Khi các tổ về đến vị trí, GV phát lệnh: “Bắt đầu tập”.

- Trong khi các tổ luyện tập, GV quan sát, theo dõi các bộ phận để nhắc nhở, uốn nắn.

- khi sửa động tác của HS, phải thực hiện sai đâu sửa đó, nếu sai ít sửa trực tiếp, nếu sai nhiều phải tập hợp để thống nhất lại nội dung đó.

- HS thay nhau phụ trách đề hô khẩu lệnh và điều hành luyện tập theo các bước sau:

+ Tập hợp tổ thành hàng ngang.

+ Cho HS tự nghiên cứu và tập lại động tác.

+ Hô khẩu lệnh cho HS tập chậm từng cử động, người phụ trách theo dõi sửa tập cho từng bạn cho đến khi thuần thục.

+ Hô khẩu lệnh cho HS tập tổng hợp các động tác.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Hết thời gian luyện tập, GV phát lệnh “Thôi tập, các tổ chỉ huy về vị trí tập trung”.

- GV tập hợp cả lớp, nhận xét ý thức và kết quả luyện tập của HS.
- Sau khi nghe GV phát lệnh, các tổ lập tức nhanh chóng trở về vị trí tập hợp của lớp.
- GV giải đáp thắc mắc, củng cố nội dung bài học, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi trong SGK, nhận xét buổi học, kiểm tra trang phục.
- HS nếu có vấn đề cần thắc mắc có thể hỏi trực tiếp GV. Cả lớp lắng nghe GV giải đáp thắc mắc của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nêu yêu cầu HS ôn luyện các nội dung ở nhà thông qua các câu hỏi trong SGK.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu mỗi tiểu đội thực hiện lại nội dung đã luyện tập.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc bài: đội ngũ đơn vị - SGK Tr..... GDQP 10

- Nhận xét buổi học

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 11: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRONG CHIẾN ĐẤU

Tiết 1: ĐỘNG TÁC ĐI KHOM, ĐỘNG TÁC CHẠY KHOM, ĐỘNG TÁC BÒ CAO

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, cờ địch, cờ chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5 phút)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

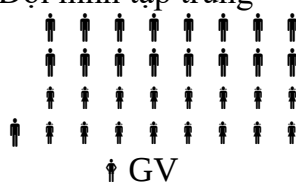
b. **Nội dung:** Giới thiệu bài mới

c. **Sản phẩm:** HS lắng nghe GV

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



- + Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

- + Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

- GV nêu phần II(1,2,3).

=> **Giới thiệu nội dung mới:** “Các tư thế, động tác cơ bản vận động trên chiến trường”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (10 phút)

Hoạt động 1: Động tác đi khom; Động tác chạy khom. (5 phút)

a. **Mục tiêu:** Giới thiệu động tác đi khom

b. **Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. **Sản phẩm:** ý nghĩa, trường hợp vận dụng động tác đi khom

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập. - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B ₁ : Làm nhanh. B ₂ : Làm chậm có phân tích. B ₃ : Làm tổng hợp.	1. Động tác đi khom (5 phút) a. Trường hợp vận dụng: Thường vận dụng trong trường hợp gần địch; địa hình địa vật che khuất, che đỡ ngang cao tầm ngực hoặc đêm tối sương mù địch khó phát hiện. b. Hành động chiến đấu: Mang súng tiểu liên AK - <i>Tư thế chuẩn bị:</i> Người ở thế thấp, nghiêng sang phải hoặc sang trái để thu nhỏ mục tiêu, hai đầu gối chùng, từ bụng trở lên cúi thấp, mắt quan sát mục tiêu, hai tay cầm súng ở tư

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	thế SSCĐ: Tay trái nắm ốp lót tay, tay phải cầm tay cầm, ngón trỏ đặt ngoài vành cò, mặt súng nghiêng sang trái, đầu nòng súng cao ngang mắt trái. - <i>Khi tiến:</i> Chân trái bước lên đặt cả bàn chân xuống đất mũi bàn chân chệch sang phải, chân trước hơi chùng, chân sau cong tự nhiên. Cứ như vậy hai chân thay nhau để tiến đến vị trí đã định. Khi đi khom thấp thì đầu gối chùng hơn, người cúi thấp hơn. - <i>Chú ý:</i> Khi đi khom đầu không nhấp nhô, cầm súng đúng tư thế 2. Động tác chạy khom a. Trường hợp vận dụng: - Thường vận dụng trong trường hợp cần vận động nhanh từ địa hình này sang địa hình khác. b. Động tác: - Động tác cơ bản như động tác đi khom chỉ khác: Tốc độ nhanh hơn, bước chân dài hơn  Hình 1 : Động tác đi khom
--	---

Hoạt động 2: Động tác bò cao (5 phút)

a. Mục tiêu: Giới thiệu động tác bò cao

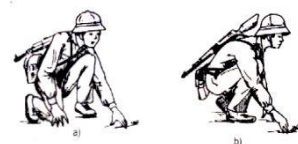
b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: ý nghĩa, trường hợp vận dụng động tác bò cao

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập động tác bò cao - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	3. Động tác bò cao (5 phút) a. Trường hợp vận dụng: Thường vận dụng ở những nơi gần địch, có địa hình, địa vật cao ngang tư thế người ngồi, nhưng chủ yếu là dụng để vận động qua nơi địa hình, địa vật dễ phát ra tiếng động như: nơi gạch, ngói, sỏi, cành khô... khi đó ta cần tay dò mìn. b. Động tác: *. Bò cao hai chân một tay: Vận dụng khi gần địch, sẵn sàng dùng súng hoặc một tay dò mìn, mang, ôm khí tài, trang bị...  - <i>Tư thế chuẩn bị:</i> Người ngồi xôm, hai bàn chân hơi kiễng lên, dây súng đeo vào vai phải, tay trái cầm ốp lót tay, cánh tay kẹp chặt súng vào hông phải. - <i>Khi tiến:</i> Người hơi ngả về trước, bàn tay trái: nắm ngón tay chụm lại đưa về trước (tìm chỗ đặt chân) chống xuống đất rồi từ từ xoè ra đẩy nhẹ lá cây về các phía. Dùng các đầu ngón tay hoặc chân trước làm trụ để giữ thăng bằng, nhấc chân sau lên đặt mũi bàn chân sát dưới lòng bàn tay trái. Chuyển trọng tâm thân người dần đều

	vào hai chân, rồi thực hiện động tác như trên. Cứ như vậy đổi chân tiến, thực hiện hai chắc một đi. - Chú ý: Khi tiến hông không nhô cao quá, không để báng súng chạm đất, không đặt cả bàn chân. ở nơi có cây cỏ thấp, không có mìn... có thể tay phải cầm lá nguy trang. * Bò cao hai chân hai tay: Thường vận dụng trong trường hợp chưa dùng đến súng, tay không bận. Động tác cơ bản như động tác bò cao hai chân một tay, chỉ khác: súng đeo sau lưng, khi tiến hai tay đều dò đường tiến (dùng tay nào thì dò đường của chân đó) thực hiện 3 chắc 1 đi.
--	---



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (25 phút)

a. **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. **Sản phẩm:** HS luyện tập động tác đi khom, chạy khom

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.

Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác.

- **Bước 2:** Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác.

- **Bước 3:** Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập.

+ Địa điểm luyện tập, hướng tập (theo qui định của giáo viên).

+ Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh.

- Triển khai và duy trì luyện tập.

- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

- Giáo viên gọi vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp.

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. **Sản phẩm:** Hs trả lời câu hỏi

d. **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS: Thực hiện lại nội dung luyện tập theo nhóm 5 học sinh

- Nhận xét buổi học

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

Bài 11: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG **Tiết 2: ĐỘNG TÁC BÒ, LẾ (CAO, THẤP)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, còi địch, còi chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5 phút)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

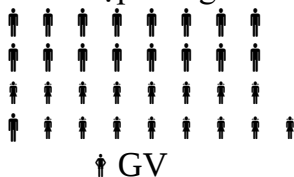
b. **Nội dung:** Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. **Sản phẩm:** HS lắng nghe GV

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



- + Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

- + Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

- Kiểm tra 2 HS động tác đi, chạy khom.

- GV nêu phần II (4,5,6).

=> **Giới thiệu nội dung mới:** “ **Động tác lê (cao, thấp); Động tác trườn; Động tác vọt tiến, động tác dừng lại**”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (15 phút)

Hoạt động 1: Động tác lê (5 phút)

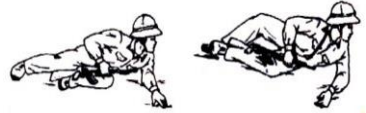
a. **Mục tiêu:** Giới thiệu động tác lê

b. **Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. **Sản phẩm:** ý nghĩa, trường hợp vận dụng động tác lê

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập động tác lê - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước:	4. Động tác lê (5 phút) a. Trường hợp vận dụng Thường vận dụng khi gần địch, cần thu hẹp mục tiêu, ở nơi địa hình, địa vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người ngồi, động tác cần nhẹ nhàng, thận trọng.

B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	b. Động tác * Lê cao:  - <i>Tư thế chuẩn bị:</i> Người ngồi nghiêng xuống đất, mông trái và đùi trái tiếp đất chân trái đầu gối co ngang thắt lưng, đùi trái gần vuông góc với hướng tiến, chân phải duỗi thẳng tự nhiên. Tay trái chống trước đùi trái, đầu hơi cúi, mắt quan sát mục tiêu. Tay phải cầm ốp lót tay đặt súng trên đùi và căng chân, hộp tiếp đạn quay ra ngoài. Nòng súng hơi chệch sang trái - <i>Khi lê:</i> Chân phải co lên đặt sát bàn chân trái, tay trái chống về trước một cánh tay, dùng sức bàn chân phải và tay trái nâng người lên đồng thời đẩy người về trước khi chân phải duỗi thẳng tự nhiên thì đặt đùi và căng chân trái xuống đất. Cứ như vậy phối hợp đẩy để tiến. - Chú ý: Khi lê phải nâng căng chân lên khỏi mặt đất, không để súng chạm đất, mắt luôn quan sát mục tiêu. * Lê thấp:  Động tác như lê cao chỉ khác: đặt cả cẳng tay xuống đất, đầu cúi thấp hơn
--	--

Hoạt động 1: Động tác trườn (5 phút)

- a. Mục tiêu:** Giới thiệu động tác trườn
- b. Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c. Sản phẩm:** trường hợp vận dụng, động tác trườn
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập động tác trườn - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	5. Động tác trườn (5 phút) a. Trường hợp vận dụng Thường được vận dụng ở nơi sát địch, dò gỡ mìn qua hàng rào của địch cần hạ thấp mục tiêu; khi cần vượt qua địa hình bằng phẳng; nơi vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người nằm, hành động hết sức nhẹ nhàng, thận trọng. b. Động tác  - <i>Tư thế chuẩn bị:</i> Người nằm sấp, súng đặt bên phải dọc theo thân người, đầu nòng súng hướng về trước và cao ngang đầu, hộp tiếp đạn quay ra ngoài, súng cách thân người từ 25 – 30cm. Hai tay gấp lại khuỷu tay rộng hơn vai, hai bàn tay úp xuống đất để sát vào nhau dưới cằm hoặc hơi chệch về trước. Hai chân duỗi thẳng, gót chân duỗi thẳng tự nhiên - <i>Khi tiến:</i> Hai bàn tay đưa về trước khoảng 10 – 15cm, hai mũi bàn chân co về trước, dùng sức hai tay và hai

	mũi bàn chân nâng người lên, đẩy về phía trước, bụng và ngực lướt trên mặt đất, cầm gậy sát đất, mắt quan sát mục tiêu. Cứ như vậy phối hợp chân tay để tiến, tiến 2 – 3 nhịp tay phải cầm ốp lớp tay nhắc súng lên đặt nhẹ xuống đất. - Chú ý: Bụng lướt trên mặt đất, không kéo súng, không đưa súng lên quá đầu.
--	--

Hoạt động 3: Động tác vọt tiến, động tác dừng lại (5 phút)

- a. Mục tiêu:** Giới thiệu động tác vọt tiến, dừng lại
- b. Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c. Sản phẩm:** trường hợp vận dụng, động tác vọt tiến, dừng
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập động tác vọt tiến - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	6. Động tác vọt tiến (5 phút) a. Trường hợp vận dụng Thường vận dụng qua nơi địa hình trống trải, khi địch tạm ngưng hỏa lực. Vọt tiến thực hiện ở tất cả các tư thế: đứng, quỳ, nằm... đột nhiên, bất ngờ vọt chạy nhanh b. Động tác * Vọt tiến ở tư thế cao - Khi đang đi, đứng, quỳ, ngồi... tay phải xách súng, nếu có trang bị khác thì đeo súng vào sau lưng, hai tay ôm trang bị, người hơi cúi về trước, dùng sức của hai chân bật người về trước thành chạy nhanh. * Vọt tiến ở tư thế thấp - Khi đang nằm, bò, trườn... người hơi nghiêng về bên trái, chân trái co ngang thắt lưng, chân phải duỗi thẳng tự nhiên, tay phải chuyển súng chuyển súng hoặc trang bị dọc theo thân người, dùng sức của một tay và hai chân đẩy người bật dậy, đột nhiên vọt chạy. * Vọt tiến vận dụng - Tay phải cầm súng hai tay chống trước ngực dùng hai tay và hai chân nâng người lên, đồng thời chân phải bước nhanh về trước thành tư thế chạy nhanh. Quá trình vận động chuyển súng thành tư thế sẵn sàng chiến đấu. * Chú ý - Trước khi vọt tiến nếu địch đang theo dõi thì phải di chuyển sang phải hoặc sang trái rồi mới vọt tiến. 7. Động tác dừng lại - Dừng lại khi đang vọt tiến để lợi dụng địa hình, để bắn... tùy theo địa hình và tình hình địch có thể dừng lại ở tư thế cao hay thấp. Động tác dừng lại hành động phải thật nhanh chóng Chú ý: Khi dừng lại, phải dừng lại cách bên trái hoặc bên phải vật lợi dụng từ 3 – 5m quan sát cơ động rồi mới cơ động vào vật lợi dụng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (20 phút)

- a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập động tác đi khom, chạy khom

d. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.

Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác.

- **Bước 2:** Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác.

- **Bước 3:** Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập.

+ Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh.

- Triển khai và duy trì luyện tập.

- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

- Giáo viên gọi vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp.

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS: Thực hiện lại nội dung luyện tập theo nhóm 5 học sinh

*** Hướng dẫn về nhà**

Luyện tập các động tác đã học.

- Nhận xét buổi học

.....
.....
- Kiểm tra sỹ số, vật chất:
.....
Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....
.....
.....

Ngày soạn: .../.../...
Ngày dạy: .../.../...

Bài 11: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Tiết 3: LUYỆN TẬP CÁC ĐỘNG TÁC ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, cờ địch, cờ chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

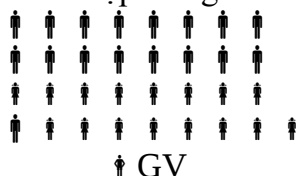
b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



- + Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

- + Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

=> **Giới thiệu nội dung mới:** “*Luyện tập các động tác đã học*”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Luyện tập các tư thế, động tác vận động đã học (Đi khom, chạy khom, bò cao)

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.	- Khẩu lệnh điều khiển tập các động tác: + “Tên động tác – chuẩn bị - Tiến”. + “Thôi tập”. *- Tập luyện 3 động tác (1 – 2 – 3) 1- Động tác đi khom, chạy khom.

- Thực hiện đúng theo khẩu lệnh qui định.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác.

- **Bước 2:** Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác.

- **Bước 3:** Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập.

+ Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Triển khai và duy trì luyện tập.
- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

- Giáo viên gọi mỗi tổ vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

- Giáo viên nhận xét, dặn dò và kết thúc buổi học



Hình 1 : Động tác đi khom

2- Động tác bò cao một tay hai chân.



3- Động tác bò cao hai tay hai chân.



- Khẩu lệnh điều khiển tập các động tác:

+ “ Tên động tác – chuẩn bị - Tiến”.

+ “ Thôi tập”.

*- Tập luyện 3 động tác (4 – 5 – 6)

4- Động tác lê cao.



5- Động tác lê thấp.



6- Động tác trườn.



D. HOẠT ĐỘNG HỘI THAO

a. Mục tiêu: Luyện tập các tư thế, động tác vận động đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên gọi mỗi lần 4 học sinh ra thực hiện (mỗi tổ 1 h/s). + Khẩu lệnh, động tác do giáo viên điều khiển. + Gọi nữ thực hiện theo nhóm nữ. * Đội hình hội thao. ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂	- Khẩu lệnh điều khiển tập các động tác: + “ Tên động tác – chuẩn bị - Tiến”. + “ Thôi tập”. - Học sinh chuẩn bị ở tư thế đeo súng, khi nghe khẩu lệnh mới làm động tác lấy súng ra để thực hiện. * Động tác di khom, chạy khom.

↑ GV Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện đúng theo khẩu lệnh qui định. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Số còn lại nhìn và cho ý kiến đánh giá theo từng tổ, của từng đợt thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định: - Giáo viên gọi học sinh thực hiện tốt ra thực hiện lại để chốt lại những động tác đúng, sai. - Giáo viên nhận xét, dặn dò và kết thúc buổi học.	Hình 1 : Động tác đi khom * Động tác bò cao một tay hai chân. * Động tác bò cao hai tay hai chân. * Động tác lê cao. * Động tác lê thấp. * Động tác trườn.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (20 phút)

a. **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. **Sản phẩm:** HS luyện tập động tác đi khom, chạy khom

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.

Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác.

- **Bước 2:** Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác.

- **Bước 3:** Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập.

+ Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh.

- Triển khai và duy trì luyện tập.

- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

- Giáo viên gọi vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp.

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS: Thực hiện lại nội dung luyện tập theo nhóm 5 học sinh

*** Hướng dẫn về nhà**

Luyện tập các động tác đã học.

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

TIẾT 1

BÀI 12: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

Nắm kiến thức cơ bản, ban đầu về các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, sơ cứu bỏng, hô hấp nhân tạo, kỹ thuật băng bó vết thương và chuyển thương.

Biết cách sơ cứu ban đầu các tai nạn thông thường.

Làm được các động tác cầm máu tạm thời, cố định tạm thời gãy xương, hô hấp nhân tạo; biết băng bó vết thương và ứng dụng các phương tiện sẵn có, biết cách chuyển thương.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.
- Bước đầu biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

Chấp hành tốt nội quy, quy định của giờ học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Giáo án, mô hình, tranh vẽ.

2. Học sinh: Sách, vở ghi đầy đủ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu bài: Bài học này nhằm cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản về cầm máu tạm thời, cố định tạm thời gãy xương, hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương nhằm giúp người học có thể thực hiện được các kỹ thuật này trong những trường hợp cần thiết khi gặp các tai nạn xảy ra.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: 1. Cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường.

a. Mục tiêu: Giúp HS biết được cách thức cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường.

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS thực hành và làm được những kỹ thuật cấp cứu ban đầu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lý tổ của mình.	1. Cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường. - Bong gân. Cấp cứu ban đầu: Băng ép, chườm đá, bất động chi, trường hợp nặng chuyển ngay đến các cơ sở y tế để cứu chữa. - Đề phòng: Đi lại, chạy nhảy, lao động, luyện tập đúng tư thế. Cần kiểm tra bảo đảm an toàn bãi tập và các phương tiện trước khi lao động, luyện tập quân sự. - Sai khớp + Cấp cứu ban đầu: Bất động khớp bị sai ở nguyên tư thế sai lệch. Chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế để cứu chữa. + Đề phòng: Quá trình lao động, luyện tập phải chấp hành nghiêm quy định bảo đảm an toàn. Cần kiểm tra độ an toàn của

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện bài luyện tập, các nhóm khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS.	thao trường, bãi tập, các phương tiện. - Điện giật Cấp cứu: Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện, kiểm tra tổn thương, làm hô hấp nhân tạo và chuyển tới bệnh viện. - Đề phòng: Chấp hành quy định sử dụng điện, bảo đảm an toàn khi sử dụng điện. - Đuối nước + tìm kiếm sự trợ giúp, đồng thời đưa nạn nhân ra khỏi nước an toàn. + đặt nạn nhân nằm nghiêng chỗ kho ráo, dốc nước; móc đất, bùn, đờm giải ra khỏi miệng. + hô hấp nhân tạo; + chuyển đến bệnh viện. - Ngất + Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn tại nơi thoáng khí, yên tĩnh, tránh tập trung đông người, kê gối dưới vai cho đầu hơi ngửa ra sau, cởi lỏng quần áo, khơi thông đường thở. + Xoa bóp trên cơ thể, tát vào má, giật tóc mai. + Trường hợp chưa tỉnh, phải kiểm tra phát hiện dấu hiệu ngừng thở, ngừng tim sau đó ép tim ngoài lồng ngực. - Rắn độc cắn + Băng ép khi bị cắn bởi rắn cạp nong, cạp nia, hổ mang chúa, rắn biển và một số loài rắn hổ mang thường; không băng ép khi bị rắn lục cắn. Bất động chân, tay bị cắn bằng nẹp; cởi bỏ đồ trang sức ở chân, tay bị cắn. + Có thể rửa vết cắn bằng nước sạch với xà phòng rồi sát trùng. + Trấn an nạn nhân, không để nạn nhân tự đi lại. + Sau khi sơ cứu, chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất. - Say nóng, say nắng + Đặt nạn nhân vào nơi thoáng mát. + cởi lỏng quần áo. + làm mát, khi tỉnh thì cho uống nước chanh đường hoặc nước oresol. + trường hợp nặng, sau khi sơ cứu chuyển nạn nhân đến ngay cơ sở y tế.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành nội dung luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:

- + Phân biệt các loại chảy máu.
- + Nguyên tắc cố định xương gãy
- + Nguyên nhân gây ngạt thở

- Hướng dẫn nội dung ôn tập

- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ

Tìm hiểu các phương pháp cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo

HS tìm hiểu và trả lời

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

- Nhận xét buổi học

.....

 - Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....
Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

TIẾT 2

BÀI 12: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nắm kiến thức cơ bản, ban đầu về các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, sơ cứu bỏng, hô hấp nhân tạo, kỹ thuật băng bó vết thương và chuyển thương.

Biết cách sơ cứu ban đầu các tai nạn thông thường.

Làm được các động tác cầm máu tạm thời, cố định tạm thời gãy xương, hô hấp nhân tạo; biết băng bó vết thương và ứng dụng các phương tiện sẵn có, biết cách chuyển thương.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.
- Bước đầu biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

Chấp hành tốt nội quy, quy định của giờ học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Giáo án, mô hình, tranh vẽ.

2. Học sinh: Sách, vở ghi đầy đủ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu bài: bài học này nhằm cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản về cầm máu tạm thời, cố định tạm thời gãy xương, hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương nhằm giúp người học có thể thực hiện được các kỹ thuật này trong những trường hợp cần thiết khi gặp các tai nạn xảy ra.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: 2. Kỹ thuật băng vết thương.

a. Mục tiêu: Giúp HS biết được mục đích, các nguyên tắc cầm máu tạm thời và phân biệt được các loại máu chảy

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Câu 1. Em hãy nêu tên và cách sơ cứu một số tai nạn thông thường ở hình 2.1 sgk? - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lý tổ của	2. Kỹ thuật băng vết thương. Mục đích: Bảo vệ cho vết thương khỏi bị ô nhiễm, Cầm máu tại vết thương, Giảm đau đớn cho nạn nhân Nguyên tắc băng: Băng kín, băng hết các vết thương, Băng chắc (đủ độ chặt), Băng sớm, băng nhanh. 1. Kỹ thuật một số kiểu băng bằng băng cuộn. Băng vòng xoắn: - Trường hợp áp dụng: thường băng ở các bộ phận đều nhau như cánh tay, ngón tay... - Chuẩn bị: băng cuộn, gạc gim, kéo... - Bước 1: đặt gạc lên vết thương; cố định vòng băng đầu tiên tại cánh tay dưới sát khuỷu. - bước 2: đường băng số 2 đè lên 2/3 đường băng số 1 cứ như

mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện bài luyện tập, các nhóm khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận trả lời câu hỏi. GV chỉ trực tiếp trên tranh ảnh để HS quan sát Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện cá nhân HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên kết luận, cho học sinh ghi những ý chính. Giáo viên kết luận, cho học sinh ghi những ý chính.  Băng đầu kiểu quai mũ	vây xoắn theo kiểu lò so cho tới khi kín hết vùng cánh tay bị thương. - Bước 3: cố định vòng băng cuối tại cánh tay trên. Băng số 8. - Trường hợp áp dụng: thường băng ở vùng khớp như băng bàn tay, cẳng tay, vai nách, ... - Chuẩn bị: băng cuộn, gạc gim, kéo... - Bước 1: đặt gạc lên vết thương; cố định vòng băng đầu tiên tại cổ tay. - Hướng đường băng số 2 qua mu bàn tay và cuộn 1 vòng qua các đầu ngón tay, hướng đường băng số 3 về phía cổ tay và đè lên 2/3 chiều rộng của băng, băng các vòng tiếp theo theo hình số 8 sao cho đường băng sau đè lên 2/3 đường băng trước. - Bước 3: cố định vòng băng cuối tại cổ tay. a. Băng hồi quy. - Trường hợp áp dụng: thường băng đầu, băng đầu ngón tay... - Bước 1: Buộc đầu ngoài của cuộn băng vào vai trái làm điểm tựa. - bước 2: Đưa cuộn băng vắt ngang qua đầu từ trái qua phải và làm một quai xoắn ở mang tai phải (đường chuẩn). (a) Đưa cuộn băng đi một vòng tròn quanh đầu (đường cố định). (b) Sau đó băng qua đầu từ phải sang trái và kế tiếp là từ trái sang phải, xoắn qua hai đầu băng ở bên mang tai, các đường băng nhích dần lên giữa trán và ra sau gáy cho đến khi kín đầu. (c), (d). - Bước 3: Buộc đầu cuối cùng của cuộn băng với đầu băng chờ của vai trái thành vòng quai mũ dưới cằm.
--	--

Hoạt động 2: 3. Kỹ thuật cầm máu tạm thời

- a. Mục tiêu:** Giúp HS biết được mục đích, các nguyên tắc cầm máu tạm thời và phân biệt được các loại máu chảy
- b. Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu câu hỏi, học sinh đọc sgk nghiên cứu trả lời câu hỏi. Câu 1. Em hãy nêu mục đích và nguyên tắc cầm máu tạm thời? Câu 2. Em hãy nêu các loại chảy máu? Câu 3: em hãy nêu một số kỹ	3. Kỹ thuật cầm máu tạm thời - Mục đích: Nhanh chóng làm ngừng chảy máu bằng những biện pháp đơn giản nhất để hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu, góp phần cứu sống tính mạng người bị nạn, tránh các tai biến nguy hiểm. - Nguyên tắc cầm máu tạm thời: + Phải khẩn trương, nhanh chóng làm ngừng chảy máu. + Phải xử trí đúng chỉ định theo tính chất vết thương. + Phải đúng quy trình kỹ thuật. các loại chảy máu: Chảy máu mao mạch; Chảy máu tĩnh mạch vừa và nhỏ; Chảy

thuật cầm máu mà em biết? cách thức thực hiện như thế nào? - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lý tổ của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện cá nhân HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên kết luận, cho học sinh ghi những ý chính.	máu động mạch. - Một biện pháp cầm máu tạm thời. + Gấp chi tối đa: thường sử dụng khi bị chảy máu ở chi, vết thương không bị gãy xương, đây là biện pháp đơn giản có thể tự làm. Chuẩn bị: băng cuộn làm con chèn, dây mềm hoặc băng vải. Bước 1: đặt con chèn vào nếp gấp giữa cẳng tay và cánh tay. Bước 2: kéo mạng cẳng tay ép vào cánh tay. Bước 3: buộc chặt cẳng tay vào cánh tay bằng dây mềm và băng vải. + Ga rô: thường dùng khi chảy máu nhiều, phụt thành tia ở các chi. Chuẩn bị: gạc, dây vải hoặc dây cao su. Bước 1: ấn động mạch để tạm thời ngưng chảy máu. Bước 2: lót gạc ở chỗ đặt garô; đặt garô sát trên vết thương 3-5cm, cuốn nhiều vòng tương đối chặt. Bước 3: buộc cố định garô. Chú ý: sau 30 phút nới garô một lần và không garô quá 3 đến 4 tiếng.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành nội dung luyện tập

d. Tổ chức thực hiện: Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:

- Hướng dẫn nội dung ôn tập

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu các phương pháp cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo.

HS tìm hiểu và trả lời

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

- Dẫn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

TIẾT 3

BÀI 12: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản, ban đầu về các kỹ thuật hô hấp nhân tạo, kỹ thuật chuyển thương.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.
- Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

Chấp hành tốt nội quy, quy định của giờ học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án, mô hình, tranh vẽ, băng, gạc và nẹp

2. Học sinh

- Sách, vở ghi đầy đủ, băng, gạc và nẹp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu bài: giúp người học có thể thực hiện được các phương pháp hô hấp nhân tạo, kỹ thuật chuyển thương trong những trường hợp cần thiết khi gặp các tai nạn xảy ra.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: 4. Kỹ thuật cố định gãy xương.

a. Mục tiêu: Giúp HS biết được mục đích, các nguyên tắc cầm máu tạm thời và phân biệt được các loại máu chảy

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu câu hỏi, học sinh đọc sgk nghiên cứu trả lời câu hỏi. Câu hỏi:Nêu đặc điểm, mục đích cố định tạm thời xương gãy - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lý tổ của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện bài luyện tập, các nhóm khác nhận xét	4. Kỹ thuật cố định gãy xương. - Mục đích - Làm giảm đau đớn, cầm máu tại vết thương - Giữ cho đầu xương tương đối yên tĩnh, đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển người bị thương về các tuyến cứu chữa. - Phòng ngừa các tai biến: choáng do mất máu, do đau đớn; tổn thương thứ phát do các đầu xương gãy di động; nhiễm khuẩn vết thương. - Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy - Nẹp cố định phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới ổ gãy. Với các xương lớn như xương đùi, cột sống... phải cố định từ 3 khớp trở lên. - Không đặt nẹp cứng vào sát chi, phải đệm, lót bằng bông mớ, gạc hoặc vải mềm tại những chỗ tiếp xúc để không gây thêm các tổn thương khác. Khi cố định không cần bỏ quần áo ra vì để quần áo của người bị thương có tác dụng tăng cường độ đệm, lót cho nẹp. - Không co kéo, nắn chỉnh ổ gãy tránh tai biến nguy hiểm

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận trả lời câu hỏi. GV chỉ trực tiếp trên tranh ảnh để HS quan sát Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện cá nhân HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên kết luận, cho học sinh ghi những ý chính.	cho người bị thương. Nếu điều kiện cho phép, chỉ có thể nhẹ nhàng kéo, chỉnh lại trực chỉ bớt biến dạng sau khi đã được giảm đau thật tốt. - Băng cố định nẹp vào chi phải tương đối chắc, không để nẹp xộc xệch, nhưng cũng không quá chặt để gây cản trở sự lưu thông máu của chi. * Một số kĩ thuật cố định tạm thời gãy xương. - Xương cẳng tay gãy. + Chuẩn bị: Hai nẹp tre hoặc gỗ (nẹp 1 dài khoảng 35cm, nẹp 2 dài khoảng 40cm), bông, khăn tam giác, băng cuộn,... Bước 1: Đặt nẹp 1 ở mặt trước của cẳng tay bị gãy, từ nếp gấp khuỷu tay đến khớp bàn tay, đặt nẹp 2 ở mặt sau cẳng tay, từ quá khuỷu đến khớp bàn tay, đặt bông tay 4 đầu nẹp và chỗ xương tiếp xúc với niếp. Bước 2: Băng cố định nẹp với cẳng tay theo kiểu băng số 8 (có vòng băng cố định ở cổ tay và ở phía trên khuỷu tay). Bước 3: Treo tay trước ngực bằng khăn tám giác (cẳng tay vuông góc với cánh tay, bàn tay quay úp vào người). - Xương đùi gãy + Chuẩn bị: ba nẹp tre hoặc gỗ (nẹp 1 dài khoảng 80cm, nẹp 2 dài khoảng 100cm, nẹp 3 dài khoảng 110 cm, bông, băng cuộn,... Bước 1: Đặt nẹp 2 ở mặt sau đùi đến quá gót chân khoảng 1 cm, đặt nẹp 3 ở mặt ngoài đùi quá gan bàn chân khoảng 1cm; đặt nẹp 1 ở mặt trong đùi đến quá gan bàn chân khoảng 1 cm, đặt bông tại các đầu nẹp. Bước 2: Buộc dây tại các vị trí trên cổ chân, ngang ngực, ngang hông, dưới khớp gối; băng số 8 ở bàn chân sao cho bàn chân vuông góc với cẳng chân. Bước 3: Buộc hai chân vào nhau tại các vị trí gối và cổ chân để cố định.
--	--

Hoạt động 2: 5. Kỹ thuật sơ cứu bỏng.

a. Mục tiêu:Giúp HS luyện tập phương pháp hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương

b. Nội dung: phương pháp thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực và phương pháp Xin – vetstor.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lí tổ của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện bài luyện tập, các	5. Kỹ thuật sơ cứu bỏng. - Mục đích Giảm nhẹ tính chất tăng nặng của vết thương, bảo vệ vết thương. - Nguyên tắc băng: Sử lí nhanh, kịp thời và đúng yêu cầu kĩ thuật. - Cách thức thực hiện + tách nạn nhân khỏi nguồn cháy. + cởi bỏ quần áo bén lửa. + ngâm vùng bị bỏng vào nước mát từ 20 tới 30

nhóm khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS	phút. + Đưa nạn nhân tới cơ sở y tế. + Giữ ấm cơ thể nạn nhân. + Bù nước nếu nạn nhân tỉnh.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. **Sản phẩm:** Hs hoàn thành nội dung luyện tập

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:

- Hướng dẫn nội dung ôn tập

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

GV giao nhiệm vụ

Tìm hiểu các phương pháp cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo

HS tìm hiểu và trả lời

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

TIẾT 4

BÀI 12: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản, ban đầu về các kỹ thuật hô hấp nhân tạo, kỹ thuật chuyển thương.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.
- Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

Chấp hành tốt nội quy, quy định của giờ học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án, mô hình, tranh vẽ, băng, gạc và nẹp

2. Học sinh

- Sách, vở ghi đầy đủ, băng, gạc và nẹp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu bài: giúp người học có thể thực hiện được các phương pháp hô hấp nhân tạo, kỹ thuật chuyển thương trong những trường hợp cần thiết khi gặp các tai nạn xảy ra.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: 6. Hô hấp nhân tạo.

a. Mục tiêu: Giúp HS luyện tập phương pháp hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương

b. Nội dung: phương pháp thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực và phương pháp Xin – vetstơ.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lý tổ của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện bài luyện tập, các nhóm khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS	6. Hô hấp nhân tạo. - Mục đích Hô hấp nhân tạo là làm cho không khí ở ngoài và phổi và không khí ở phổi ra ngoài để thay thế cho hô hấp tự nhiên khi nạn nhân ngạt thở. - Kỹ thuật một số cách hô hấp nhân tạo. + Hà hơi, thổi ngạt Bước 1: Người cấp cứu quỳ bên cạnh nạn nhân, lau sạch đờm dãi trong miệng nạn nhân, khơi thông đường thở (hình 2.10a). Bước 2: Dùng một tay bóp kín hai bên mũi nạn nhân, một tay kéo hàm xuống hàm dưới để miệng mở ra (hình 2.10c). + Ép tim ngoài lồng ngực Bước 1: Người cấp cứu quỳ bên cạnh nạn nhân, lau sạch đờm dãi trong miệng nạn nhân, khơi thông đường thở (hình 2.11a).

	+ Bước 2: Hai bàn tay đan đè nhau và đặt lên trên mũi xương ức của nạn nhân (hình 2.11b). + Bước 3: Dùng sức nặng của thân trên ấn mạnh, nhanh thẳng lồng ngực xuống khoảng 3,5 – 5 cm, làm liên tục 50 – 60 lần/phút (hình 2.11c).
--	---

Hoạt động 2: Kết thúc luyện tập 6. Hô hấp nhân tạo.

a. Mục tiêu: GV củng cố lại nội dung của tiết học, những sai lầm thường mắc trong quá trình thực hiện.

b. Nội dung: GV nhận xét, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV tập trung lớp, nhận xét, giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Lớp tập trung 4 hàng ngang, lắng nghe GV giải đáp thắc mắc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Cả lớp lắng nghe nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS Giải đáp thắc mắc của học sinh.	- Hết thời gian tập luyện giáo viên phát lệnh “thôi tập, về vị trí tập trung”. Các tổ dừng tập về vị trí tập trung.

Hoạt động 3: 7. Kỹ thuật chuyển thương.

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lý tổ của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện bài tập, các nhóm khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS	7. Kỹ thuật chuyển thương. - Mục đích Chuyển thương là vận chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế đúng kỹ thuật, an toàn và sớm nhất nhằm hạn chế thấp nhất biến chứng có thể xảy ra. - Một số cách chuyển thương thông thường + Bê, công, vác: Áp dụng cho trường hợp vết thương nhẹ, không tổn thương cột sống, di chuyển quãng đường ngắn. + Chuyển thương bằng cáng: Áp dụng cho trường hợp vết thương nặng, di chuyển quãng đường dài. Có các loại cáng chuyển thương phổ biến là cáng bạt khiêng tay và cáng ứng dụng (sử dụng vật liệu có sẵn). - Kỹ thuật một số cách chuyển thương thông thường + Bê Bước 1: Người cấp cứu tiếp cận nạn nhân ở tư thế quỳ một chân cao, một chân thấp; đỡ nạn nhân ngồi dậy, cho nạn nhân dựa lưng vào đùi của chân quỳ cao, một tay đặt ở say gáy đỡ cổ nạn nhân, một tay luồn qua khoeo chân nạn nhân (hình 2.14a).

	Bước 2: Gấp đùi nạn nhân át vào bụng, kết hợp nâng nạn nhân lần lượt lên đùi của chân quỳ thấp và chân quỳ cao; dồn sức bế nạn nhân và đứng dậy để di chuyển (hình 2.14b). + Công Bước 1: Người cấp cứu luồn hai tay qua nách luồn xuống dưới vai nạn nhân, nâng nạn nhân ngồi dậy, kết hợp thu chân trước về sau đỡ nạn nhân đứng dậy và ngả người cho nạn nhân dựa vào. Nắm một tay nạn nhân đồng thời dựa vào. Nắm một tay nạn nhân đồng thời xoay người, hạ thấp trọng tâm cho thân nạn nhân dựa vào lưng (hình 2.15a). Bước 2: Luồn hai tay dưới khoeo chân nạn nhân, dồn sức công nạn nhân và đứng dậy để di chuyển (hình 2.15b). + Vác Bước 1: Người cấp cứu luồn hai tay qua nách xuống dưới vai nạn nhân, nâng nạn nhân ngồi dậy, kết hợp đứng dậy và ngả người cho nạn nhân dựa vào. Tay trên nắm một tay của nạn nhân đồng thời xoay người, hạ thấp trọng tâm; tay dưới luồn qua hang, ghé vai và cho thân nạn nhân dựa lên hai vai (hình 2.16a). Bước 2: Dồn sức vào nạn nhân và đứng dậy để di chuyển (hình 2.16b). + Di chuyển cáng Bước 1: Đặt nạn nhân lên cáng, đầu hướng về phía người đi trước và cao hơn chân. Bước 2 Người trước bước chân phải thì người sau bước chân trái, cứ như vậy giữ thăng bằng suốt quá trình đi. Khi nghỉ giải lao dùng hai gậy chống cáng và giữ cho chắc.
--	---

Hoạt động 4: 7. Kỹ thuật chuyển thương.

a. Mục tiêu:GV củng cố lại nội dung của tiết học, những sai lầm thường mắc trong quá trình thực hiện.

b. Nội dung: GV nhận xét, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Hs lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV tập trung lớp, nhận xét, giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Lớp tập trung 4 hàng ngang, lắng nghe GV giải đáp thắc mắc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Cả lớp lắng nghe nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS Giải đáp thắc mắc của học sinh.	7. Kỹ thuật chuyển thương. - Hết thời gian tập luyện giáo viên phát lệnh “thôi tập, về vị trí tập trung”. Các tổ dừng tập về vị trí tập trung.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ

- Tìm hiểu các phương pháp cầm máu tạm thời, định tạm thời xương gãy, hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương

*** Hướng dẫn về nhà**

- Chuẩn bị kiểm tra HK 2

- Nhận xét buổi học

.....

.....

- Kiểm tra sỹ số, vật chất:

.....

Phê duyệt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người soạn

Rút kinh nghiệm bổ sung

.....

.....

.....

TIẾT 35: KIỂM TRA HỌC KÌ II PHẦN LÝ THUYẾT

I. MỤC TIÊU

1. Mục đích

- Nhằm đánh giá lại kết quả học tập của học sinh.
- Tập trung, nghiêm túc trong kiểm tra.

2. Thái độ: Nghiêm túc, tập trung làm bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Giáo viên:** Thiết kế ma trận, soạn câu hỏi, xây dựng đáp án và biểu điểm, đề và giấy kiểm tra.

2. **Học sinh:** Ôn tập, kiểm tra nghiêm túc.

III. MA TRẬN

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TN KQ	TL	TNKQ	TL	
1. Luật Nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh.	Biết được cấu trúc, tuổi đăng kí, độ tuổi thực hiện, thời hạn phục vụ và một số quy định chung của Luật Nghĩa vụ quân sự.		Hiểu được cấu trúc, độ tuổi thực hiện, và một số quy định chung của Luật Nghĩa vụ quân sự.			Vận dụng kiến thức đã học, liên hệ trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự nói chung và đăng ký nghĩa vụ quân sự nói riêng.			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	5 1, 25		3 1, 5			1 3, 0			9 5, 75 điểm = 57, 5%
2. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.	Biết được một số kiến thức về biên giới quốc gia.		Hiểu được các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và phương pháp để có định đường biên giới quốc gia.			Vận dụng kiến thức đã học, liên hệ trách nhiệm của học sinh trong xây dựng và quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia.			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	5 1, 25		2 1, 0			1 2, 0			8 4, 25 điểm = 42

									5%
Tổng số câu	10		5			2			17
Tổng số điểm	2, 5		2, 5			5			10
%	25%		25%			50%			điểm

KHỐI 11

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 1: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ (2 TIẾT)**TIẾT 1: - GIỚI THIỆU MỤC TIÊU, CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG MÔN HỌC
- ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Hs nắm được mục tiêu, chương trình, nội dung môn học GDQP - AN
- Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các động tác tập hợp các đội hình cơ bản của tiểu đội

2. Năng lực**Năng lực chung:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Điều khiển (chỉ huy) tập hợp các đội hình cơ bản của tiểu đội. Thành thạo động tác đội ngũ từng người không có súng. Biết hô khẩu lệnh to, rõ ràng, dứt khoát.
- Vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập, sinh hoạt tại trường.

3. Phẩm chất

- Tự giác luyện tập để thành thạo các động tác đội ngũ đơn vị.
- Có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỷ luật, tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương tự giác chấp hành điều lệnh đội ngũ và các nội quy của nhà trường, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Chuẩn bị sân bãi, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.
- Nghiên cứu bài 1 trong SGK, SGV
- GV tập luyện thuần thục các động tác, để hướng dẫn tập luyện cho HS. Bồi dưỡng đội mẫu để phục vụ huấn luyện.
- Tranh phóng to sơ đồ đội hình tiểu đội

2. Học sinh

- Đọc trước bài 1 trong SGK, SGV.
- Tập trước các động tác tập hợp đội hình đội ngũ cho đội mẫu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.
- Nội dung:** Làm thủ tục thao trường, thủ tục huấn luyện và giới thiệu bài
- Sản phẩm:** HS lắng nghe GV
- Tổ chức thực hiện:**

– Làm thủ tục thao trường gồm: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

– Làm thủ tục huấn luyện: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

– Bài mới: Nội dung cơ bản bài học trong chương trình lớp 10, do vậy lớp 11 chỉ tập trung vào luyện tập để thực hiện đúng động tác tập hợp ĐH tiểu đội và các động tác ĐNTN không có súng, biết vận dụng trong học tập và sinh hoạt.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Giới thiệu mục tiêu, chương trình, nội dung môn học (18 phút)

- Mục tiêu:** Giới thiệu mục tiêu, chương trình, nội dung môn học
- Nội dung:** Giáo viên giới thiệu, HS lắng nghe
- Sản phẩm:** HS lắng nghe, ghi chép
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Giới thiệu cho học sinh nắm được mục tiêu, chương trình học và nội dung cơ bản của môn học GDQP-AN lớp 11 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chú ý nghe GV - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS ghi chép các nội dung mà GV truyền đạt	1. Mục tiêu môn học GDQP 2. Chương trình môn học GDQP 3. Nội dung môn GDQP

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt kiến thức	
--	--

Hoạt động 2: Đội hình tiểu đội (20 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được phương pháp luyện tập nội dung đội hình tiểu đội

b. Nội dung: Giáo viên tổ chức cho HS luyện tập

c. Sản phẩm: HS thực hiện động tác theo hướng dẫn của GV

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Tổ chức thành 4 nhóm luyện tập, mỗi nhóm (9 - 10 học sinh) biên chế thành 1 tiểu đội, các nhóm trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập. Tiến hành theo 3 bước. <i>Bước 1:</i> Từng người tự nghiên cứu nội dung động tác. Thời gian: 5 phút. Phương pháp: Từng người trong đội hình của tiểu đội vừa nghiên cứu để nhớ lại nội dung vừa tự làm động tác. <i>Bước 2:</i> Từng tiểu đội luyện tập. Thời gian: 10 phút. Phương pháp: Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác tập hợp đội hình. <i>Bước 3:</i> Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng để tập hợp đội hình. Thời gian: 10 phút. Phương pháp luyện tập: Các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng để tập hợp đội hình. - Địa điểm luyện tập, hướng tập (chỉ tại sân tập). - Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý nghe giảng, tập trung ghi nhớ các động tác mà giáo viên đã phân tích. - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác tập hợp đội hình. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS luyện tập theo 3 bước: <i>Bước 1:</i> Từng cá nhân trong nhóm tự nghiên cứu động tác. - Từng HS đứng trong đội hình vừa nghiên cứu lại nội dung vừa tự thực hiện động tác. <i>Bước 2:</i> Từng tiểu đội luyện tập. - Phương pháp: tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác tập hợp đội hình, HS trong hàng thực hiện theo khẩu lệnh hô của trung đội trưởng <i>Bước 3:</i> Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét quá trình luyện tập của HS	- Đội hình tiểu đội hàng ngang - Đội hình tiểu đội hàng dọc - Tiến, lùi, qua phải, qua trái - Giãn đội hình, thu đội hình - Ra khỏi hàng về vị trí.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm là đơn vị tiểu đội. Gọi 1 tiểu đội thực hiện lại các bước tập hợp đội hình tiểu đội.
GV chỉnh sửa điểm chưa chính xác để rút kinh nghiệm chung cho cả trung đội.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để vận dụng

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS :

- Trình bày và thực hiện động tác tập hợp đội hình tiểu đội hàng dọc

-Trình bày và thực hiện động tác tập hợp đội hình tiểu đội hàng ngang.

*** Hướng dẫn về nhà:**

GV hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

Dặn dò HS về nhà học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 1: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ (2 TIẾT)

TIẾT 2: -ĐỘI HÌNH TRUNG ĐỘI

- HỘI THAO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các động tác tập hợp các đội hình cơ bản của trung đội

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt: Điều khiển (chỉ huy) tập hợp các đội hình cơ bản của trung đội. Thành thạo động tác đội ngũ từng người không có súng. Biết hô khẩu lệnh, vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập, sinh hoạt tại trường.

3. Phẩm chất

- Tự giác luyện tập để thành thạo các động tác đội ngũ đơn vị.

- Có ý thức trách nhiệm, tổ chức kỷ luật, tác phong nhanh nhẹn, khấn trương tự giác chấp hành điều lệnh đội ngũ và các nội quy của nhà trường, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Chuẩn bị sân bãi, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.

- Nghiên cứu bài 1 trong SGK, SGV

2. Học sinh

- Đọc trước bài 1 trong SGK, SGV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục thao trường, thủ tục huấn luyện và kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS thực hiện các động tác đã học ở tiết trước

d. Tổ chức thực hiện:

– Làm thủ tục thao trường gồm: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

– Làm thủ tục huấn luyện: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

– Kiểm tra bài cũ: thực hiện các bước tập hợp đội hình tiêu đội, các động tác đội ngũ từng người không có súng đã học ở tiết trước

Yêu cầu: + làm đúng thứ tự các bước và các động tác đã học

+ hô được khẩu lệnh và điều khiển được tiểu đội tập hợp

+ thực hiện đúng những yêu cầu chuẩn khi thực hiện các động tác đội ngũ từng người không có súng

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Đội hình trung đội 15 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các động tác luyện tập nội dung đội hình trung đội

b. Nội dung: HS tiến hành luyện tập dưới sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Tổ chức thành 4 nhóm luyện tập, mỗi nhóm (9 - 10 học sinh) biên chế thành 1 tiểu đội, các nhóm trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập. Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước. <i>Bước 1:</i> Từng người tự nghiên cứu nội dung động tác. Thời gian: 5 phút. Phương pháp: Từng người trong đội hình của trung đội vừa nghiên cứu để nhớ lại nội dung vừa tự làm động tác. <i>Bước 2:</i> Trung đội luyện tập. Thời gian: 10 phút. Phương pháp: Trung đội trưởng hô và thực hiện động tác tập hợp đội hình. <i>Bước 3:</i> Trung đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị trung đội trưởng để tập hợp đội hình. Thời gian: 10 phút. Phương pháp luyện tập: Các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị trung đội trưởng để tập hợp đội hình. - Địa điểm luyện tập, hướng tập (chỉ tại sân tập). - Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý nghe giảng, tập trung ghi nhớ các	1. Đội hình trung đội hàng ngang ❖ Đội hình trung đội 1 hàng ngang ❖ Đội hình trung đội 2 hàng ngang ❖ Đội hình trung đội 3 hàng ngang 2. Đội hình trung đội hàng dọc ❖ Đội hình trung đội 1 hàng dọc ❖ Đội hình trung đội 2 hàng dọc ❖ Đội hình trung đội 3 hàng dọc

động tác mà giáo viên đã phân tích. - HS theo dõi quan sát GV hướng dẫn thực hiện động tác tập hợp đội hình. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS luyện tập theo 2 bước: Bước 1: Từng cá nhân trong nhóm tự nghiên cứu động tác. - Từng HS đứng trong đội hình vừa nghiên cứu lại nội dung vừa tự thực hiện động tác. Bước 2: Trung đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị trung đội trưởng - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả luyện tập của HS	
---	--

Hoạt động 2: Hội thao đánh giá (15 phút)

a. Mục tiêu: Tổ chức hội thao đánh giá kết quả luyện tập của HS

b. Nội dung: HS tham gia hội thao dưới sự chỉ đạo của GV

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Tổ chức thành 4 nhóm hội thao, mỗi nhóm (9 - 10 học sinh) biên chế thành 1 tiểu đội, các nhóm trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp chỉ huy - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Các nhóm HS tham gia hội thao - GV theo dõi quan sát thực hiện động tác tập hợp đội hình. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm tiến hành luyện tập các động tác Các nhóm khác nhận xét - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả luyện tập của các nhóm và cho điểm	1. Đội hình tiểu đội hàng ngang 2. Đội hình tiểu đội hàng dọc 3. Tiến, lùi, qua phải, qua trái; Giãn đội hình, thu đội hình; Ra khỏi hàng về vị trí. 4. Đội hình trung đội hàng ngang 5. Đội hình trung đội hàng dọc

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm là đội hình trung đội. Gọi trung đội trưởng thực hiện lại các bước tập hợp đội hình trung đội với đội mẫu.

Gv chỉnh sửa điểm chưa chính xác để rút kinh nghiệm chung cho cả trung đội

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

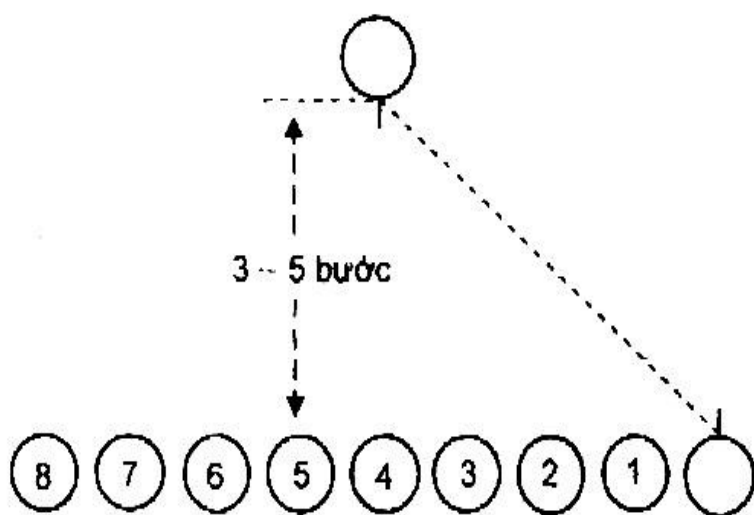
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để vận dụng

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

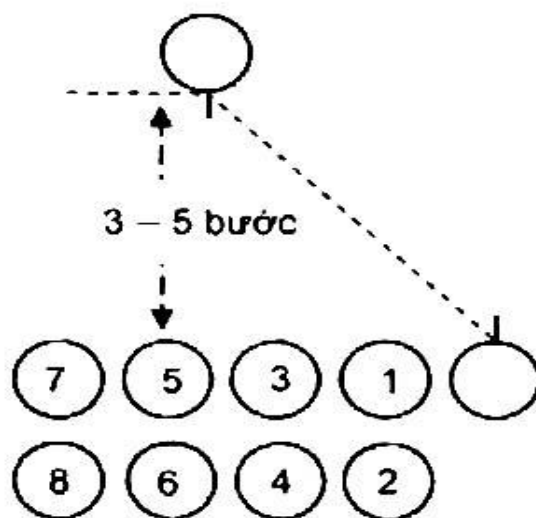
d. Tổ chức thực hiện:

- Trình bày và thực hiện động tác tập hợp đội hình trung đội hàng ngang
- Trình bày và thực hiện động tác tập hợp đội hình trung đội hàng dọc.
- * **Hướng dẫn về nhà**
- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.
- Dặn dò HS ôn tập bài cũ và chuẩn bị cho bài sau.

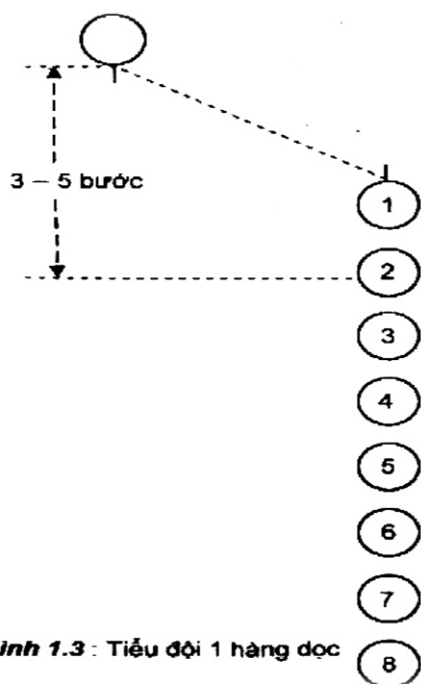
IV. BẢNG PHỤ LỤC



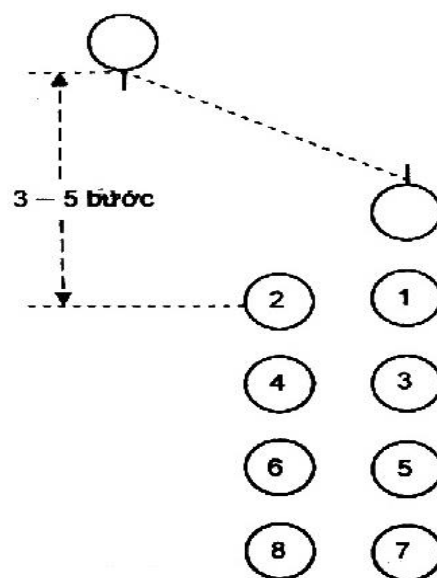
Hình 1.1 : Tiểu đội 1 hàng ngang



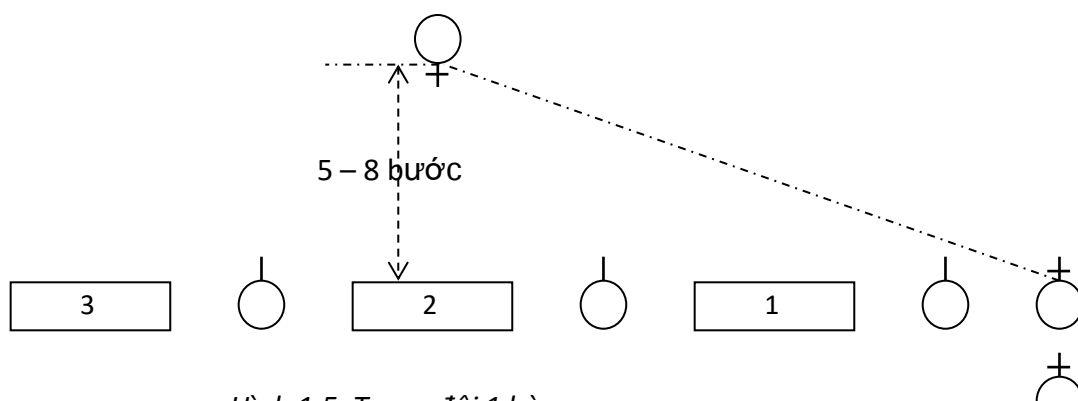
Hình 1.2 : Tiểu đội 2 hàng ngang



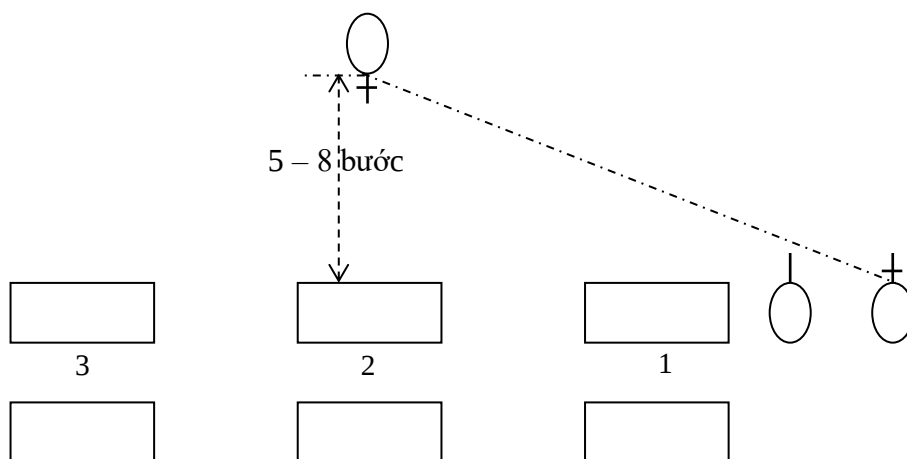
Hình 1.3 : Tiểu đội 1 hàng dọc



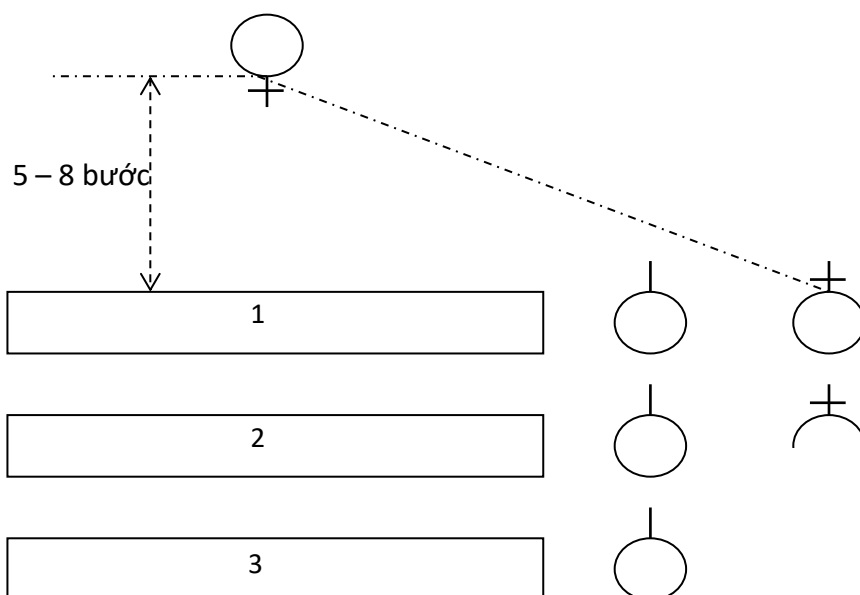
Hình 1.4 : Tiểu đội 2 hàng dọc



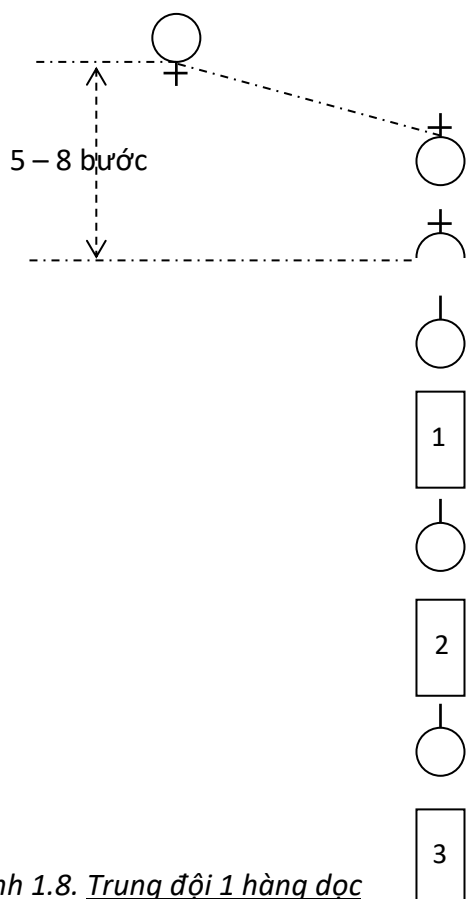
Hình 1.5. Trung đội 1 hàng ngang



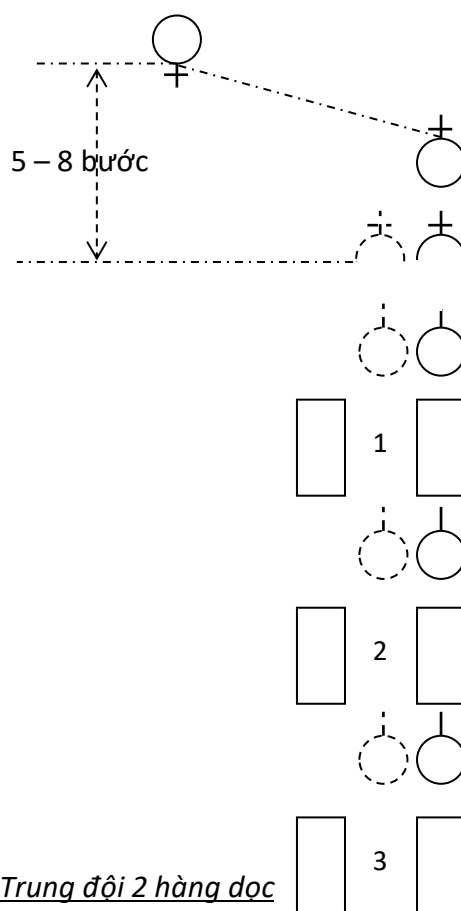
Hình 1.6. Trung đội 2 hàng ngang



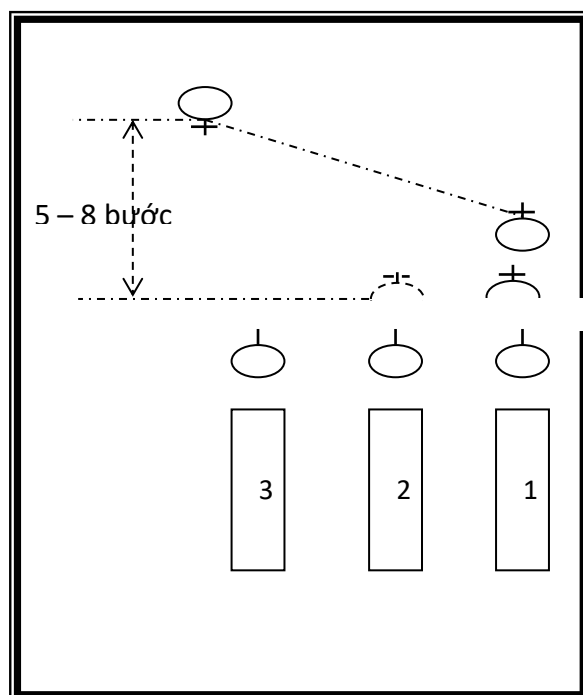
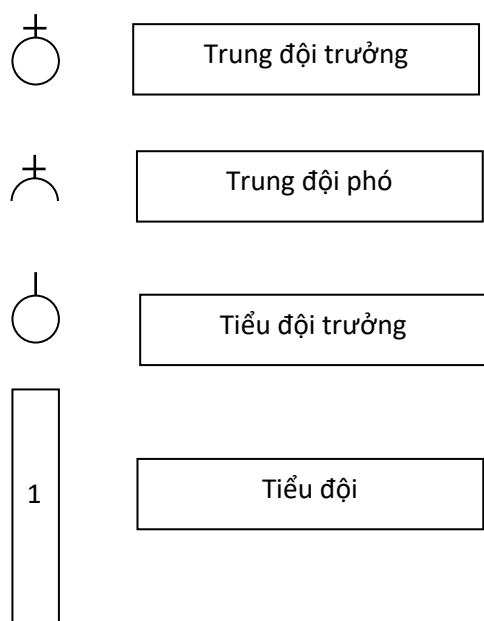
Hình 1.7. Trung đội 3 hàng ngang



Hình 1.8. Trung đội 1 hàng dọc



Hình 1.9. Trung đội 2 hàng dọc



Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Hình 1.10. Trung đội 3 hàng dọc

Bài 2: LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH (4 TIẾT)

TIẾT 3: - SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT NVQS, - GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ LUẬT NVQS

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Giúp cho học sinh nắm chắc những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự. Xác định rõ trách nhiệm đối với nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành chương trình giáo dục quốc phòng với kết quả tốt

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt: - Xác định trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc.

3. Phẩm chất

Xây dựng niềm tự hào và trân trọng truyền thống vẻ vang của quân đội nhân dân Việt Nam, sẵn sàng nhập ngũ, sẵn sàng phục vụ trong ngạch dự bị động viên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi học lý thuyết.
- Nghiên cứu bài 2, mục I trong SGK, SGV

2. Học sinh

- Đọc trước bài 2 trong SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ và giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời các câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV:

- Kiểm tra bài cũ: đơn vị tiểu đội và trung đội gồm có những đội hình nào ?
- Bài mới: Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981 đã được Quốc Hội khoá VII thông qua tại kỳ họp thứ 2 (30/12/1981) thay thế luật nghĩa vụ quân sự năm 1960. Tuy nhiên, từ đó đến nay, trước yêu cầu của từng giai đoạn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Luật này đã được Quốc Hội lần lượt sửa đổi bổ sung vào các năm 1990, 1994 và 2005.

Luật nghĩa vụ quân sự sửa đổi, bổ sung năm 2005 có 11 chương, 71 điều.

- Có 10 điều sửa đổi về nội dung
- Có 23 điều thay đổi về từ ngữ

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Sự cần thiết ban hành luật NVQS (15 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS thấy được sự cần thiết khi ban hành luật NVQS

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: - Vì sao lại ban hành luật nghĩa vụ quân sự? và chúng ta nhận thấy điều gì ở Luật NVQS ?	1. Để kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân. - Dân tộc ta có truyền thống kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm, yêu nước nồng nàn, sâu sắc. - QĐND ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến

- Chúng ta có quyền và nghĩa vụ gì để bảo vệ tổ quốc? - Ở lớp 10 các em đã được học bài: Truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam, em nào còn nhắc cho cả lớp nghe QĐND Việt Nam được xây dựng theo định hướng nào? Từ đó các yêu cầu gì là cần thiết cho quân đội trong thời kỳ hiện nay? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời câu hỏi HS khác nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức HS nghe và ghi chép ý chính	đầu, được nhân dân hết lòng ủng hộ, đùm bọc, “quân dân như cá với nước”. - Trong quá trình xây dựng QĐND Việt Nam, thực hiện theo 2 chế độ: tình nguyện (từ 1944 - 1960) và NVQS (mBắc từ 1960, mNam từ 1976 đến nay). 2. Thực hiện quyền làm chủ của công dân và tạo điều kiện cho công dân làm tròn nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc: - Hiến pháp nước CHXHCNVN khẳng định “bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân. Công dân có bốn phận làm NVQS và tham gia xây dựng QPĐ”. Việc Hiến pháp khẳng định nghĩa vụ và quyền bảo vệ Tổ quốc của công dân, nói lên vị trí, ý nghĩa của nghĩa vụ và quyền đó. Cho nên mỗi công dân có bốn phận thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi đó. - Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường và gia đình phải tạo điều kiện cho công dân hoàn thành nghĩa vụ với Tổ quốc. 3. Đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kì đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước . - Một trong những chức năng nhiệm vụ của QĐND ta là tham gia xây dựng đất nước. - Hiện nay quân đội ta đang tổ chức thành những quân chủng, binh chủng, có hệ thống học viện, nhà trường, viện nghiên cứu... và từng bước được trang bị hiện đại. - Luật NVQS quy định việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ vừa đáp ứng nhu cầu xây dựng lực lượng thường trực vừa để xây dựng, tích lũy LLDB ngày càng hùng hậu để sẵn sàng động viên và xây dựng quân đội.
--	---

Hoạt động 2: Nội dung cơ bản của luật NVQS (20 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu các nội dung cơ bản của luật NVQS

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Nội dung cơ bản của của luật NVQS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giới thiệu Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật NVQS vẫn giữ nguyên cơ cấu các chương, điều của luật hiện hành, chỉ sửa đổi bổ sung 10 điểm về nội dung (điều 12, 14, 16, 22, 24, 29, 37, 39, 43, 52). Trong đó vấn đề cốt lõi nhất là giảm độ tuổi nhập ngũ (điều 12) và giảm thời hạn phục vụ tại ngũ (điều 14)	1. Giới thiệu khái quát về luật NVQS: Luật NVQS công bố ngày 5/7/1994 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật NVQS tại kì họp thứ VII, Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XI, năm 2005 gồm : 11 chương, 71 điều: * <i>Chương I. Gồm 11 điều : Những quy định chung. Từ điều 1- 11</i> * <i>Chương II. Gồm 5 Điều : Việc phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ. Từ 12-16</i> * <i>Chương III. Gồm 4 Điều : Việc chuẩn bị cho</i>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Học sinh ghi nhận ý chính. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt kiến thức	thanh niên phục vụ tại ngũ. Từ 17-20 * <i>Chương IV. Gồm 16 Điều : Việc nhập ngũ và xuất ngũ. Từ 21- 36</i> * <i>Chương V. Gồm 8 Điều : Việc phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị. Từ 37-44</i> * <i>Chương VI. Gồm 4 điều: Việc phục vụ của quân nhân chuyên nghiệp. Từ 45-48</i> * <i>Chương VII. Gồm 9 điều : Nghĩa vụ quyền lợi của quân nhân chuyên nghiệp. Từ 49-57</i> * <i>Chương VIII. Gồm 5 điều : Việc đăng kí NVQS. Từ 58-62</i> * <i>Chương IX. Gồm 6 điều : Việc nhập ngũ theo lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ, việc xuất ngũ theo lệnh phục viên. Từ 63-68</i> * <i>Chương X. Gồm 1 điều: Xử lí các vi phạm. Điều 69</i> * <i>Chương XI. Gồm 2 điều : Điều khoản cuối cùng. Từ 70-71</i>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học. Nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:

Vậy em nào có thể cho thầy và các bạn biết việc đăng kí NVQS, thực hiện NVQS được quy định ở chương nào? Và đối tượng nào có quyền và nghĩa vụ thực hiện NVQS?

Hs: gọi 1 – 2 hs trả lời câu hỏi và để lớp đóng góp ý kiến xây dựng cho nội dung trên

Gv: khái quát và đưa đáp án

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để vận dụng

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi:

- Sự cần thiết phải ban hành Luật NVQS.

- Luật đã được sửa đổi bổ sung vào những năm nào? Luật gồm mấy Chương, bao nhiêu Điều?

HS: Trả lời các câu hỏi

* **Hướng dẫn về nhà**

Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

Chuẩn bị trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 2: LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH (4TIẾT)

TIẾT 4: - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG, CHUẨN BỊ CHO THANH NIÊN NHẬP NGŨ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Giúp cho học sinh nắm chắc những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự. Xác định rõ trách nhiệm đối với nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành chương trình giáo dục quốc phòng với kết quả tốt

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt: - Xác định trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc.

3. Phẩm chất

Xây dựng niềm tự hào và trân trọng truyền thống vẻ vang của quân đội nhân dân Việt Nam, sẵn sàng nhập ngũ, sẵn sàng phục vụ trong ngạch dự bị động viên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Chuẩn bị phòng học
- Nghiên cứu bài 2, mục II trong SGK, SGV

2. Học sinh

- Đọc trước bài 2, mục II trong SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời các câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra bài cũ: Luật NVQS đã được sửa đổi bổ sung vào những năm nào? Luật gồm mấy Chương, bao nhiêu Điều?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Những quy định chung (20 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu những quy định chung về luật NVQS

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giới thiệu: Làm nghĩa vụ quân sự bao gồm: phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của quân đội. Luật NVQS sửa đổi: công dân nam đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ, độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi (điều 12) Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, binh sĩ là 18 tháng thay vì quy định trước đây là 2 năm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Nghe và ghi chép ý chính Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức	2. Những nội dung cơ bản a) Những quy định chung về luật NVQS * Một số khái niệm: + NVQS là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong QĐND Việt Nam + Công dân phục vụ tại ngũ là quân nhân tại ngũ, công dân phục vụ trong ngạch dự bị gọi là quân nhân dự bị. + Công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi (tuổi phục vụ tại ngũ từ đủ 18 đến hết 25 tuổi) * Nghĩa vụ của QNTN và QNDB: + Tuyệt đối trung thành với nhân dân với tổ quốc, nhà nước sẵn sàng chiến đấu hy sinh bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN và hoàn thành mọi nhiệm vụ. + Tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, kiên quyết bảo vệ tài sản XHCN, tính mạng tài sản của nhân dân. + Gương mẫu chấp hành đường lối chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, Điều lệnh, Điều lệ QĐ. + Ra sức học tập chính trị, quân sự, văn hóa, kỹ thuật nghiệp vụ, rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật và thể lực, không ngừng nâng cao bản lĩnh chiến đấu Việc xác định nghĩa vụ quân nhân có ý nghĩa lớn: + Những nghĩa vụ của quân nhân nói lên bản chất cách mạng của quân đội, của mỗi quân nhân và yêu cầu họ luôn phải trau dồi bản chất cách mạng. + Mọi quân nhân trong thời gian tập trung làm nhiệm vụ có quyền và nghĩa vụ của công dân, nói lên quân đội ta là quân đội cách mạng, một bộ phận của nhà nước CHXHCNVN.

	+ Mọi công dân nam không phân biệt thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ.... có nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong QĐND Việt Nam.
--	--

Hoạt động 2: Chuẩn bị cho thanh niên nhập ngũ (15 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu các công tác cần chuẩn bị cho thanh niên nhập ngũ

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: Theo em cần phải chuẩn bị những gì cho thanh niên nhập ngũ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS: trình bày câu trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức HS nghe và ghi chép ý chính	b) Chuẩn bị cho thanh niên nhập ngũ: - Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng. - Huấn luyện quân sự phổ thông. - Đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật cho QĐ. - Đăng kí NVQS và kiểm tra sức khỏe đối với công dân nam đủ 17 tuổi.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

Bài tập 1: Trong thời bình, anh A sinh ngày 12/07/1983 có giấy gọi nhập ngũ vào ngày 03/03/2008, anh A không chấp hành, như vậy có vi phạm luật NVQS không?

Bài tập 2: Trong thời bình, anh B là sinh viên năm 2 trường Cao đẳng Thủy lợi nhận giấy gọi nhập ngũ, vậy giấy gọi đó có đúng không, tại sao?

Hs: suy nghĩ và trả lời

Gv: khái quát và đưa ra đáp án

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi :

- NVQS là gì? Độ tuổi đăng kí NVQS?

- Trách nhiệm của công dân trong độ tuổi đăng kí NVQS.

HS trả lời

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

- Học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 2: LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH(4 TIẾT)

TIẾT 5: PHỤC VỤ TẠI NGŨ TRONG THỜI BÌNH, XỬ LÝ CÁC VI PHẠM LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Giúp cho học sinh nắm chắc những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự. Xác định rõ trách nhiệm đối với nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành chương trình giáo dục quốc phòng với kết quả tốt

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt: - Xác định trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc.

3. Phẩm chất

Xây dựng niềm tự hào và trân trọng truyền thống vẻ vang của quân đội nhân dân Việt Nam, sẵn sàng nhập ngũ, sẵn sàng phục vụ trong ngạch dự bị động viên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV.

– Nghiên cứu bài 2, mục II trong SGK

2. Học sinh

– Đọc trước bài 2, mục II trong SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời các câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra bài cũ: Trách nhiệm công dân đăng kí NVQS trong thời bình

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Phục vụ tại ngũ trong thời bình (20 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu các quy định khi phục vụ tại ngũ trong thời bình

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Vì sao thời gian phục vụ tại ngũ lại được rút ngắn hơn so với trước kia? Vì sao lại có những trường hợp được hoãn và miễn gọi nhập ngũ trong thời bình? Nó nhằm mục đích gì? Bên trong luật NVQS thì nhà nước cũng có nhưng điều khoản để xử lý	c) <u>Phục vụ tại ngũ trong thời bình:</u> - Lứa tuổi gọi nhập ngũ là nam công dân từ 18 tuổi đến hết 25 tuổi. Tuổi nhập ngũ tính theo ngày tháng năm sinh. - Thời gian phục vụ tại ngũ trong thời bình: Thời hạn phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ là 18 tháng, hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan binh sĩ trên tàu hải quân là 24 tháng. - Những người sau đây được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình: + Người chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận

những vi phạm luật NVQS. Nó nhằm mục đích gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện cá nhân trình bày câu trả lời HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	của hội đồng khám sức khỏe. + Người là lao động trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động. + Người có anh chị em ruột cùng một hộ gia đình là hạ sĩ quan binh sĩ đang phục vụ tại ngũ. + Giáo viên nhân viên y tế, thanh niên xung phong, cán bộ đang làm việc ở vùng cao, vùng sâu biên giới, hải đảo xa xôi, vùng có nhiều khó khăn do chính phủ quy định. + Người đang nghiên cứu những công trình khoa học cấp nhà nước được bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc người có chức vụ tương đương chứng nhận. + Người đang học ở các trường phổ thông, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, đại học do chính phủ quy định. - Những người sau đây được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình: + Con của liệt sĩ thương binh, bệnh binh hạng một có thương tật, bệnh tật đặc biệt nặng + Một người anh hoặc em trai của liệt sĩ. + Một con trai của thương binh hạng hai. + Thanh niên xung phong, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội phục vụ từ 24 tháng trở lên ở vùng cao có nhiều khó khăn, vùng sâu biên giới hải đảo xa xôi do chính phủ quy định.
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: Xử lý các vi phạm luật NVQS (15 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu việc xử lý các vi phạm luật NVQS

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Bên trong luật NVQS thì nhà nước cũng có những điều khoản để xử lý những vi phạm luật NVQS. Nó nhằm mục đích gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện cá nhân trình bày câu trả lời HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức Nghe và ghi chép ý chính	d) Xử lý các vi phạm luật nghĩa vụ quân sự: - Xử lý các vi phạm luật nghĩa vụ quân sự thể hiện tính nghiêm minh và triệt để của pháp luật, bất kể ai vi phạm luật nghĩa vụ quân sự đều bị xử lý theo pháp luật. - Luật nghĩa vụ quân sự quy định: “người nào vi phạm các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự. - Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, gọi quân nhân dự bị tập trung huấn luyện. - Lợi dụng chức quyền, quyền hạn làm trái hoặc cản trở việc thực hiện các quy định trên hoặc vi phạm các quy định khác của LNVQS thì tùy theo mức độ nặng hay nhẹ mà xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự”

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

+ Phục vụ tại ngũ trong thời bình hiện nay được quy định theo các đối tượng.

- Hướng dẫn nội dung ôn tập

+ Với Luật NVQS được bổ sung và chỉnh sửa có gì mới so với nội dung đã học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi :

- Những trường hợp nào được tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ

- Nghĩa vụ và quyền lợi của HSQ_BS tại ngũ và dự bị.

HS trình bày câu trả lời

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

- Học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 2: LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH (4 TIẾT)

TIẾT 6: TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Giúp cho học sinh nắm chắc những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự. Xác định rõ trách nhiệm đối với nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành chương trình giáo dục quốc phòng với kết quả tốt

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt: - Xác định trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc.

3. Phẩm chất

Xây dựng niềm tự hào và trân trọng truyền thống vẻ vang của quân đội nhân dân Việt Nam, sẵn sàng nhập ngũ, sẵn sàng phục vụ trong ngạch dự bị động viên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV.

– Nghiên cứu bài 2, mục II trong SGK

2. Học sinh

– Đọc trước bài 2, mục II trong SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời các câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

- Kiểm tra bài cũ: Những trường hợp nào được tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Trách nhiệm của HS

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu trách nhiệm của HS trong việc thực hiện luật NVQS

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Qua các tiết dạy vừa qua các em có rút ra cho điều gì cho bản thân không? Và nhận ra trách nhiệm của các em là gì không? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	1. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện luật NVQS a. Học tập quân sự, chính trị, rèn luyện thể lực do trường lớp tổ chức: – Học sinh cần có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm đầy đủ trong học tập, rèn luyện phấn đấu đạt kết quả cao trong từng bài, từng khoa mục do trường lớp đề ra. – Học đi đôi với hành, vận dụng kết quả học tập đưa vào việc xây dựng nề nếp sinh hoạt tập thể có kỷ luật, văn minh trong nhà trường và ngoài xã hội.

Đại diện cá nhân trình bày câu trả lời HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức Nghe và ghi chép ý chính	b. Chấp hành nghĩa vụ về đăng kí nghĩa vụ quân sự: - Tuổi đăng kí nghĩa vụ quân sự: + Công dân là nam giới đủ 17 tuổi trong năm, những công dân trong diện làm nghĩa vụ quân sự phải được đăng kí nghĩa vụ quân sự. + Học sinh đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định cụ thể của ban chỉ huy quân sự huyện. - Ý nghĩa của việc đăng kí nghĩa vụ quân sự: + Đăng kí nghĩa vụ quân sự để nắm chắc tình hình bản thân và gia đình học sinh giúp cho việc tuyển chọn và gọi nhập ngũ chính xác. + Bảo đảm công bằng xã hội trong thực hiện nghĩa vụ quân sự. + Học sinh khi đăng kí phải kê khai đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định. c. Đi kiểm tra sức khỏe và khám sức khỏe: - Trách nhiệm cơ quan: + Kiểm tra sức khỏe cho những công dân đăng kí NVQS lần đầu, do cơ quan quân sự huyện phụ trách. + Khám sức khỏe cho những công dân trong diện gọi nhập ngũ, do hội đồng khám sức khỏe huyện phụ trách. - Trách nhiệm của học sinh: + Học sinh đi kiểm tra và khám sức khỏe theo giấy gọi của ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thành phố trực thuộc tỉnh) phụ trách. + Học sinh có mặt đúng thời gian, địa điểm theo quy định trong giấy gọi. Trong lúc kiểm tra phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, thủ tục của phòng khám. d. Chấp hành nghiêm chỉnh lệnh gọi nhập ngũ: - Trách nhiệm cơ quan: + Lệnh gọi nhập ngũ: Theo quy định của UBND, chỉ huy trưởng quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gọi từng công dân nhập ngũ. + Lệnh gọi nhập ngũ phải được đưa trước 15 ngày. - Trách nhiệm công dân được gọi nhập ngũ: + Phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ. + Công dân nào không thể có mặt đúng thời gian phải có giấy chứng nhận của UBND
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

+ Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện NVQS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi

- Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự nói chung và đăng ký nghĩa vụ quân sự nói riêng? Nêu 4 trách nhiệm của học sinh.

HS trả lời câu hỏi

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, bằng cách làm các ví dụ minh họa.

- Nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

-Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA (5 tiết)

TIẾT 7: LÃNH THỔ QUỐC GIA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Bồi dưỡng cho học sinh hiểu được những nội dung cơ bản của luật BGQG. Hiểu về truyền thống dựng nước và đấu tranh giữ vững chủ quyền lãnh thổ BGQG của dân tộc ta.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc

3. Phẩm chất

- Hiểu đúng các nội dung, có trách nhiệm xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu

- Nghiên cứu bài 3 trong SGK

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 3 trong SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

- Kiểm tra bài cũ: Nêu trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện NVQS

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Lãnh thổ quốc gia

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu khái niệm lãnh thổ quốc gia và các bộ phận cấu tạo lãnh thổ quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Theo em hiểu lãnh thổ quốc gia là gì? Lãnh thổ quốc gia gồm các bộ phận nào cấu thành? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	1. Lãnh thổ quốc gia a) Khái niệm lãnh thổ quốc gia - Lãnh thổ, cư dân, chính quyền là 3 yếu tố cơ bản cấu thành một quốc gia độc lập có chủ quyền. - " <i>Lãnh thổ quốc gia là một phần của Trái Đất bao gồm vùng đất, vùng nước, vùng trời trên vùng đất và vùng nước cũng như lòng đất dưới chúng thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của mỗi quốc gia nhất định</i> " b) Các bộ phận cấu thành nên lãnh thổ quốc

Nghe và ghi chép ý chính	gia - Vùng đất - Vùng nước: + Vùng nước nội địa + Vùng nước biên giới + Vùng nội thủy + Vùng nước lãnh hải - Vùng lòng đất - Vùng trời - Vùng lãnh thổ đặc biệt
---------------------------------	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài

+ Khái niệm và các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV nêu câu hỏi:

Trình bày khái niệm lãnh thổ quốc gia và các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA (5 tiết)

TIẾT 8: CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA, NỘI DUNG CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

– Bồi dưỡng cho học sinh hiểu được những nội dung cơ bản của luật BGQG. Hiểu về truyền thống dựng nước và đấu tranh giữ vững chủ quyền lãnh thổ BGQG của dân tộc ta.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

– Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc

3. Phẩm chất

– Hiểu đúng các nội dung, có trách nhiệm xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

– Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu

– Nghiên cứu bài 3, mục I trong SGK

2. Học sinh:

– Đọc trước bài 3, mục I trong SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

– Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

– Kiểm tra bài cũ: Nêu các bộ phận cấu thành nên lãnh thổ quốc gia

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu khái niệm chủ quyền lãnh thổ quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Theo em hiểu chủ quyền lãnh thổ quốc gia là gì Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định:	I. LÃNH THỔ QUỐC GIA VÀ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA 1. Khái niệm chủ quyền lãnh thổ quốc gia. – Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền tối cao, tuyệt đối, hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của mình – Hiến pháp 1992 của nước CHXHCN Việt Nam: " <i>Nước CHXHCN Việt Nam là một quốc gia độc lập có chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng</i> "

GV kết luận kiến thức HS Nghe và ghi chép ý chính	<i>biển và vùng trời"</i>
--	---------------------------

Hoạt động 2:Nội dung quyền lãnh thổ quốc gia

a. Mục tiêu:HS nắm được nội dung chủ quyền lãnh thổ quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV gợi ý các nội dung cơ bản của chủ quyền quốc gia, yêu cầu HS nêu nội dung các quyền đó Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức HS Nghe và ghi chép ý chính	2. Nội dung chủ quyền lãnh thổ quốc gia (Có 7 quyền cơ bản): - Quốc gia có quyền tự lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. - Quốc gia có quyền tự do lựa chọn phương hướng phát triển đnước, cải cách kinh tế, xã hội phù hợp - Quốc gia tự quy định chế độ pháp lí đvới từng vùng lãnh thổ. - Quốc gia có quyền sở hữu hoàn toàn tài nguyên thiên nhiên trên lt của mình. - Quốc gia thực hiện quyền tài phán (xét xử) đối với những người thuộc phạm vi lãnh thổ của mình - Quốc gia có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thích hợp đối với những công ty đầu tư trên lãnh thổ của mình - Quốc gia có quyền và nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo Lãnh thổ QG theo nguyên tắc chung của quốc tế

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài

+ 7 quyền cơ bản về chủ quyền lãnh thổ quốc gia

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS:

Trình bày khái niệm chủ quyền lãnh thổ quốc gia và các nội dung cơ bản chủ quyền lãnh thổ quốc gia

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA (5 tiết)

TIẾT 9: KHÁI NIỆM BIÊN GIỚI QUỐC GIA, XÁC ĐỊNH BIÊN GIỚI QUỐC GIA VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

– Bồi dưỡng cho học sinh hiểu được những nội dung cơ bản của luật BGQG. Hiểu về truyền thống dựng nước và đấu tranh giữ vững chủ quyền lãnh thổ BGQG của dân tộc ta.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

– Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc

3. Phẩm chất

– Hiểu đúng các nội dung, có trách nhiệm xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

– Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu

– Nghiên cứu bài 3, mục II trong SGK

2. Học sinh:

– Đọc trước bài 3, mục II trong SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

– Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

– Kiểm tra bài cũ: Nêu các quyền cơ bản chủ quyền LTQG

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Khái niệm biên giới quốc gia (15 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu khái niệm biên giới quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: chúng ta có biên giới với các quốc gia nào? + BGQG là gì? Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia gồm những gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của	II. BIÊN GIỚI QUỐC GIA 1. Sự hình thành biên giới QGVN - Cùng với việc hình thành và mở rộng lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam dần dần cũng hoàn thiện. - Tuyến biên giới đất liền gồm Biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Biên giới Việt Nam - Lào; Biên giới Việt Nam – Campuchia, Việt Nam đã thoả thuận tiến hành phân giới cắm mốc, phần đầu hoàn thành vào năm 2012. - Tuyến biển đảo Việt Nam đã xác định được 12 điểm

giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức HS Nghe và ghi chép ý chính	để xác định đường cơ sở, Đã đàm phán với Trung Quốc ký kết Hiệp định phân định Vịnh Bắc bộ, Đồng thời đã ký các hiệp định phân định biển với Thái Lan; Indonêsi.a. Như vậy, Việt Nam còn phải giải quyết phân định biển với Trung Quốc trên biển Đông và chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; với Campuchia về biên giới trên biển; với Malaixia về chồng lấn vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; với Philipin về tranh chấp trên quần đảo Trường Sa 2. Khái niệm biên giới quốc gia a. Khái niệm BGQG: Là ranh giới phân định lãnh thổ của quốc gia này với lãnh thổ của quốc gia khác hoặc các vùng mà quốc gia có quyền chủ quyền trên biển. BGQG nước CHXHCNVN: Là đường và mặt phẳng thẳng đứng theo các đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo (Hoàng Sa và Trường Sa) vùng biển, lòng đất, vùng trời nước CHXHCNVN. b. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia: 4 bộ phận cấu thành biên giới là: biên giới trên đất liền, biên giới trên biển, biên giới lòng đất và biên giới trên không. - Biên giới quốc gia trên đất liền: BGQG trên đất liền là BG phân chia chủ quyền lãnh thổ đất liền của 1 QG với QG khác. Biên giới quốc gia trên biển: (Chỉ những quốc gia có biển) Có thể có hai phần: + 1 phần là đường phân định nội thủy, lãnh hải giữa các nước có bờ biển tiếp liền hay đối diện nhau. + Một phần là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải để phân cách với các vùng biển và thềm lục địa thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của QG ven biển - Biên giới lòng đất của quốc gia: BG lòng đất của QG là biên giới được xác định bằng mặt thẳng đứng đi qua đường BGQG trên đất liền, trên biển xuống lòng đất, độ sâu tới tâm trái đất. - Biên giới trên không: Là biên giới vùng trời của quốc gia, gồm hai phần: + <i>Phần thứ nhất</i>, là biên giới bên sườn được xác định bằng mặt thẳng đứng đi qua đường BGQG trên đất liền và trên biển của quốc gia lên không trung. + <i>Phần thứ hai</i>, là phần BG trên cao để phân định ranh giới vùng trời thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của QG và khoảng không gian vũ trụ phía trên
---	---

Hoạt động 2: Xác định biên giới quốc gia Việt Nam (20 phút)

a. Mục tiêu: HS nắm được nguyên tắc cơ bản xác định biên giới quốc gia và cách xác định biên giới quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Chúng ta có thể xác định biên giới với các quốc gia bằng những phương pháp gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức HS nghe và ghi chép ý chính	3. Xác định biên giới quốc gia Việt Nam a. Nguyên tắc cơ bản xác định biên giới quốc gia: - Các nước trên thế giới cũng như Việt Nam đều tiến hành xác định biên giới bằng hai cách cơ bản sau: + Thứ nhất, các nước có chung biên giới và ranh giới trên biển (nếu có) thương lượng để giải quyết vấn đề xác định biên giới quốc gia. + Thứ hai, đối với biên giới giáp với các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, Nhà nước tự quy định biên giới trên biển phù hợp với các quy định trong Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. - Ở Việt Nam, mọi ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về biên giới của Chính phủ phải được Quốc hội phê chuẩn thì điều ước quốc tế ấy mới có hiệu lực đối với Việt Nam. b. Cách xác định biên giới quốc gia: Mỗi loại biên giới quốc gia được xác định theo các cách khác nhau: * <u>Xác định biên giới quốc gia trên đất liền:</u> - Nguyên tắc chung hoạch định biên giới quốc gia trên đất liền bao gồm: + Biên giới quốc gia trên đất liền được xác định theo các điểm (toạ độ, điểm cao), đường (đường thẳng, đường sông núi, đường cái, đường mòn), vật chuẩn (cù lao, bãi bồi). + Biên giới quốc gia trên sông, suối được xác định: Trên sông mà tàu thuyền đi lại được, biên giới được xác định theo giữa lạch của sông hoặc lạch chính của sông. Trên sông, suối mà tàu thuyền không đi lại được thì biên giới theo giữa sông, suối đó. Trường hợp sông, suối đổi dòng thì biên giới vẫn giữ nguyên. Biên giới trên cầu bắc qua sông, suối được xác định chính giữa cầu không kể biên giới dưới sông, suối như thế nào. - Phương pháp để cố định đường biên giới quốc gia: + Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới + Đặt mốc quốc giới: + Dùng đường phát quang (Ở Việt Nam hiện nay mới dùng hai phương pháp đầu) <i>Như vậy, việc xác định biên giới quốc gia trên đất liền thực hiện theo ba giai đoạn là: Hoạch định</i>

	<i>biên giới bằng điều ước quốc tế; phân giới trên thực địa (xác định đường biên giới); cắm mốc quốc giới để cố định đường biên giới.</i> <i>* Xác định biên giới quốc gia trên biển:</i> Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo Việt Nam được xác định bằng pháp luật Việt Nam phù hợp với Công ước năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các quốc gia hữu quan. <i>* Xác định biên giới quốc gia trong lòng đất:</i> Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Mặt thẳng đứng từ ranh giới phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa xuống lòng đất xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước giữa Việt Nam và quốc gia hữu quan. <i>* Xác định biên giới quốc gia trên không:</i> <i>Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời</i> Biên giới quốc gia trên không xác định chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt khoảng không gian bao trùm trên lãnh thổ, do quốc gia tự xác định và các nước mặc nhiên thừa nhận.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

+ Nguyên tắc cơ bản xác định biên giới quốc gia Việt Nam

+ Phương pháp để cố định đường biên giới quốc gia Việt Nam

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS:

- Trình bày khái niệm biên giới quốc gia và cách xác định biên giới quốc gia.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA (5 tiết)

TIẾT 10: MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA. VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CỦA VIỆC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

– Bồi dưỡng cho học sinh hiểu được những nội dung cơ bản của luật BGQG. Hiểu về truyền thống dựng nước và đấu tranh giữ vững chủ quyền lãnh thổ BGQG của dân tộc ta.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

– Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc

3. Phẩm chất

– Hiểu đúng các nội dung, có trách nhiệm xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

– Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu

– Nghiên cứu bài 3, mục III trong SGK

2. Học sinh:

– Đọc trước bài 3, mục III trong SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

– Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

– Kiểm tra bài cũ: Cách xác định BGQG nước CHXHCN Việt Nam.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Một số quan điểm của đảng, nhà nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ biên giới quốc gia

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu một số quan điểm của đảng, nhà nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ biên giới quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV gợi ý các quan điểm của Đảng và Nhà nước về BV BGQG yêu cầu HS đọc sách nêu nội dung các quan điểm đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên	1. Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ BGQG a. Biên giới quốc gia nước CHXHCN VN là thiêng liêng, bất khả xâm phạm b. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của nhà nước và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức HS Nghe và ghi chép ý chính	c. Bảo vệ biên giới quốc gia phải dựa vào dân, trực tiếp là đồng bào các dân tộc ở biên giới d. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị; giải quyết các vấn đề về biên giới quốc gia bằng biện pháp hòa bình e. Xây dựng LLVT chuyên trách, nòng cốt để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thực sự vững mạnh theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có chất lượng cao, có quân số và tổ chức hợp lý
--	---

Hoạt động 2: Vị trí, ý nghĩa của việc xây dựng và quản lý bảo vệ biên giới quốc gia

a. Mục tiêu: HS nắm được vị trí, ý nghĩa của việc xây dựng và quản lý bảo vệ biên giới quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV gợi ý các nội dung cơ bản của chủ quyền quốc gia yêu cầu HS đọc sách nêu các nội dung đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức HS Nghe và ghi chép ý chính	2. Nội dung cơ bản xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam a. Vị trí, ý nghĩa của việc xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia: Khu vực biên giới là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh của mỗi quốc gia...xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa vô cùng quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

+ Quan điểm của Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ BGQG

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS:

- Nội dung cơ bản xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia nước CHXHCN VN

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA(5 tiết)

TIẾT 11: NỘI DUNG, BIỆN PHÁP XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

– Bồi dưỡng cho học sinh hiểu được những nội dung cơ bản của luật BGQG. Hiểu về truyền thống dựng nước và đấu tranh giữ vững chủ quyền lãnh thổ BGQG của dân tộc ta.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc

3. Phẩm chất

- Hiểu đúng các nội dung, có trách nhiệm xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

– Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu

– Nghiên cứu bài 3, mục III trong SGK

2. Học sinh:

– Đọc trước bài 3, mục III trong SGK

– Tập trước các động tác tập hợp đội hình đội ngũ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

– Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

– Kiểm tra bài cũ: Nêu quan điểm của Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ BGQG

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (10 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu các nội dung, biện pháp xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV gợi ý các nội dung, biện pháp xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia yêu cầu HS đọc sách nêu nội dung, biện pháp đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên	b. Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia: - Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, bảo vệ BGQG: - Quản lý, bảo vệ đường BGQG, hệ thống dấu hiệu mốc giới; đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm lãnh thổ, BG, vượt biên, vượt biển và các vi phạm khác xảy ra ở khu vực BG

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức HS Nghe và ghi chép ý chính	- Xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện: - XD nền biên phòng toàn dân, thế trận BPTD vững mạnh để quản lý, bảo vệ BGQG - Vận động quần ND ở KVBG tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới; bảo vệ AN trật tự khu vực BG, biển, đảo của Tổ quốc
--	---

Hoạt động 2: Trách nhiệm của công dân (25 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ biên giới quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV gợi ý các nội dung, trách nhiệm của công dân yêu cầu HS nêu các trách nhiệm của mọi công dân Việt Nam nói chung và trách nhiệm của học sinh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Qua khái quát của giáo viên học sinh trả lời câu hỏi dẫn dắt vào bài của giáo viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức HS Nghe và ghi chép ý chính	c. <u>Trách nhiệm của công dân:</u> * Mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng khu vực biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. - Trước hết công dân phải nhận thức rõ nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Chấp hành nghiêm chỉnh pháp, pháp luật của Nhà nước, - Thực hiện nghiêm luật quốc phòng, luật nghĩa vụ quân sự, luật biên giới; tuyệt đối trung thành với tổ quốc, - Làm tròn nghĩa vụ quân sự, thực hiện nghiêm các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao; cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. * Trách nhiệm của học sinh - Học tập nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc. - Xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lập tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ tổ quốc. - Tích cực học tập kiến thức QP-AN, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ QP - Tích cực tham gia các phong của ĐTNCS Hồ Chí Minh, phong trào mùa hè xanh, phong trào TN tình nguyện hướng về vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

+ Trách nhiệm của công dân trong bảo vệ chủ quyền và biên giới quốc gia

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS:

- Trách nhiệm của công dân trong xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia

*** Hướng dẫn về nhà**

- Chuẩn bị kiểm tra 45 phút lý thuyết

TIẾT 12: KIỂM TRA LÝ THUYẾT

I. MỤC TIÊU:

1. Mục đích:

- Nhằm đánh giá lại kết quả học tập của học sinh.
- Tập trung, nghiêm túc trong kiểm tra.

2. Thái độ: Nghiêm túc, tập trung làm bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Thiết kế ma trận, soạn câu hỏi, xây dựng đáp án và biểu điểm, đề và giấy kiểm tra.

2. Học sinh: Ôn tập, kiểm tra nghiêm túc.

III. NỘI DUNG

- Luật Nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh.
- Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

IV. TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Ổn định tổ chức

2. Phát đề kiểm tra

Đề bài:

Câu 1 (4 điểm):

Hãy cho biết độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, độ tuổi gọi nhập ngũ. Những đối tượng nào được tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ trong thời bình?

Câu 2 (6 điểm):

Như thế nào là lãnh thổ quốc gia? Quốc gia có những chủ quyền gì đối với lãnh thổ của mình. Trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 4: GIỚI THIỆU SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (4 tiết)

TIẾT 13: SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ CẤU TẠO ĐẠN K56

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Huấn luyện cho các em nắm được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, tính năng kỹ chiến thuật của súng tiểu liên AK và cấu tạo cơ bản đạn K56

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.
- Nắm chắc phần tác dụng, cấu tạo, tính năng kỹ chiến thuật của một số loại vũ khí bộ binh.
- Yêu quý, giữ gìn, bảo quản và sử dụng an toàn vũ khí được trang bị.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.
- Nghiên cứu bài 4 mục I, II trong SGK. Giảng theo phương pháp thuyết trình, diễn giải kết hợp chỉ trên mô hình tranh vẽ

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 4 mục I, II trong SGK
- Ghi chép theo ý hiểu của mình làm cơ sở thảo luận, kiểm tra; vở, viết, trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

GV: Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Súng tiểu liên AK (10 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS biết được tác dụng, tính năng và cấu tạo của súng tiểu liên AK

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
– GV giới thiệu khái lược nguồn gốc xuất xứ của súng tiểu liên AK	Súng tiểu liên kiểu Ka-Lát-Nhi-Cốp cỡ 7.62mm do Liên xô (cũ) chế tạo, gọi tắt là súng tiểu liên AK, Việt Nam và một số nước XHCN (trước đây) cũng dựa theo kiểu này sản xuất. AK được viết tắt từ hai chữ đầu của: A-Tô-Mát Ka-Lát-Nhi-Cốp (A-Tô-Mát theo tiếng Nga là tự động, Ka-Lát-Nhi-Cốp là tên kỹ sư chế tạo súng) Súng tiểu liên AK có hai loại chủ yếu: AK thường



Hình 1. Súng tiểu liên AK

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu hỏi:

- + Việc súng AK sử dụng chung đạn với nhiều loại súng có ý nghĩa ntn?
- + Em hiểu thế nào là tầm bắn thẳng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Hs trả lời câu hỏi của gv theo những hiểu biết mà mình có

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS trình bày câu trả lời

GV: Tháo súng AK và chỉ tên các bộ phận cùng với tác dụng và cấu tạo của chúng

HS quan sát và ghi chép

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét chốt kiến thức

Giải thích :

Rất tiện dụng cho binh sĩ khi ra chiến trường, tạo tính thích nghi cao trong suốt quá trình chiến đấu

Là tầm bắn mà trong suốt cự ly đó (cự ly bắn thẳng) với góc bắn tương ứng (thước ngắm bắn thẳng) khi bắn tốc độ cao, cao nhất của đường đạn không cao quá chiều cao của mục tiêu.

Ý nghĩa thực tiễn: Nghiên cứu tầm bắn thẳng vận dụng trong tình huống chiến đấu khẩn trương, khi địch xuất hiện trong cự ly bắn thẳng, để không mất thời cơ tiêu diệt địch, người bắn không cần lấy lại thước ngắm chỉ cần điều chỉnh đường ngắm bằng cách nâng hoặc hạ điểm ngắm, vẫn tiêu diệt được mục tiêu

Gv giải thích thế nào là tầm bắn hiệu quả: là tầm bắn trong cùng một cự ly bắn, lấy thước ngắm tương ứng, với điều kiện đã được xác định (súng đã được hiệu chỉnh, đạn cùng lô, bãi bắn bằng phẳng, khí hậu thời tiết ánh sáng tốt, với người bắn trung bình). Khi bắn ra một số lượng đạn đủ lớn (20 viên trở lên) có ít nhất 50% số lượng

và AK cải tiến (AKM và AKMS)

1- Tác dụng, tính năng chiến đấu

- Súng tiểu liên AK trang bị cho một người sử dụng dùng hỏa lực để tiêu diệt sinh lực địch. Ngoài ra còn sử dụng báng súng, lưỡi lê để đánh gần. Bắn được liên thanh và phát một (bắn liên thanh là chủ yếu)

- Súng dùng được hai kiểu đạn: Kiểu 1943 do Liên Xô (cũ) sản xuất và kiểu 1956 (K56) do Trung Quốc sản xuất. Súng dùng chung đạn với súng trường SKS (CKC), K63, Trung liên RPK, RPD. Súng bắn được các loại đạn thường, đạn vạch đường, đạn xuyên cháy. Hộp tiếp đạn chứa được 30 viên.

- Tầm bắn ghi trên thước ngắm

+ Đối với AK thường từ 1-8 tương ứng cự ly thực tế từ 100-800m.

+ Đối với AK cải tiến từ 1-10 tương ứng cự ly thực tế từ 100-1000m.

- Tầm bắn thẳng.

+ Với mục tiêu người nằm cao 0.5m là 350m.

+ Với mục tiêu người chạy cao 1.5m là 525m.

- Tầm bắn hiệu quả:

+ Bắn phát một là 400m

+ Bắn liên thanh là 300m. Đối với người bắn giỏi là 600m.

+ Hỏa lực tập trung mặt đất, mặt nước trong vòng 800m.

+ Bắn máy bay, quân dù trong vòng 500m.

+ Tầm sát thương của đầu đạn đến 1500m.

- Tốc độ bắn:

+ Tốc độ bắn lý thuyết : 600 phát/phút

+ Tốc độ bắn chiến đấu : Khi bắn phát một là 40 phát/phút, liên thanh là 90-100 phát/phút

- Tốc độ đầu của đầu đạn:

+ AK thường là 710m/s

+ AK cải tiến 715m/s

- Trọng lượng toàn bộ của súng:

+ AK thường khi chưa lắp đạn: 3.8kg. khi lắp đủ 30 viên là 4.3kg.

+ AKM khi chưa lắp đạn: 3.1kg khi lắp đủ 30 viên là 3.6kg.

+ AKMS khi chưa lắp đạn: 3.3kg khi lắp đủ 30 viên là 3.8kg.

Súng AK hiện được hơn 50 nước trên thế giới sử dụng với trên 100 triệu khẩu đã được sản xuất, nhiều gấp 10 lần súng M16 (AR15) của Mỹ

2- Cấu tạo của súng

* Cấu tạo chung của súng: gồm 11 bộ phận chính.

đạn trúng mục tiêu. Ví dụ: bắn mục tiêu bia số 6 ở cự ly 200m, khi bắn 50 viên đạn, có ít nhất 25 viên trở lên trúng mục tiêu)	- Nòng súng - Bộ phận ngắm (gồm đầu ngắm và thước ngắm - Hộp khóa nòng và nắp hộp khóa nòng - Bệ khóa nòng và thoi đẩy - Khóa nòng - Bộ phận cò - Bộ phận đẩy về - Ống dẫn thoi và ốp lót tay - Báng súng và tay cầm - Hộp tiếp đạn - Lê (tác dụng và cấu tạo các bộ phận ở phần bài giảng; hình ở phụ lục 1)
---	--

Hoạt động 2:Đạn K56 (5 phút)

a. Mục tiêu:Giúp HS tìm hiểu về tác dụng, cấu tạo của đạn

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giới thiệu cho học sinh về cấu tạo của đạn K56 qua việc đưa hình mẫu viên đạn Theo các em, đạn K56 được cấu tạo như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi của gv theo những hiểu biết mà mình có Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời HS quan sát và ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét chốt kiến thức HS lắng nghe gv giải thích các thuật ngữ quân sự và ghi chép ý chính	1. Tác dụng, cấu tạo của đạn a. Vỏ đạn + Tác dụng : Để liên kết các bộ phận với nhau thành 1 viên đạn hoàn chỉnh, để chứa và bảo vệ thuốc phóng, hạt lửa, bịt kín buồng đạn, không cho khí thuốc phụt ra sau khi bắn, định vị khi nạp đạn vào buồng đạn. + Cấu tạo : Vỏ đạn thường được làm bằng đồng thau hay thép mạ đồng, gồm có ; cổ vỏ đạn để liên kết với đầu đạn, vai vỏ đạn để tỳ vào buồng đạn, thân vỏ đạn để chứa và bảo vệ thuốc phóng, gờ đáy vỏ đạn để mắc vào ngoàm móc đạn, đáy vỏ đạn có lỗ chứa hạt lửa, bên trong có 2 lỗ thông lửa. b. Hạt lửa + Tác dụng : Để phát lửa đốt cháy thuốc phóng. + Cấu tạo gồm vỏ và thuốc nổ môi : . Vỏ hạt lửa làm bằng đồng để đựng thuốc môi, được nắp vào đáy vỏ đạn. . Thuốc môi fu mi nat thủy ngân, clo rat kali, sun fua ăng ti moan. c. Thuốc phóng + Tác dụng : Để sinh ra áp lực khí thuốc đẩy đầu đạn vận động. + Cấu tạo : Thuốc phóng là loại thuốc không khói với hình dáng là hạt nhỏ, từng phiến mỏng hoặc hình trụ. d. Đầu đạn + Tác dụng : để sát thương, tiêu diệt các mục tiêu, làm hư hỏng, hay phá hủy các phương tiện chiến

	tranh, bịt kín phía trước nòng súng không cho khí thuốc lọt ra ngoài. Đầu đạn có ; đầu đạn thường, đầu đạn vạch đường, đầu đạn xuyên cháy và đầu đạn cháy. + Cấu tạo gồm vỏ đầu đạn và lõi đầu đạn : . Vỏ đầu đạn, để bảo vệ lõi đạn, cắt rãnh và bịt kín không cho khí thuốc lọt ra phía trước. Vỏ đầu đạn được làm bằng vật liệu bền, dẻo, ít han rỉ, rẻ tiền như đồng thau, thép mạ ghép đồng. . Lõi đầu đạn, là phần bên trong của đầu đạn, tùy theo cách cấu tạo lõi mà quyết định tính chất và tác dụng của đầu đạn
--	---

Hoạt động 3: Sơ lược chuyển động của súng khi bắn (20 phút)

- Khi bắn liên thanh : Gạt cần định cách bắn và khóa an toàn về vị trí bắn liên thanh, lên đạn bóp cò, búa đập vào kim hỏa, kim hỏa đập vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc phóng. Thuốc phóng cháy biến thành khí thuốc có áp suất lớn đẩy đầu đạn đi. Khi đầu đạn vừa qua lỗ trích khí thuốc một phần khí thuốc phụt qua lỗ truyền khí thuốc đập vào mặt thoi đẩy, đẩy bệ khóa nòng lùi.

+ Khóa nòng lùi kéo theo vỏ đạn, gạt mấu hất vỏ, vỏ đạn bị hất ra ngoài.

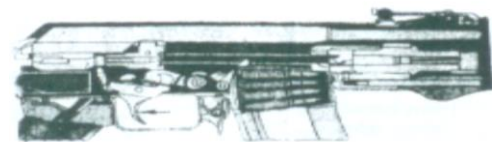
+ Tay vẫn bóp cò, ngàm giữ búa ở phía trước nên búa không bị giữ lại, khi đầu lẫy bảo hiểm rời khỏi khấc đuôi búa thì búa lại tiếp tục đập vào kim hỏa làm đạn nổ. Mọi hoạt động cứ lặp lại như thế cho đến khi hết đạn trong súng. Khi thả cò ra, ngàm giữ búa mắc vào tai búa, giữ búa ở tư thế dương, lúc này trong buồng đạn có đạn, súng ở tư thế bắn.



Hình 25: Vị trí các chi tiết của bộ phận cò trước khi lên đạn

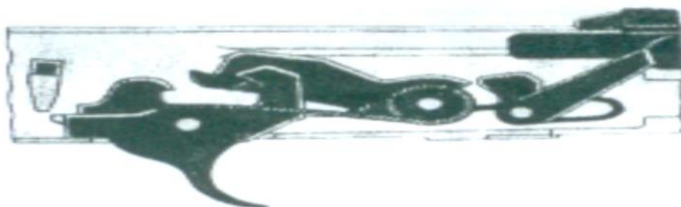


Hình 26: Vị trí các chi tiết của bộ phận cò khi lên đạn, khóa an toàn ở vị trí bắn liên thanh



Hình 27: Vị trí các bộ phận cò khi bắn liên thanh

- Khi bắn phát một : Gạt cần định cách bắn và khóa an toàn về vị trí bắn phát một thì khi bóp cò chỉ một viên đạn nổ, muốn bắn phát tiếp theo phải thả tay cò ra rồi lại bóp cò đạn mới nổ.



Hình 28: Vị trí các chi tiết bộ phận cò khi bắn phát một

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

+ Cấu tạo súng tiểu liên AK

+ Sơ lược chuyển động súng tiểu liên AK

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoàn thành các câu hỏi :

1. Em hãy nêu tính năng chiến đấu, tác dụng của súng tiểu liên AK. Súng tiểu liên AK gồm bao nhiêu bộ phận chính? Nêu thứ tự từng bộ phận?

2. Em hãy nêu cấu tạo của đạn K56

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 4: GIỚI THIỆU SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (4 tiết)

TIẾT 14: GIỚI THIỆU SÚNG TRƯỜNG CKC QUY TẮC SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN SÚNG, ĐẠN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Huấn luyện cho các em nắm được được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, tính năng kỹ chiến thuật của súng trường CKC; quy tắc sử dụng bảo quản súng, đạn.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nắm chắc phần tác dụng, cấu tạo, tính năng của súng

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.

- Yêu quý, giữ gìn, bảo quản và sử dụng an toàn vũ khí được trang bị.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.

- Nghiên cứu bài 4 trong SGK. Giảng theo phương pháp thuyết trình, diễn giải kết hợp chỉ trên mô hình tranh vẽ

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 4 trong SGK

- Ghi chép theo ý hiểu của mình làm cơ sở thảo luận, kiểm tra; vở, viết, trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

- Kiểm tra bài cũ: Nêu các bộ phận súng tiểu liên AK

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1:Súng trường CKC (20 phút)

a. Mục tiêu:Giúp HS biết được tác dụng, tính năng và cấu tạo của súng trường CKC

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: – GV giới thiệu khái lược nguồn gốc xuất xứ của súng trường CKC	Súng trường tự động nạp đạn CKC kiểu Xi-Mô-Nốp cỡ 7.62mm do Liên xô cũ chế tạo. 1. Tác dụng, tính năng chiến đấu Súng trường CKC trang bị cho một người sử dụng dùng hỏa lực, lưỡi lê, báng súng để tiêu diệt



Gv tháo súng AK và chỉ tên các bộ phận cùng với tác dụng và cấu tạo của chúng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Hs trả lời câu hỏi của gv theo những hiểu biết mà mình có

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS trình bày câu trả lời

HS quan sát và ghi chép

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét chốt kiến thức

sinh lực địch. Súng cấu tạo gọn nhẹ, súng chỉ bắn phát một. Sử dụng đạn kiểu 1943 do Liên xô (cũ) sản xuất và kiểu 1956 do Trung quốc sản xuất.

Việt Nam gọi là đạn K56. Đạn K56 có các loại đầu đạn: đầu đạn thường, vạch đường, xuyên cháy và cháy.

-Tầm bắn ghi trên thước ngắm từ 0-1000m.

- Tầm hiệu quả 400m.

- Hỏa lực bắn tập trung 800m.

- Bắn máy bay quân dù trong vòng 500m.

- Tầm bắn thẳng:

Mục tiêu người nằm cao 0.5m là 350m.

Mục tiêu người chạy cao 1.5m là 525m.

- Đầu đạn có sức sát thương đến 1500m

- Tốc độ đầu của đầu đạn 735m/s

- Tốc độ bắn chiến đấu 35-40 phát/phút

- Hộp tiếp đạn chứa được 10 viên.

- Trọng lượng của súng 3.75kg, có đủ 10 viên đạn là 3.9kg

2. Cấu tạo của súng

Cấu tạo chung gồm 12 bộ phận chính

+ Bộ phận nòng súng + Bộ phận cò

+ Bộ phận ngắm + Bộ phận đẩy về

+ Hộp khóa nòng và nắp hộp khóa nòng + Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

+ Bệ khóa nòng + Khóa nòng

+ Báng súng + Hộp tiếp đạn

+ Thoi đẩy, cần đẩy và lò xo cần đẩy + Lê

Phụ tùng đồng bộ của súng gồm: Ống đựng phụ tùng, thông nòng, kẹp đạn, dây đeo

(tác dụng và cấu tạo các bộ phận ở phần bài giảng; hình ở phụ lục 2)

Hoạt động 2: Quy tắc sử dụng và bảo quản súng, đạn (15 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các quy tắc sử dụng và bảo quản súng, đạn

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giới thiệu cho học sinh về quy tắc bảo quản súng đạn trong học tập và ngoài thực tiễn Vì sao phải bảo quản tốt vũ khí và đạn được? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi của gv theo những hiểu biết mà mình có; Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	III. Quy tắc sử dụng và bảo quản súng, đạn - Phải khám súng ngay sau khi mượn súng, khám súng phải thực hiện đúng động tác và đúng quy định. - Cấm tuyệt đối sử dụng súng để đùa nghịch hoặc chĩa nòng vào người khác bóp cò. - Chỉ được tháo, lắp hoặc sử dụng súng khi có lệnh của giáo viên.

HS trình bày câu trả lời HS quan sát và ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức Hs lắng nghe gv giải thích các thuật ngữ quân sự và ghi chép ý chính	- Cấm để đạn thật lẫn đạn tập. - Khi học sinh học tháo lắp súng nghiêm cấm không được nạp bất kỳ loại đạn nào vào súng. - Súng phải được để nơi khô ráo, sạch sẽ, không để bụi bẩn vào súng, không để súng đạn gần nơi dễ gây cháy nổ, nơi có môi trường muối hoặc axit... - Không được làm rơi súng đạn, không được sử dụng làm gậy chống hoặc làm đòn khiêng (gánh), không được ngồi lên súng hoặc tháo các bộ phận của súng để đùa nghịch
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

+ Cấu tạo súng CKC

+ Quy tắc bảo quản súng, đạn

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoàn thành các câu hỏi :

1. Em hãy nêu tính năng chiến đấu, tác dụng của đạn K56 ?

2. Thực hành tháo lắp AK ban ngày

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 4: GIỚI THIỆU SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (4 tiết) **TIẾT 15: THÁO, LẮP SÚNG TIỂU LIÊN AK**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Huấn luyện cho các em nắm được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, tính năng của súng AK; quy tắc bảo quản súng, đạn và nắm được thứ tự các bước tháo lắp súng ban ngày

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao trình độ kỹ thuật, sử dụng vũ khí để vận dụng vào trong chiến đấu sau này

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.

- Nắm chắc phần tác dụng, cấu tạo, tính năng của súng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.

- Nghiên cứu bài 4 trong SGK. Giảng theo phương pháp thuyết trình, diễn giải kết hợp chỉ trên mô hình tranh vẽ

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 4 trong SGK

- Ghi chép theo ý hiểu của mình làm cơ sở thảo luận, kiểm tra; vở, viết, trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tháo lắp súng ak (25 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các quy tắc tháo lắp súng tiểu liên AK

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: – GV yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo súng tiểu liên AK Sau đó, nêu quy tắc chung	1. THÁO LẮP SÚNG TIỂU LIÊN AK a. Quy tắc chung: - Người tháo, lắp phải nắm vững cấu tạo của súng. Phải chọn nơi khô ráo, sạch sẽ để tháo lắp súng, trước khi tháo phải chuẩn bị đầy đủ các phương tiện như: bàn hoặc bạt, chiếu, nilông và các phụ

và các bước tháo súng
Cho biết có bao nhiêu bước
lắp thông thường?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Hs trả lời câu hỏi của gv
theo những hiểu biết mà
mình có

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS trình bày câu trả lời

HS quan sát và ghi chép

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét chốt kiến thức

tùng để tháo lắp.

- Sau khi học tập công tác chỉ được tháo lắp thông thường, trường hợp súng mới lấy ở kho về cần thay dầu mỡ, súng bị ngâm nước lâu ngày, hoăn, gỉ hoặc những người giảng dạy mới được tháo lắp tỉ mỉ.

- Tháo lắp phải đúng thứ tự, đúng động tác, đúng phụ tùng.

- Tháo lắp phải nhẹ nhàng, gấp vướng mắc phải nghiên cứu thận trọng, không dùng sức mạnh đập, bẩy làm hư hỏng súng.

b. Tháo thông thường:

Bước 1: Tháo hộp tiếp đạn kiểm tra súng (không bóp chết cò, không đóng khóa an toàn).



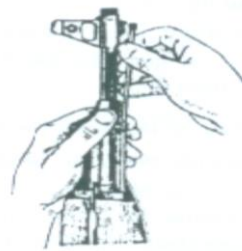
Hình 18 Tháo hộp tiếp đạn

Bước 2: Tháo ống phụ tùng.

Bước 3: Tháo thông nòng



Hình 19 Tháo phụ tùng



Hình 20 Tháo thông nòng

Bước 4: Tháo nắp hộp khóa nòng

Bước 5: Tháo bộ phận đẩy về.



Hình 21b Tháo bộ phận đẩy về

Bước 6: Tháo bộ khóa nòng, và bộ khóa nòng



Hình 22a: Tháo bệ khóa nòng



Hình 22b: Tháo khóa nòng

Bước 7: Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên



Hình 23: Tháo ống dẫn thoi

c. Lắp thông thường:

Bước 1: Lắp ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

Bước 2: Lắp bệ khóa nòng và khóa nòng

Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về

Bước 4: Lắp hộp khóa nòng, kiểm tra chuyển động

Bước 5: Lắp thông nòng.

Bước 6: Lắp ống phụ tùng

Bước 7: Lắp hộp tiếp đạn

2. THÁO LẮP SÚNG TRƯỜNG CKC

a. Quy tắc chung: (Giống như phần súng AK)

b. Tháo súng:

- Mở hộp tiếp đạn và kiểm tra súng
- Tháo ống phụ tùng
- Tháo thông nòng - Tháo nắp hộp khóa nòng



Hình 44: Tháo thông nòng



Hình 45: Tháo nắp hộp khóa nòng

- Tháo bộ phận đẩy về
- Tháo bệ khóa nòng và khóa nòng

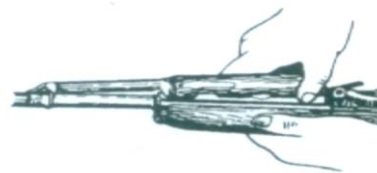


Hình 46a: Tháo bệ khóa nòng



Hình 46b: Tháo khóa nòng

- Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên



Hình 47: Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

c. Lắp súng:

- Lắp ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
- Lắp bộ khóa nòng và khóa nòng
- Lắp bộ phận đẩy về
- Lắp nắp hộp khóa nòng
- Lắp thông nòng
- Lắp ống phụ tùng.

Sau khi lắp xong làm động tác kiểm tra chuyển động của súng: Mở nắp hộp tiếp đạn, tay phải kéo bộ khóa nòng về sau hết cỡ rồi thả ra làm hai đến ba lần xong bóp cò thấy búa đập mạnh và các bộ phận chuyển động bình thường là được sau đó đóng nắp hộp tiếp đạn và đóng khóa an toàn

Hoạt động 2: Luyện tập tháo lắp súng AK, CKC

a. Mục tiêu: Giúp HS thực hành tháo lắp súng AK, CKC

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Luyện tập tháo lắp súng

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giới thiệu sơ lược cho học sinh về cấu tạo của súng AK, CKC, đạn K56 trên hình mẫu Súng AK có bao nhiêu bộ phận chính? Nêu tên các bộ phận chính đó Súng CKC có bao nhiêu bộ phận chính? Nêu tên các bộ phận chính đó <u>Yêu cầu:</u> tháo bp nào phải biết bp đó tên gọi là gì Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi của gv theo những hiểu biết mà mình có; Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Qua khái quát của giáo viên học sinh nghe và ghi chép ý chính Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức Hs lắng nghe gv giải thích các thuật ngữ quân sự và ghi chép ý chính	Tháo lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

C + D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

Yêu cầu HS thực hành tháo lắp AK, CKC ban ngày

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.
- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 4: GIỚI THIỆU SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (4 tiết)

TIẾT 16: LUYỆN TẬP THẢO LẬP SÚNG AK, CKC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Huấn luyện cho các em nắm được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, tính năng của súng AK, CKC; quy tắc bảo quản súng, đạn và nắm được thứ tự các bước tháo lắp súng ban ngày

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Nâng cao trình độ kỹ thuật, sử dụng vũ khí để vận dụng vào trong chiến đấu sau này

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.
- Xây dựng thái độ yêu quý, giữ gìn, bảo quản và sử dụng an toàn vũ khí được trang bị.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.
- Nghiên cứu bài 4 trong SGK. Giảng theo phương pháp thuyết trình, diễn giải kết hợp chỉ trên mô hình tranh vẽ

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 4 trong SGK
- Ghi chép theo ý hiểu của mình làm cơ sở thảo luận, kiểm tra; vở, viết, trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Luyện tập cấu tạo súng AK, CKC và đạn K56

a. Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại kiến thức về cấu tạo của súng AK, CKC và đạn K56

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Súng AK có bao nhiêu bộ phận chính? Nêu tên các bộ phận chính đó Súng CKC có bao nhiêu bộ phận chính? Nêu tên các bộ phận chính đó	1. <u>Cấu tạo súng AK</u> 2. <u>Cấu tạo súng CKC</u>

Đạn K56 có bao nhiêu bộ phận chính? Nêu tên các bộ phận chính đó Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi của gv theo những hiểu biết mà mình có Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời các câu hỏi Lắng nghe gv giải thích các thuật ngữ quân sự và ghi chép ý chính HS quan sát và ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết luận Qua khái quát của giáo viên học sinh nghe và ghi chép ý chính	3. <u>Cấu tạo đạn K56</u>
---	---

Hoạt động 2: Luyện tập tháo lắp súng AK, CKC

a. Mục tiêu: Giúp HS luyện tập tháo, lắp súng AK, CKC

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giới thiệu sơ lược cho học sinh về cấu tạo của súng AK, CKC, đạn K56 trên hình mẫu Súng AK có bao nhiêu bộ phận chính? Nêu tên các bộ phận chính đó Súng CKC có bao nhiêu bộ phận chính? Nêu tên các bộ phận chính đó Yêu cầu: tháo bp nào phải biết bp đó tên gọi là gì Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời câu hỏi của gv theo những hiểu biết mà mình có Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời các câu hỏi Lắng nghe gv giải thích các thuật ngữ quân sự và ghi chép ý chính HS quan sát và ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết luận Qua khái quát của giáo viên học sinh nghe và ghi chép ý chính	Tháo lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

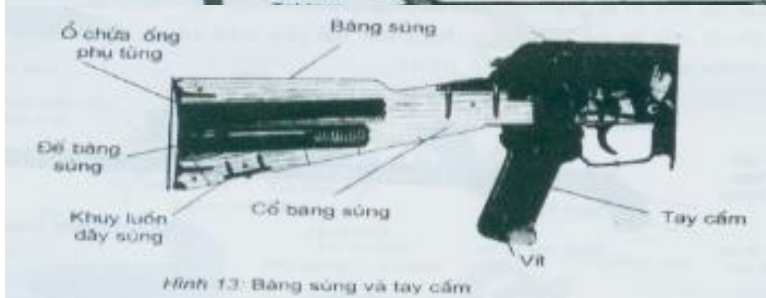
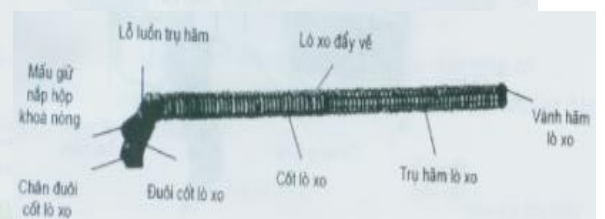
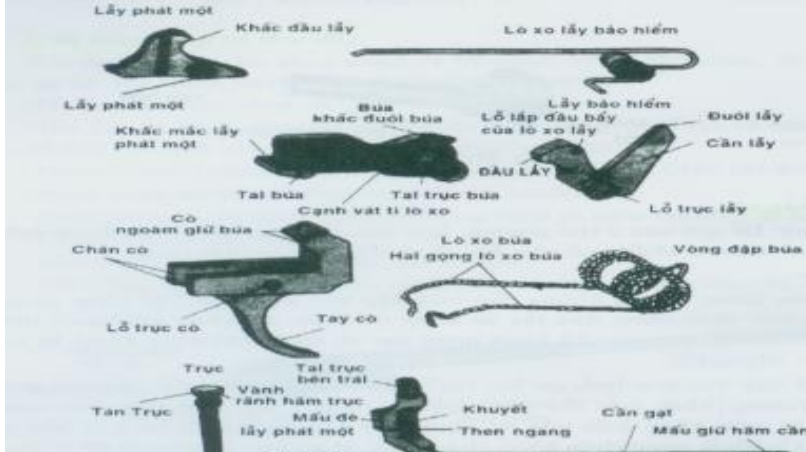
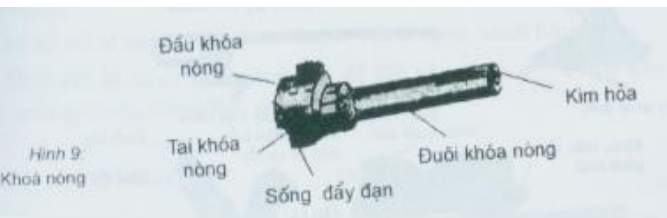
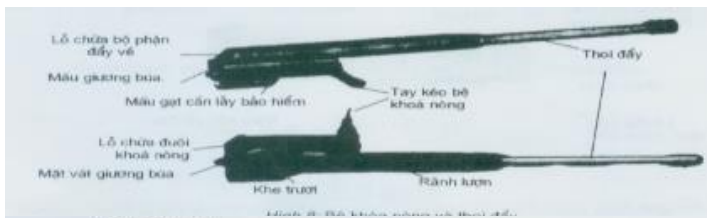
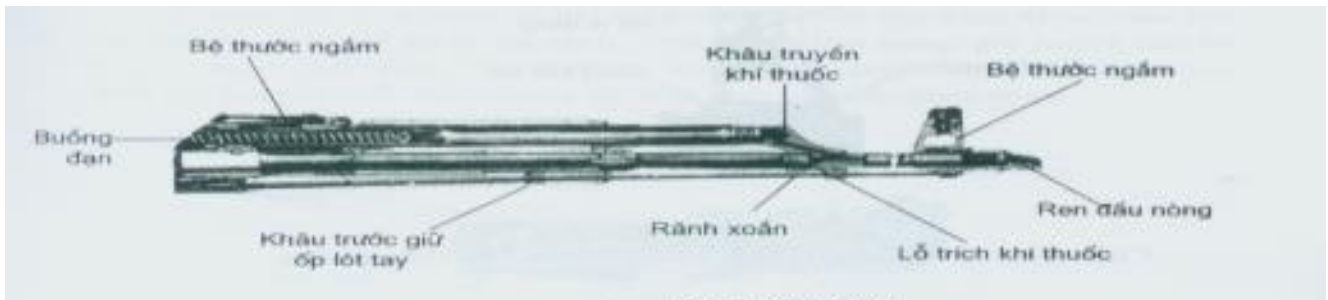
- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

Yêu cầu HS thực hành tháo lắp AK, CKC ban ngày

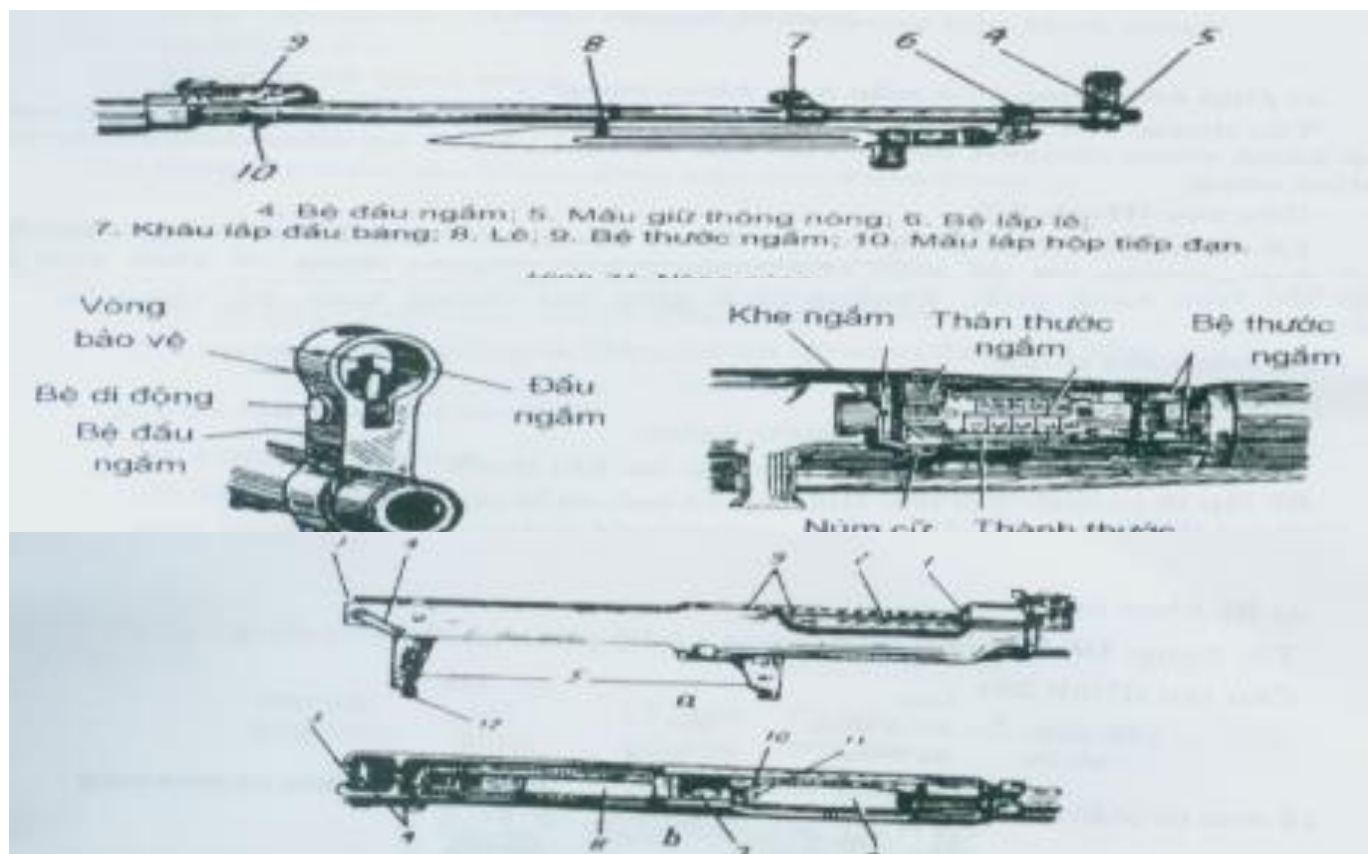
* **Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.
- Dẫn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

BẢNG PHỤ LỤC 1



BẢNG PHỤ LỤC 2



Hình 33: Hộp khoá nòng

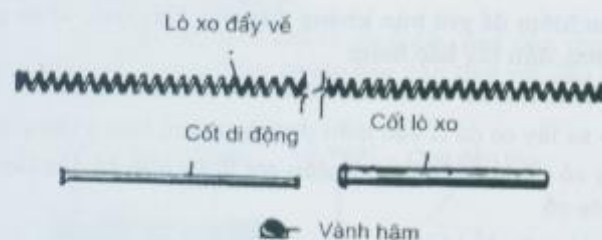
1. Lò chứa cần đẩy và lò xo cần đẩy; 2. Cửa thoát vỏ đạn; 3. Khuyết nắp mẫu dưới nắp hộp khoá nòng; 4. Cần và then hãm nắp hộp khoá nòng; 5. Trụ ti; 6. Cửa tiếp đạn; 7. Lò chứa đầu lấy bảo hiểm; 8. Cửa để búa chuyển động; 9. Gờ trượt bộ khoá nòng; 10. Mẫu lắp hộp tiếp đạn; 11. Lò chứa cần đẩy và lò xo cần đẩy; 12. Díp giữ khung cò.



Hình 34: Nắp hộp khoá nòng

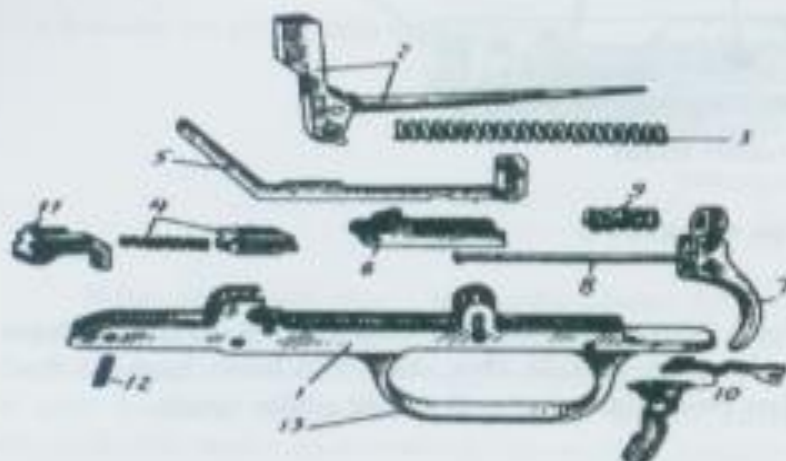


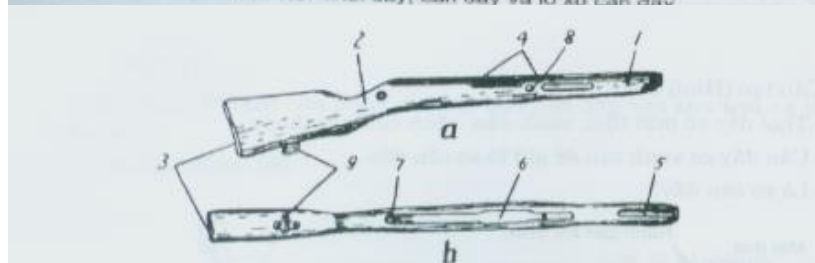
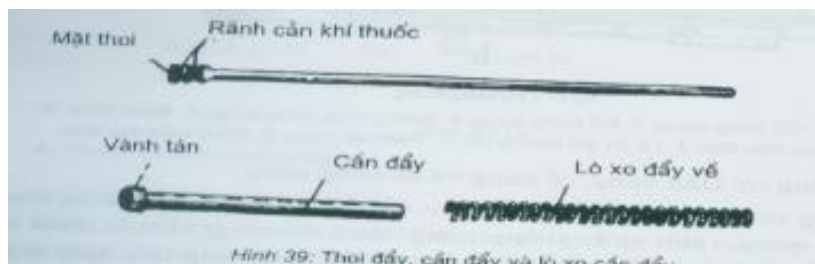
Hình 36: Khoá nòng



Hình 38: Bộ phận cò

1. Khung cò; 2. Búa và cốt lò xo búa; 3. Lò xo búa; 4. Lấy cò và lò xo lấy cò; 5. Cần lấy bảo hiểm; 6. Lấy bắn phát một; 7. Tay cò; 8. Cần đẩy lấy cò; 9. Lò xo cần đẩy lấy cò; 10. Khoá an toàn; 11. Lấy giữ nắp hộp tiếp đạn; 12. Chốt liên kết; 13. Vành cò.





1. Đầu bảng; 2. Cổ bảng súng; 3. Đế bảng súng; 4. Máng chứa nòng súng; 5. Rãnh chứa lê;

1. Thân hộp tiếp đạn; 2. Nắp hộp; 3. Đáy hộp; 4. Cần nâng đạn; 5. Lò xo cần đẩy; 6. Nòng súng; 7. Cổ giữ đạn; 8. Máng chứa nòng súng; 9. Đế bảng súng.



Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 5: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (8 tiết)

TIẾT 17: MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ LÝ THUYẾT BẮN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Huấn luyện cho các em nắm được cách lấy đường ngắm

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Nâng cao trình độ kỹ thuật, sử dụng vũ khí để vận dụng vào trong chiến đấu sau này

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.
- Nghiên cứu bài 5 trong SGK. Giảng theo phương pháp thuyết trình, diễn giải kết hợp chỉ trên mô hình tranh vẽ

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 5 trong SGK
- Ghi chép theo ý hiểu của mình làm cơ sở thảo luận, kiểm tra; vở, viết, trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Ngắm bắn

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu khái niệm, định nghĩa ngắm bắn

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV nêu câu hỏi : Em hãy cho biết thế nào là ngắm bắn? + Em hãy cho biết thế nào là đường ngắm cơ bản ? + Em hãy cho biết điểm ngắm đúng là gì? + Em hãy cho biết đường ngắm đúng là gì? + Em hãy cho biết để bắn trúng mục tiêu ta phải làm gì	1. Khái niệm - Ngắm bắn là xác định góc bắn và hướng bắn cho súng để đưa quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu 2. Định nghĩa về ngắm bắn a) Đường ngắm cơ bản - Đường ngắm cơ bản là đường ngắm từ mắt người ngắm đi qua khe chính giữa mép trên khe ngắm (hoặc tâm lỗ ngắm) đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời Các HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét đưa ra kết luận cho h/s ghi nội dung chính	b) Điểm ngắm đúng - Là điểm ngắm đã được xác định từ trước soa cho khi ngắm vào đó để bắn thì quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu. c) Đường ngắm đúng - là đường ngắm cơ bản được đóng vào điểm đã được xác định với điều kiện mặt súng phải thẳng bằng
---	---

Hoạt động 2: Ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu sự ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV nêu câu hỏi: Em hãy cho biết ngắm sai có ảnh hưởng đến kết quả bắn không? Tại sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Hs trả lời câu hỏi của gv theo những hiểu biết mà mình có Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời Các HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: Qua khái quát của giáo viên học sinh nghe và ghi chép ý chính Lắng nghe gv giải thích các thuật ngữ quân sự và ghi chép ý chính HS quan sát và ghi chép	3. Ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn: - Muốn bắn trúng mục tiêu, người bắn phải thực hiện tốt 3 yếu tố sau: + Có thước ngắm đúng + Có điểm ngắm đúng. + Có đường ngắm đúng. <i>a) Đường ngắm cơ bản sai lệch.</i> - Đường ngắm cơ bản sai lệch thực chất là sai lệch về góc bắn và hướng bắn, sai lệch này ảnh hưởng rất lớn đến sự trúng đích của phát bắn. <i>b) Điểm ngắm sai.</i> - Mặt súng nghiêng làm cho trục nòng súng lệch khỏi mặt phẳng bắn và làm cho góc bắn nhỏ lại, dẫn tới tầm bắn giảm, đồng thời làm cho đường đạn lệch sang phía mặt súng bị nghiêng. - Tóm lại nếu có đường ngắm cơ bản đúng, có điểm ngắm đúng nhưng mặt súng nghiêng về bên nào thì điểm chạm sẽ lệch và thấp về bên ấy

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

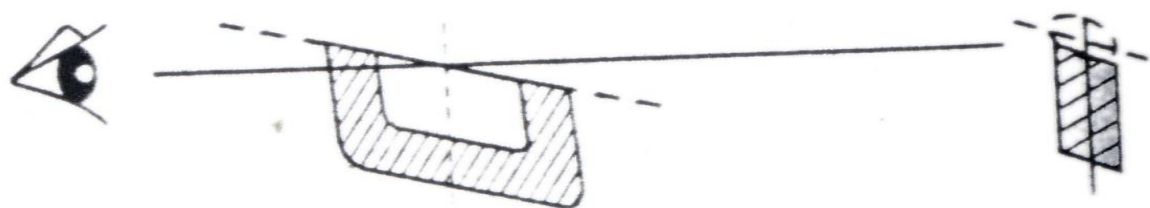
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

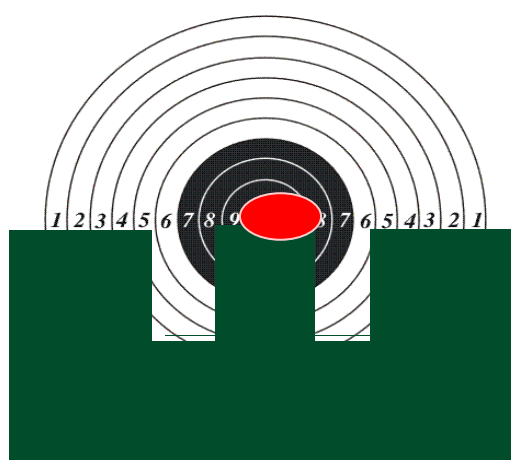
Đặt câu hỏi: Em hãy cho biết đường ngắm cơ bản? Đường ngắm đúng, những ảnh hưởng đến kết quả bắn?

*** Hướng dẫn về nhà**

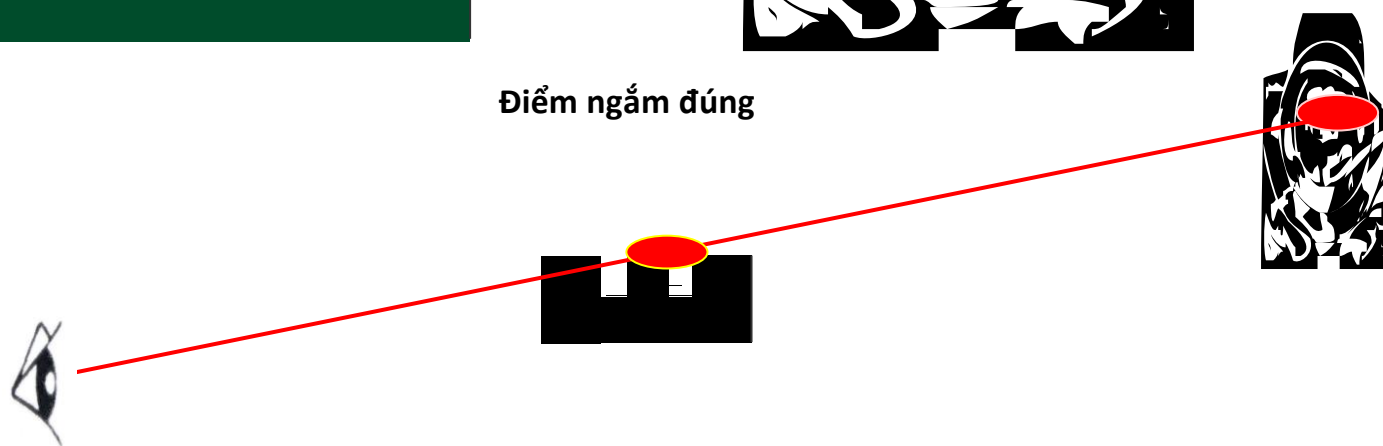
- H/S học bài cũ và chuẩn bài mới xem ảnh kỹ thuật động tác nằm chuẩn bị bắn.



**Đường
ngắm cơ
bản**



Điểm ngắm đúng



Đường ngắm đúng

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

TIẾT 18: KIỂM TRA HK I THỰC HÀNH**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Hiểu được các thao tác tháo lắp súng AK ban ngày
- Kiểm tra kĩ năng thực hiện động tác của HS.

2. Năng lực**Năng lực chung:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp**Năng lực chuyên biệt:**

- Thực hiện được thuần thục các thao tác tháo lắp súng AK ban ngày

3. Phẩm chất

- Tự giác trong quá trình kiểm tra, khi đến tên ai thì người đó vào vị trí đã quy định.
- Nghiêm túc khi kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên:**

- Chuẩn bị sân bãi, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.
- Nghiên cứu bài 4 trong SGK, SGV.
- GV tập luyện thuần thục các động tác trên để hướng dẫn tập luyện cho HS. Bồi dưỡng đội mẫu để phục vụ huấn luyện.

2. Học sinh:

- Tập trước các động tác trên để chuẩn bị kiểm tra

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định tổ chức**

- Làm thủ tục thao trường gồm: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).
- Làm thủ tục huấn luyện: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

2. Tiến hành kiểm tra**Hoạt động 1:** Phổ biến cách thức cho điểm

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	NỘI DUNG
I. Cách thức cho điểm: GV phổ biến cách thức cho điểm trong tiết kiểm tra. - Điểm 9 - 10: Thực hiện đúng và chính xác tất cả động tác. Có tính nhịp điệu, kết nối liên hoàn giữa các động tác, chuyển các động tác rõ ràng. - Điểm 7 - 8: Thực hiện đúng và chính xác các động tác. Tập tương đối đúng nhịp, đúng kĩ thuật động tác - Điểm 5 - 6: Thực hiện đúng động tác nhưng khi thực hiện phải nhắc nhở tên động tác, độ chính xác chưa cao. - Điểm 3 - 4: Chưa hình dung được nhịp độ động tác, thực hiện còn nhiều sai sót, biên độ bị sai lệch nhiều. - Điểm 1 - 2: Chỉ thực hiện được một vài động (hoặc không thực hiện được) tác các động tác khác	Kiểm tra kĩ năng tháo lắp súng AK ban ngày

chưa thực hiện được. HS tập trung đội hình nghe phổ biến nội dung kiểm tra. ●●●●●●●● ●●●●●●●● ●●●●●●●● ●●●●●●●● GV ▲ 3-5 m	
--	--

Hoạt động 2: Tổ chức kiểm tra

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	NỘI DUNG
- Đọc tên những HS lên kiểm tra và những HS chuẩn bị kiểm tra. - Đội hình của HS trong quá trình kiểm tra: ●●●●●●●● ●●●●●●●● ●●●●●●●● ●●●●●●●● GV ▲	- Cho mỗi em có 1 phút để chuẩn bị cho bài kiểm tra của mình. Mỗi người đều có Vị trí tập của mình, và khi gọi đến tên ai thì người đó vào Vị trí kiểm tra đã quy định. - <i>Ghi chú:</i> Những HS có nhiều cố gắng trong quá trình học tập, nhất là những em có thể lực yếu, GV có thể khuyến khích cho thêm điểm.

Hoạt động 3: Tổng kết, đánh giá

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	NỘI DUNG
- GV khái quát lại những nội dung chủ yếu của tiết kiểm tra. - Nhận xét đánh giá kết quả học tập của.	- GV hướng dẫn HS luyện tập ở nhà và dặn dò HS đọc trước bài 5, phần ngắm chum, tập bắn mục tiêu cố định theo điều kiện bài tập

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 5: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (8 tiết)

TIẾT 19: ĐỘNG TÁC BẮN TẠI CHỖ CỦA SÚNG AK VÀ CKC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp H/S hiểu biết và thực hiện được động tác nằm chuẩn bị bắn, thường được áp dụng trong trường hợp địa hình trống trải và bằng phẳng.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao trình độ kỹ thuật, sử dụng vũ khí để vận dụng vào trong chiến đấu sau này

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

– Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.

– Nghiên cứu bài 5 trong SGK. Giảng theo phương pháp thuyết trình, diễn giải kết hợp chỉ trên mô hình tranh vẽ

2. Học sinh:

– Đọc trước bài 5 trong SGK

- Ghi chép theo ý hiểu của mình làm cơ sở thảo luận, kiểm tra; vở, viết, trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Động tác bắn tại chỗ của súng AK và CKC

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu các trường hợp vận dụng và động tác nằm bắn

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu nội dung và trường hợp vận dụng động tác nằm bắn GV thực hiện theo 3 bước: Bước 1: Làm nhanh không phân tích Bước 2: Làm chậm có phân tích Bước 3: Làm từng hồi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + H/S Lắng nghe, quan sát GV thực hiện	1. Trường hợp vận dụng - Trong chiến đấu, tình hình địch, địa hình không cho phép người bắn thực hiện động tác quỳ bắn và đứng bắn. - Trong học tập, được lệnh của người chỉ huy, người bắn thực hiện động tác nằm bắn. 2. Động tác nằm bắn Động tác nằm bắn gồm động tác nằm chuẩn bị bắn, động tác bắn và động tác thôi bắn.

mẫu động tác nằm chuẩn bị bắn Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS lên thực hiện lại các động tác GV hướng dẫn HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS	<i>a) Động tác nằm chuẩn bị bắn:</i> - Khẩu lệnh : “<i>Nằm chuẩn bị bắn</i>” có 3 cử động. + Cử động 1. Chân phải bước lên 1 bước dài theo mũi bàn chân phải, mũi chân trái làm trụ xoay gót sang trái để người theo hướng chân phải. + Cử động 2. Bàn tay trái khép kín chống xuống đất trước mũi bàn chân phải, cách khoảng 20cm, thứ tự đặt cánh tay trái, hông trái, đùi trái xuống đất + Cử động 3. Tay phải lao súng về phía trước, tay trái đỡ lấy ốp lót tay, duỗi chân phải về sau, người nằm sát hợp với hướng bắn khoảng 30°, 2 chân mở rộng bằng vai. <i>b) Động tác bắn:</i> Gồm có các động tác gương súng, động tác ngắm, động tác bóp cò. - Động tác gương súng. Vận dụng : + Trường hợp có bệ tỉ. + Trong trường hợp không có bệ tỉ. - Động tác ngắm. Tỉ báng súng vào vai, áp má, nheo mắt trái, lấy đường ngắm cơ bản đóng vào mục tiêu. - Động tác bóp cò. Ngưng thở ngón tay trở tay phải bóp cò <i>c) Động tác thôi bắn :</i> Có thôi bắn tạm thời và thôi bắn hoàn toàn. + Trường hợp 1: Thôi bắn tạm thời. Khẩu lệnh “<i>ngưng bắn</i>”. + Trường hợp 2: Thôi bắn hoàn toàn. - Khẩu lệnh “<i>Thôi bắn tháo đạn – Đứng dậy</i>”. Gồm 3 cử động: + Cử động 1. Tay phải cầm ốp lót tay, hơi nghiêng người sang phải, chân trái co ngang thắt lưng, tay phải đưa súng đặt trên đùi trái, tay trái đưa về úp trước ngực. + Cử động 2. Phối hợp tay trái và 2 chân nâng người đứng dậy, chân phải bước lên trước ngang mũi bàn tay trái, dùng sức cẩu tay trái và chân trái nâng người đứng dậy. + Cử động 3. Chân trái bước lên tiếp tục vận động hoặc kéo rút về chân phải, đưa súng về tư thế đứng nghiêm.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:

- + Yêu lĩnh động tác nằm bắ
- + Những lưu ý để lấy đường ngắm cơ bản khi thực hiện động tác nằm bắ

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV:

- Gọi 2 em lên thực hiện động tác nằm chuẩn bị bắ?
- H/S nhận xét, giáo viên kết luận

*** Hướng dẫn về nhà**

- H/S học bài cũ và ảnh kỹ thuật động tác nằm chuẩn bị bắ.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 5: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (8 tiết)

TIẾT 20 - 21: TẬP NGẮM CHỤM VÀ NGẮM TRÚNG, CHỤM LUYỆN TẬP: TẬP NGẮM CHỤM; TẬP NGẮM TRÚNG, CHỤM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Huấn luyện cho các em nắm được cách lấy đường ngắm đúng

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao trình độ kỹ thuật, sử dụng vũ khí để vận dụng vào trong chiến đấu sau này

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.

- Nghiên cứu bài 5 trong SGK

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 5 trong SGK

- Trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tập ngắm chụm và ngắm trúng, chụm

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và cách tiến hành tập ngắm chụm và ngắm trúng, chụm

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Giáo viên nêu ý nghĩa đặc điểm yêu cầu động tác ngắm bắn. + GV thị phạm theo 2 bước - Bước 1: (Làm nhanh không phân tích). - Bước 2: (Làm chậm có phân tích) + Tập luyện: - Theo đơn vị tiểu đội, Tiểu đội trưởng	1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu. a) Ý nghĩa: - Đây là bước tập cơ bản đầu tiên của động tác ngắm bắn, nhằm giúp học sinh biết cách ngắm đúng, biết được mức độ chính xác đường ngắm, biết được độ chụm và độ trúng, chụm của từng lần tập ngắm, và cũng biết được mức độ sai lệch về ngắm bắn.

quản lý tập luyện. - Thứ tự từng thành viên lên thực hiện ngắm bắn. - cử 1 người lên phục vụ cho các thành viên tập ngắm báo thành tích cho các bạn. - Khoảng cách từ vị trí ngắm đến bia 10m. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + H/S Lắng nghe, quan sát GV thực hiện mẫu) - H/S chuẩn bị 4 cái bia có dán giấy trắng, 2 cái bút chì. - 4 bao cát. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS thực hiện tập luyện dưới sự quản lý của tiểu đội trưởng Bước 4: Kết luận, nhận định: GV quan sát sửa sai chung	b) <u>Đặc điểm</u> : - Người tập phải có tính cụ thể, tỉ mỉ, sự tập trung và độ chính xác cao. Người tập và người phục vụ phải phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng. c) <u>Yêu cầu</u> : - Nắm chắc các yếu tố về ngắm bắn, ảnh hưởng của sai lệch đến kết quả bắn. - Rèn luyện tính cụ thể, tỉ mỉ, kiên nhẫn, phát huy tinh thần tích cực, tự giác trong tập luyện. - Nâng cao trình độ ngắm bắn đảm bảo độ chính xác và nhanh chóng, đáp ứng được yêu cầu của bài tập. <u>2 Cách tiến hành tập ngắm chum và ngắm trúng, chum</u> a) <u>Công tác chuẩn bị</u> Vật chấp phục vụ cho luyện tập: Gồm súng AK, bao cát, bia, giấy trắng, bút chì, đồng tiền di động, bảng ngắm chum. b) <u>Cách tiến hành</u> - Ngắm chum. + Người phục vụ cầm đồng tiền di động, bút chì để đánh dấu điểm ngắm. + Người tập thực hiện động tác nằm chuẩn bị bắn, đặt súng lên bao cát, 1 tay chỉnh súng lấy đường ngắm cơ bản đóng vào đồng tiền, khi được rồi thì hô xong để người phục vụ đánh dấu, đánh dấu xong di chuyển đồng tiền đến vị trí khác. Ngắm lần 2 người tập chỉnh đồng tiền khi ngắm được thì hô xong, người phục vụ đánh dấu, lần 3 tương tự. Kết quả 3 điểm ngắm nằm trong đường tròn 2^{mm} đạt loại giỏi, 5^{mm} đạt loại khá, 10^{mm} đạt yêu cầu. -Ngắm trúng, chum. Cách tiến hành tương tự như nhắm chum, nhưng có 3 người ngắm, người đầu làm chuẩn chỉnh súng, 2 người sau chỉnh đồng tiền. So sánh kết quả. Đạt loại Giỏi cách điểm ngắm 5^{mm}, loại khá cách điểm ngắm 10^{mm}, loại đạt cách điểm ngắm 15^{mm}.
--	---

Hoạt động 2:Luyện tập ngắm chum và ngắm trúng, chum

a. Mục tiêu:HS luyện tập ngắm chum và ngắm trúng, chum

b. Nội dung: HS luyện tập dưới sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Tập luyện: - Theo đơn vị tiểu đội, Tiểu đội trưởng quản lý tập luyện.	<u>Luyện tập ngắm chum và ngắm trúng, chum:</u> a) <u>Công tác chuẩn bị</u> : Vật chấp phục vụ cho luyện tập: Gồm súng AK, bao cát, bia, giấy trắng, bút chì, đồng tiền di động,

- Thứ tự từng thành viên lên thực hiện ngắm bắn. - cử 1 người lên phục vụ cho các thành viên tập ngắm báo thành tích cho các bạn. - Khoảng cách từ vị trí ngắm đến bia 10m. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + H/S Lắng nghe, quan sát GV thực hiện mẫu) - H/S chuẩn bị 4 cái bia có dán giấy trắng, 2 cái bút chì. - 4 bao cát. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS thực hiện tập luyện dưới sự quản lý của tiểu đội trưởng Bước 4: Kết luận, nhận định: GV quan sát sửa sai chung	bảng ngắm chum. <i>b) Cách tiến hành :</i> - Ngắm chum. + Người phục vụ cầm đồng tiền di động, bút chì để đánh dấu điểm ngắm. + Người tập thực hiện động tác nằm chuẩn bị bắn, đặt súng lên bao cát, 1 tay chỉnh súng lấy đường ngắm cơ bản dóng vào đồng tiền, khi được rồi thì hô xong để người phục vụ đánh dấu, đánh dấu xong di chuyển đồng tiền đến vị trí khác. Ngắm lần 2 người tập chỉnh đồng tiền khi ngắm được thì hô xong, người phục vụ đánh dấu, lần 3 tương tự. Kết quả 3 điểm ngắm nằm trong đường tròn 2^{mm} đạt loại giỏi, 5^{mm} đạt loại khá, 10^{mm} đạt yêu cầu. -Ngắm trúng, chum. Cách tiến hành tương tự như nhắm chum, nhưng có 3 người ngắm, người đầu làm chuẩn chỉnh súng, 2 người sau chỉnh đồng tiền. So sánh kết quả. Đạt loại Giỏi cách điểm ngắm 5^{mm}, loại khá cách điểm ngắm 10^{mm}, loại đạt cách điểm ngắm 15^{mm}.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:

+ Yếu lĩnh bài ngắm chum là đưa đường ngắm đúng vào điểm ngắm đúng với phương châm: bằng, chắc, đều, bền

+ Ti mi trong quá trình ngắm bắn.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập

c. Sản phẩm: Bài luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

GV gọi 2 em lên thực hiện động tác nằm chuẩn bị bắn.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV hướng dẫn HS luyện tập ở nhà và dặn dò HS đọc trước bài 5, phần ngắm chum, tập bắn mục tiêu cố định theo điều kiện bài tập

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 5: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIÊU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (8 tiết)

TIẾT 22: TẬP NGẮM MỤC TIÊU CỐ ĐỊNH; TẬP LẤY ĐƯỜNG NGẮM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp H/S hiểu biết ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và thực hiện được động tác ngắm bắn mục tiêu cố định ban ngày để áp dụng cho huấn luyện sau này.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao trình độ kỹ thuật, sử dụng vũ khí để vận dụng vào trong chiến đấu sau này

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.

- Nghiên cứu bài 5 trong SGK

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 5 trong SGK

- Trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tập ngắm mục tiêu cố định, tập lấy đường ngắm

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và điều kiện bài bắn

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Giáo viên nêu ý nghĩa đặc điểm yêu cầu động tác ngắm bắn. + GV thị phạm theo 2 bước - Bước 1: (Làm nhanh không phân tích). - Bước 2 : (Làm chậm có phân tích)	1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu. a) Ý nghĩa: - Rèn luyện cho học sinh nắm chắc và thực hiện tốt động tác bắn cơ bản, kỹ năng bắn trúng, chụm vào các mục tiêu cố định ban ngày, làm cơ sở cho việc học tập các nội dung tiếp theo. b) Đặc điểm : - Đặc điểm của bài bắn. Đòi hỏi mức độ ngắm bắn chính xác và động tác thuần thục. Bắn có bệ tì nên giữ súng ổn định, thuận lợi cho việc ngắm bắn.

+ Tập luyện: - Theo đơn vị tiểu đội, Tiểu đội trưởng quản lý tập luyện. - Thứ tự từng thành viên lên thực hiệ ngắm bắn. - Khoảng cách từ vị trí ngắm đến bia 100 m. Bia số 4a cố định 100m Nằm bắn có bệ tì Bước Thực nhiệm + H/S nghe, sát GV hiện - H/S bị 4 cái dán trắng, bút chì. - 4 bao cát. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS thực hiện tập luyện dưới sự quản lý của tiểu đội trưởng Bước 4: Kết luận, nhận định: GV quan sát sửa sai chung	- Đặc điểm mục tiêu. Mục tiêu bố trí trên địa hình bằng phẳng, dễ quan sát. - Đặc điểm người bắn. Người bắn nằm ở tư thế nằm bắn, là bài bắn đầu tiên nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến tâm lý như thiếu mạnh dạn, sợ tiếng nổ, lo lắng đến kết quả bắn. c) Yêu cầu : - Tích cực, tự giác tập luyện, coi trọng chất lượng từng phát bắn. - Thực hiện đúng động tác nâng cao kỹ năng bắn.. - Xây dựng tâm lý vững vàng, tự tin, phấn đấu bắn kiểm tra đạt kết quả tốt. 2 Điều kiện bài bắn : - Mục tiêu : Bia số 4a màu đen tượng trưng cho tên địch, có vòng tính điểm, được dán trên khung bia nền trắng. - Cự ly bắn 100m. - Tư thế bắn : Nằm có bệ tì. - Phương pháp bắn : Phát một. Thời gian bắn : 5 phút. - Thành tích : Giỏi từ 25 đến 30 điểm. Khá từ 20 đến 24 điểm. TB từ 15 đến 19 điểm. Yếu dưới 15 điểm. Vật chất phục vụ cho luyện tập: Gồm súng AK, bao cát, bia số 4a 3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm: - Căn cứ : + Cự li bắn. + Tính chất mục tiêu. + Độ cao đường đạn trung bình so với đường ngắm ở từng cự li bắn. + Điều kiện thời tiết, góc tà. - Cách chọn : Tùy theo từng điều kiện bắn cụ thể để chọn thước ngắm, điểm ngắm phù hợp 4. Cách thực hành tập bắn - Tập lấy đường ngắm đúng với đồng tiền di động cố định trên bia giấy A4. - Khi có lệnh vào vị trí hô "Rõ", nghe lệnh "Nằm bắn" làm động tác nằm chuẩn bị bắn; nghe lệnh "Thôi bắn, tháo đạn, khám súng- đứng dậy"; nghe lệnh "Về vị trí"
---	--

Hoạt động 2: Luyện tập, đánh giá

a. Mục tiêu: HS luyện tập ngắm bắn

b. Nội dung: HS luyện tập dưới sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	



- GV chia lớp thành 4 nhóm bằng nhau. + nhóm 1, 2 (súng 1, 2): luyện tập lấy đường ngắm đúng với đồng tiền di động cố định trên bia giấy A4 + Sau đó sang súng nhóm 4, 5 lấy đường ngắm trên bia 4A + súng số 5 (súng mẫu lấy đường ngắm đúng) dành cho HS chưa lấy được đường ngắm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo hướng dẫn dưới sự quản lý của lớp trưởng Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện các động tác ngắm đã được phân công Bước 4: Kết luận, nhận định: GV quan sát sửa sai chung	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:

+ Áng lượng mục tiêu, lấy cự ly bắn trên thước ngắm

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập

c. Sản phẩm: Bài luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

H/S tập luyện tập ngắm mục tiêu cố định

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV hướng dẫn HS luyện tập ở nhà và dặn dò HS đọc trước bài 5, tập ngắm mục tiêu cố định theo điều kiện bài tập.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 5: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC (8 tiết) **TIẾT 23, 24, 25: TẬP NGẮM MỤC TIÊU CỐ ĐỊNH THEO ĐIỀU KIỆN BÀI TẬP**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp H/S hiểu biết ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và thực hiện được động tác ngắm bắn mục tiêu cố định ban ngày để áp dụng cho huấn luyện sau này

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết vận dụng kiến thức vào trong học tập và sinh hoạt, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao trình độ kỹ thuật, sử dụng vũ khí để vận dụng vào trong chiến đấu sau này

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.

- Nghiên cứu bài 5 trong SGK

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 5 trong SGK

- Trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục lên lớp: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

- Kiểm tra bài cũ: Em hãy cho biết ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu bắn mục tiêu cố định ban ngày?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Luyện tập ngắm mục tiêu cố định

a. Mục tiêu: HS thực hiện luyện tập ngắm mục tiêu cố định

b. Nội dung: GV phổ biến kế hoạch luyện tập

c. Sản phẩm: HS lắng nghe

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phổ biến kế hoạch tập luyện + Tổ chức: Lớp tập trung thành 4 hàng ngang, mỗi lượt 3 học sinh lên thực hiện. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lắng nghe, quan sát. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên hô khẩu lệnh cho học sinh thực	Kế hoạch tập luyện: - <u>Nội dung:</u> tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK. + Tại vị trí chờ đợi, người tập nghe thấy chỉ huy gọi tên mình thì hô “Có”. Khi có lệnh vào vị trí thì hô “Rõ”, sau đó đi đều vào vị trí tập bắn cách bệ từ khoảng 1,5m thì dừng lại. + Nghe lệnh “Nằm bắn”, người tập vào làm động

hiện và tiến hành sửa sai trong quá trình tập luyện. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS	tác chuẩn bị bắn, sau đó thực hành ngắm bắn vào mục tiêu. Cứ như vậy, người tập làm động tác ngắm bắn vào mục tiêu 4 – 5 phát bắn hoặc hết thời gian quy định. + Nghe lệnh “Thôi bắn, tháo đạn, khám súng – đứng dậy”, người tập làm động tác tháo đạn, khám súng, sau đó làm động tác đứng dậy. + Nghe lệnh “về trị trí”, người tập làm động tác quay đằng sau, đi đều về vị trí quy định.
---	--

Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá và kết thúc luyện tập

a. Mục tiêu: GV kiểm tra đánh giá kết quả luyện tập của HS

b. Nội dung: GV kiểm tra, đánh giá kết quả luyện tập.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Hết thời gian luyện tập GV tập trung lớp. - Kiểm tra, đánh giá kết quả luyện tập. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các tổ tập trung theo lớp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS lên thực hiện động tác. - GV giải đáp thắc mắc, củng cố nội dung trọng tâm. Bước 4: Kết luận, nhận định: - GV nhận xét buổi học.	- Tập hợp đội hình 4 hàng ngang. - Củng cố nội dung tiết học. - Dẫn dò học sinh tìm hiểu thêm trong sách giáo khoa.

C + D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

+ Vận dụng các yếu lĩnh vào ngắm bắn

- H/S tập luyện tập ngắm mục tiêu cố định

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dẫn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 6: KỸ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

TIẾT 26: - GIỚI THIỆU MỘT LOẠI LỰU ĐẠN VIỆT NAM

- QUY TẮC SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LỰU ĐẠN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm chắc tính năng, cấu tạo, chuyển động gây nổ của lựu đạn; quy tắc dùng lựu đạn.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.

Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Tập trung chú ý nghe, ghi chép nội dung bài theo ý hiểu của mình.

- Xây dựng thái độ chấp hành nghiêm quy tắc an toàn trong luyện tập và quyết tâm sử dụng có hiệu quả lựu đạn trong chiến đấu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị phòng học, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu

- Nghiên cứu bài 6 trong SGK

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 6 trong SGK

- Trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục thao trường gồm: tập trung lớp học, kiểm tra sĩ số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của học sinh, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- Làm thủ tục huấn luyện: Tên bài, mục đích, yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức, phương pháp.

- Tiến hành kiểm tra lựu đạn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Giới thiệu một số loại lựu đạn Việt Nam

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu một số loại lựu đạn ở Việt Nam

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv giới thiệu lựu đạn Ø1 thông qua tranh vẽ và mô hình lựu đạn. Gv giới thiệu lựu đạn chày thông qua tranh vẽ và mô hình lựu đạn.	1. Lựu đạn Ø1: a) Tác dụng, tính năng: - Dùng để sát thương sinh lực địch chủ yếu bằng mảnh gang vụn; bán kính sát thương 5m; thời gian cháy chậm 3,2 –

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lắng nghe, quan sát. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức	4,2s. - Khối lượng thuốc nổ TNT: 45g. - Chiều cao toàn bộ lựu đạn: 118mm - Đường kính thân lựu đạn: 50mm - Khối lượng toàn bộ lựu đạn: 450g. <i>b) Cấu tạo:</i> lựu đạn gồm hai bộ phận chính - Thân lựu đạn: Vỏ lựu đạn bằng gang, có khía như những mắt quả na. Cổ lựu đạn có ren để lắp bộ phận gây nổ. Bên trong vỏ lựu đạn là thuốc nổ TNT. - Bộ phận gây nổ lắp vào thân lựu đạn: Ống kim hỏa để chứa lò xo, kim hỏa, hạt lửa để phát lửa thuốc cháy chậm, ống chứa thuốc cháy chậm, thuốc cháy chậm, kíp. <i>c) Chuyển động gây nổ:</i> - Lúc bình thường, chốt an toàn giữ mở vệt không cho mở vệt bật lên, đầu mở vệt giữ đuôi kim hỏa, kim hỏa ép lò xo lại. - Khi rút chốt an toàn, đuôi cần bẩy bật lên, đầu cần bẩy rời khỏi đuôi kim hỏa, lò xo kim hỏa chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc cháy chậm, thuốc cháy chậm cháy từ 3,2 – 4,2s, phụt lửa vào kíp làm kíp nổ gây nổ lựu đạn. 2. Lựu đạn chày (lựu đạn cán gỗ). <i>a) Tính năng:</i> Đùng để sát thương sinh lực địch bằng mảnh gang vụn và sức ép khí thuốc. Bán kính sát thương 5m. Thời gian cháy chậm 4 – 5s. Khối lượng 530g. <i>b) Cấu tạo:</i> Lựu đạn gồm hai bộ phận chính: - Thân lựu đạn: Cán lựu đạn bằng gỗ, nắp phòng ẩm, vỏ lựu đạn bằng gang, bên trong là thuốc nổ TNT. - Bộ phận gây nổ ở bên trong chính giữa thân lựu đạn: Dây nự xòe, nự xòe, dây cháy chậm, kíp. <i>c) Chuyển động gây nổ:</i> Khi giật dây nự xòe, nự xòe phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy chậm cháy hết trong khoảng 4 – 5s. Khi giây cháy chậm cháy hết, phụt lửa vào kíp làm kíp nổ, gây nổ lựu đạn.
---	--

Hoạt động 2: Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn.

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu các quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn.

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv nêu quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lắng nghe Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức	1.Sử dụng, giữ gìn lựu đạn thật: a) <i>Sử dụng lựu đạn:</i> - Chỉ những người nắm vững tính năng chiến đấu, cấu tạo lựu đạn, thành thạo các động tác mới được sử dụng lựu đạn; Chỉ sử dụng lựu đạn khi đã kiểm tra chất lượng. - Chỉ sử dụng lựu đạn khi có lệnh của người chỉ huy hoặc theo nhiệm vụ hiệp đồng chiến đấu. Thường chọn mục tiêu là tập địch ngoài công sự hoặc trong ụ súng, lô cốt, đoạn hào, căn nhà có nhiều địch. - Tùy theo địa hình, địa vật và tình hình địch để vận dụng các tư thế đứng, quỳ, nằm ném lựu đạn, đảm bảo tiêu diệt địch, giữ an toàn cho mình và cho đồng đội. - Khi ném lựu đạn xong, phải quan sát kết quả ném và tình hình địch để có biện pháp xử lý kịp thời. b) <i>Giữ gìn lựu đạn:</i> - Lựu đạn phải để nơi quy định, khô ráo, thoáng gió, không để lẫn với các loại đạn, thuốc nổ, vật dễ cháy. - Không để rơi, va chạm mạnh. - Các loại lựu đạn mà bộ phận gây nổ để riêng, chỉ khi dùng mới lắp vào lựu đạn. Khi chưa dùng không được mở nắp phòng ẩm (giấy, bao nilon hoặc hộp nhựa), không rút chốt an toàn. - Khi mang, đeo lựu đạn: không móc mỏ vệt vào thắt lưng. 2. Quy định sử dụng lựu đạn - Cấm sử dụng lựu đạn thật trong huấn luyện. - Không dùng lựu đạn tập (có nổ hoặc không nổ) để đùa nghịch hoặc luyện tập không có tổ chức. - Khi luyện tập, cấm ném lựu đạn vào người. Người nhặt lựu đạn và người kiểm tra kết quả ném phải đứng về một bên hướng ném, luôn theo dõi đường bay của lựu đạn, đề phòng nguy hiểm. Nhặt lựu đạn xong phải đem về vị trí, không được ném trả lại.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu:

H/S nêu các quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hs chuẩn bị trước về nội dung tư thế, động tác ném lựu đạn.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 6: KỸ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN TIẾT 27: TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC ĐỨNG NÉM LỰU ĐẠN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được nội dung tư thế động tác đứng ném lựu đạn.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.

Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tự giác tập luyện.

- Có ý thức giữ gìn vũ khí, trang thiết bị tập luyện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị lựu đạn huấn luyện, tranh vẽ động tác ném lựu đạn, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu

- Nghiên cứu bài 6 trong SGK

2. Học sinh:

- Trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục thao trường gồm: tập trung lớp học, kiểm tra sĩ số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của học sinh, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- Làm thủ tục huấn luyện: Tên bài, mục đích, yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức, phương pháp.

- Tiến hành kiểm tra lựu đạn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tư thế, động tác ném lựu đạn

a. Mục tiêu: HS nắm được trường hợp vận dụng và các động tác ném lựu đạn

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv nêu trường hợp vận dụng. Giáo viên giảng giải và làm động tác mẫu theo ba bước. + Bước 1: Làm nhanh. + Bước 2: Làm chậm có phân tích. + Bước 3: Làm tổng hợp.	1. Trường hợp vận dụng Đứng ném lựu đạn thường vận dụng trong trường hợp có vật che cản, che đỡ, che khuất cao ngang tầm ngực, phía sau không bị vướng, mục tiêu ở xa. 2. Động tác - Động tác chuẩn bị:

- Nêu những điểm chú ý. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lắng nghe, quan sát. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức	Tay phải đưa súng kẹp vào giữa hai chân, hai tay lấy lựu đạn ra chuẩn bị. Tay phải cầm lựu đạn, tay trái xách súng ngang thắt lưng, mũi súng chếch lên trên. Nếu có vật chắn, có thể dựa súng vào bên trái (hoặc bên phải) vật chắn, mặt súng quay sang phải, hộp tiếp đạn quay sang trái. Phối hợp hai tay mở nắp phòng ẩm hay uốn thẳng chốt an toàn. Sau đó tay phải cầm lựu đạn. - Động tác ném: Chân trái bước lên (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân trái thẳng trục hướng ném, người hơi cúi về phía trước, gối trái khuỷu, chân phải thẳng. Kết hợp giữ lực giữ, kéo của hai tay rút chốt an toàn hay giật nụ xòe. Tay phải đưa lựu đạn xuống dưới về sau, đồng thời lấy mũi chân trái và gót chân phải làm trụ xoay người sang phải, ngả về sau, chân trái thẳng (không nhấc chân), gối phải hơi chùng. Dùng sức vút của cánh tay phải, kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vùng lựu đạn về phía trước hợp với mặt phẳng ngang một góc khoảng 45^0, thì buông lựu đạn ra đồng thời xoay người đối diện với mục tiêu, tay trái đưa súng về phía trước sao cho cân bằng và đảm bảo an toàn. Chân phải theo đà bước lên một bước, tay phải cầm súng tiếp tục tiến, bắn hoặc ném quả khác. Chú ý: - Nếu thuận tay trái động tác làm ngược lại. - Trước khi ném lựu đạn phải khởi động thật kĩ, đặc biệt là khớp vai, khuỷu tay và khớp cổ tay. - Muốn ném lựu đạn xa phải biết kết hợp sức bật của chân, sức rướn của thân người, sức vút của cánh tay và buông lựu đạn đúng thời cơ. - Khi ném lựu đạn phải triệt để lợi dụng địa hình, địa vật hoặc nằm xuống để đảm bảo an toàn.
---	---

Hoạt động 2:Luyện tập

a. Mục tiêu:HS luyện tập các động tác ném lựu đạn.

b. Nội dung: HS hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của GV

c. **Sản phẩm:** Bài luyện tập của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv hô khẩu lệnh cho học sinh tập chậm từng cử động - Tổ chức và phương pháp: tập đồng loạt từng cử động. Sau đó mỗi lượt 1 học sinh vào thực hiện ném lựu đạn trúng đích. Mỗi lượt vào ném 3 quả, cứ như vậy cho đến người cuối cùng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo khẩu lệnh của giáo viên. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một vài HS thực hiện lại động tác Bước 4: Kết luận, nhận định: GV quan sát sửa sai cho học sinh.	Động tác đứng ném lựu đạn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. **Sản phẩm:** Hs hoàn thành luyện tập

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. **Sản phẩm:** Trả lời câu hỏi

d. **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu:

H/S nêu các động tác ném lựu đạn và các chú ý khi ném

* **Hướng dẫn về nhà**

- Hs tìm hiểu về nội dung tư thế, động tác ném lựu đạn trúng đích

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 6: KỸ THUẬT SỬ DỤNG LƯU ĐẠN

TIẾT 28: NÉM LƯU ĐẠN TRÚNG ĐÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được đặc điểm, yêu cầu, điều kiện kiểm tra, cách đánh giá thành tích nội dung ném lưu đạn trúng đích..

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.

Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tự giác tập luyện.

- Có ý thức giữ gìn vũ khí, trang thiết bị tập luyện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị lưu đạn huấn luyện, tranh vẽ động tác ném lưu đạn, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu

- Nghiên cứu bài 6 trong SGK

2. Học sinh:

- Trang phục quy định

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Làm thủ tục lên lớp

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Làm thủ tục thao trường gồm: tập trung lớp học, kiểm tra sĩ số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của học sinh, phổ biến nội quy ở thao trường đối với từng bài tập (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- Làm thủ tục huấn luyện: Tên bài, mục đích, yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức, phương pháp.

- Tiến hành kiểm tra lưu đạn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Đặc điểm, yêu cầu, điều kiện kiểm tra, đánh giá thành tích.

a. Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm, yêu cầu, điều kiện kiểm tra, đánh giá thành tích

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv nêu đặc điểm, yêu cầu, điều kiện kiểm tra, đánh giá thành tích. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs lắng nghe, quan sát Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	1. Đặc điểm, yêu cầu: a) Đặc điểm: - Mục tiêu có vòng tròn tính điểm. - Người ném: ở tư thế thoải mái. b) Yêu cầu: Biết kết hợp sức ném và hướng ném để

HS ghi chép vào vở Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức	cho lựu đạn đi đúng hướng, đúng cự li của mục tiêu. 2. Điều kiện kiểm tra - Bài kiểm tra: Kẻ 3 vòng tròn đồng tâm, bán kính của các vòng: 1m, 2m, 3m. Từ tâm vòng tròn kẻ một đường trục thẳng hướng ném và cắm bia số 10 hoặc số 4. - Cự li ném: nam: 25m ; nữ: 20m - Tư thế ném: Đứng ném tại chỗ sau khối chắn, có súng. Khi ném có thể dựa súng vào vật chắn. - Số lựu đạn: Hai quả lựu đạn giáo luyện, mỗi quả có khối lượng 450g. 3. Đánh giá thành tích Lấy điểm rơi của lựu đạn để tính thành tích. Trường hợp điểm rơi của lựu đạn chạm vạch thì kết quả được tính cho vòng có điểm cao hơn. Cách đánh giá thành tích như sau: Giỏi: trúng vòng tròn bán kính 1m; khá: trúng vòng tròn bán kính: 2m; trung bình: trúng vòng tròn bán kính: 3m; không đạt yêu cầu: không trúng vòng tròn nào.
---	---

Hoạt động 2:Thực hành tập ném lựu đạn

a. Mục tiêu:HS thực hành động tác ném lựu đạn.

b. Nội dung: HS hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Bài thực hành của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv hô khẩu lệnh cho học sinh tập chậm từng cử động, Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo khẩu lệnh của giáo viên. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một vài HS thực hiện lại động tác Bước 4: Kết luận, nhận định: GV quan sát sửa sai cho học sinh.	* Người ném: - Tại vị trí chuẩn bị: Kiểm tra lựu đạn, súng tiêu liên AK hoặc súng trường CKC, mang theo trang bị... - Nghe khẩu lệnh: “Tiên”, nhanh chóng xách súng, vận động vào vị trí ném. - Nghe khẩu lệnh: “Mục tiêu bia số 10, đứng chuẩn bị ném”: Làm động tác đứng chuẩn bị. - Nghe khẩu lệnh: “Ném”: ném thử một quả vào mục tiêu. Sau đó ném quả thứ 2 (tính điểm). Sau khi ném xong nghe công bố kết quả. Khi có khẩu lệnh “Đứng sau” (“Bên phải” “Bên trái”) – “Quay”: Thực hiện động tác quay rồi cơ động về vị trí quy định. * Người phục vụ: Người phục vụ có nhiệm vụ quan sát điểm rơi, điểm lặn cuối cùng của lựu đạn, báo

	cáo kết quả ném và nhặt lựu đạn về vị trí ném. Kết quả ném phải căn cứ vào điểm rơi của lựu đạn để báo cho chính xác.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu:

H/S nêu đặc điểm, yêu cầu, điều kiện kiểm tra, đánh giá thành tích.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hs chuẩn bị kiểm tra 45 phút phân thực hành

TIẾT 29: KIỂM TRA THỰC HÀNH**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Hiểu được tính năng, tác dụng của lựu đạn.
- Kiểm tra kỹ năng thực hiện động tác của HS.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Thực hiện được thuần thục các động tác ném lựu đạn xa trúng đích

3. Phẩm chất

- HS tự giác trong quá trình kiểm tra, khi đến tên ai thì người đó vào vị trí đã quy định.
- HS nghiêm túc khi kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên:**

- Chuẩn bị sân bãi, trang phục của GV và HS đúng theo yêu cầu của buổi tập đội ngũ.

2. Học sinh:

- Tập trước các động tác trên để chuẩn bị kiểm tra

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định tổ chức**

- Làm thủ tục thao trường gồm: tập trung lớp học, kiểm tra quân số, cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho học tập, trang phục của HS, (đi lại, vệ sinh, sẵn sàng chiến đấu).

- Làm thủ tục huấn luyện: tên bài, mục đích yêu cầu, nội dung trọng tâm, thời gian, tổ chức phương pháp.

2. Tiến hành kiểm tra

Hoạt động 1: Phổ biến cách thức cho điểm

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	NỘI DUNG
I. Cách thức cho điểm: GV phổ biến cách thức cho điểm trong tiết kiểm tra. - Điểm 9 - 10: Thực hiện đúng và chính xác tất cả động tác. Có tính nhịp điệu, kết nối liên hoàn giữa các động tác, chuyển các động tác rõ ràng. - Điểm 7 - 8: Thực hiện đúng và chính xác các động tác. Tập tương đối đúng nhịp, đúng kỹ thuật động tác - Điểm 5 - 6: Thực hiện đúng động tác nhưng khi thực hiện phải nhắc nhở tên động tác, độ chính xác chưa cao. - Điểm 3 - 4: Chưa hình dung được nhịp độ động tác, thực hiện còn nhiều sai sót, biên độ bị sai lệch nhiều. - Điểm 1 - 2: Chỉ thực hiện được một vài động (hoặc không thực hiện được) tác các động tác khác chưa thực hiện được. HS tập trung đội hình nghe phổ biến nội dung kiểm tra. ●●●●●●●● ●●●●●●●●	- Kiểm tra kỹ năng thực hiện động tác ném lựu đạn trúng đích.

●●●●●●●● ●●●●●●●● GV ▲ 3-5 m	
---	--

Hoạt động 2: Tổ chức kiểm tra

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	NỘI DUNG
- Đọc tên những HS lên kiểm tra và những HS chuẩn bị kiểm tra. - Đội hình của HS trong quá trình kiểm tra: ●●●●●●●● ●●●●●●●● ●●●●●●●● ●●●●●●●● GV ▲	- Cho mỗi em có 1 phút để chuẩn bị cho bài kiểm tra của mình. Mỗi người đều có Vị trí tập của mình, và khi gọi đến tên ai thì người đó vào Vị trí kiểm tra đã quy định. - <i>Ghi chú:</i> Những HS có nhiều cố gắng trong quá trình học tập, nhất là những em có thể lực yếu, GV có thể khuyến khích cho thêm điểm.

Hoạt động 3: Tổng kết, đánh giá

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	NỘI DUNG
- GV khái quát lại những nội dung chủ yếu của tiết kiểm tra. - Nhận xét đánh giá kết quả học tập của.	- GV hướng dẫn HS luyện tập ở nhà và dặn dò HS đọc trước bài: Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 7: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG (5 TIẾT)

TIẾT 30: LÝ THUYẾT KỸ THUẬT CẤP CỨU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nắm kiến thức cơ bản, ban đầu về các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, sơ cứu bỏng, hô hấp nhân tạo, chuyển thương.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.
- Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

Chấp hành tốt nội quy, quy định của giờ học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án, mô hình, tranh vẽ.

2. Học sinh

- Sách, vở ghi đầy đủ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu bài: bài học này nhằm cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản về cầm máu tạm thời, cố định tạm thời gãy xương, hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương nhằm giúp người học có thể thực hiện được các kỹ thuật này trong những trường hợp cần thiết khi gặp các tai nạn xảy ra.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Cầm máu tạm thời

a. Mục tiêu: Giúp HS biết được mục đích, các nguyên tắc cầm máu tạm thời và phân biệt được các loại máu chảy

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Nêu mục đích, nguyên tắc cầm máu tạm thời, phân biệt các loại máu chảy. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận trả lời câu hỏi. GV chỉ trực tiếp trên tranh ảnh để HS quan sát Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	1. Mục đích: Nhanh chóng làm ngừng chảy máu bằng những biện pháp đơn giản nhất để hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu, góp phần cứu sống tính mạng người bị nạn, tránh các tai biến nguy hiểm. 2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời a) Phải khẩn trương, nhanh chóng làm ngừng chảy máu. b) Phải xử trí đúng chỉ định theo tính chất vết

Đại diện cá nhân HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên kết luận, cho học sinh ghi những ý chính.	thương. c) Phải đúng quy trình kỹ thuật. 3. Phân biệt các loại chảy máu a) Chảy máu mao mạch b) Chảy máu tĩnh mạch vừa và nhỏ c) Chảy máu động mạch
---	---

Hoạt động 2:Cố định tạm thời xương gãy

a. Mục tiêu:Giúp HS nắm được đặc điểm tổn thương của xương, mục đích cố định tạm thời và nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Nêu đặc điểm, mục đích cố định tạm thời xương gãy Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận trả lời câu hỏi. GV chỉ trực tiếp trên tranh ảnh để HS quan sát Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện cá nhân HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên kết luận, cho học sinh ghi những ý chính.	1. Đặc điểm tổn thương gãy xương: - Xương gãy rạn, gãy chưa rời hẳn (gãy cành xanh), gãy rời thành hai hay nhiều mảnh hoặc có thể mất từng đoạn xương. - Da, cơ bị dập nát nhiều, đôi khi kèm theo mạch máu, thần kinh xung quanh cũng bị tổn thương. - Rất dễ gây choáng, mất máu và nhiễm trùng cho nạn nhân. 2. Mục đích cố định tạm thời - Làm giảm đau đớn, cầm máu tại vết thương - Giữ cho đầu xương tương đối yên tĩnh, đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển người bị thương về các tuyến cứu chữa. - Phòng ngừa các tai biến: choáng do mất máu, do đau đớn; tổn thương thứ phát do các đầu xương gãy di động; nhiễm khuẩn vết thương. 3. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy - Nẹp cố định phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới ổ gãy. Với các xương lớn như xương đùi, cột sống... phải cố định từ 3 khớp trở lên. - Không đặt nẹp cứng vào sát chi, phải đệm, lót bằng bông mỡ, gạc hoặc vải mềm tại những chỗ tiếp xúc để không gây thêm các tổn thương khác. Khi cố định không cần bỏ quần áo ra vì để quần áo của người bị thương có tác dụng tăng cường độ đệm, lót cho nẹp. - Không co kéo, nắn chỉnh ổ gãy tránh tai biến nguy hiểm cho người bị thương. Nếu điều kiện cho phép, chỉ có thể nhẹ nhàng kéo, chỉnh lại trực chi bớt biến dạng sau khi đã được giảm đau thật tốt. - Băng cố định nẹp vào chi phải tương đối chắc, không để nẹp xộc xệch, nhưng cũng không quá chặt dễ gây cản trở sự lưu thông máu của chi.

Hoạt động 3:Hô hấp nhân tạo

- a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những nguyên nhân gây ngạt thở và những biện pháp cần làm ngay khi gặp phải
- b. Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Nêu những nguyên nhân gây ngạt thở. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện cá nhân HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên kết luận, cho học sinh ghi những ý chính.	Hô hấp nhân tạo là biện pháp làm cho không khí ở ngoài vào phổi và không khí trong phổi ra ngoài để thay thế cho quá trình hô hấp tự nhiên khi người bị nạn ngạt thở. 1. Nguyên nhân gây ngạt thở - Do chết đuối (ngạt nước). Người không biết bơi ngã xuống nước, bị nước nhấn chìm thì sau 2 – 3 phút sẽ ngạt thở. - Do vùi lấp khi bị sập hầm, đổ nhà cửa, đất cát vùi lấp,... ngực bị đè ép, mũi miệng bị đất cát nhét kín nhanh chóng gây ngạt thở. - Do hít phải khí độc. - Do tắc nghẽn đường hô hấp trên – người bị bóp cổ, người thắt cổ, người bị nạn có nhiều đờm dãi, máu, các chất nôn,... ứn tắc đường hô hấp trên gây ngạt thở. - Người bị ngạt thở thường nằm yên, bất tỉnh, không cử động được, ngừng hoạt động hô hấp, sắc mặt trắng nhợt nhạt hoặc tím tái, chân tay lạnh giá, tim ngừng đập, mạch không sờ thấy, đặt sợi bông vào trước không thấy chuyển động. 2. Những biện pháp cần làm ngay - Loại bỏ nguyên nhân gây ngạt - Khai thông đường hô hấp trên - Làm hô hấp nhân tạo - Những việc làm đồng thời với hô hấp nhân tạo: + Kích thích lên người nạn nhân. + Xoa dầu cao chống lạnh hoặc sưởi ấm. + Điều kiện cho phép thì tiêm thuốc trợ tim.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học
- b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành nội dung luyện tập
- d. Tổ chức thực hiện:**
- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:
 - + Phân biệt các loại chảy máu.
 - + Nguyên tắc cố định xương gãy
 - + Nguyên nhân gây ngạt thở
 - Hướng dẫn nội dung ôn tập
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn
- b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

GV giao nhiệm vụ

Tìm hiểu các phương pháp cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo

HS tìm hiểu và trả lời

*** Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn nội dung ôn tập, nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.
- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 7: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG (5 TIẾT)

TIẾT 31: LUYỆN TẬP CÀM MÁU TẠM THỜI LUYỆN TẬP CỐ ĐỊNH TẠM THỜI XƯƠNG GỖ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản, ban đầu về các kỹ thuật cầm máu tạm thời

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.
- Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

Chấp hành tốt nội quy, quy định của giờ học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án, mô hình, tranh vẽ, băng, gạc và nẹp

2. Học sinh

- Sách, vở ghi đầy đủ, băng, gạc và nẹp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu bài: giúp người học có thể thực hiện được các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định xương gãy trong những trường hợp cần thiết khi gặp các tai nạn xảy ra.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Cầm máu tạm thời

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các biện pháp cầm máu tạm thời

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Nêu một số biện pháp cầm máu tạm thời thông thường. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời, HS sinh khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	1. Các biện pháp cầm máu tạm thời a) Ấn động mạch b) Gấp chi tối đa c) Băng ép d) Băng chèn e) Băng nút f) Ga rô

Hoạt động 2: Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

- a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được các kĩ thuật cố định tạm thời xương gãy
b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao
c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv nêu đặc điểm các loại nẹp thường dùng. Giáo viên làm mẫu các kĩ thuật cố định tạm thời xương gãy. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lắng nghe, quan sát Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS lắng nghe và ghi chép vào vở Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức	1) Các loại nẹp thường dùng cố định tạm thời xương gãy: - Nẹp tre, nẹp gỗ: Là loại nẹp thường dùng rất phổ biến, dễ làm song phải đúng quy cách sau: + Chiều rộng của nẹp: 3 – 5cm. + Chiều dài của nẹp: tùy thuộc từng chi bị gãy. + Chiều dày của nẹp: 0,5 – 0,8cm. + Nẹp cẳng tay: 2 nẹp (một nẹp dài 30cm, một nẹp dài 35cm). + Nẹp cánh tay: 2 nẹp (một nẹp dài 20cm, một nẹp dài 35cm). + Nẹp cẳng chân: 2 nẹp (mỗi nẹp dài 60cm). + Nẹp đùi: 3 nẹp (nẹp ngoài dài 120cm, nẹp sau dài 100cm, nẹp trong dài 80cm). Kích thước này là tương đối, khi sử dụng cần cắt nẹp cho phù hợp với kích thước từng người. - Nẹp Crame là loại nẹp làm bằng dây thép có hình bậc thang, có thể uốn theo các tư thế cố định. 2. Kĩ thuật cố định tạm thời một số trường hợp xương gãy. - Cố định tạm thời xương bàn tay gãy, khớp cổ tay. Dùng một nẹp tre to bản hoặc nẹp Crame. - Cố định tạm thời xương cẳng tay gãy: dùng hai nẹp tre hoặc nẹp Crame. - Cố định tạm thời xương cánh tay gãy. Dùng hai nẹp tre hoặc nẹp Crame. - Cố định tạm thời xương cẳng chân gãy. Dùng hai nẹp tre hoặc nẹp Crame. - Cố định tạm thời xương đùi gãy. Dùng ba nẹp tre hoặc nẹp Crame.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập
c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập
d. Tổ chức thực hiện:
- Giáo viên khái quát lại những nội dung chủ yếu của bài học, nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài:
 - + Các biện pháp cầm máu tạm thời
 - + Kĩ thuật cố định xương gãy
 - Hướng dẫn nội dung ôn tập
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.
 - Nhận xét đánh giá và kết thúc buổi học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ :

Tìm hiểu các phương pháp hô hấp nhân tạo, chuyển thương

*** Hướng dẫn về nhà**

Chuẩn bị cho bài saophân tiếp theo

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 7: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG (5 TIẾT)

TIẾT 32: LUYỆN TẬP HỒ HẤP NHÂN TẠO LUYỆN TẬP KỸ THUẬT CHUYỂN THƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản, ban đầu về các kỹ thuật hô hấp nhân tạo, kỹ thuật chuyển thương.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.
- Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

Chấp hành tốt nội quy, quy định của giờ học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án, mô hình, tranh vẽ, băng, gạc và nẹp

2. Học sinh

- Sách, vở ghi đầy đủ, băng, gạc và nẹp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu bài: giúp người học có thể thực hiện được các phương pháp hô hấp nhân tạo, kỹ thuật chuyển thương trong những trường hợp cần thiết khi gặp các tai nạn xảy ra.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Tổ chức luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS luyện tập phương pháp hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương

b. Nội dung: phương pháp thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực và phương pháp Xin – vetstor.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lý tổ của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện bài luyện tập, các nhóm	- Nội dung: phương pháp thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực và phương pháp Xin – vetstor. - Tổ chức và phương pháp: Chia lớp thành 4 nhóm (tổ) tập luân phiên các nội dung trên. Tổ trưởng phụ trách tổ, giáo viên phụ trách chung. - Vật chất bảo đảm: Gạc, vải sạch, gói. - Thời gian: mỗi nội dung 15 phút sau đó đổi tập các nội dung khác.

khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS	
--	--

Hoạt động 2: Kết thúc luyện tập

a. Mục tiêu: GV củng cố lại nội dung của tiết học, những sai lầm thường mắc trong quá trình thực hiện.

b. Nội dung: GV nhận xét, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Hs lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV tập trung lớp, nhận xét, giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Lớp tập trung 4 hàng ngang, lắng nghe GV giải đáp thắc mắc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Cả lớp lắng nghe nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS Giải đáp thắc mắc của học sinh.	- Hết thời gian tập luyện giáo viên phát lệnh “thôi tập, về vị trí tập trung”. Các tổ dừng tập về vị trí tập trung.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ

- Tìm hiểu các phương pháp kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 7: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG (5 TIẾT)

TIẾT 33 - 34: LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản, ban đầu về các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định tạm thời xương gãy, hô hấp nhân tạo, kỹ thuật chuyển thương

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính kiên nhẫn trong hoạt động học tập.
- Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học vào trong học tập và thực tiễn.

3. Phẩm chất

Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

Chấp hành tốt nội quy, quy định của giờ học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án, mô hình, tranh vẽ, băng, gạc và nẹp

2. Học sinh

- Sách, vở ghi đầy đủ, băng, gạc và nẹp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu bài: giúp người học có thể thực hiện được các phương pháp hô hấp nhân tạo, kỹ thuật chuyển thương trong những trường hợp cần thiết khi gặp các tai nạn xảy ra.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Tổ chức luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS luyện tập phương pháp hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương

b. Nội dung: phương pháp thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực và phương pháp Xin – vetstor.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài luyện tập

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phổ biến kế hoạch tập luyện, chia tổ tập luyện. - Quá trình tập luyện theo dõi sửa sai và giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tập luyện theo tổ của mình. Tổ trưởng theo quản lý tổ của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm thực hiện bài luyện tập, các nhóm	- Nội dung: + Phương pháp cầm máu tạm thời + Phương pháp cố định tạm thời xương gãy + Phương pháp hô hấp nhân tạo + Kỹ thuật chuyển thương - Tổ chức và phương pháp: Chia lớp thành 4 nhóm (tổ) tập luân phiên các nội dung trên. Tổ trưởng phụ trách tổ, giáo viên phụ trách chung.

khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS	- Vật chất bảo đảm: Gạc, vải sạch, gối. - Thời gian: mỗi nội dung 15 phút sau đó đổi tập các nội dung khác.
--	--

Hoạt động 2: Kết thúc luyện tập

a. Mục tiêu: GV củng cố lại nội dung của tiết học, những sai lầm thường mắc trong quá trình thực hiện.

b. Nội dung: GV nhận xét, HS lắng nghe

c. Sản phẩm: Hs lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV tập trung lớp, nhận xét, giải đáp thắc mắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Lớp tập trung 4 hàng ngang, lắng nghe GV giải đáp thắc mắc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Cả lớp lắng nghe nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS Giải đáp thắc mắc của học sinh.	- Hết thời gian tập luyện giáo viên phát lệnh “thôi tập, về vị trí tập trung”. Các tổ dừng tập về vị trí tập trung.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ

- Tìm hiểu các phương pháp cầm máu tạm thời, định tạm thời xương gãy, hô hấp nhân tạo và kỹ thuật chuyển thương

* **Hướng dẫn về nhà**

- Chuẩn bị kiểm tra HK 2

TIẾT 35: KIỂM TRA HỌC KÌ II PHẦN LÝ THUYẾT

I. MỤC TIÊU

1. Mục đích

- Nhằm đánh giá lại kết quả học tập của học sinh.
- Tập trung, nghiêm túc trong kiểm tra.

2. Thái độ: Nghiêm túc, tập trung làm bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Giáo viên:** Thiết kế ma trận, soạn câu hỏi, xây dựng đáp án và biểu điểm, đề và giấy kiểm tra.

2. **Học sinh:** Ôn tập, kiểm tra nghiêm túc.

III. MA TRẬN

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TN KQ	TL	TNKQ	TL	
1. Luật Nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh.	Biết được cấu trúc, tuổi đăng kí, độ tuổi thực hiện, thời hạn phục vụ và một số quy định chung của Luật Nghĩa vụ quân sự.		Hiểu được cấu trúc, độ tuổi thực hiện, và một số quy định chung của Luật Nghĩa vụ quân sự.			Vận dụng kiến thức đã học, liên hệ trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự nói chung và đăng ký nghĩa vụ quân sự nói riêng.			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	5 1, 25		3 1, 5			1 3, 0			9 5, 75 điểm = 57, 5%
2. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.	Biết được một số kiến thức về biên giới quốc gia.		Hiểu được các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và phương pháp để cố định đường			Vận dụng kiến thức đã học, liên hệ trách nhiệm của học sinh trong xây dựng và quản lí, bảo vệ biên			

			biên giới quốc gia.			giới quốc gia.			
Số câu	5		2			1			8
Số điểm	1, 25		1, 0			2, 0			4, 25
Tỉ lệ %									điểm = 42, 5%
Tổng số câu	10		5			2			17
Tổng số điểm	2, 5		2, 5			5			10
%	25%		25%			50%			điểm

IV. ĐỀ KIỂM TRA:

Phần A: TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng: (0,25 điểm / 1câu)

Câu 1: Nước ta có đường biên giới đất liền và bờ biển lục địa dài:

- A. Đất liền dài 4.150km, bờ biển lục địa dài 3.620km.
- B. Đất liền dài 4.510km, bờ biển lục địa dài 3.026km.
- C. Đất liền dài 4.015km, bờ biển lục địa dài 3.260km.
- D. Đất liền dài 4.510km, bờ biển lục địa dài 3.260km.

Câu 2: Luật sửa đổi và bổ sung Luật Nghĩa vụ quân sự, quy định tuổi đăng kí Nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với công dân nam giới là bao nhiêu tuổi?

- A. Đủ 17 tuổi.
- B. Đủ 18 tuổi.
- C. Đủ 19 tuổi.
- D. Đủ 20 tuổi.

Câu 3: Lãnh hải Việt Nam rộng bao nhiêu hải lí?

- A. 338 hải lí.
- B. 12 hải lí.
- C. 24 hải lí.
- D. 188 hải lí.

Câu 4: Luật nghĩa vụ quân sự quy định độ tuổi gọi nhập ngũ đối với công dân nam trong thời bình là:

- A. Từ đủ 17 đến hết 28 tuổi.
- B. Từ đủ 17 đến hết 25 tuổi.
- C. Từ đủ 18 đến hết 24 tuổi.
- D. Từ đủ 18 đến hết 25 tuổi.

Câu 5: Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ là:

- A. 24 tháng.
- B. 12 tháng.
- C. 18 tháng.
- D. 16 tháng.

Câu 6: Lệnh gọi nhập ngũ phải được thông báo trước cho công dân:

- A. 15 ngày.
- B. 25 ngày.
- C. 30 ngày.
- D. 20 ngày.

Câu 7: Tuyên biên giới đất liền Việt Nam giáp liền với các nước:

- A. Trung Quốc, Thái Lan, Lào.
- B. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia.
- C. Campuchia, Thái Lan, Lào.
- D. Trung Quốc, Campuchia, Lào.

Câu 8: Vùng biển Việt Nam tiếp giáp với 9 quốc gia và vùng lãnh thổ là:

- A. Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Ấn Độ, Malaysia, Philippin, Brunây, Singapo và Lào.

- B. Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Ấn Độ, Mianma, Philippin, Brunây, Singapo và Đài Loan.

C. Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Ấn Độ, Malaysia, Philippin, Brunây, Singapo và Đài Loan.

D. Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Ấn Độ, Malaysia, Philippin, Brunây, Singapo và Đài Loan.

Câu 9: Trong quá trình xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện 2 chế độ:

A. Tình nguyện và nghĩa vụ quân sự.

B. Nghĩa vụ và tự nguyện.

C. Tình nguyện và bắt buộc.

D. Tình nguyện và xung phong.

Câu 10: Các yếu tố cơ bản cấu thành một quốc gia độc lập có chủ quyền:

A. Lãnh thổ, cư dân và Nhà nước

B. Lãnh thổ, dân cư và Nhà nước có chủ quyền

C. Lãnh thổ, chính quyền và Nhà nước.

D. Lãnh thổ, cư dân và chính quyền.

II/ Hãy điền những từ thích hợp vào các chỗ trống để được một câu hoàn chỉnh:

Câu 1: (0,5 điểm) Cấu trúc của Luật Nghĩa vụ quân sự gồm:

.....
.....

Câu 2: (0,5 điểm) Công dân thực hiện Nghĩa vụ quân sự từ tuổi đến tuổi (tuổi phục vụ tại ngũ từ tuổi đến tuổi. Tuổi phục vụ trong ngạch dự bị từ tuổi đến tuổi).

Câu 3: (0,5 điểm) Nghĩa vụ quân sự là phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam. Làm Nghĩa vụ quân sự bao gồm của quân đội.

Câu 4: (0,5 điểm) Lãnh thổ quốc gia gồm các bộ phận cấu thành là:

.....
.....
.....

Câu 5: (0,5 điểm) Thông thường các nước trên thế giới sử dụng phương pháp để cố định đường biên giới quốc gia là:

-
-
-

Phần B: TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1: Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự nói chung và đăng ký nghĩa vụ quân sự nói riêng? (3 điểm)

Câu 2: Trách nhiệm của học sinh trong xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. (2 điểm)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:

Phần A: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

I/ Hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng: (0,25 điểm / 1 câu)

Đáp án	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A		x				x			x	
B			x							
C					x			x		
D	x			x			x			x

II/ Hãy điền những từ thích hợp vào các chỗ trống để được một câu hoàn chỉnh:

Câu 1: (0,5 điểm) Cấu trúc của Luật Nghĩa vụ quân sự gồm: Lời nói đầu, 11 chương, 71 điều.

Câu 2:(0,5 điểm) Công dân thực hiện Nghĩa vụ quân sự từ **đủ 18** tuổi đến **hết 45** tuổi (tuổi phục vụ tại ngũ từ **đủ 18**tuổi đến **hết 25** tuổi. Tuổi phục vụ trong ngạch dự bị từ **đủ 18** tuổi đến **hết 45** tuổi).

Câu 3: (0,5 điểm) Nghĩa vụ quân sự là **nghĩa vụ vẻ vang của công dân** phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Làm Nghĩa vụ quân sự bao gồm **phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị** của quân đội.

Câu 4: (0,5 điểm) Lãnh thổ quốc gia gồm các bộ phận cấu thành là: **vùng đất, vùng nước, vùng lòng đất, vùng trời. Ngoài ra còn có phần lãnh thổ đặc biệt nằm bên ngoài biên giới quốc gia.**

Câu 5: (0,5 điểm) Thông thường các nước trên thế giới sử dụng ba phương pháp để cố định đường biên giới quốc gia là:

- **Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới.**
- **Đặt mốc quốc giới.**
- **Dùng đường phát quang (Ở Việt Nam hiện nay mới dùng hai phương pháp đầu).**

Phần B: TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1: Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự nói chung và đăng ký nghĩa vụ quân sự nói riêng?(3 điểm)

a) *Học tập chính trị, quân sự, rèn luyện thể lực do trường lớp tổ chức:*

- Phải học xong chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh theo quy định.
- Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm đầy đủ trong học tập, rèn luyện.
- Học phải đi đôi với hành, vận dụng kết quả học tập vào việc xây dựng nề nếp sinh hoạt tập thể, sinh hoạt nội trú.

b) *Chấp hành quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự:*

- Trước hết là thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự khi đủ 17 tuổi.
- Việc đăng ký nghĩa vụ quân sự được tiến hành tại nơi cư trú.
- Khi đăng ký nghĩa vụ quân sự phải kê khai đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định.

c) *Đi kiểm tra sức khỏe và khám sức khỏe:*

- Đi kiểm tra và khám sức khỏe theo giấy gọi của Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã nơi cư trú.
- Đi kiểm tra và khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự đúng thời gian, địa điểm, tuân thủ đầy đủ các quy định tại các phòng khám.

d) *Chấp hành nghiêm lệnh gọi nhập ngũ:*

- Phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ.
- Nếu không thể đúng thời gian phải có giấy chứng nhận của UBND xã (phường).
- Công dân không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ bị xử lý và vẫn trong diện gọi nhập ngũ cho đến hết 25 tuổi.

Câu 3: Trách nhiệm của học sinh trong xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. (2điểm)

- Học tập nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.
- Xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lập tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ tổ quốc.
- Tích cực học tập kiến thức quốc phòng an ninh, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
- Tích cực tham gia các phong trào của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, phong trào mùa hè xanh, phong trào thanh niên tình nguyện hướng về vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo.

KHỐI 12

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 1: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ (2 tiết)

TIẾT 1: ĐỘI NGŨ TIỂU ĐỘI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa của điều lệnh đội ngũ là tạo được sức mạnh trong chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trong thống nhất ý chí và hành động.
- Nắm chắc thứ tự các bước tập hợp đội ngũ cơ bản của tiểu đội, trung đội và động tác đội ngũ từng người không có súng.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Thực hiện thuần thục động tác tập hợp đội ngũ của tiểu đội trưởng, trung đội trưởng và động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Biết vận dụng linh hoạt vào trong quá trình học tập, sinh hoạt tại trường

3. Phẩm chất

- Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác chấp hành điều lệnh đội ngũ và các nội quy của nhà trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị sơ đồ, bảng kẻ đội ngũ tiểu đội, trung đội.
- Chuẩn bị và bồi dưỡng đội mẫu.

2. Học sinh:

- Đọc bài 1 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giới thiệu nội dung mới:**

Bài này đã được giới thiệu cơ bản trong chương trình lớp 10 và đã được luyện tập trong chương trình lớp 11. Do vậy trong chương trình lớp 12 tập trung vào luyện tập để thuần thục động tác tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội và động tác đội ngũ từng người không có súng, nhằm nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác chấp hành điều lệnh đội ngũ và các nội quy của nhà trường, tạo được sự thống nhất về ý chí và hành động

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Đội hình tiểu đội

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được phương pháp luyện tập nội dung đội hình tiểu đội

b. Nội dung: Giáo viên tổ chức cho HS luyện tập

c. Sản phẩm: HS thực hiện động tác theo hướng dẫn của GV

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành	1- Đội hình tiểu đội hàng ngang - Bước 1: Tập hợp đội hình

các tổ, mỗi tổ (9 - 10 học sinh) biên chế thành 1 tiểu đội, các tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.

Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu nội dung động tác. Từng người đứng trong đội ngũ vừa nghiên cứu để nhớ lại nội dung vừa tự làm động tác.

- **Bước 2:** Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác tập hợp đội ngũ.

- **Bước 3:** Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng để tập hợp đội ngũ.

+ Địa điểm luyện tập, hướng tập (chỉ tại sân tập).

+ Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Triển khai và duy trì luyện tập.

- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Thực hiện lại các nội dung mới tập (giáo viên gọi một tiểu đội ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp)

Bước 4: Kết luận, nhận định:

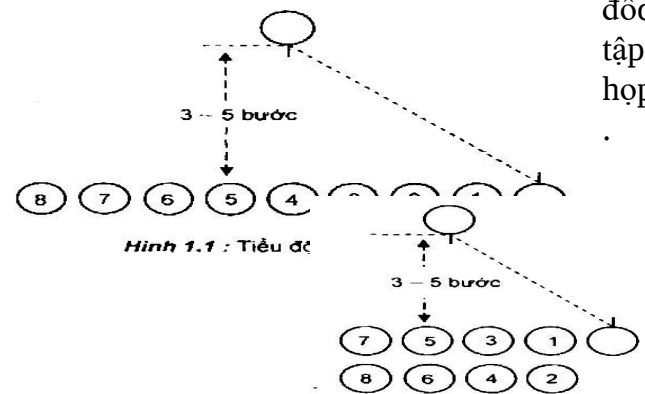
GV nhận xét quá trình luyện tập của HS

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

Khẩu lệnh: “ Tiểu đội X thành 1,(2) hàng ngang - tập hợp ”.

Hô khẩu lệnh xong, tiểu đội quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn. Nghe khẩu lệnh “ Tiểu đội X ”, toàn tiểu đội quay mặt về phía tiểu đội trưởng, đứng nghiêm chờ lệnh. Nghe dứt động lệnh “ Tập hợp ”, các chiến sĩ im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp đứng bên trái tiểu đội trưởng thành 1(2) hàng ngang, đứng đúng giãn cách, cự li qui định (giãn cách giữa hai người cạnh nhau là 70cm, tính từ giữa gót 2 bàn chân), tự động giống hàng, xong đứng nghỉ; khi tập hợp 2 hàng ngang, số lẻ đứng hàng trên, số chẵn đứng hàng dưới. Khi thấy 2 – 3 chiến sĩ đứng vào vị trí bên trái mình, tiểu đội trưởng đi đều về phía trước chính giữa đội hình, cách đội hình từ 3 – 5 bước dừng lại, quay vào đội hình

đôn
đốc
tập
hợp



- Bước 2: Điểm số.

Khẩu lệnh: “ Điểm số ”.

Tiểu đội trưởng đang đứng nghỉ, nghe khẩu lệnh “ Điểm số ”, các chiến sĩ thứ tự từ bên phải sang bên trái trở về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số của mình, đồng thời quay mặt sang bên trái 45⁰, khi điểm số xong quay mặt trở lại. Lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội, người đứng cuối cùng của hàng, khi điểm số không phải quay mặt, sau khi điểm số của mình xong, hô “ Hết ”.

Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang không điểm số.

- Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ.

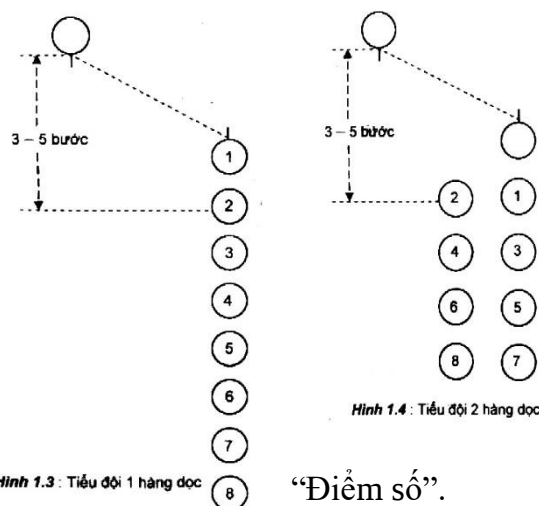
Khẩu lệnh: “ Nhìn bên phải(trái) – thẳng ”.

Nghe dứt động lệnh “thẳng”, trừ chiến sĩ làm chuẩn (người đứng đầu hàng bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, các chiến sĩ

	còn lại phải quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên, xuống để gióng hàng cho thẳng và điều chỉnh giãn cách. Muốn gióng hàng ngang thẳng, từng người phải nhìn được nắp túi áo ngực bên phải (trái) của chiến sĩ đứng thứ tư về bên phải (trái) mình (nếu là chiến sĩ nữ thì phải nhìn thấy ve cổ áo). Nghe dứt động lệnh “Thôi”, các chiến sĩ quay mặt trở lại nhìn thẳng về phía trước, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng. Khi tập hợp đội hình 2 hàng ngang, các chiến sĩ đứng hàng thứ hai điều chỉnh gióng cả hàng ngang và hàng dọc. Tiểu đội trưởng đi đều về phía người làm chuẩn, đến ngang người làm chuẩn và cách người làm chuẩn từ 2 – 3 bước dừng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang. Khi kiểm tra thấy gót chân và ngực của các chiến sĩ cùng nằm trên một đường thẳng là được. nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “Đồng chí (hoặc số) ...Lên hoặc xuống)”. Cũng có thể cùng một lúc, tiểu đội trưởng sửa cho 3 – 4 chiến sĩ. Chiến sĩ khi nghe tiểu đội trưởng gọi tên mình phải quay mặt về phía tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng, tiến lên (hoặc lùi xuống). Khi tiến lên (hoặc lùi xuống) phải kết hợp gióng hàng cho thẳng. Khi thấy các chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “được”. Nghe dứt động lệnh “được”, chiến sĩ quay mặt trở lại, mắt nhìn thẳng. Sau đó, tiểu đội trưởng đi đều về vị trí chỉ huy. Đội hình 2 hàng ngang phải kiểm tra cả cự li giữa hàng trên và hàng dưới. - Bước4: Giải tán Khẩu lệnh: “Giải tán”. Nghe dứt động lệnh, các chiến sĩ trong hàng nhanh chóng tản ra. Nếu đang đứng ở tư thế nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi mới tản ra. 2- Đội hình tiểu đội hàng dọc Đội hình tiểu đội hàng dọc gồm có: Đội hình tiểu đội một hàng dọc, hai hàng dọc. trình tự các bước tập hợp đội hình tiểu đội hàng dọc gồm: tập hợp; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ và giải tán. Bước 1: Tập hợp đội hình. Khẩu lệnh: “Tiểu đội X thành 1 (2) hàng dọc –
--	--

tập hợp”.

Hô khẩu lệnh xong, tiểu đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn. khi nghe dứt động lệnh “tập hợp”, các chiến sĩ nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp đứng sau phía tiểu đội trưởng thành một hàng dọc, đứng đúng cự li qui định (cự li người trước và sau là 1m, tính từ gót chân người đứng trước đến gót chân người đứng sau), tự động giống hàng. Gióng hàng xong đứng nghỉ. Khi tập hợp đội hình hai hàng dọc, số lẻ đứng hàng bên phải, số chẵn đứng hàng bên trái. Khi thấy đã có từ 2 – 3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng đi đều ra phía trước chênh về bên trái đội hình, cách đội hình từ 3 – 5 bước dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc tập hợp.



Bước 2: Điếm số Khẩu lệnh h:

“Điểm số”.

Nghe dứt động lệnh “Điểm số”, các chiến sĩ thứ tự từ trên xuống dưới trở về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số của mình đồng thời quay mặt hết cỡ sang bên trái, khi điểm số xong quay mặt trở lại. Người đứng cuối cùng của hàng, khi điểm số không phải quay mặt, sau khi điểm số của mình xong, hô “Hết”.

Đội hình hai hàng dọc không điểm số.

Bước 3: Chỉnh đôn hàng ngũ.

Khẩu lệnh: “Nhìn trước – thẳng”.

Nghe dứt động lệnh “thẳng”, trừ chiến sĩ số 1 làm chuẩn, các chiến sĩ còn lại phải giống hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không thấy gáy người thứ 2 đứng trước mình là được). Xê dịch qua trái, qua phải để giống hàng dọc cho thẳng, xê dịch lên xuống để điều chỉnh cự li. Nghe dứt động lệnh “thôi”, các chiến sĩ đứng nghiêm, không xê

	dịch vị trí đứng. Khi tập hợp đội hình 2 hàng dọc, các chiến sĩ đứng hàng bên trái điều chỉnh giống cả hàng ngang và hàng dọc. Tiểu đội trưởng đi đều về phía trước chính giữa đội hình, cách người đứng đầu đội hình từ 2 – 3 bước thì dừng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. khi kiểm tra thấy đầu, cạnh vai của các chiến sĩ cùng nằm trên một đường thẳng là được. nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh để chỉnh đốn cho thẳng hàng. Bước 4: Giải tán. 3- Tiến, lùi, qua phải, qua trái a) Động tác tiến, lùi khẩu lệnh: “Tiến (lùi) X bước – Bước”. Nghe dứt động lệnh “Bước”, toàn tiểu đội đồng loạt tiến (lùi) X bước như phần đội ngũ từng người không súng, khi bước đủ số bước qui định thì dừng lại, dõn và giống hàng, sau đó trở về tư thế đứng nghiêm. b) Động tác qua phải, qua trái khẩu lệnh: “Qua phải (qua trái) X bước – Bước” nghe dứt động lệnh “bước”, toàn tiểu đội đồng loạt qua phải (qua trái) X bước như phần đội ngũ từng người, khi bước đủ số bước qui định thì dừng lại, dõn và giống hàng, sau đó trở về tư thế đứng nghiêm. 4- Giãn đội hình, thu đội hình Trước khi giãn đội hình phải điểm số. Nếu giãn sang bên trái thì điểm số từ phải sang trái, khẩu lệnh hô “ Từ phải sang trái – Điểm số ”. Nếu giãn đội hình sang bên phải thì điểm số từ trái sang phải, khẩu lệnh hô “Từ trái sang phải – Điểm số”. a) Giãn đội hình hàng ngang khẩu lệnh: “Giãn cách X bước nhìn bên phải (trái) – Thẳng”. Khi nghe dứt động lệnh “Thẳng”, chiến sĩ làm chuẩn đứng nghiêm, các chiến sĩ còn lại lấy số đã điểm của mình trừ đi 1 rồi nhân với số bước mà tiểu đội trưởng đã qui định để tính số bước mình phải di chuyển, đồng loạt quay bên trái (phải), đi đều về vị trí mới. Khi về đến vị trí mới, chiến sĩ cuối cùng hô “xong”. Nghe dứt động lệnh “xong”, các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, quay mặt hết cỡ về bên
--	---

	phải (trái) để giống hàng. Khi các chiến sĩ đồng loạt quay bên trái (phải) đi đều về vị trí mới, tiểu đội trưởng quay bên phải (trái), đi đều về vị trí chỉ huy ở chính giữa phía trước đội hình đơn đốc giống hàng. Khi các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, đã ổn định đội hình, tiểu đội trưởng hô “Thôi”. Khi nghe dứt động lệnh “Thôi”, các chiến sĩ quay mặt trở lại, đứng ở tư thế nghiêm. b) Thu đội hình hàng ngang Khẩu lệnh: “Về vị trí nhìn bên phải (trái) – Thẳng”. Khi dứt động lệnh “Thẳng”, chiến sĩ làm chuẩn đứng nghiêm, các chiến sĩ còn lại đồng loạt quay bên phải (trái), đi đều về vị trí cũ. Khi chiến sĩ cuối cùng về đến vị trí thì hô “xong”. Nghe dứt động lệnh “xong”, các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, quay mặt hết cỡ về bên phải (trái) để giống hàng. Khi các chiến sĩ đồng loạt quay bên phải (trái) đi đều về vị trí cũ, tiểu đội trưởng quay bên trái (phải), đi đều về vị trí chỉ huy ở chính giữa phía trước đội hình đơn đốc giống hàng. Khi các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, đã ổn định đội hình, tiểu đội trưởng hô “ Thôi”. Nghe dứt động lệnh “thôi”, các chiến sĩ quay mặt trở lại, đứng ở tư thế nghiêm. c) Giãn đội hình hàng dọc Khẩu lệnh: “Cự li X bước nhìn trước – Thẳng” Khi nghe dứt động lệnh “Thẳng”, chiến sĩ làm chuẩn đứng nghiêm, các chiến sĩ còn lại lấy số đã điểm của mình trừ đi 1 rồi nhân với số bước mà tiểu đội trưởng đã quy định để tính số bước mình phải di chuyển. Đồng loạt quay đằng sau, đi đều về vị trí mới. Khi về đến vị trí mới, chiến sĩ cuối cùng hô “xong”. Nghe dứt động lệnh “xong”, các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, nhìn thẳng về phía trước để giống hàng. d) Thu đội hình hàng dọc Khẩu lệnh: “Về vị trí nhìn trước – Thẳng”. Nghe dứt động lệnh “thẳng”, chiến sĩ làm chuẩn đứng nghiêm, các chiến sĩ còn lại đi đều về vị trí cũ, nhìn thẳng về phía trước giống hàng. Khi thấy các chiến sĩ đã đi đều về vị trí cũ, đã giống hàng thẳng, tiểu đội trưởng hô “Thôi”. 5- Ra khỏi hàng, về vị trí
--	---

	Khẩu lệnh: “Đồng chí (số)...Ra khỏi hàng”; “Về vị trí”. Chiến sĩ được gọi tên (số) của mình đứng nghiêm trả lời “Có”. Khi nghe lệnh “Ra khỏi hàng”, chiến sĩ hô “Rõ” sau đó đi đều hoặc chạy đều đến trước tiểu đội trưởng, cách tiểu đội trưởng 2 – 3 bước thì dừng lại, chào và báo cáo “Tôi có mặt”. Nhận lệnh xong, hô “Rõ”. Khi đứng trong đội hình hàng dọc, chiến sĩ bước qua phải (trái) một bước rồi mới đi đều hoặc chạy đều đến gặp tiểu đội trưởng. Nếu đứng hàng thứ hai trong đội hình hàng ngang, chiến sĩ phải quay đằng sau rồi vòng bên phải (trái), đi đều hoặc chạy đều đến gặp tiểu đội trưởng. Khi nhận lệnh “Về vị trí”, thực hiện động tác chào trước khi rời khỏi tiểu đội trưởng sau đó đi đều hoặc chạy đều về vị trí cũ.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS luyện tập lại các động tác đã học

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

KẾ HOẠCH LUYỆN TẬP

Buổi	Nội dung	Thời gian	Tổ chức và phương pháp	Vị trí và hướng tập	Ký tốn hiệu luyện tập	Người phụ trách	Vật chất
01	Hàng dọc	15 phút	Luyện tập theo đơn vị tiểu đội.	Tại sân trường, hướng Nam-Bắc	Còi:	Giáo viên, trung đội trưởng và tiểu đội trưởng	Tranh sơ đồ đội ngũ tiểu đội
	Hàng ngang	10			- 1 tiếng: Bắt đầu tập, - 2 tiếng: Nghỉ lao tại chỗ, - 1 hồi dài: Tập hợp đơn vị. Trong quá trình tập nghe theo khẩu lệnh của GV và chỉ huy.		

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS :

- Trình bày và thực hiện động tác tập hợp đội hình tiểu đội hàng dọc

- Trình bày và thực hiện động tác tập hợp đội hình tiểu đội hàng ngang.

* **Hướng dẫn về nhà:** Xem bài ở nhà và tập luyện cho thuần thục.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

BÀI 1: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ (2 tiết)

TIẾT 2: ĐỘI NGŨ TRUNG ĐỘI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa của điều lệnh đội ngũ là tạo được sức mạnh trong chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trong thống nhất ý chí và hành động.
- Nắm chắc thứ tự các bước tập hợp đội ngũ cơ bản của tiểu đội, trung đội và động tác đội ngũ từng người không có súng.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Thực hiện thuần thục động tác tập hợp đội ngũ của tiểu đội trưởng, trung đội trưởng và động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Biết vận dụng linh hoạt vào trong quá trình học tập, sinh hoạt tại trường

3. Phẩm chất

- Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác chấp hành điều lệnh đội ngũ và các nội quy của nhà trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị sơ đồ, bảng kẻ đội ngũ tiểu đội, trung đội.
- Chuẩn bị và bồi dưỡng đội mẫu.

2. Học sinh:

- Đọc bài 1 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

- + Thực hiện động tác nghỉ, nghiêm, quay phải, trái ? (2HS)
- + Thực hiện động tác đi đều? (2 HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

Bài này đã được giới thiệu cơ bản trong chương trình lớp 10 và đã được luyện tập trong chương trình lớp 11. Do vậy trong chương trình lớp 12 tập trung vào luyện tập để thuần thục động tác tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội và động tác đội ngũ từng người không có súng, nhằm nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác chấp hành điều lệnh đội ngũ và các nội quy của nhà trường, tạo được sự thống nhất về ý chí và hành động. Hôm nay ta ôn nội dung “ **Đội ngũ trung đội** ”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2: Đội ngũ trung đội

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được phương pháp luyện tập nội dung đội ngũ trung đội

b. Nội dung: Giáo viên tổ chức cho HS luyện tập

c. Sản phẩm: HS thực hiện động tác theo hướng dẫn của GV

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
-----------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, mỗi tổ (9 - 10 học sinh) biên chế thành 1 tiểu đội, các tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.

Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu nội dung động tác. Từng người đứng trong đội ngũ vừa nghiên cứu để nhớ lại nội dung vừa tự làm động tác.

- **Bước 2:** Từng trung đội luyện tập. Trung đội trưởng hô và thực hiện động tác tập hợp đội ngũ.

- **Bước 3:** Trung đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị trung đội trưởng để tập hợp đội ngũ.

+ Địa điểm luyện tập, hướng tập (chỉ tại sân tập).

+ Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Triển khai và duy trì luyện tập.

- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi một tiểu đội ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét quá trình luyện tập của HS

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

1- Đội hình trung đội hàng ngang

Đội hình trung đội hàng ngang gồm: Trung đội 1, 2, 3 hàng ngang.

Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ trong trung đội cơ bản như tập hợp ở đội hình tiểu đội hàng ngang, chỉ khác:

Bước 1: Tập hợp đội hình

Khẩu lệnh: “ Trung đội X thành 1, (2, 3) hàng ngang – Tập hợp”

Dứt động lệnh “tập hợp”, phó trung đội trưởng nhanh chóng chạy đến đứng sau trung đội trưởng theo đúng cự li, giãn cách quy định, tự gióng hàng, xong đứng nghỉ; bên trái trung đội trưởng là tiểu đội 1, 2, 3.

Khi thấy phó trung đội trưởng và tiểu đội 1 đã đứng vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng chạy đều về phía trước, chính giữa đội hình, cách đội hình từ 5 – 8 bước dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc tập hợp, phó trung đội trưởng đứng lên ngang với tiểu đội 1.

Bước 2: Điểm số

Khẩu lệnh: “Điểm số” hoặc “từng tiểu đội điểm số”.

Khi nghe dứt động lệnh “điểm số”, các chiến sĩ trong toàn trung đội thực hiện động tác điểm số như ở đội hình tiểu đội hàng ngang.

Khi nghe dứt động lệnh “Từng tiểu đội điểm số”. từng tiểu đội điểm số của tiểu đội mình (tiểu đội trưởng không điểm số).

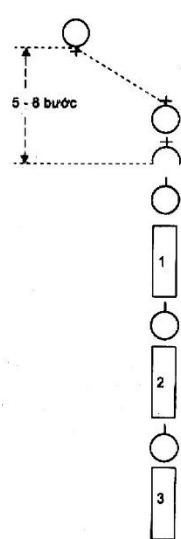
Trung đội 2 hàng ngang không điểm số.

Trung đội 3 hàng ngang điểm số, chỉ có tiểu đội 1 điểm số (động tác điểm số như đội hình tiểu đội hình 1 hàng ngang), tiểu đội trưởng không điểm số. Tiểu đội 2, tiểu đội 3 không điểm số mà lấy số đã điểm của tiểu đội 1 để tính số của tiểu đội mình. Nếu tiểu đội 2 và tiểu đội 3 thiếu hoặc thừa quân số so với quân số đã điểm của tiểu đội 1 thì người đứng cuối hàng của tiểu đội 2 và tiểu đội 3 phải báo cáo cho trung đội trưởng biết. Khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong, đứng nghỉ.

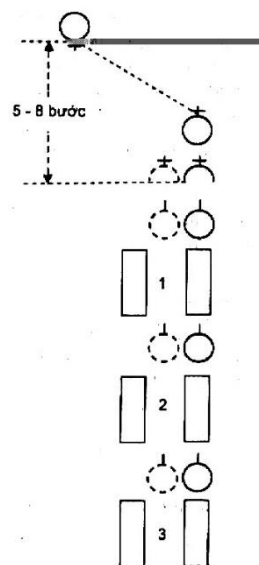
Bước 3: Chính đồn hàng ngũ

Khẩu lệnh: “ Nhìn bên phải (trái) – Thẳng”.

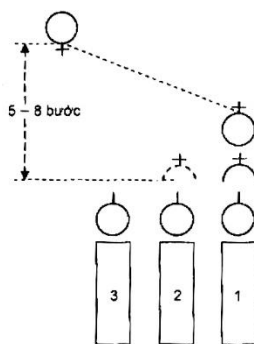
Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ cơ bản như trong đội hình tiểu đội hàng ngang. Khi chỉnh đồn hàng ngũ, trung đội trưởng chỉnh, sửa từ tiểu đội 1, tiểu đội 2, đến tiểu đội 3.

Bước 4: Giải tán

Hình 1.8 : Trung đội 1 hàng dọc



Hình 1.9 : Trung đội 2 hàng dọc



Hình 1.10 : Trung đội 3 hàng dọc

2- Đội hình trung đội hàng dọc

Đội hình trung đội hàng dọc gồm: Trung đội 1, 2, và 3 hàng dọc.

Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ trong trung đội cơ bản như tập hợp ở đội hình tiểu đội hàng dọc, chỉ khác:

Bước 1: Tập hợp đội hình

Khẩu lệnh: “Trung đội X thành 1 (2, 3) hàng dọc – Tập hợp”.

Dứt động lệnh “tập hợp”, phó trung đội trưởng nhanh chóng chạy đến đứng sau trung đội trưởng theo đúng cự li, giãn cách, tự giống hàng, xong đứng nghỉ; tiếp đến là tiểu đội 1, 2, 3.

Khi thấy phó trung đội trưởng và tiểu đội 1 đã đứng vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng chạy đều về phía trước, cách đội hình từ 5- 8 bước, dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc tập hợp.

	Bước 2: Điểm số (trung đội 2 hàng dọc không điểm số) Khi nghe dứt động lệnh “Điểm số”, các chiến sĩ trong toàn trung đội điểm số từ 1 đến hết, các tiểu đội trưởng cũng điểm số. Động tác điểm số của từng người như điểm số trong đội hình tiểu đội hàng dọc. Khi nghe dứt động lệnh “ Từng tiểu đội điểm số”, các tiểu đội lần lượt điểm số theo đội hình tiểu đội (tiểu đội trưởng không điểm số). Trung đội 3 hàng dọc, chỉ có tiểu đội 1 điểm số, tiểu đội 2 và tiểu đội 3 dựa vào số đã điểm của tiểu đội 1 để nhớ số của mình. Nếu tiểu đội 2 và tiểu đội 3 thiếu hoặc thừa quân số so với quân số đã điểm của tiểu đội 1 thì người đứng cuối hàng của tiểu đội 2 và tiểu đội 3 phải báo cáo cho trung đội trưởng biết. Khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong, đứng nghỉ. Bước 3: Chinh đồn hàng ngũ. Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ cơ bản như trong đội hình tiểu đội hàng dọc. Khi chỉnh đồn hàng ngũ, trung đội trưởng sửa theo thứ tự từ tiểu đội 1, tiểu đội 2 đến tiểu đội 3. Bước 4: Giải tán.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS luyện tập lại các động tác đã học

c. Sản phẩm: Bài luyện tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu cả lớp thực hiện luyện tập các động tác đã học

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS :

- Trình bày và thực hiện động tác tập hợp đội hình trung đội hàng dọc

- Trình bày và thực hiện động tác tập hợp đội hình trung đội hàng ngang.

*** Hướng dẫn về nhà:**

Xem bài ở nhà và tập luyện cho thuần thục.

Chuẩn bị trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 2: MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN (5 tiết)

Tiết 3: TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được những nội dung tối thiểu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
- Nắm và hiểu được nhiệm vụ, nội dung, biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm và hiểu được sáu tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3. Phẩm chất

- Tích cực, nghiêm túc trong giờ học.
- Xây dựng ý thức trách nhiệm của công dân với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị đồ dùng cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Giới thiệu nội dung mới: Bất cứ quốc gia nào muốn tồn tại và phát triển, luôn luôn phải củng cố nền quốc phòng. Vậy hôm nay ta tìm hiểu bài “ **Một số hiểu biết về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân** ” chủ yếu ta đi vào phần I “**I. Tư tưởng chỉ đạo của đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

a. Mục tiêu: HS nắm được các tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Khái niệm quốc phòng, 6 tư tưởng chỉ đạo của Đảng về QPTD, ANND.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Nêu câu hỏi, QP là gì? - Phòng thủ cái gì? - Thế nào là QPTD ?	I. TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN : a. Khái niệm cơ bản về QP, AN:

- Thế nào là an ninh quốc gia, an ninh nhân dân ? - Để thực hiện tốt nhiệm vụ QPTD, ANND ta phải làm gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS: Đọc SGK, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức HS: Ghi chép ý chính.	QP là tổng thể các hoạt động đối nội, đối ngoại của nhà nước về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học... để phòng thủ quốc gia. b. Những tư tưởng chỉ đạo của Đảng: - Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. - Kết hợp QP và an ninh với kinh tế. - Gắn nhiệm vụ QP với nhiệm vụ an ninh, phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại. - củng cố QP, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. - Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền QP toàn dân và an ninh nhân dân. - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố nền QPTD, ANND.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi :

Em hãy nêu những tư tưởng chỉ đạo của Đảng về thực hiện nhiệm vụ QP, AN trong tình hình mới ?

HS trình bày câu trả lời

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV: Xây dựng và củng cố nền QP vững mạnh là việc làm thường xuyên, hệ trọng của bất cứ quốc gia nào muốn tồn tại và phát triển. Do vậy củng cố QP, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

QP là gì? Tại sao gọi là quốc phòng toàn dân?

*** Hướng dẫn về nhà**

Chuẩn bị bài phần II và đọc kỹ bài học.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 2 :MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN(TIẾP THEO)

TIẾT 4: NHIỆM VỤ, NỘI DUNG, BIỆN PHÁP XÂY DỰNG NỀN QPTD, ANND TRONG THỜI KỲ MỚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong HS có thể nêu được

- Tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh Trong thời kì mới.
- Nhiệm vụ, nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới.
- Nâng cao trách nhiệm của HS trong xây dựng nền QPTD, ANND

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm và hiểu được sáu tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3. Phẩm chất

- Tích cực, nghiêm túc trong giờ học.
- Xây dựng ý thức trách nhiệm của công dân với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị đồ dùng cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra bài cũ:

- + Quốc phòng là gì? (2 HS)
- + Thế nào gọi là QPTD? (2 HS)
- + Thế nào là ANND? (2 HS)

- Giới thiệu nội dung mới:

+ Bất cứ làm một công việc gì chúng ta đều phải có tinh thần trách nhiệm và biện pháp để thực hiện công việc đó. Vậy đối với việc xây dựng và củng cố nền QPTD, ANND ta phải làm gì? Hôm nay chúng ta tìm hiểu về phần: **(II- Nhiệm vụ, nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới)**.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: HS nắm được các đặc điểm, mục đích và nhiệm vụ của nền QPTD, ANND.

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Đặc điểm, mục đích và nhiệm vụ của nền QPTD, ANND

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
---------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv chia lớp thành 3 nhóm, thực hiện các nhiệm vụ: Nhóm 1: Nhiệm vụ 1 ? Có mấy loại hình QP? - Nền QP của ta là gì? Nhóm 2: Nhiệm vụ 2 ? củng cố nền QP để làm gì? - Là bảo vệ cái gì kể ra ? Nhóm 3: Nhiệm vụ 3 ? Nhiệm vụ ta phải làm gì? - Nhiệm vụ xây dựng nền QPTD? - Nhiệm vụ xây dựng nền ANND? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm báo cáo kết quả Các nhóm khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	II- Nhiệm vụ, nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới 1. Đặc điểm: - Là nền QP, AN “của dân, do dân, vì dân” - Nhằm mục đích là tự vệ chính đáng - Được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại - Nền QPTD luôn gắn với nền ANND 2. Mục đích: - Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. - Bảo vệ Đảng, nhà nước, nhân dân và chế độ. - Bảo vệ sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. - Bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc. - Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...; - Giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình... 3. Nhiệm vụ: - Bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ hiện nay của các thế lực phản động. - Giữ vững sự ổn định và phát triển trong mọi hoạt động, của xã hội; đấu tranh chống lại mọi hành động gây rối, phá hoại; giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hệ thống nội dung kiến thức đã học

HS hoàn thành hệ thống kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV : Trình bày nội dung xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay.

HS trả lời câu hỏi

*** Hướng dẫn về nhà**

- Chuẩn bị bài phần II (4 nội dung) và đọc kỹ bài học.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 2 :MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN(TIẾP THEO)

TIẾT 5: NHIỆM VỤ, NỘI DUNG, BIỆN PHÁP XÂY DỰNG NỀN QPTD, ANND TRONG THỜI KỲ MỚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong HS có thể nêu được

- Tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh Trong thời kì mới.
- Nhiệm vụ, nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới.
- Nâng cao trách nhiệm của HS trong xây dựng nền QPTD, ANND

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Hiểu và nắm được sáu tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3. Phẩm chất

- Tích cực, nghiêm túc trong giờ học.
- Xây dựng ý thức trách nhiệm của công dân với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị đồ dùng cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Kiểm tra bài cũ:
 - + Đặc điểm nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới? (2 HS)
 - + Mục đích xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới? (2 HS)
 - + Nhiệm vụ việc xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới? (2 HS)
- Giới thiệu nội dung mới:
 - + Bất cứ làm một công việc gì chúng ta đều phải có tinh thần trách nhiệm và biện pháp để thực hiện công việc đó. Vậy đối với việc xây dựng và củng cố nền QPTD, ANND ta phải làm gì? Hôm nay chúng ta tìm hiểu tiếp về phần: **(II- Nội dung, xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới)**.

d. Tổ chức thực hiện:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung nền QPTD

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được nội dung nền QPTD

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Nội dung nền quốc phòng toàn dân

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giải thích: - Thực lực QP: là lực lượng hiện có của nền QP, có thể sử dụng ngay. Đó là quân đội, các lực lượng vũ trang. - Tiềm lực QP: Còn đang ở dạng tiềm ẩn, tồn tại dưới dạng nhân lực và vật lực - Tiềm năng QP: Tất cả lực lượng của quốc gia có thể biến thành lực lượng QP, tiềm lực QP, tiềm năng QP. - TL chính trị tinh thần: Là khả năng xác định bằng ý thức giác ngộ của nhân dân và có thể trở thành nhân tố quan trọng để thực hiện các mục tiêu của đất nước (kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học...) - TL kinh tế: Là khả năng bảo đảm các nhu cầu vật chất cho sự phát triển xã hội cũng như trong sản xuất các nhu cầu cần thiết cho QP. - Đưa công nghệ hiện đại vào các hoạt động xã hội, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật... - Đào tạo cán bộ, chiến sĩ chính quy qua trường lớp. - Đưa nền công nghệ phát triển vào quân đội - Thế trận QPTD: Là hình thức tổ chức, sắp xếp bố trí lực lượng quốc phòng của toàn dân một cách hợp lý (cả nhân lực và vật lực), để có thể phát huy cao nhất sức mạnh của toàn dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong thời bình và khi có chiến tranh xảy ra Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe giáo viên giải thích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS ghi chép các ý chính Bước 4: Kết luận, nhận định: GV kết luận kiến thức	4. Nội dung: - Xây dựng tiềm lực nền QPTD, ANND: + Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần:(Hiện nay cần tập trung) . Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, có lòng tin tuyệt đối với Đảng, Nhà nước, chế độ. . Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. . Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. . Luôn chăm lo mọi mặt đời sống cho nhân dân. + Xây dựng tiềm lực kinh tế: (Hiện nay cần tập trung) . Gắn kinh tế với QP . Phát huy kinh tế nội lực . Gắn xây dựng cơ sở hạ tầng của nền kinh tế với cơ sở hạ tầng của nền QP, AN. . Tăng cường hội nhập trong kinh tế để củng cố QP, AN + Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ: (Hiện nay cần tập trung) . Huy động tổng lực các ngành khoa học, công nghệ quốc gia cho QP, AN . Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật cho phát triển kinh tế và củng cố QP, AN . Từng bước hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu để phục vụ cho khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh. + Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh: (Hiện nay cần tập trung) . Xây dựng lực lượng vũ trang “Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở. . Gắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang. . Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. . Chuẩn bị đất nước về mọi mặt, các phương án sẵn sàng động viên thời chiến để đối phó và giành thắng lợi trong mọi tình huống. . Tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự. + Xây dựng thế trận QPTD, ANND: (Hiện nay cần tập trung)

	nay cần tập trung) .Gắn thể trận QP với thể trận an ninh trong một tổng thể thống nhất. . Phân vùng chiến lược về QP, AN với phân vùng kinh tế. . Xây dựng hậu phương chiến lược, khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) vững mạnh.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hệ thống lại các kiến thức :

- Phải xây dựng tiềm lực nền QPTD, ANND:

+ Xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ, quân sự an ninh.

- Xây dựng thể trận QPTD, ANND:

+ Gắn thể trận QP với thể trận AN, phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh với phân vùng kinh tế, xây dựng hậu phương chiến lược, khu vực phòng thủ tỉnh (TP) vững mạnh.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 SGK

*** Hướng dẫn về nhà**

Chuẩn bị bài phần II (biện pháp) và đọc kỹ bài học.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 2 :MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN(TIẾP THEO)

TIẾT 6: BIỆN PHÁP, XÂY DỰNG NỀN QPTD, ANND TRONG THỜI KỲ MỚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong HS có thể nêu được

- Tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh Trong thời kì mới.
- Nhiệm vụ, nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới.
- Nâng cao trách nhiệm của HS trong xây dựng nền QPTD, ANND

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm và hiểu được sáu tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3. Phẩm chất

- Tích cực, nghiêm túc trong giờ học.
- Xây dựng ý thức trách nhiệm của công dân với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị đồ dùng cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Kiểm tra bài cũ:
 - + Tiềm lực chính trị tinh thần?
 - + Tiềm lực quân sự, an ninh?
 - + Thế trận QP và AN?
- Giới thiệu nội dung mới:

+ Bất cứ làm một công việc gì chúng ta đều phải có tinh thần trách nhiệm và biện pháp để thực hiện công việc đó. Vậy đối với việc xây dựng và củng cố nền QPTD, ANND ta phải làm gì? Hôm nay chúng ta tìm hiểu tiếp về phần: **(II- Biện pháp, xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới)**.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS đọc sách và đặt các câu hỏi cho HS trả lời: - Có những biện pháp xây dựng nào? - Tại sao phải tăng cường công tác GDQP, AN? - Giáo dục những đối tượng nào? - Không cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước được không? - Quân đội và công an của chúng ta đang được xây dựng theo phương hướng nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi để xây dựng Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày kết quả HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung, và đưa ra kết luận	5. Những biện pháp chủ yếu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh hiện nay: a. Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, an ninh: - là biện pháp cơ bản để thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng, an ninh b. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền QP, AN: - Là yêu cầu tất yếu, đảm bảo xây dựng nền quốc phòng an ninh vững mạnh, thể hiện toàn diện trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc để nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, đối với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD-ANND nhà nước cần thể chế hóa đường lối của Đảng về xây dựng quốc phòng an ninh bảo vệ tổ quốc thành pháp luật, nghị định một cách hệ thống đồng bộ. c. Không ngừng nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang nhân dân nòng cốt là quân đội và công an: - Các lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm: Quân đội nhân dân, dân quân tự vệ và công an nhân dân. Quân đội và công an- nòng cốt của các lực lượng vũ trang, đang được xây dựng theo phương hướng “Cách mạng, chính qui, tinh nhuệ ,từng bước hiện đại” nâng cao chất lượng tổng hợp, xây dựng chính trị làm cơ sở .

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Giáo viên đặt câu hỏi để củng cố kiến thức

- Có những biện pháp nào để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh hiện nay?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi :

Học sinh cần làm gì để góp phần xây dựng nền QPTD, ANND?

*** Hướng dẫn về nhà**

- Chuẩn bị bài phần III “ Nâng cao trách nhiệm của học sinh trong xây dựng nền QPTD, ANND ” và đọc kỹ bài học.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 2 :MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN(TIẾP THEO)

TIẾT 7: NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG XÂY DỰNG NỀN QPTD, ANND

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong HS có thể nêu được

- Tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh Trong thời kì mới.
- Nhiệm vụ, nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND trong thời kỳ mới.
- Nâng cao trách nhiệm của HS trong xây dựng nền QPTD, ANND

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm và hiểu được sáu tư tưởng chỉ đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3. Phẩm chất

- Tích cực, nghiêm túc trong giờ học.
- Xây dựng ý thức trách nhiệm của công dân với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị đồ dùng cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Kiểm tra bài cũ:
 - + Đặc điểm của nền QPTD? (1HS)
 - + Nhiệm vụ của nền QPTD? (1HS)
 - + Biện pháp xây dựng nền QPTD-ANND? (1HS)
- Giới thiệu nội dung mới:
 - + Đối với việc xây dựng và củng cố nền QPTD, ANND mọi người dân đều phải có trách nhiệm, vậy là người HS chúng ta phải làm gì? Hôm nay chúng ta tìm hiểu phần: (**III- Nâng cao trách nhiệm của HS trong xây dựng nền QPTD, ANND**).

Hoạt động 1: Nâng cao trách nhiệm của HS trong xây dựng nền QPTD, ANND

a. Mục tiêu: Tìm hiểu trách nhiệm của HS trong xây dựng nền QPTD, ANND

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Trách nhiệm của HS trong xây dựng nền QPTD, ANND

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	III- Nâng cao trách nhiệm của HS trong

GV đặt câu hỏi: + Xây dựng nền QPTD,ANND là trách nhiệm của toàn dân. Trong đó HS là những chủ nhân tương lai của đất nước có vị trí, vai trò rất quan trọng. Vậy HS phải làm gì? - Chúng ta là chủ nhân tương lai của đất nước có vị trí, vai trò quan trọng. Do vậy xây dựng nền QPTD, ANND là trách nhiệm của toàn dân, trong đó có chúng ta. Chúng ta phải làm gì để nâng cao trách nhiệm của mình góp phần xây dựng nền QPTD, ANND? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh chú ý lắng nghe, trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một vài HS trình bày câu trả lời, HS khác nhận xét bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và kết luận HS ghi lại những nội dung chính trong SGK theo hướng dẫn của giáo viên.	xây dựng nền QPTD, ANND: - Tích cực học tập, rèn luyện, xây dựng niềm tin, bồi dưỡng lòng Yêu nước, yêu chế độ, góp sức cùng với toàn dân phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội Công bằng, dân chủ, văn minh”. - Nâng cao nhận thức về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ những thành quả cách mạng. - Tự giác, tích cực học tập, nắm vững kiến thức QPTD, ANND, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng vững chắc nền QPTD, ANND của đất nước để bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hệ thống lại kiến thức :

- Xây dựng nền QPTD-ANND vững mạnh là việc làm thường xuyên, hệ trọng của bất cứ quốc gia nào muốn tồn tại và phát triển.

- Nền QP của ta là nền QPTD, của dân, do dân, vì dân, là nền QP mang tính tự vệ tích cực, hoàn toàn chính nghĩa không bành trướng và đe dọa bất kỳ quốc gia nào.

- Xây dựng nền QPTD-ANND vững mạnh là một yêu cầu tất yếu, trong thời kỳ CNH, HĐH ở nước ta.

- Xây dựng nền QPTD-ANND là trách nhiệm vụ của toàn dân. Đối với HS, thanh niên luôn nâng cao ý thức và trách nhiệm trong xây dựng QPTD-ANND vững mạnh, bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi : Học sinh có trách nhiệm như thế nào đối với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND trong tình hình mới ? liên hệ bản thân đối với nhiệm vụ trên.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước bài “ Tổ chức quân đội và công an nhân dân Việt Nam ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM (3 tiết)

TIẾT 8: TỔ CHỨC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRONG QĐND VN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Hiểu được chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức cơ bản trong Quân đội, Công an.
- Nhận biết được cấp bậc quân hàm, quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của Quân đội, Công an.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Xây dựng ý thức trách nhiệm và tích cực góp phần xây dựng Quân đội, Công an vững mạnh.

3. Phẩm chất

- Tự giác, tích cực, nghiêm túc trong giờ học.
- Nâng cao ý thức của học sinh đối với nghĩa vụ xây dựng lực lượng QĐ, CAND Việt Nam vững mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

- + Nhiệm vụ của HS trong xây dựng nền QPTD-ANND? (1HS)
- + Biện pháp xây dựng nền QPTD-ANND? (1HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ QĐND Việt Nam là một tổ chức quân sự, tổ chức nòng cốt của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, do Đảng và nhà nước Việt Nam lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện và quản lý làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Hôm nay ta tìm hiểu bài **“Tổ chức QĐND và hệ thống tổ chức trong QĐNDVN”**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu tổ chức và hệ thống tổ chức trong QĐND VN

a. Mục tiêu: Giúp HS thấy được sự cần thiết khi ban hành luật NVQS

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Hướng dẫn HS đọc SGK đặt câu hỏi và trả lời Tổ chức QĐND VN Bao gồm lực lượng nào?	I- Tổ chức và hệ thống tổ chức trong QĐND VN: 1. Tổ chức: - Căn cứ để tổ chức: + Vào chức năng, nhiệm vụ chính trị của QĐ.

Hệ thống tổ chức QĐND VN bao gồm ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK trả lời các câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, cả (Lực lượng thường trực và Lực lượng dự bị động viên) HS trả lời: + Bộ Quốc phòng + Các cơ quan Bộ QP + Các đơn vị trực thuộc Bộ QP + Các bộ, ban chỉ huy quân sự Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét bổ sung và kết luận	+ Phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của đất nước. + Truyền thống tổ chức QĐ của dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử.(mỗi giai đoạn lịch sử có quy mô, hình thức tổ chức QĐ khác nhau). 2. Hệ thống tổ chức: - Nhìn tổng quát, tổ chức QĐND VN bao gồm: + Bộ Quốc phòng + Các cơ quan Bộ QP + Các đơn vị trực thuộc Bộ QP + Các bộ, ban chỉ huy quân sự.
---	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong QĐ

a. Mục tiêu: HS nêu được chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong QĐ

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong QĐ

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh đọc SGK, đặt câu hỏi để HS trả lời: - Bộ quốc phòng có chức năng gì? - Bộ tổng TM và cơ quan TM các cấp có chức năng, nhiệm vụ gì? - TCCT và cơ quan CT các cấp có chức năng, nhiệm vụ gì? - TCHC và cơ quan HC các cấp có chức năng, nhiệm vụ gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK trả lời các câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời Cả lớp nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét bổ sung và kết luận	3. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong QĐ: a) Bộ QP: + Là đơn vị thuộc chính phủ do Bộ trưởng Bộ QP đứng đầu. + Chức năng lãnh đạo, chỉ huy, quản lý cao nhất của toàn quân. b) Bộ tổng tham mưu và cơ quan tham mưu các cấp trong QĐND VN: + Là cơ quan chỉ huy lực lượng vũ trang quốc gia. + Chức năng bảo đảm trình độ sẵn sàng chiến đấu, điều hành các hoạt động quân sự, nghiên cứu đề xuất những chủ trương chung. c) Tổng cục chính trị và cơ quan chính trị các cấp trong QĐND VN: *- Tổng cục chính trị: - Chức năng đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị trong toàn quân. - Nhiệm vụ đề nghị ĐUQSTƯ quyết định chủ trương, biện pháp lớn về công tác đảng, công tác chính trị trong QĐ; đề ra những nội dung, biện pháp, kế hoạch chỉ đạo, kiểm tra cấp dưới thực hiện. *- Cơ quan chính trị các cấp: - Nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất những chủ trương, biện pháp công tác đảng, công tác chính trị; hướng dẫn và tổ chức cho các cơ quan, đơn vị thực hiện.

	d) Tổng cục hậu cần và cơ quan hậu cần các cấp: - Chức năng đảm bảo vật chất, quân y, vận tải. - Nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất, chỉ đạo công tác đảm bảo hậu cần. e) Tổng cục kỹ thuật và cơ quan kỹ thuật các cấp: - Chức năng bảo đảm vũ khí, trang bị, kỹ thuật, phương tiện. - Nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất, bảo đảm kỹ thuật. g) Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, cơ quan, đơn vị sản xuất QP: - Chức năng quản lý các cơ sở sản xuất QP. - Nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất, chỉ đạo các đơn vị sản xuất. h) Quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng: - Quân khu: Tổ chức quân sự theo lãnh thổ. + Chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo công tác QP; xây dựng tiềm lực quân sự; chỉ đạo lực lượng vũ trang. - Quân đoàn: Đơn vị tác chiến chiến dịch là lực lượng thường trực của quân đội. - Quân chủng: Bộ phận quân đội hoạt động ở môi trường địa lý nhất định như: Hải quân, Phòng không – không quân. - Binh chủng: Chức năng trực tiếp chiến đấu hoặc bảo đảm chiến đấu như: Pháo binh, Tăng – Thiết giáp, Công binh, Thông tin liên lạc, Đặc công, Hóa học... i) Bộ đội Biên phòng: Là bộ phận của QĐNDVN; chức năng chủ yếu là quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia, giữ gìn an ninh biên giới, vùng biển của Tổ quốc.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hệ thống kiến thức :

- QĐND VN là một tổ chức quân sự, tổ chức nòng cốt của LLVT nhân dân VN, do Đảng, Nhà nước VNXHVN lãnh đạo, giáo dục rèn luyện và quản lý, làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

- Hệ thống tổ chức trong QĐND VN thống nhất, chặt chẽ, nghiêm ngặt từ toàn quân đến cơ sở. Mỗi cơ quan, đơn vị trong QĐ có chức năng nhiệm vụ cụ thể của mình, cùng nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của QĐND VN.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi :

+ Tổ chức QĐND VN?

+ Chức năng, nhiệm vụ TCCT, TCHC, Tổng cục CNQP ?

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước bài phần II “ **Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của nhân dân Việt Nam** ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM (tt) **TIẾT 9: QUÂN HIỆU, CẤP HIỆU, PHÙ HIỆU CỦA QĐND VN**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Hiểu được chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức cơ bản trong Quân đội, Công an.
- Nhận biết được cấp bậc quân hàm, quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của Quân đội, Công an.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Xây dựng ý thức trách nhiệm và tích cực góp phần xây dựng Quân đội, Công an vững mạnh.

3. Phẩm chất

- Tự giác, tích cực, nghiêm túc trong giờ học.
- Nâng cao ý thức của học sinh đối với nghĩa vụ xây dựng lực lượng QĐ, CAND Việt Nam vững mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Tổ chức QĐNDVN? (1HS)

+ Hệ thống tổ chức QĐNDVN? (1HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ QĐND VN có quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu riêng do nhà nước quy định. Hôm nay ta tìm hiểu thêm về “**Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của QĐND VN**”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của QĐ:

a. Mục tiêu: HS nhận biết được quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của QĐ

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của QĐ

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giảng giải kết hợp với tranh. Đặt câu hỏi: - Như thế nào gọi là sĩ quan? - Nêu một số bậc quân hàm? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK, quan sát tranh và trả lời các câu hỏi.	4. Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của QĐ: - Quân hiệu: Gắn trên mũ cứng và mũ mềm. - Cấp hiệu: Đeo ở vai áo, nền vàng có viền theo màu của quân chủng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời. Cả lớp nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức - Hình tròn đỏ giữa có ngôi sao vàng 5 cánh nổi. - Có 3 loại: Cửa sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan binh sĩ. - Những qui định chung: a) Sĩ quan QĐNDVN là cán bộ của Đảng CSVN và nhà nước CHXHCNVN, hoạt động trong lĩnh vực quân sự, được nhà nước phong quân hàm cấp Úy, Tá, Tướng. + Chia làm 2 ngạch: SQ tại ngũ, SQ dự bị. + SQ gồm các nhóm ngành sau: Chỉ huy, tham mưu, chính trị, kỹ thuật, chuyên môn khác. b) Hạ sĩ quan: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ. c) Binh sĩ: Binh nhì, Binh nhất. - Ngoài ra còn có học viên sĩ quan và học viên hạ sĩ quan. Nền cấp hiệu theo màu quân, binh chủng. d) Quân nhân chuyên nghiệp: Có trình độ chuyên môn kỹ thuật cần thiết cho các công tác chỉ huy, chiến đấu, xây dựng QĐ có thể phục vụ trong QĐ từng thời hạn hoặc dài hạn cho đến 50 tuổi. Cấp bậc thấp nhất là chuẩn úy, cao nhất là thượng tá. (QNCN không đeo quân hàm kết hợp). - Từ năm 2009 quân hàm QNCN có vạch màu hồng nhạt ở giữa cầu vai. - Nền phù hiệu theo màu quân chủng có đính biểu tượng chuyên ngành.	+ Sĩ quan: . Cấp úy 1 vạch ngang màu bạc (cúc và sao bạc) . Cấp tá 2 vạch ngang màu bạc (cúc và sao bạc) . Cấp tướng không biểu hiện vạch, cúc và sao vàng (Thiếu: 1sao, Trung: 2sao, Thượng: 3 sao, Đại: 4sao) + Hạ sĩ quan: . Hạ sĩ: 1 vạch ngang (đỏ) . Trung sĩ: 2 vạch ngang . Thượng sĩ: 3 vạch ngang + Binh sĩ: . Binh nhì: 1 vạch chữ V màu đỏ . Binh nhất: 2 vạch chữ V màu đỏ + Học viên sĩ quan có viền vàng + Học viên hạ sĩ quan không có viền + Quân nhân chuyên nghiệp có vạch chữ < màu bạc. - Phù hiệu: Là một hình bình hành mang ở ve áo, cấp tướng có viền vàng 3 cạnh.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hệ thống lại kiến thức :

- QĐND VN là một tổ chức quân sự, tổ chức nòng cốt của LLVT nhân dân VN, do Đảng, Nhà nước VNXHVN lãnh đạo, giáo dục rèn luyện và quản lý, làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

- Hệ thống tổ chức trong QĐND VN thống nhất, chặt chẽ, nghiêm ngặt từ toàn quân đến cơ sở. Mỗi cơ quan, đơn vị trong QĐ có chức năng nhiệm vụ cụ thể của mình, cùng nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của QĐND VN.

- QĐND VN có cấp hiệu, phù hiệu, quân hiệu riêng do Nhà nước quy định.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi :

-Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt nam?

*** Hướng dẫn về nhà**

Đọc trước bài phần II “ **Tổ chức và hệ thống tổ chức công an nhân dân Việt Nam** ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM (tt) **TIẾT 10: TỔ CHỨC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRONG CAND VN**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Hiểu được chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức cơ bản trong Quân đội, Công an.
- Nhận biết được cấp bậc quân hàm, quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của Quân đội, Công an.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Xây dựng ý thức trách nhiệm và tích cực góp phần xây dựng Quân đội, Công an vững mạnh.

3. Phẩm chất

- Tự giác, tích cực, nghiêm túc trong giờ học.
- Nâng cao ý thức của học sinh đối với nghĩa vụ xây dựng lực lượng QĐ, CAND Việt Nam vững mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra bài cũ:

- Bộ quốc phòng có chức năng gì?
- Bộ tổng TM và cơ quan TM các cấp có chức năng, nhiệm vụ gì?

Giới thiệu nội dung mới:

+ CAND Việt Nam là một tổ chức quân sự, tổ chức nòng cốt của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, do Đảng và nhà nước nhân dân Việt Nam lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện và quản lý làm nhiệm vụ an ninh Tổ quốc. Hôm nay ta tìm hiểu bài “II. *Tổ chức và hệ thống tổ chức trong CAND VN*”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu tổ chức và hệ thống tổ chức trong CAND VN

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu tổ chức và hệ thống tổ chức trong CAND VN

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Tổ chức và hệ thống tổ chức trong CAND VN

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh đọc SGK, đặt câu hỏi để HS trả lời: Nhóm 1:	II- Tổ chức và hệ thống tổ chức trong CAND VN : (40phút) 1. Tổ chức: (5phút) - Căn cứ để tổ chức:

- CAND được tổ chức bao gồm lực lượng nào? - Hệ thống tổ chức của CANND Việt Nam như thế nào? Nhóm 2: - Cơ quan nào là cơ quan cao nhất trong CAND? - Trong tổ chức CAND có mấy tổng cục? Là những tổng cục nào? Nêu chức năng nhiệm vụ của những tổng cục đó? Nhóm 3: - Nêu chức năng, nhiệm vụ của Bộ tư lệnh cảnh vệ, Văn phòng, Thanh tra, Cục quản lý trại giam của CAND - Nêu chức năng nhiệm vụ của Vụ tài chính, Vụ pháp chế, Vụ hợp tác quốc tế trong CAND. Nhóm 4: - Sĩ quan, Hạ SQ nghiệp vụ có mấy cấp, bậc? - Sĩ quan, HSQ chuyên môn KT có mấy cấp, bậc? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm 1 khoảng thời gian để đọc lại nội dung trong SGK và trả lời các câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời Nhóm khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: -GV nhận xét, bổ sung, kết luận	+ Lực lượng ANND. + Lực lượng CSND. 2. Hệ thống tổ chức: :(5phút) - Nhìn tổng quát, tổ chức CAND VN bao gồm: + Bộ Công an + Các cơ quan Bộ CA + CA tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ. + CA huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. + CA xã, phường, thị trấn + Các học viện, nhà trường đào tạo cán bộ sĩ quan công an và hạ sĩ quan chuyên nghiệp công an. 3. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong CA: :(10phút) a) Bộ CA: - Là cơ quan lãnh đạo, chỉ huy cao nhất. - Nhiệm vụ: + Quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. + Xây dựng nền an ninh nhân dân và các lực lượng công an. b) Tổng cục an ninh: - Là lực lượng nòng cốt của Công an. - Nhiệm vụ: + Nắm chắc tình hình. + Đấu tranh, phòng chống tội phạm. + Làm thất bại mọi âm mưu, hành động xâm phạm an ninh quốc gia. + Bảo vệ an ninh quốc gia. c) Tổng cục Cảnh sát: - Là lực lượng nòng cốt. - Nhiệm vụ: + Chủ động đấu tranh phòng, chống tội phạm. + Làm thất bại mọi âm mưu hành động gây mất trật tự, an toàn xã hội. + Bảo vệ trật tự an toàn xã hội. d) Tổng cục Xây dựng lực lượng: - Là cơ quan chuyên trách đảm nhiệm công tác xây dựng hệ thống tổ chức, cán bộ, các lực lượng nghiệp vụ trong Bộ Công an. e) Tổng cục Hậu cần: - Là cơ quan tham mưu, bảo đảm về mặt hậu cần, cơ sở vật chất và khai thác sử dụng vật tư, trang bị cho các lực lượng của Bộ Công an. g) Tổng cục tình báo: - Là lực lượng đặc biệt, nhằm ngăn chặn và đập tan những âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh quốc gia.
--	---

h) Tổng cục Kỹ thuật:

- Là cơ quan đảm bảo trang bị, phương tiện kỹ thuật cho các hoạt động, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào nghiệp vụ công an.

i) Bộ Tư lệnh cảnh vệ:

- Là lực lượng bảo vệ cán bộ cao cấp, cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế, các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế, chuyên gia nước ngoài đến công tác tại VN.

Ngoài ra, cũng có các cơ quan khác thuộc Bộ Công an.

- Văn phòng
- Thanh tra
- Cục quản lý trại giam
- Vụ Tài chính
- Vụ Pháp chế
- Vụ hợp tác quốc tế
- Công an xã

3- Cấp hiệu, Phù hiệu, Công an hiệu:

- **Công an hiệu:** :(20phút)

Hình 3.10 : Công an hiệu



Cấp tướng - Cấp tá



Cấp úy, hạ sĩ quan chiến sĩ, học viên

- Cấp hiệu:

Hình 3.11 : Sĩ quan nghiệp vụ



Đại tướng



Đại tá



Đại úy



Thượng tướng



Thượng tá



Thượng úy



Trung tướng



Trung tá



Trung úy



Thiếu tướng



Thiếu tá



Thiếu úy

Hình 3.11b : Hạ sĩ quan nghiệp vụ, chiến sĩ, học viên



Thượng sĩ



Trung sĩ



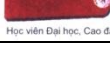
Hạ sĩ



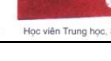
Binh nhất



Binh nhì



Học viên Đại học, Cao đẳng



Học viên Trung học, Sơ học

Hình 3.12 : Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật

- Phù hiệu:
(chỉ giới thiệu cho học sinh có tranh hiện vật tốt hơn)

a. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ:

- Hạ sĩ quan có 3 bậc
- Sĩ quan cấp Úy 4 bậc
- Sĩ quan cấp Tỏ 4 bậc
- Sĩ quan cấp Tướng 4 bậc

b. Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên mụn kỹ thuật:

- Hạ sĩ quan có 3 bậc
- Sĩ quan cấp Úy 4 bậc
- Sĩ quan cấp Tỏ 3 bậc

c. Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn:

- Chiến sĩ có 2 bậc
- Hạ sĩ quan có 3 bậc

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hệ thống lạ kiến thức :

- CANDVN là lực lượng nòng cốt quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

- Đấu tranh phòng, chống tội phạm, làm thất bại mọi âm mưu, hành động xâm phạm an ninh quốc gia, gây mất trật tự an toàn xã hội.

- Bảo vệ cán bộ cấp cao, cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế, cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, chuyên gia nước ngoài đến công tác tại Việt Nam.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Gv đặt câu hỏi :

+ Tổ chức và hệ thống tổ chức CAND VN?

+ Hệ thống quân hàm của CAND VN ?

*** Hướng dẫn về nhà**

- Chuẩn bị cho bài kiểm tra 1 tiết

Tiết 11**KIỂM TRA 1 TIẾT****I. Mục tiêu****1. Kiến thức**

Nhằm đánh giá quá trình học tập, ôn luyện của học sinh nhận xét rút kinh nghiệm cho nội dung tiếp theo đạt kết quả cao hơn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- GV chuẩn bị đề kiểm tra, đáp án (tóm tắt).
- HS: Giấy kiểm tra, bút viết.

III. TIẾN HÀNH KIỂM TRA**1. Hình thức kiểm tra: Kiểm tra viết.****2. Câu hỏi:**

Câu 1: Nêu và phân tích những quan điểm chỉ đạo của đảng về thực hiện nhiệm vụ QP – AN trong thời kỳ mới ?

Câu 2: Nêu hệ thống quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của QĐND Việt Nam ?

Đáp án(tóm tắt)

Câu 1(7đ):

- Nêu được 6 quan điểm(3đ);
- Phân tích làm rõ các quan điểm(4đ).

câu 2 (3đ): Nêu được hệ thống Quân hiệu, Cấp hiệu, Phù hiệu trong QĐND Việt Nam.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 4: NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI, CÔNG AN VÀ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO (2 tiết)

Tiết 12: NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI VÀ TUYỂN SINH QUÂN SỰ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được hệ thống các nhà trường trong Quân đội và Công an.
- Hiểu rõ chế độ tuyển sinh đào tạo hàng năm vào các trường quân sự và công an.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Biết vận dụng linh hoạt trong quá trình học tập và sinh hoạt tại trường.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, định hướng nghề nghiệp quân sự, công an.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Sau khi đội VN tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của QĐNDVN được thành lập. Đảng và Bác Hồ đã chú trọng ngay đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân đội cách mạng. Do đó hệ thống nhà trường quân đội từng bước được hình thành. Hôm nay chúng ta tìm hiểu bài “**NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI VÀ TUYỂN SINH QUÂN SỰ**”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu nhà trường quân đội và tuyển sinh quân sự

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu về hệ thống nhà trường quân đội và tuyển sinh đào tạo sĩ quan bậc đại học trong các trường quân đội

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Hệ thống nhà trường quân đội và tuyển sinh đào tạo sĩ quan bậc đại học trong các trường quân đội

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: -Em hãy kể tên các học viện? -Em hãy kể tên các trường sĩ quan: Đại học, Cao đẳng? - Những đối tượng nào tham gia tuyển sinh quân sự?	I- NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI VÀ TUYỂN SINH QUÂN SỰ: 1.Hệ thống nhà trường quân đội: a) Các học viện: 1- Học viện Quốc phòng 2- Học viện Lục quân 3- Học viện chính trị quân sự

- Thí sinh trúng tuyển phải đủ các tiêu chuẩn nào ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: +HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một vài học sinh trả lời câu hỏi HS khác nhận xét Dự kiến trả lời: - Có 10 Học viện (kể tên) - Có 9 trường sĩ quan (kể tên) - Có 1 trường ĐH, 1 trường CĐ * Ngoài ra cũng các trường Quân sự QK, QĐ, QSự Tỉnh, QS thành phố, các trường chuyên nghiệp, dạy nghề. * Đối tượng Tuyển sinh gồm: - Quân nhân tại ngũ - Công nhân viên quốc phòng - Nam thanh niên ngoài quân đội - Nữ quân nhân và nữ thanh niên ngoài quân đội * Tiêu chuẩn: - Tự nguyện ĐKDT - Có lý lịch gia đình và bản thân rõ ràng - Tốt nghiệp THPT, BTTHPT, và đủ điểm tuyển sinh - Sức khỏe (theo quy định) Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	4- Học viện hậu cần 5- Học viện Kỹ thuật quân sự 6- Học viện quân y 7- Học viện khoa học quân sự 8- Học viện Hải quân 9- Học viện Phòng không- Không quân 10- Học viện Biên phòng <i>b) Các trường sĩ quan, trường đại học, cao đẳng:</i> 1- Trường SQ lục quân 1 2- Trường SQ lục quân 2 3- Trường SQ chính trị 4- Trường SQ pháo binh 5- Trường SQ công binh 6- Trường SQ thông tin 7- Trường SQ tăng-thiết giáp. 8- Trường SQ đặc công 9- Trường SQ phòng hoá 10- Trường SQ Không Quân. 11- Trường Đại học Văn hóa- Nghệ thuật quân đội 12- Trường kĩ thuật Vin-Hem-Pich.(Wilhelm Pieck) <i>c) Ngoài ra cũn có các trường quân sự:</i> Quân khu, Quân đoàn, trường trung cấp chuyên ngành, dạy nghề... 2- Tuyển sinh đào tạo sĩ quan bậc đại học trong các trường quân đội: <i>a)Đối tượng tuyển sinh:</i> - Quân nhân tại ngũ - Công nhân viên chức quốc phòng - Nam thanh niên ngoài quân đội - Nữ thanh niên ngoài quân đội và nữ quân nhân. <i>b)Tiêu chuẩn tuyển sinh:</i> - Tự nguyện đăng ký dự thi. - Có lí lịch chính trị gia đình và bản thân rõ ràng. - Tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT, đủ điểm qui định vào trường dự thi. - Sức khỏe (theo qui định) <i>c)Tổ chức tuyển sinh quân sự:</i> * Phương thức tiến hành tuyển sinh quân sự: - Hàng năm, công bố trên phương tiện thông tin đại chúng. - Tất cả thí sinh phải qua sơ tuyển. * Mụn thi, nội dung và hình thức thi: - Thông tin trong quyển “Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng” hàng năm của Bộ giáo dục. * Các mốc thời gian tuyển sinh:
--	--

	- Theo qui định chung của nhà nước. * Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: - Theo qui định chung của nhà nước. * Dự bị đại học: - Thực hiện đối với một số đối tượng được hưởng chính sách. * Một số qui định chung: - Được phụ cấp chế độ theo qui định. - Chấp hành sự Phân Công sau khi tốt nghiệp.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi cho HS:

- Trong hệ thống nhà trường quân đội có bao nhiêu trường học viện, sĩ quan, đại học, cao đẳng? kể tên?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi cho HS:

- Trình bày đối tượng và tiêu chuẩn tuyển sinh đào tạo sĩ quan bậc đại học trong các trường quân đội

* **Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước bài “ Nhà trường công an và tuyển sinh đào tạo ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 4: NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI, CÔNG AN VÀ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO (2 tiết)

Tiết 13: NHÀ TRƯỜNG CÔNG AN VÀ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được hệ thống các nhà trường trong Quân đội và Công an.
- Hiểu rõ chế độ tuyển sinh đào tạo hàng năm vào các trường quân sự và công an.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

Biết vận dụng linh hoạt trong quá trình học tập và sinh hoạt tại trường.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, định hướng nghề nghiệp quân sự, công an.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: GV kiểm tra bài cũ và giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra bài cũ: Câu hỏi: Em hãy kể tên các học viên quân sự?

Bài mới:

+ CAND Việt Nam là một tổ chức quân sự, tổ chức nòng cốt của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, do Đảng và nhà nước nhân dân Việt Nam lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện và quản lý làm nhiệm vụ an ninh Tổ quốc. Hôm nay ta tìm hiểu bài “II. *Tổ chức và hệ thống tổ chức trong CAND VN*”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Hệ thống nhà trường công an

a. Mục tiêu: Tìm hiểu về hệ thống nhà trường công an

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Hệ thống trường công a

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV:Đặt câu hỏi HS xem SGK trả lời. -Kể tên các trường đại học học viện đào tạo của công an nhân dân? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: +HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	II- NHÀ TRƯỜNG CÔNG AN VÀ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO(40phút) 1.Hệ thống nhà trường công an:20phút a) Các học viện: - Học viện An ninh. - Học viện Cảnh sát. - Học viện tình báo. b) Các trường đại học:

Đại diện một vài học sinh trả lời câu hỏi HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	- Đại học an ninh - Đại học cảnh sát - Đại học phòng cháy-chữa cháy. c) Các trường khác: - Trung cấp An ninh I và II. - Trung cấp Cảnh sát I, II và III. - Trung cấp Kỹ thuật nghiệp vụ Công an. - Trung cấp cảnh sát vũ trang. - Bồi dưỡng nghiệp vụ hậu cần Công an. - Trường Văn hóa I, II, III. Ngoài ra cũn có 3 trung tâm bồi dưỡng của các tổng cục; 64 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc công an các tỉnh, thành phố.
--	---

Hoạt động 2: Tuyển sinh đào tạo đại học trong các trường Công an nhân dân

- a. Mục tiêu:** Tìm hiểu về tuyển sinh đào tạo đại học trong các trường Công an nhân dân
b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao
c. Sản phẩm: Mục tiêu, nguyên tắc và tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV:Đặt câu hỏi HS xem SGK trả lời. + Mục tiêu nguyên tắc tuyển chọn ? + Tiêu chuẩn nào được tuyển chọn vào CANDVN? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Tham khảo SGK trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một vài học sinh trả lời câu hỏi HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức Học sinh chọn lọc ý chính ghi vào vở	2. Tuyển sinh đào tạo đại học trong các trường Công an nhân dân:(20ph) a) Mục tiêu, nguyên tắc tuyển chọn: - Mục tiêu: Đúng qui trình, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chuẩn. Quy chế dân chủ. - Nguyên tắc: Bộ trưởng Công an phân bổ và hướng dẫn cụ thể. b) Tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn: - Trung thành với Tổ quốc, lý lịch bản thân, gia đình rõ ràng, gương mẫu, phẩm chất, tư cách đạo đức tốt, sức khỏe, trình độ học vấn, năng khiếu Phù hợp, có nguyện vọng phục vụ trong Công an. - Có qui định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn và điều kiện, với từng lực lượng, từng vùng, miền và thời kỳ cụ thể. *. Lưu ý: - Tất cả các thí sinh dự thi đều phải qua sơ tuyển. - Về tuổi đời: Học sinh phổ thông không quá 20 tuổi: học sinh có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số không quá 22 tuổi. - Học sinh nữ do chỉ tiêu tuyển sinh qui định. - Thí sinh không trúng tuyển được tham gia xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng khối dân sự. c) Ưu tiên tuyển chọn: Sinh viên, học viên tốt nghiệp xuất sắc ở các trường dân sự có đủ tiêu chuẩn để đào tạo. bổ sung vào Công an. Công dân là người dân tộc thiểu số hoặc công dân khác có thời gian thường trú từ 10 năm liên tục trở lên ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo. d) Chọn cử học sinh, sinh viên, cán bộ công an nhân

	<i>dân đào tạo tại các cơ sở giáo dục ngoài Công an:</i> Đề đào tạo ngành nghề thích hợp phục vụ nhiệm vụ công tác ở trong ngành Công an.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

-GV đặt câu hỏi để củng cố kiến thức cho học sinh:

+ Trình bày tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn vào CANND

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập trắc nghiệm

1. Có bao nhiêu học viện, trường đại học Công an nhân dân?

a. 03 Học viện, 03 trường Đại học

b. 04 Học viện, 02 trường Đại học

c. 05 Học viện, 01 trường Đại học

d. 06 Học viện, 04 trường Đại học

2. Trong hệ thống nhà trường Công an nhân dân, có bao nhiêu trường trung cấp An ninh?

a. 01 trường

b. 02 trường

c. 03 trường

d. 04 trường

3. Trong hệ thống nhà trường Công an nhân dân, có bao nhiêu trường trung cấp Cảnh sát?

a. 01 trường

b. 02 trường

c. 03 trường

d. 04 trường

4. Trong hệ thống nhà trường Công an nhân dân còn có cơ sở bồi dưỡng nào, số lượng bao nhiêu?

a. 66 cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc các tỉnh, thành phố

b. 65 cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc công an các địa phương

c. 64 cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc công an các tỉnh

d. 63 cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc công an các tỉnh, thành phố

5. Mục tiêu tuyển sinh đào tạo đại học trong các trường Công an nhân dân như thế nào?

a. Tuyển chọn phải đảm bảo đúng quy trình, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chuẩn, đúng quy chế dân chủ

b. Tuyển chọn phải đảm bảo đúng đối tượng ưu tiên, vượt chỉ tiêu, tiêu chuẩn

c. Tuyển chọn phải đảm bảo đúng đối tượng, hạn chế chỉ tiêu, đủ tiêu chuẩn

d. Tuyển chọn phải đảm bảo ưu tiên một số đối tượng theo quy định

6. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc tuyển sinh đào tạo đại học trong các trường Công an nhân dân?

a. Hàng năm, căn cứ vào tổng biên chế đã được phê duyệt

b. Không tuyển sinh từ nguồn thanh niên, học sinh

c. Bộ trưởng Bộ Công an phân bổ chỉ tiêu

d. Có hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục tuyển chọn

7. Nội dung nào sau đây không đúng với những tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn vào Công an nhân dân?

a. Trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt

b. Có lí lịch bản thân và gia đình rõ ràng

c. Là thanh niên, học sinh phải có 1 năm công tác tại địa phương

d. Có nguyện vọng phục vụ trong lực lượng Công an

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước bài “ **Luật sĩ quan Quân đội nhân dân và Công an nhân dân** ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 5: LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN

Tiết 14: LUẬT SĨ QUAN QĐNDVN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được những nội dung cơ bản của Luật Sĩ quan QĐNDVN.
- Hiểu được những điều kiện tuyển chọn, đào tạo; quyền lợi, nghĩa vụ của sĩ quan quân đội.
- Hiểu được trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan Quân đội, Công an, biết cách đăng ký dự thi vào các trường QĐ, CA.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, động cơ, phương pháp phấn đấu trở thành sĩ quan quân đội.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, góp phần thực hiện tốt Luật Sĩ quan Quân đội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Trình bày hệ thống nhà trường quân đội nhân dân? (1HS)

+ Đối tượng và tiêu chuẩn tuyển sinh đào tạo sĩ quan QĐND?(1HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Để xây dựng đội ngũ sĩ quan QĐND vững mạnh, làm nòng cốt xây dựng QĐND cách mạng, chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; góp phần nền quốc phòng toàn dân, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ Quốc Việt Nam XHCN. Căn cứ vào hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. “ **Luật sĩ quan QĐNDVN** ” được chủ tịch Quốc hội ký ngày 21 tháng 12 năm 1999. Gồm 7 chương 51 điều

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí, chức năng sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu khái niệm về sĩ quan, ngạch sĩ quan và vị trí chức năng của sĩ quan

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: khái niệm về sĩ quan, ngạch sĩ quan và vị trí chức năng của sĩ quan

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Sĩ quan QĐND VN có vị trí và chức	I- LUẬT SĨ QUAN QĐNDVN. 1/ Vị trí, chức năng sĩ quan Quân đội nhân dân

năng như thế nào ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Đọc Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, HS khác nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định: Gv: kết luận và liên hệ thực tế. Hs: ghi ý chính.	Việt Nam a. Khỏi niệm về sĩ quan, ngạch sĩ quan - Sĩ quan: Là quân nhân phục vụ trong lực lượng vũ trang có quân hàm cấp úy trở lên. - Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam: - Ngạch sĩ quan: Sĩ quan chia thành 2 ngạch : sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị. b. Vị trí chức năng của sĩ quan - Là lực lượng nòng cốt của quân đội . - Đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy quản lí hoặc trực tiếp thực hiện một số nhiệm vụ khác, bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.
--	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu tiêu chuẩn của sĩ quan; lãnh đạo, chỉ huy, quản lí sĩ quan; điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan; nguồn bổ sung sĩ quan tại ngũ.

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu tiêu chuẩn chung và điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: tiêu chuẩn chung và điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Sĩ quan QĐND VN có những tiêu chuẩn gì ? + Đảng CSVN lãnh đạo QĐ theo nguyên tắc nào ? + Nêu những điều kiện tuyển chọn, đào tạo SQ ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS: Đọc Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Gv: Hướng dẫn Hs nghiên cứu Sgk và giải đáp thắc mắc nếu có. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày câu trả lời, HS khác nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định: Gv: kết luận và liên hệ thực tế. Hs: ghi ý chính.	2. Tiêu chuẩn của sĩ quan; lãnh đạo, chỉ huy, quản lí sĩ quan; điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan; nguồn bổ sung sĩ quan tại ngũ. a. Tiêu chuẩn chung - Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, với Đảng và Nhà nước : có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. - Có phẩm chất đạo đức cách mạng : gương mẫu chấp hành đường lối chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; có tinh thần đoàn kết, giữ nghiêm kỉ luật quân đội; được quần chúng tín nhiệm. - Có trình độ chính trị, khoa học quân sự và khả năng vận dụng sáng tạo lí luận vào nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân và quân đội nhân dân; có kiến thức về các lĩnh vực và năng lực hoạt động thực tiễn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. - Có lối sống lành mạnh, tuổi đời và sức khỏe phù hợp với chức vụ, cấp bậc quân hàm mà sĩ quan đảm nhiệm. b. Lãnh đạo, chỉ huy, quản lí đội ngũ sĩ quan - Đội ngũ sĩ quan do Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước - Sự quản lí thống nhất của Chính phủ; chỉ huy, quản lí trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. c. Điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan - Công dân nước CHXHCNVN có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe

	và tuổi đời. - Có nguyện vọng và khả năng hoạt động trong lĩnh vực quân sự. d. Nguồn bổ sung sĩ quan tại ngũ - Hạ sĩ quan, binh sĩ tốt nghiệp các trường đào tạo sĩ quan hoặc các trường đại học ngoài quân đội; - Hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành tốt nhiệm vụ ; - Quân nhân chuyên nghiệp và công chức quốc phòng tại ngũ tốt nghiệp đại học trở lên đã được đào tạo, bồi dưỡng chương trình quân sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ; - Cán bộ, công chức ngoài quân đội và những người tốt nghiệp đại học trở lên được điều động vào phục vụ trong quân đội đã được đào tạo.bồi dưỡng chương trình quân sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ; - Sĩ quan dự bị
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi ôn tập:

+ Vị trí, chức năng của sĩ quan QĐNDVN?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

1. Khái niệm về sĩ quan quân đội Việt Nam là gì?

a. Là cán bộ của ĐCS Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam

b. Là người hoạt động trong lĩnh vực quân sự

c. Được nhà nước phong quân hàm cấp úy, cấp tá, cấp tướng

d. Là Hạ sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam

2. Một nội dung của khái niệm về sĩ quan là gì?

a. Tất cả quân nhân phục vụ trong LLVT nhân dân Việt Nam

b. Là quân nhân phục vụ trong LLVT có quân hàm cấp úy trở lên

c. Quân nhân phục vụ trong LLVT có quân hàm cấp tá trở lên

d. Quân nhân phục vụ trong LLVT có quân hàm Hạ sĩ quan trở lên

3. Luật sĩ quan được Quốc hội khóa X thông qua kì họp nào, ngày nào?

a. Kì họp thứ 4, ngày 21- 12 - 1999

b. Kì họp thứ 5, ngày 21- 12 - 1999

c. Kì họp thứ 6, ngày 21- 12 - 1999

d. Kì họp thứ 7, ngày 21- 12 - 1999

4. Nội dung nào sai về cơ chế lãnh đạo, chỉ huy và quản lí đội ngũ sĩ quan?

a. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ huy, quản lí trực tiếp

b. Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt

c. Sự quản lí thống nhất của Chính phủ

d. Nhà nước thống nhất chỉ huy và quản lý trực tiếp

5. Sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị theo Luật Sĩ quan được hiểu là gì?

a. Là ngạch sĩ quan

b. Là tên gọi đơn vị sĩ quan

c. Là phiên hiệu đơn vị sĩ quan

d. Là chuyên môn của sĩ quan

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước bài “ Phần II. Luật sĩ quan Công an nhân dân ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 5: LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN

Tiết 15: LUẬT SĨ QUAN QĐNDVN (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được những nội dung cơ bản của Luật Sĩ quan QĐNDVN.
- Hiểu được những điều kiện tuyển chọn, đào tạo; quyền lợi, nghĩa vụ của sĩ quan quân đội.
- Hiểu được trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan Quân đội, Công an, biết cách đăng ký dự thi vào các trường QĐ, CA.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, động cơ, phương pháp phấn đấu trở thành sĩ quan quân đội.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, góp phần thực hiện tốt Luật Sĩ quan Quân đội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn sĩ quan ?

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Để xây dựng đội ngũ sĩ quan QĐND vững mạnh, làm nòng cốt xây dựng QĐND cách mạng, chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; góp phần nền quốc phòng toàn dân, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ Quốc Việt Nam XHCN. Căn cứ vào hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. “ **Luật sĩ quan QĐNDVN** ” được chủ tịch Quốc hội ký ngày 21 tháng 12 năm 1999. Gồm 7 chương 51 điều

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu nhóm ngành, cấp bậc, chức vụ của sĩ quan

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu nhóm ngành của sĩ quan, hệ thống cấp bậc quân hàm của sĩ quan và hệ thống chức vụ cơ bản của sĩ quan

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: nhóm ngành của sĩ quan, hệ thống cấp bậc quân hàm của sĩ quan và hệ thống chức vụ cơ bản của sĩ quan

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	I- LUẬT SĨ QUAN QĐNDVN (tt)

GV chia thành lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: + Nhóm 1: Lấy ví dụ thực tế và giải thích các nhóm ngành sĩ quan + Nhóm 2: Nêu hệ thống cấp bậc quan hàm của sĩ quan + Nhóm 3: Nêu hệ thống chức vụ cơ bản của sĩ quan Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu SGK, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm trình bày kết quả Các nhóm khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	3. Nhóm ngành, cấp bậc, chức vụ của sĩ quan a. Nhóm ngành của sĩ quan - <i>Sĩ quan chỉ huy, tham mưu</i> : là sĩ quan đảm nhiệm công tác tác chiến, huấn luyện và xây dựng lực lượng, có thể được bổ nhiệm làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của tổ chức. - <i>Sĩ quan chính trị</i>: là sĩ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội. - <i>Sĩ quan hậu cần</i>: là sĩ quan đảm nhiệm công tác hậu cần trong quân đội. Có thể giữ chức vụ khác theo yêu cầu của tổ chức. - <i>Sĩ quan kỹ thuật</i>: là sĩ quan đảm nhiệm công tác kỹ thuật trong quân đội. Có thể đảm nhiệm công tác khác theo yêu cầu của tổ chức. Ngoài ra, trong quân đội còn có các sĩ quan chuyên môn khác đảm nhiệm công tác trong các ngành không thuộc 4 nhóm ngành quy định ở trên, như: sĩ quan quân pháp, sĩ quan quân y và thú y... b. Hệ thống cấp bậc quan hàm của sĩ quan - Gồm 3 cấp, 12 bậc: + Cấp úy có 4 bậc: Thiếu úy, trung úy, thượng úy, đại úy + Cấp tá có 4 bậc: Thiếu tá, trung tá, thượng tá, đại tá + Cấp tướng có 4 bậc: Thiếu tướng (Chuẩn đô đốc Hải quân), trung tướng (Phó đô đốc Hải quân), thượng tướng (Đô đốc Hải quân), đại tướng. c. Hệ thống chức vụ cơ bản của sĩ quan - Trung đội trưởng - Đại đội trưởng - Tiểu đoàn trưởng - Trung đoàn trưởng (tương đương Huyện, quận, thị đội trưởng) - Lữ đoàn trưởng - Sư đoàn trưởng (tương đương Tỉnh, thành đội trưởng) - Tư lệnh quân đoàn - Tư lệnh quân khu, quân chủng - Chủ nhiệm Tổng cục - Tổng tham mưu trưởng - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
--	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của sĩ quan QĐNDVN.

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của sĩ quan

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của sĩ quan

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Nêu trách nhiệm của sĩ quan và những điều sĩ quan phải làm và được làm, không được làm.	4. Nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của sĩ quan QĐNDVN. a. Nghĩa vụ của sĩ quan - Sẵn sàng chiến đấu, hi sinh bảo vệ vững chắc Tổ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs: Đọc Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: - Gv: kết luận. - Hs: ghi ý chính.	quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân, tham gia xây dựng đất nước. - Luôn giữ gìn và trau dồi đạo đức cách mạng, học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực mọi mặt để hoàn thành nhiệm vụ; - Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh và nghiêm chỉnh chấp hành điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội ; giữ gìn bí mật quốc gia, bí mật quân sự; - Luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần bộ đội ; - gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tôn trọng và gắn bó mật thiết với nhân dân. b. Trách nhiệm của sĩ quan - Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp trên và cấp dưới thuộc quyền : về những mệnh lệnh của mình, về việc chấp hành mệnh lệnh của cấp trên và việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới thuộc quyền. - Lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ của đơn vị theo chức trách được giao : * Những việc sĩ quan không được làm : - Việc trái với pháp luật, kỉ luật quân đội - Việc mà pháp luật quy định cán bộ, công chức không được làm. c. Quyền lợi của sĩ quan - Có quyền công dân theo Hiến pháp và Pháp luật. Được Nhà nước đảm bảo về chính sách, chế độ ưu đãi phù hợp với tính chất đặc thù quân sự.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi ôn tập:

+ Nhóm ngành, cấp bậc, chức vụ của sĩ quan?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm:

1. Sĩ quan quân đội có mấy nhóm ngành và những ngành nào?

a. 2 nhóm ngành chính: Sĩ quan quân sự - chính trị, sĩ quan Hậu cần - kĩ thuật và một ngành khác

b. 3 nhóm ngành chính: Sĩ quan chỉ huy, sĩ quan chính trị, sĩ quan Hậu cần và một ngành khác

c. 4 nhóm ngành chính: Sĩ quan chỉ huy, sĩ quan chính trị, sĩ quan Hậu cần, sĩ quan kĩ thuật và một ngành khác

d. 2 nhóm ngành chính: Sĩ quan chỉ huy, sĩ quan chính trị và một ngành khác

2. Sĩ quan có chức vụ là Sư đoàn trưởng thuộc nhóm ngành nào của sĩ quan?

- a. Sĩ quan chính trị
 - b. Sĩ quan hậu cần
 - c. Sĩ quan kỹ thuật
 - d. Sĩ quan chỉ huy
3. Sĩ quan có chức vụ là Chính ủy Sư đoàn thuộc nhóm ngành nào của sĩ quan?
- a. Sĩ quan chính trị
 - b. Sĩ quan hậu cần
 - c. Sĩ quan kỹ thuật
 - d. Sĩ quan chỉ huy
4. Cấp bậc nào dưới đây không có trong hệ thống cấp bậc của QĐNDVN?
- a. Thượng tướng, Thượng tá
 - b. Đại úy, Thượng úy
 - c. Đại tướng, Đại tá
 - d. Chuẩn tướng, Chuẩn tá
5. Nội dung nào sau đây không phải là nghĩa vụ của sĩ quan quân đội?
- a. Sẵn sàng chiến đấu hi sinh bảo vệ vững chắc tổ quốc XHCN
 - b. Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh, giữ gìn bí mật quốc gia, quân sự
 - c. Luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho bộ đội
 - d. Luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của mọi người
6. Một trong những trách nhiệm của sĩ quan quân đội là gì?
- a. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp trên và cấp dưới thuộc quyền về các mệnh lệnh của mình
 - b. Tổ chức thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao
 - c. Thực hiện tốt nhiệm vụ ngoài chức trách được giao
 - d. Lãnh đạo, chỉ huy, quản lý đơn vị, làm việc theo chức trách được giao
- d. Chuẩn Đô đốc**
- * Hướng dẫn về nhà**
- Đọc trước bài “ Phần II. Luật sĩ quan Công an nhân dân ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 5: LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN

Tiết 16: LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- - Hiểu được những nội dung cơ bản của Luật CAND.
- Hiểu được những điều kiện tuyển chọn, đào tạo; quyền lợi, nghĩa vụ của CAND.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, động cơ, phương pháp phấn đấu trở thành sĩ quan CAND.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, góp phần thực hiện tốt Luật Sĩ quan Quân đội, CAND.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

Tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn vào CAND ?

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Để xây dựng đội ngũ sĩ quan QĐND vững mạnh, làm nòng cốt xây dựng QĐND cách mạng, chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; góp phần nền quốc phòng toàn dân, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ Quốc Việt Nam XHCN. Căn cứ vào hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. “ **Luật CAND** ” được chủ tịch Quốc hội bổ sung ký ngày 29 tháng 11 năm 2005.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an nhân dân

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu khái niệm về sỹ quan, hạ sỹ quan và công nhân viên chức; vị trí chức năng và nguyên tắc hoạt động của CAND

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: khái niệm về sỹ quan, hạ sỹ quan và công nhân viên chức; vị trí chức năng và nguyên tắc hoạt động của CAND

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: CAND có vị trí và chức năng như thế nào?	II. LUẬT CAND. 1. Vị trí chức năng, nguyên tắc hoạt động của CAND.

- Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công An nhân dân? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: - Gv: kết luận có liên hệ thực tế. - Hs: Ghi ý chính.	a) <i>Khái niệm về sỹ quan, hạ sỹ quan và công nhân viên chức:</i> - Sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ: - Sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên môn kỹ thuật: - Hạ sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn: - Công nhân viên chức: b) <i>Vị trí chức năng của Công an nhân dân.</i> CAND gồm: Lực lượng An ninh ND và Lực lượng Cảnh sát ND. - Vị trí: Là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn của Nhà nước. - Chức năng của Công an nhân dân + Tham mưu cho đảng, nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội + Thực hiện thống nhất quản lý về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. + Đấu tranh phòng chống âm mưu, các thế lực thù địch, các loại tội phạm, các vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. c) <i>Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công An nhân dân.</i> - Do Đảng lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt, thuộc quyền thống lĩnh của chủ tịch nước. - Sự quản lý thống nhất của chính phủ; chỉ huy quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an. - Hoạt động tuân thủ hiến pháp và pháp luật.
--	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu tổ chức của Công an nhân dân và tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ của CAND và những tiêu chuẩn tuyển chọn vào CAND

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ của CAND và những tiêu chuẩn tuyển chọn vào CAND

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: CAND được tổ chức và hoạt động như thế nào? + CAND có chức năng và nhiệm vụ gì ? + Nêu những tiêu chuẩn tuyển chọn, đào tạo bậc ĐH trong các trường CAND. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Hs: Tìm hiểu Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định:	2. Tổ chức của Công an nhân dân. a) <i>Hệ thống tổ chức của công an nhân dân.</i> - Bộ công an - Công an tỉnh, thành phố trực thuộc TW. - Công an quận, huyện thành phố trực thuộc tỉnh. - Công an xã , phường, thị trấn. - Các đồn , trạm, trại... b) <i>Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Công an nhân dân.</i> - Bộ Công an do chính phủ quy định.

Gv: Kết luận trình bày sơ đồ hệ thống tổ chức của CAND. - Kết luận có liên hệ thực tế. - Hs: Ghi ý chính.	- Các tổng cục, đơn vị công an do Bộ trưởng Bộ Công an quy định. c) <i>Chỉ huy trong Công an nhân dân.</i> - Bộ trưởng bộ công an là người chỉ huy cao nhất. 3. Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân. - Công dân có đủ tiêu chuẩn : Công an nhân dân được ưu tiên tuyển chọn.
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu cấp bậc hàm sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ và chức vụ cơ bản trong CAND; Nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của sỹ quan hạ sỹ quan chiến sỹ Công an nhân dân.

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu cấp bậc hàm sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ và chức vụ cơ bản trong CAND; Nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của sỹ quan hạ sỹ quan chiến sỹ Công an nhân dân.

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Làm thế nào để phân biệt cấp bậc quân hàm sỹ quan với sỹ quan Công an? + Nêu trách nhiệm của sỹ quan CA và những điều sỹ quan CA phải làm và được làm, không được làm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Hs: Tìm hiểu Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. - GV: Hướng dẫn Hs nghiên cứu Sgk và giải đáp những thắc mắc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: Gv: Kết luận có liên hệ thực tế. - Hs: Ghi ý chính.	4. Cấp bậc hàm sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ và chức vụ cơ bản trong CAND . a) <i>Phân loại sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ Công an nhân dân.</i> - Phân loại theo lực lượng có: + Sỹ quan, hạ sỹ quan chiến sỹ An ninh nhân dân. + Sỹ quan, hạ sỹ quan chiến sỹ Cảnh sát nhân dân. - Phân loại theo tính chất hoạt động có: + Sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ + Sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên môn kỹ thuật + Sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn. b) <i>Hệ thống cấp bậc hàm . sỹ quan , hạ sỹ quan , chiến sỹ CAND . (SGK tr 51)</i> c) <i>Đối tượng, điều kiện xét phong, thăng cấp bậc hàm sỹ quan hạ sỹ quan chiến sỹ Công an nhân dân. hạ sỹ quan chiến sỹ Công an nhân dân. (SGK tr 51.52)</i> d) <i>Hệ thống chức vụ cơ bản của Công an nhân dân (SGK tr.52)</i> e) <i>Hệ thống cấp bậc hàm của sỹ quan Công an nhân dân. (SGK tr.52. 53)</i> 5. Nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của sỹ quan hạ sỹ quan chiến sỹ Công an nhân dân. a) <i>Nghĩa vụ, trách nhiệm và những việc sỹ quan hạ sỹ quan chiến sỹ Công an nhân dân không được làm.</i> - Nghĩa vụ, trách nhiệm. - Những việc sỹ quan hạ sỹ quan chiến sỹ Công an nhân dân không được làm. b) <i>Quyền lợi : (SGK tr.53. 54)</i>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Câu hỏi:

1. Trình bày vị trí chức năng của CAND?

2. Hãy nêu nghĩa vụ trách nhiệm, quyền lợi của sĩ quan Quân đội, Công an?

d. Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HS hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm

1. Luật Công an nhân dân hiện hành được thông qua ở cơ quan nào, khóa nào, kì họp thứ mấy, ngày tháng năm nào?

a. Bộ Công an, kì họp thứ 8, ngày 29- 11 - 2005

b. Chính phủ, kì họp thứ 8, kì họp thứ 8, ngày 29- 11 - 2005

c. Quốc hội khóa XI, kì họp thứ 8, ngày 29- 11 - 2005

d. Trung ương Đảng, kì họp thứ 8, kì họp thứ 8, ngày 29- 11 - 2005

2. Nội dung nào sau đây không có trong khái niệm về sĩ quan, hạ sĩ quan Công an?

a. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ

b. Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật

c. Sĩ quan nghiệp vụ

d. Hạ sĩ quan chuyên nghiệp

3. Trong lực lượng Công an nhân dân có Công nhân, viên chức không?

a. Có khi cần thiết

b. Có

c. Có trong thời bình

d. Có trong thời chiến

4. Lực lượng Công an nhân dân Việt Nam gồm có:

a. Lực lượng An ninh nhân dân và Cảnh sát nhân dân

b. Lực lượng An ninh kinh tế và An ninh nhân dân địa phương

c. Lực lượng dân phòng và Cảnh sát nhân dân

d. Lực lượng An ninh nhân dân và Cảnh sát cơ động

5. Công an nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong lĩnh vực nào của Nhà nước?

a. Trong sự nghiệp quốc phòng, giữ gìn môi trường hòa bình

b. Trong sự nghiệp bảo vệ nhân dân và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

c. Trong sự nghiệp giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở từng địa phương

d. Trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

6. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an nhân dân?

a. Dựa vào dân và chịu sự chỉ huy của toàn dân

b. Cấp dưới phục tùng cấp trên

c. Dựa vào dân và chịu sự giám sát của nhân dân

d. Hoạt động tuân thủ Hiến pháp và pháp luật

7. Trong hệ thống tổ chức của Công an nhân dân có:

- a. Công an xóm, tổ dân phố, xã, phường
 - b. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
 - c. Công an trung ương, tỉnh, xã và thôn
 - d. Công an trung ương, thành phố trực thuộc Trung ương
- 8.** Người chỉ huy trong Công an nhân dân là:
- a. Tổng Cục trưởng Công an
 - b. Thứ trưởng Bộ Công an
 - c. Thượng tướng Công an
 - d. Bộ trưởng Bộ Công an
- 9.** Một trong những đối tượng nào sau đây được ưu tiên tuyển chọn vào Công an nhân dân?
- a. Học sinh tốt nghiệp xuất sắc ở các trường Trung học cơ sở...
 - b. Sinh viên, học sinh tốt nghiệp xuất sắc ở các học viện, trường đại học, cao đẳng...
 - c. Học sinh tốt nghiệp xuất sắc ở các trường Trung học phổ thông...
 - d. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc ở các học viện, trường đại học, cao đẳng tại nước ngoài...

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước bài “ Phần III. Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan Quân đội, Công an ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 5: LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN

Tiết 17: TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH THAM GIA XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ SĨ QUAN QUÂN ĐỘI, CÔNG AN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được những nội dung cơ bản của Luật CAND.
- Hiểu được những điều kiện tuyển chọn, đào tạo; quyền lợi, nghĩa vụ của CAND.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, động cơ, phương pháp phấn đấu trở thành sĩ quan CAND.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, góp phần thực hiện tốt Luật Sĩ quan Quân đội, CAND.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu nội dung bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của CAND?(1HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Để xây dựng đội ngũ sĩ quan QĐND, CAND vững mạnh, từng bước hiện đại; bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ Quốc Việt Nam XHCN. Là học sinh chúng ta phải có trách nhiệm. Hôm nay ta học phần **III “trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan Quân đội, Công an”**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu trách nhiệm công dân đối với nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu trách nhiệm công dân đối với nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: trách nhiệm công dân đối với nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Công dân có trách nhiệm gì đối với nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Hs: Tìm hiểu Sgk, suy nghĩ, thảo luận	III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH THPT THAM GIA XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ SĨ QUAN QĐ, CA. 1. Trách nhiệm của công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc.

và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện 1 vài HS trình bày, cả lớp nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: - Gv: Kết luận, phân tích ý nghĩa thiêng liêng của nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc. - Hs: Ghi ý chính.	Bảo vệ tổ quốc Việt nam XHCN là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của mỗi công dân, trong đó học sinh THPT có vai trò quan trọng. - Học sinh hiểu luật và làm theo hiến pháp và pháp luật là lối sống văn minh thể hiện nếp sống đạo đức, kỷ cương của mỗi người.
--	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu trách nhiệm của HS THPT đối với nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu trách nhiệm của HS THPT đối với nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: trách nhiệm của HS THPT đối với nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Hs có trách nhiệm gì trong việc tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan QĐ,CA? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Hs: Tìm hiểu Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện 1 vài HS trình bày, cả lớp nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: - Gv: Kết luận - Hs: Ghi ý chính.	2. Trách nhiệm của học sinh: - Hiểu được những nội dung cơ bản của Luật, góp phần xây dựng lực lượng sĩ quan QĐND và CAND theo hướng: cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. - Học tập, nắm được nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của sĩ quan Quân đội và Công an, điều kiện tuyển chọn đào tạo bổ sung, biết được phương pháp đăng ký dự tuyển đào tạo. - Học tập, rèn luyện, trau dồi, nâng cao kiến thức cần thiết; học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tìm hiểu về truyền thống anh hùng của Quân đội, Công an nhân dân. - Học sinh có thể đăng ký vào Quân đội, Công an; điều kiện tiêu chuẩn theo luật và hướng dẫn hàng năm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi ôn tập

Học sinh THPT phải có trách nhiệm gì để tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan QĐ và CA?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm

1. Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không gồm nội dung nào sau đây?

a. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân

b. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách, Pháp luật của Đảng và Nhà nước

c. Sẵn sàng đăng kí đi nhận nhiệm vụ ở khu vực vùng sâu, vùng xa

- d. Trung thực, dũng cảm, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ
-
2. Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không gồm nội dung nào sau đây?
 - a. Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của dân, vì dân phục vụ
 - b. Luôn rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt
 - c. Rèn luyện phẩm chất cách mạng, ý thức tổ chức kỉ luật và thể lực
 - d. Luôn luôn sẵn sàng chiến đấu với kẻ thù xâm lược
 3. Một trong những quyền lợi của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân là gì?
 - a. Con, em được ưu tiên vào học thẳng các trường đại học trong nước
 - b. Được Nhà nước đảm bảo chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp
 - c. Được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị và kiến thức khác phù hợp với nhiệm vụ được giao
 - d. Có quyền công dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật
 4. Một trong những trách nhiệm của học sinh với Luật Công an nhân dân là gì?
 - a. Hiểu sâu những nội dung của Luật Công an nhân dân
 - b. Hiểu được những nội dung cơ bản của Luật Công an nhân dân
 - c. Thường xuyên đăng kí tham gia lực lượng Công an
 - d. Hàng năm, tham gia dự tuyển đào tạo để trở thành sĩ quan Công an
 5. Nội dung nào sau đây không thuộc trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan Công an và Luật Công an nhân dân?
 - a. Học tập, hiểu rõ và thực hiện đúng Luật Công an nhân dân
 - b. Hiểu được phương pháp đăng kí, dự tuyển đào tạo để trở thành sĩ quan Công an
 - c. Thường xuyên học tập giỏi để phục vụ lực lượng Công an
 - d. Tìm hiểu truyền thống anh hùng của Công an nhân dân Việt Nam
 6. Một trong những chức năng của Công an nhân dân Việt Nam là:
 - a. Tham mưu cho Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
 - b. Tham mưu cho địa phương về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
 - c. Tham mưu cho Bộ, ngành về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
 - d. Tham mưu cho nhân dân về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
 7. Một trong những chức năng của Công an nhân dân Việt Nam là:
 - a. Thực hiện thống nhất quản lí về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
 - b. Thực hiện về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
 - c. Thực hiện quản lí về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của các Bộ, ngành
 - d. Thực hiện thống nhất về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở các địa phương
 8. Một trong những tiêu chuẩn tuyển chọn vào Công an nhân dân là gì?
 - a. Công dân có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe
 - b. Công dân có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, tuổi từ 18 đến 30
 - c. Công dân có đủ tiêu chuẩn về trình độ học vấn, sức khỏe, có nguyện vọng tham gia
 - d. Công dân có tuổi từ 20 đến 30 tuổi, đủ năng khiếu, đủ tiêu chuẩn về sức khỏe
- * Hướng dẫn về nhà**
- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kì I

Tiết 18: KIỂM TRA HỌC KỲ I

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

Nhằm đánh giá quá trình học tập, ôn luyện của học sinh nhận xét rút kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp dạy học cho nội dung tiếp theo đạt kết quả cao hơn.

2. Thái độ: Nghiêm túc, tập trung làm bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Thiết kế ma trận, soạn câu hỏi, xây dựng đáp án và biểu điểm, đề và giấy kiểm tra.

2. Học sinh: Ôn tập, kiểm tra nghiêm túc.

III. Tiến hành kiểm tra

ĐỀ BÀI

Câu 1: Trình bày nhiệm vụ, nội dung và những biện pháp chủ yếu trong xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - An ninh nhân dân.

Câu 2: Trình bày đối tượng và tiêu chuẩn tuyển sinh bậc đại học trong các trường QĐ.

Câu 3: Trình bày rõ hệ thống cấp hiệu của QĐ và CAND Việt Nam.

ĐÁP ÁN TÓM TẮT

Câu 1: (3 điểm)

- **Nhiệm vụ xây dựng nền QPTD :**

- Bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ hiện nay của các thế lực phản động.

- **Nhiệm vụ xây dựng nền ANND:**

Giữ vững sự ổn định và phát triển trong mọi hoạt động, của xã hội; đấu tranh chống lại mọi hành động gây rối, phá hoại; giữ gìn trật tự an toàn xã

Nội dung, xây dựng nền QPTD, ANND.

- Xây dựng tiềm lực QPTD, ANND.

- Tập trung vào 4 nội dung sau đây:

- Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần.

- Xây dựng tiềm lực kinh tế.

- Xây dựng tiềm lực khoa học, Công nghệ.

- Xây dựng tiềm lực QS, AN.

- Xây dựng thế trận QPTD, ANND.

Biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND.

- Tăng cường công tác giáo dục QP, AN.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng, an ninh.

- Không ngừng nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang nhân dân nòng cốt là quân đội và công an.

Câu 2: (3 điểm)

a. Đối tượng tuyển sinh

- Quân nhân tại ngũ.

- Công nhân viên chức quốc phòng.

- Nam thanh niên ngoài quân đội.

- Nữ thanh niên ngoài quân đội và nữ quân nhân.

b. Tiêu chuẩn tuyển sinh

- Tự nguyện đăng ký dự thi.

- Có lý lịch chính trị gia đình và bản thân rõ ràng.

- Tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT đủ điểm qui định vào trường dự thi.

- Sức khỏe (theo qui định).

Câu 3: (3 điểm)

Cấp hiệu của QĐND VN gồm:

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ:

- Sĩ quan 3 cấp, 12 bậc(trình bày cụ thể các cấp, bậc)
- HSQ: 3 bậc.
- CS: 2 bậc.

+ Quân nhân chuyên nghiệp 2 cấp 8 bậc(trình bày cụ thể các cấp bậc).

Cấp hiệu CAND VN

- Sĩ quan nghiệp vụ Công An(trình bày cụ thể các cấp, bậc).
- sĩ quan chuyên môn kỹ thuật CA(trình bày cụ thể các cấp, bậc).

Trình bày đẹp, khoa học gọn được cộng 1 điểm.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 6: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Tiết 19: ĐỘNG TÁC ĐI KHOM, ĐỘNG TÁC CHẠY KHOM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, cò địch, cò chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



† GV

+ Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

+ Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

- GV nêu phần I (1,2,3).

=> **Giới thiệu nội dung mới:** “ Các tư thế, động tác cơ bản vận động trên chiến trường ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

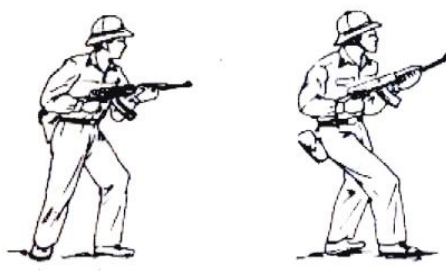
Hoạt động 1: Động tác đi khom

a. Mục tiêu: Giới thiệu động tác đi khom

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. **Sản phẩm:** ý nghĩa, trường hợp vận dụng động tác đi khom

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập. - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	1. Động tác đi khom a. Trường hợp vận dụng: Thường vận dụng trong trường hợp gần địch; địa hình địa vật che khuất, che đỡ ngang cao tầm ngực hoặc đêm tối sương mù địch khó phát hiện. b. Động tác: Mang súng tiêu liên AK - <i>Tư thế chuẩn bị:</i> Người ở thế thấp, nghiêng sang phải hoặc sang trái để thu nhỏ mục tiêu, hai đầu gối chùng, từ bụng trở lên cúi thấp, mắt quan sát mục tiêu, hai tay cầm súng ở tư thế SSCĐ: Tay trái nắm ốp lót tay, tay phải cầm tay cầm, ngón trỏ đặt ngoài vành cò, mặt súng nghiêng sang trái, đầu nòng súng cao ngang mắt trái. - <i>Khi tiến:</i> Chân trái bước lên đặt cả bàn chân xuống đất mũi bàn chân chéch sang phải, chân trước hơi chùng, chân sau cong tự nhiên. Cứ như vậy hai chân thay nhau để tiến đến vị trí đã định. Khi đi khom thấp thì đầu gối chùng hơn, người cúi thấp hơn. - <i>Chú ý:</i> Khi đi khom đầu không nháp nhô, cầm súng đúng tư thế  <i>Hình 1 : Động tác đi khom</i>

Hoạt động 2: Động tác chạy khom

a. **Mục tiêu:** Giới thiệu động tác chạy khom

b. **Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. **Sản phẩm:** ý nghĩa, trường hợp vận dụng động tác chạy khom

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng	2. Động tác chạy khom a. Trường hợp vận dụng: - Thường vận dụng trong trường hợp cần

dụng, khẩu lệnh tập. - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	vận động nhanh từ địa hình này sang địa hình khác. b. Động tác: - Động tác cơ bản như động tác đi khom chỉ khác: Tốc độ nhanh hơn, bước chân dài hơn.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập động tác đi khom, chạy khom

d. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.

♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂

♂

♂

♂

♂ ♂

♂

♂

♂ GV

♂

♂

♂ ♂

♂

♂

♂

♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂ ♂

Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác.

- **Bước 2:** Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác.

- **Bước 3:** Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập.

+ Địa điểm luyện tập, hướng tập (theo qui định của giáo viên).

+ Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh.

- Triển khai và duy trì luyện tập.

- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

- Giáo viên gọi vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp.

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm :

1. Trong chiến đấu, động tác đi khom được vận dụng trong trường hợp nào?
 - a. Nơi gần địch có địa hình, địa vật che đỡ, che khuất ngang tầm ngực
 - b. Đêm tối hoặc sương mù ở cách xa địch
 - c. Nơi có địa hình, địa vật che đỡ, che khuất ngang tầm người ngồi
 - d. Nơi có địa hình trống trải gần địch
2. Đi khom có động tác nào?
 - a. Đeo súng, người phải cao thấp theo địa hình
 - b. Trong chiến đấu luôn phải dùng đi khom thấp
 - c. Đi khom thấp và đi khom vừa
 - d. Đi khom thấp và đi khom cao
3. Một trong những điều kiện để dùng động tác đi khom trên chiến trường là gì?
 - a. Xa địch vào ban ngày, địch không phát hiện được ta
 - b. Gần địch trong đêm tối, sương mù địch khó phát hiện
 - c. Hành quân trong đêm tối, địch ở xa không phát hiện được ta
 - d. Vận động trong điều kiện có địa hình phức tạp
4. Tư thế, động tác đi khom thấp khác đi khom cao như thế nào?
 - a. Cơ bản giống nhau, chỉ khác về thân người cúi gập xuống mặt đất
 - b. Khác hẳn đi khom cao, hai chân và thân người thẳng
 - c. Như đi khom cao về động tác nhưng động tác hai chân và thân người chậm hơn
 - d. Động tác như đi khom cao nhưng hai chân chùng hơn, người cúi thấp hơn
5. Cầm súng trong tư thế, động tác đi khom có chú ý ngại vật như thế nào?
 - a. Dây súng đeo vào vai phải và tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu
 - b. Dây súng đeo vào vai trái và luôn nhanh chóng cơ động
 - c. Sách súng tay phải, tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu
 - d. Súng đeo sau lưng, tư thế gọn gàng, động tác nhanh nhẹn
6. Tư thế, động tác Đi khom bao gồm những nội dung nào?
 - a. Đi khom cao, Chạy khom
 - b. Đi khom thấp, Đi khom cao
 - c. Chạy khom, Đi khom
 - d. Đi khom thấp, Đi khom cao, Đi khom vừa
7. Tư thế, động tác Đi khom, nội dung nào sau đây không có?
 - a. Đi khom thấp khi không có địch
 - b. Đi khom khi không có chú ý ngại vật
 - c. Đi khom khi có chú ý ngại vật
 - d. Đi khom cao

*** Hướng dẫn về nhà**

- Luyện tập các động tác đã học, nghiên cứu, tập trước động tác bò cao, động tác lê

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 6: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Tiết 20: ĐỘNG TÁC BÒ, LÊ (CAO, THẤP)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, cò địch, cò chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



† GV

+ Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

+ Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

- Kiểm tra 2 HS động tác đi, chạy khom.

=> **Giới thiệu nội dung mới: “ Động tác bò, lê (cao, thấp) ”.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Động tác bò cao

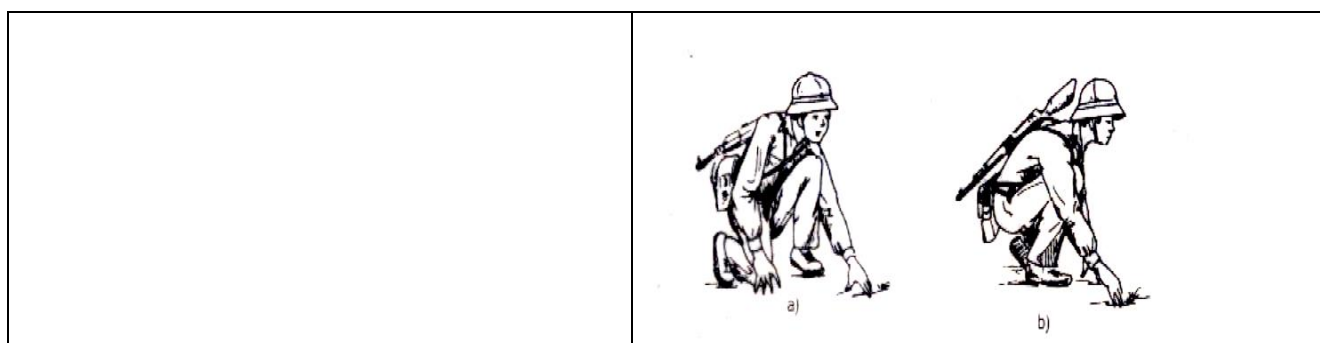
a. Mục tiêu: Giới thiệu động tác bò cao

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: ý nghĩa, trường hợp vận dụng động tác bò cao

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập động tác bò cao - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	3. Động tác bò cao a. Trường hợp vận dụng: Thường vận dụng ở những nơi gần địch, có địa hình, địa vật cao ngang tư thế người ngồi, nhưng chủ yếu là dụng để vận động qua nơi địa hình, địa vật dễ phát ra tiếng động như: nơi gạch, ngói, sỏi, cành khô... khi đó ta cần tay dò mìn. b. Động tác: *. Bò cao hai chân một tay: Vận dụng khi gần địch, sẵn sàng dùng súng hoặc một tay dò mìn, mang, ôm khí tài, trang bị...  - Tư thế chuẩn bị: Người ngồi xổm, hai bàn chân hơi kiễng lên, dây súng đeo vào vai phải, tay trái cầm ốp lót tay, cánh tay kẹp chặt súng vào hông phải. - Khi tiến: Người hơi ngả về trước, bàn tay trái: năm ngón tay chụm lại đưa về trước (tìm chỗ đặt chân) chống xuống đất rồi từ từ xoè ra đẩy nhẹ lá cây về các phía. Dùng các đầu ngón tay hoặc chân trước làm trụ để giữ thăng bằng, nhấc chân sau lên đặt mũi bàn chân sát dưới lòng bàn tay trái. Chuyển trọng tâm thân người dồn đều vào hai chân, rồi thực hiện động tác như trên. Cứ như vậy đổi chân tiến, thực hiện hai chắc một đi. - Chú ý: Khi tiến hông không nhôm cao quá, không để báng súng chạm đất, không đặt cả bàn chân. ở nơi có cây cỏ thấp, không có mìn... có thể tay phải cầm lá nguy trang. * Bò cao hai chân hai tay: Thường vận dụng trong trường hợp chưa dùng đến súng, tay không bận. Động tác cơ bản như động tác bò cao hai chân một tay, chỉ khác: súng đeo sau lưng, khi tiến hai tay đều dò đường tiến (dùng tay nào thì dò đường của chân đó) thực hiện 3 chắc 1 đi.

**Hoạt động 2: Động tác lê****a. Mục tiêu:** Giới thiệu động tác lê**b. Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao**c. Sản phẩm:** ý nghĩa, trường hợp vận dụng động tác lê**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập động tác lê - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	4. Động tác lê a. Trường hợp vận dụng Thường vận dụng khi gần địch, cần thu hẹp mục tiêu, ở nơi địa hình, địa vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người ngồi, động tác cần nhẹ nhàng, thận trọng. b. Động tác * Lê cao:  - <i>Tư thế chuẩn bị:</i> Người ngồi nghiêng xuống đất, mông trái và đùi trái tiếp đất chân trái đầu gối co ngang thắt lưng, đùi trái gần vuông góc với hướng tiến, chân phải duỗi thẳng tự nhiên. Tay trái chống trước đùi trái, đầu hơi cúi, mắt quan sát mục tiêu. Tay phải cầm ốp lót tay đặt súng trên đùi và căng chân, hộp tiếp đạn quay ra ngoài. Nòng súng hơi chếch sang trái - <i>Khi lê:</i> Chân phải co lên đặt sát bàn chân trái, tay trái chống về trước một cánh tay, dùng sức bàn chân phải và tay trái nâng người lên đồng thời đẩy người về trước khi chân phải duỗi thẳng tự nhiên thì đặt đùi và căng chân trái xuống đất. Cứ như vậy phối hợp đẩy để tiến. - <i>Chú ý:</i> Khi lê phải nâng căng chân lên khỏi mặt đất, không để súng chạm đất, mắt luôn quan sát mục tiêu. * Lê thấp:



Động tác như lê cao chỉ khác: đặt cả cẳng tay xuống đất, đầu cúi thấp hơn

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập động tác đi khom, chạy khom

d. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.

Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác.

- **Bước 2:** Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác.

- **Bước 3:** Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập.

+ Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh.

- Triển khai và duy trì luyện tập.

- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

- Giáo viên gọi vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp.

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm :

1. Trong chiến đấu, động tác bò cao được vận dụng khi nào?

a. Ở nơi xa địch để bảo đảm an toàn từ xa

b. Thường vận dụng ở nơi gần địch

c. Vận dụng ở nơi có địa hình, địa vật che khuất tốt

d. Nơi không có nhiều mìn của địch

2. Tư thế, động tác nào sau đây không có trong các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?

a. Bò cao

b. Lê cao

c. Lê thấp

d. Lê vừa

3. Khi thực hiện động tác Lê thấp cần chú ý gì?

a. Thuận tay nào thì tay đó ép sát mặt đất

b. Thuận tay nào thì tay kia ép sát mặt đất

c. Súng luôn đặt trên mặt đất để bảo đảm an toàn

d. Phải luôn để súng phía trước

4. Trong chiến đấu, động tác lê thường vận dụng trong trường hợp nào?

a. Nơi gần địch, cần thu hẹp mục tiêu

- b. Là động tác thực hiện sau bò cao
 - c. Là động tác yêu cầu bụng luôn phải ép sát mặt đất
 - d. Nơi có điều kiện địa hình rậm rạp
5. Một trong những điều kiện để dùng động tác Lê trên chiến trường là gì?
- a. Vận động nơi gần địch có địa vật che khuất thấp cần thu hẹp mục tiêu
 - b. Chiến đấu nơi xa địch có địa vật che khuất cần vượt qua
 - c. Cơ động sát địch, cần nhanh chóng tiếp cận mục tiêu
 - d. Hành quân nơi gần địch, cần nhanh chóng vượt qua mục tiêu

*** Hướng dẫn về nhà**

Luyện tập các động tác đã học, nghiên cứu, tập trước động tác trườn, vọt tiến.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 6: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Tiết 21: ĐỘNG TÁC TRƯỜN, VỘT TIẾN, DỪNG LẠI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, cò địch, cò chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



GV

- + Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

- + Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

- Kiểm tra 4 HS động tác bò, lê.

=>Giới thiệu nội dung mới: “ **Động tác trườn, vọt tiến, dừng lại** ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Động tác trườn

a. Mục tiêu: Giới thiệu động tác trườn

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. **Sản phẩm:** trường hợp vận dụng, động tác trườn

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập động tác trườn - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	5. Động tác trườn a. Trường hợp vận dụng Thường được vận dụng ở nơi sát địch, dò gỡ mìn qua hàng rào của địch cần hạ thấp mục tiêu; khi cần vượt qua địa hình bằng phẳng; nơi vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người nằm, hành động hết sức nhẹ nhàng, thận trọng. b. Động tác  - Tư thế chuẩn bị: Người nằm sấp, súng đặt bên phải dọc theo thân người, đầu nòng súng hướng về trước và cao ngang đầu, hộp tiếp đạn quay ra ngoài, súng cách thân người từ 25 – 30cm. Hai tay gấp lại khuỷu tay rộng hơn vai, hai bàn tay úp xuống đất để sát vào nhau dưới cằm hoặc hơi chéch về trước. Hai chân duỗi thẳng, gót chân duỗi thẳng tự nhiên - Khi tiến: Hai bàn tay đưa về trước khoảng 10 – 15cm, hai mũi bàn chân co về trước, dùng sức hai tay và hai mũi bàn chân nâng người lên, đẩy về phía trước, bụng và ngực lướt trên mặt đất, cầm gần sát đất, mắt quan sát mục tiêu. Cứ như vậy phối hợp chân tay để tiến, tiến 2 – 3 nhịp tay phải cầm ốp lớp tay nhấc súng lên đặt nhẹ xuống đất. - Chú ý: Bụng lướt trên mặt đất, không kéo súng, không đưa súng lên quá đầu.

Hoạt động 2: Động tác vọt tiến, động tác dừng lại

a. **Mục tiêu:** Giới thiệu động tác vọt tiến, dừng lại

b. **Nội dung:** HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. **Sản phẩm:** trường hợp vận dụng, động tác vọt tiến, dừng

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: - Nêu tên và ý nghĩa, trường hợp vận dụng, khẩu lệnh tập động tác vọt tiến - Giới thiệu kỹ thuật động tác theo 3 bước: B₁: Làm nhanh. B₂: Làm chậm có phân tích. B₃: Làm tổng hợp.	6. Động tác vọt tiến a. Trường hợp vận dụng Thường vận dụng qua nơi địa hình trống trải, khi địch tạm ngưng hoạt lực. Vọt tiến thực hiện ở tất cả các tư thế: đứng, quỳ, nằm... đột nhiên, bất ngờ vọt chạy nhanh b. Động tác * Vọt tiến ở tư thế cao - Khi đang đi, đứng, quỳ, ngồi... tay phải xách súng, nếu có trang bị khác thì đeo súng vào sau lưng, hai tay

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, quan sát, nhớ khẩu lệnh và các bước thực hiện theo hướng dẫn của Gv và cán bộ phụ trách. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS quan sát, ghi nhớ Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	ôm trang bị, người hơi cúi về trước, dùng sức của hai chân bật người về trước thành chạy nhanh. * Vọt tiến ở tư thế thấp - Khi đang nằm, bò, trườn... người hơi nghiêng về bên trái, chân trái co ngang thắt lưng, chân phải duỗi thẳng tự nhiên, tay phải chuyển súng chuyển súng hoặc trang bị dọc theo thân người, dùng sức của một tay và hai chân đẩy người bật dậy, đột nhiên vọt chạy. * Vọt tiến vận dụng - Tay phải cầm súng hai tay chống trước ngực dùng hai tay và hai chân nâng người lên, đồng thời chân phải bước nhanh về trước thành tư thế chạy nhanh. Quá trình vận động chuyển súng thành tư thế sẵn sàng chiến đấu. * Chú ý - Trước khi vọt tiến nếu địch đang theo dõi thì phải di chuyển sang phải hoặc sang trái rồi mới vọt tiến. 7. Động tác dừng lại - Dừng lại khi đang vọt tiến để lợi dụng địa hình, để bắn... tùy theo địa hình và tình hình địch có thể dừng lại ở tư thế cao hay thấp. Động tác dừng lại hành động phải thật nhanh chóng Chú ý: Khi dừng lại, phải dừng lại cách bên trái hoặc bên phải vật lợi dụng từ 3 – 5m quan sát cơ động rồi mới cơ động vào vật lợi dụng.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập động tác đi khom, chạy khom

d. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập.

Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước.

- **Bước 1:** Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác.

- **Bước 2:** Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác.

- **Bước 3:** Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập.

+ Quy ước tập: Kêt hợp còi và khẩu lệnh.

- Triển khai và duy trì luyện tập.

- Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh.

- Giáo viên gọi vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp.

- Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

1. Khi đến gần địch, tùy theo địa hình, địa vật phải thực hiện tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?
 - a. Chạy tốc độ
 - b. Vọt tiến
 - c. Chạy nhanh
 - d. Chạy nước rút
2. Nội dung nào sau đây không phải là yêu cầu của các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?
 - a. Luôn quan sát địch, địa hình, địa vật và đồng đội
 - b. Vận dụng các tư thế vận động phù hợp ở mọi địa hình
 - c. Hành động mưu trí, mau lẹ, bí mật
 - d. Hạn chế quan sát, chớp thời cơ tiến thẳng tới mục tiêu
3. Nội dung nào sau đây không phải là trường hợp vận dụng tư thế, động tác Trườn?
 - a. Thường được vận dụng nơi gần địch
 - b. Vận dụng để chui qua hàng rào của địch
 - c. Vận dụng để vượt qua địa hình bằng phẳng gần địch
 - d. Khi cần phải che giấu súng nơi gần địch
4. Trong chiến đấu, động tác Vọt tiến thường được vận dụng trong trường hợp nào?
 - a. Cần phải vượt qua nơi địch đang dùng hỏa lực mạnh
 - b. Khi địch tạm dừng hỏa lực
 - c. Khi ta đang hành quân ở gần địch
 - d. Khi ta đang bị máy bay địch theo dõi
5. Khi dùng tư thế, động tác Trườn ở địa hình bằng phẳng thì súng mang như thế nào?
 - a. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, nòng hướng về phía trước, hộp tiếp đạn quay vào trong
 - b. Để súng lên cẳng chân và tiến về phía trước
 - c. Đeo sau lưng để trườn không ảnh hưởng đến súng, đạn
 - d. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, nòng hướng về phía trước, hộp tiếp đạn quay ra ngoài
6. Khi ở tư thế, động tác Trườn trên chiến trường có cả súng và vật chất khác thì mang như thế nào?
 - a. Súng đặt ngang phía trước, hộp tiếp đạn quay về phía sau
 - b. Súng đặt bên trái dọc theo thân người, hộp tiếp đạn quay vào trong
 - c. Đeo sau lưng khi trườn, vật chất để lên cẳng chân
 - d. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, hộp tiếp đạn quay vào trong

*** Hướng dẫn về nhà**

Luyện tập các động tác đã học.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 6: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Tiết 22: LUYỆN TẬP CÁC ĐỘNG TÁC ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, cò địch, cò chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



† GV

+ Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

+ Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

=> **Giới thiệu nội dung mới:** “ *Luyện tập các động tác đã học* ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Luyện tập các tư thế, động tác vận động đã học (Đi khom, chạy khom, bò cao)

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập. - Thực hiện đúng theo khẩu lệnh qui định. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước. - Bước 1: Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác. - Bước 2: Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác. - Bước 3: Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập. + Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Triển khai và duy trì luyện tập. - Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh. - Giáo viên gọi mỗi tổ vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp. Bước 4: Kết luận, nhận định: - Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai. - Giáo viên nhận xét, dặn dò và kết thúc buổi học	- Khẩu lệnh điều khiển tập các động tác: + “ Tên động tác – chuẩn bị - Tiến”. + “ Thôi tập”. *- Tập luyện 3 động tác (1 – 2 – 3) 1- Động tác đi khom, chạy khom. Hình 1 : Động tác đi khom 2- Động tác bò cao một tay hai chân. 3- Động tác bò cao hai tay hai chân.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi:

Khi thực hiện động tác đi khom, bò cao cần chú ý những điều gì?

*** Hướng dẫn về nhà**

Tiếp tục luyện tập các động tác đã học.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 6: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Tiết 23: LUYỆN TẬP CÁC ĐỘNG TÁC ĐÃ HỌC (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, cò địch, cò chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



† GV

- + Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

- + Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

=> **Giới thiệu nội dung mới:** “ *Luyện tập các động tác tiếp theo* ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

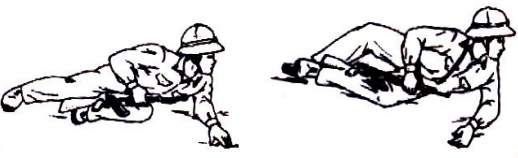
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Luyện tập các tư thế, động tác vận động đã học (Lê, trườn, vọt tiến):

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Tổ chức luyện tập: giáo viên chia lớp học thành các tổ, tổ trưởng là tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì luyện tập. - Thực hiện đúng theo khẩu lệnh qui định. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Phương pháp luyện tập: Tiến hành theo 3 bước. - Bước 1: Từng người tự nghiên cứu thực hiện nội dung động tác. - Bước 2: Từng tiểu đội luyện tập. Tiểu đội trưởng hô và thực hiện động tác. - Bước 3: Tiểu đội trưởng chỉ định các thành viên trong hàng thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng điều khiển luyện tập. + Quy ước tập: Kết hợp còi và khẩu lệnh. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Triển khai và duy trì luyện tập. - Giáo viên theo dõi, đôn đốc luyện tập và sửa sai cho học sinh. - Giáo viên gọi mỗi tổ vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp. Bước 4: Kết luận, nhận định: - Giáo viên chốt lại những động tác đúng, sai. - Giáo viên nhận xét, dặn dò và kết thúc buổi học	- Khẩu lệnh điều khiển tập các động tác: + “ Tên động tác – chuẩn bị - Tiến”. + “ Thôi tập”. *- Tập luyện 3 động tác (4 – 5 – 6) 4- Động tác lê cao.  5- Động tác lê thấp.  6- Động tác trườn. 

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi:

Khi thực hiện động tác đi lê, trườn cần chú ý những điều gì?

*** Hướng dẫn về nhà**

Tiếp tục luyện tập các động tác đã học, chuẩn bị cho hội thao

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 6: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

Tiết 24: HỘI THAO

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, trường hợp vận dụng các tư thế động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, làm cơ sở vận dụng trong học tập và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc được các tư thế động tác cơ bản, tích cực luyện tập thành thạo động tác.
- Biết vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng địa hình và tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Tích cực luyện tập, động tác sát thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị nội dung
- + Nghiên cứu kỹ bài dạy
- + Bồi dưỡng cán bộ phụ trách về phương pháp duy trì tập luyện
- + Giáo án, tài liệu, tranh ảnh.
- + Súng tiểu liên AK, cò địch, cò chỉ huy, còi
- + Kiểm tra bài tập

2. Học sinh:

- Đọc bài 6 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

Đội hình tập trung



† GV

+ Lớp trưởng tập trung lớp báo cáo sĩ số.

+ Kiểm tra sĩ số, trang thiết bị.

=> **Giới thiệu nội dung mới:** “ Hội thao các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến trường ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

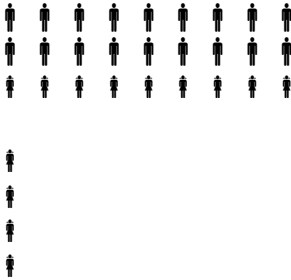
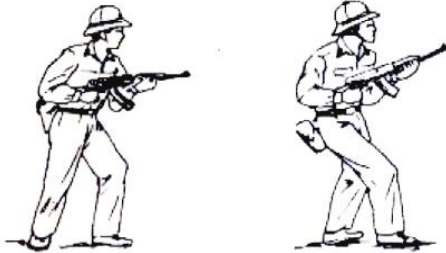
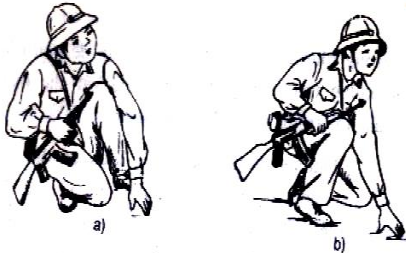
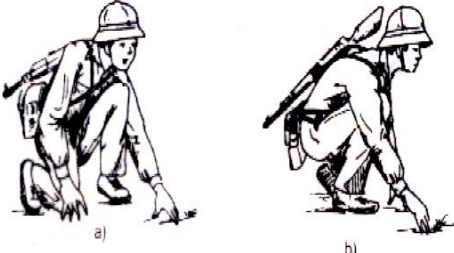
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

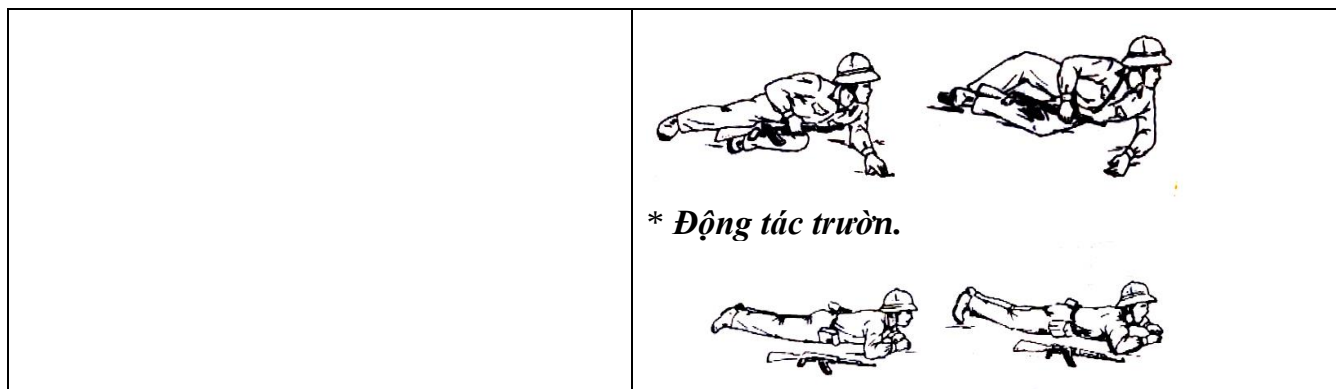
a. Mục tiêu: Luyện tập các tư thế, động tác vận động đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập các động tác

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên gọi mỗi lần 4 học sinh ra thực hiện (mỗi tổ 1 h/s). + Khẩu lệnh, động tác do giáo viên điều khiển. + Gọi nữ thực hiện theo nhóm nữ. * Đội hình hội thao.  ↑ GV Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện đúng theo khẩu lệnh qui định. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Số còn lại nhìn và cho ý kiến đánh giá theo từng tổ, của từng đợt thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định: - Giáo viên gọi học sinh thực hiện tốt ra thực hiện lại để chốt lại những động tác đúng, sai. - Giáo viên nhận xét, dặn dò và kết thúc buổi học.	- Khẩu lệnh điều khiển tập các động tác: + “ Tên động tác – chuẩn bị - Tiến”. + “ Thôi tập”. - Học sinh chuẩn bị ở tư thế đeo súng, khi nghe khẩu lệnh mới làm động tác lấy súng ra để thực hiện. * Động tác đi khom, chạy khom.  <i>Hình 1 : Động tác đi khom</i> * Động tác bò cao một tay hai chân.  * Động tác bò cao hai tay hai chân.  * Động tác lê cao.  * Động tác lê thấp.



*** Hướng dẫn về nhà**

Luyện tập và xem bài trước ở nhà.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 7: LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH ĐỊA VẬT

Tiết 25: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, nguyên tắc và tư thế động tác lợi dụng các loại địa hình, địa vật, làm cơ sở vận dụng trong hoạt động thực tiễn và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc khái niệm, nguyên tắc và các tư thế động tác lợi dụng địa hình, địa vật.
- Vận dụng linh hoạt các tư thế, động tác đã học phù hợp với từng loại địa hình, địa vật cụ thể.

3. Phẩm chất

- Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép đầy đủ, tích cực luyện tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tranh ảnh địa hình địa vật.
- Súng AK 4 – 5 khẩu
- Tạo địa hình để luyện tập.

2. Học sinh:

- Đọc bài 7 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra bài cũ:

- Nêu trường hợp vận dụng và thực hiện các động tác đi khom, chạy khom, bò cao, lê, trườn, vọt tiến? (mỗi động tác gọi 1 học sinh).

Giới thiệu nội dung mới: Phần I lý thuyết “ *Lợi dụng địa hình địa vật* ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm về địa hình, địa vật che khuất, che đỡ

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu khái niệm về địa hình, địa vật che khuất, che đỡ

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: khái niệm về địa hình, địa vật che khuất, che đỡ

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: - HS có mấy loại địa hình địa vật? - Như thế nào là địa hình che khuất? - Như thế nào là địa hình che đỡ? - Thế nào là địa hình trống trải? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT: 1. Khái niệm về địa hình, địa vật che khuất, che đỡ a. Địa hình, địa vật che khuất – Là những địa hình, địa vật có thể che được hành động, nhưng không chống đỡ được đạn bắn thẳng,

Nghiên cứu Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	mảnh (bom, pháo, cối, lựu...) của địch xuyên qua. Ví dụ: bụi cây, bụi cỏ rậm rạp, cánh cửa... b. Địa hình, địa vật che đỡ – Là những địa hình, địa vật chống đỡ được đạn bắn thẳng, mảnh (bom, pháo, cối, lựu...) của địch, đồng thời che kín được hành động như địa hình, địa vật che khuất. Ví dụ: Mô đất, gốc cây, bờ ruộng, vật kiến trúc kiên cố... c. Địa hình trống trải – Là những nơi không có vật che khuất hoặc che đỡ. Ví dụ: bãi bằng phẳng, đồi trọc, mặt đường...
---	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa và yêu cầu của việc lợi dụng địa hình, địa vật

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu ý nghĩa và yêu cầu của việc lợi dụng địa hình, địa vật

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: ý nghĩa và yêu cầu của việc lợi dụng địa hình, địa vật

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: - Lợi dụng địa hình, địa vật để làm gì? - Để thực hiện tốt điều đó yêu cầu chúng ta phải như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung Dự kiến trả lời: - HS bảo vệ ta để tiêu diệt địch - Học sinh đóng góp... Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	2. Ý nghĩa, yêu cầu a. Ý nghĩa Lợi dụng địa hình, địa vật là để che khuất và che đỡ hành động của ta, dùng vũ khí tiêu diệt địch thuận lợi, bảo vệ mình. b. Yêu cầu - Quan sát được địch nhưng địch khó phát hiện ta - Tiềm đánh địch nhưng địch khó đánh ta - Hành động phải khéo léo, bí mật, tinh khôn. - Ngụy trang phù hợp, không làm rung động và thay đổi hình dáng, màu sắc địa vật lợi dụng. - Tránh lợi dụng địa vật đột xuất.

Hoạt động 3: Tìm hiểu những điều cần chú ý khi lợi dụng địa hình, địa vật

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu những điều cần chú ý khi lợi dụng địa hình, địa vật

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: chú ý khi lợi dụng địa hình, địa vật

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: - Khi lợi dụng chúng ta cần chú ý đến những điểm gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời, cả lớp nhận xét và bổ	3- Những điểm chú ý khi lợi dụng: Khi lợi dụng một vật cụ thể phải căn cứ vào nhiệm vụ, ý định hành động của mình; tình hình địch; thời tiết; ánh sáng; hình dáng; tính chất; màu sắc của vật lợi dụng để xác định cách lợi dụng cho phù hợp. Trước khi lợi dụng phải xác định rõ: - Lợi dụng để làm gì? (quan sát, vận động, ẩn nấp, bắn súng, ném lựu đạn, làm công sự, bố trí vật cản...).

sung Dự kiến trả lời: - HS bảo vệ ta để tiêu diệt địch - Học sinh đóng góp... Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức	- Vị trí lợi dụng ở đâu? (phía sau, bên phải, bên trái, hay phía trước, cách xa hay gần vật lợi dụng...). - Vận dụng tư thế, động tác nào? (đứng, quỳ, nằm, đi, chạy hay bò...). Hành động khi lợi dụng: nhẹ nhàng thận trọng hay nhanh, mạnh...
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Câu hỏi ôn tập:**

+ Thế nào là địa hình che khuất, che đỡ? Cho ví dụ.

+ Khi lợi dụng địa hình, địa vật cần phải chú ý gì? Tại sao?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV cho HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm:

1. Địa hình, địa vật nào sau đây là vật che khuất?

- a. Mô đất
- b. Bụi cây
- c. Đồi trọc
- d. Bãi cát

2. Địa hình, địa vật nào sau đây là vật che đỡ?

- a. Mặt đường
- b. Mặt nước
- c. Mô đất
- d. Bụi cây

3. Nội dung nào sau đây không đúng yêu cầu về lợi dụng địa hình, địa vật?

- a. Tiềm đánh địch nhưng địch khó đánh ta
- b. Ta quan sát địch tốt, địch khó phát hiện ta
- c. Nguy trang phải khéo léo
- d. Nên lợi dụng địa vật có tính chất bí mật, an toàn

4. Khi lợi dụng địa hình, địa vật cần chú ý nội dung gì?

- a. Cần xác định tốt vị trí lợi dụng ở đâu
- b. Vị trí nào lợi dụng kín đáo là tốt nhất
- c. Phải luôn lợi dụng ở vị trí bên trái của địa vật
- d. Căn cứ vào tình hình địch, miễn là có lợi nhất

5. Mục đích lợi dụng địa hình, địa vật che khuất để làm gì?

- a. Tránh mảnh bom của địch
- b. Tránh đạn bắn thẳng của địch
- c. Để có tư thế chiến đấu tốt
- d. Để che kín hành động của ta

6. Điểm giống nhau về tác dụng của địa hình, địa vật che khuất và địa hình, địa vật che đỡ là gì?

- a. Tránh đạn bắn thẳng của địch
- b. Để che giấu, hoặc che kín hành động của ta
- c. Tránh mảnh bom đạn của địch
- d. Để che giấu vũ khí, trang bị

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước phần II. Thực hành

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 7: LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH ĐỊA VẬT

Tiết 26: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm được ý nghĩa, yêu cầu, nguyên tắc và tư thế động tác lợi dụng các loại địa hình, địa vật, làm cơ sở vận dụng trong hoạt động thực tiễn và chiến đấu.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Nắm chắc khái niệm, nguyên tắc và các tư thế động tác lợi dụng địa hình, địa vật.
- Vận dụng linh hoạt các tư thế, động tác đã học phù hợp với từng loại địa hình, địa vật cụ thể.

3. Phẩm chất

- Nghiêm túc, chú ý lắng nghe, ghi chép đầy đủ, tích cực luyện tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tranh ảnh địa hình địa vật.
- Súng AK 4 – 5 khẩu
- Tạo địa hình để luyện tập.

2. Học sinh:

- Đọc bài 7 - SGK, chuẩn bị đúng, đủ trang phục theo quy định trước khi lên lớp.
- Súng gỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Tập hợp đội ngũ, kiểm tra sĩ số, trang phục.

+ Đội hình tập trung

```

  ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀
  ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀
  ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀
  ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀ ♀
  
```

♀ GV

=> **Giới thiệu nội dung mới:** phần II thực hành “ *Lợi dụng địa hình địa vật* ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu cách lợi dụng địa hình, địa vật

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu cách lợi dụng địa hình, địa vật che khuất, che đỡ và vận động ở địa hình trống trải

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: cách lợi dụng địa hình, địa vật che khuất, che đỡ và vận động ở địa hình trống trải

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: + Làm mẫu động tác lợi dụng địa	II. CÁCH LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT 1. Lợi dụng địa hình, địa vật che khuất Lợi dụng vật che khuất chủ yếu để che kín một số hành

hình địa vật che khuất.

+ Làm mẫu động tác lợi dụng địa hình địa vật che khuất che đỡ

+ Làm mẫu động tác vận động ở địa hình trống trải

+ Làm mẫu động tác theo 3 bước:

. **Bước 1:** Làm nhanh khái quát động tác.

. **Bước 2:** Làm chậm phân tích từng cử động.

. **Bước 3:** Làm tổng hợp có khẩu lệnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Nghe kết hợp với quan sát để nắm nội dung nguyên tắc, động tác

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS: thực hành động tác trên thực địa

Giáo viên gọi vài học sinh ra thực hiện, các tiểu đội còn lại nhìn để cho nhận xét đóng góp.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV: đánh giá cách thực hành của HS

động như: quan sát, vận động, ẩn nấp hoặc làm công sự bố trí vật cản... để tiêu diệt địch.

a. Vị trí lợi dụng:

+ Tuỳ theo thời tiết, ánh sáng, tính chất kín đáo và màu sắc của vật lợi dụng để lợi dụng phía sau, bên sườn hoặc phía trước, gần hoặc xa vật lợi dụng.

+ Đối với vật che khuất kín đáo: Dù điều kiện thời tiết, ánh sáng, màu sắc như thế nào đều có thể lợi dụng phía sau vật. Ban đêm, nếu vật lợi dụng có màu sắc và ánh sáng (sáng, tối) phù hợp với người có thể lợi dụng cả bên cạnh và phía trước.

+ Đối với vật che khuất không kín đáo: chủ yếu là lợi dụng phía sau. Nếu về phía địch có ánh sáng nhiều hơn phía ta thì lợi dụng sát gần vật; nếu ánh sáng phía ta nhiều hơn phía địch thì không nên lợi dụng. Nếu phía ta và địch có ánh sáng đều nhau, vị trí lợi dụng phải ở xa vật một khoảng cách phù hợp.

b. Tư thế động tác khi lợi dụng:

Tuỳ theo vật lợi dụng cao hay thấp, to hay nhỏ để vận dụng các tư thế phù hợp. Vận dụng tư thế như đi, chạy, bò, trườn...(khi vận động), đứng, quỳ, nằm...(khi ẩn nấp), đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng.

- Hành động lợi dụng phải hết sức bí mật, khéo léo, thận trọng, không làm rung động, thay đổi màu sắc và hình dạng vật lợi dụng.



Hình 7.1 : Lợi dụng vật che khuất ở tư thế ngồi

*** Chú ý:**

- Trường hợp lợi dụng để làm công sự, bố trí vật cản để tiêu diệt địch, phải chọn nơi kín đáo, bất ngờ, tiện nguy trang, địch khó phát hiện.

- Khi đã tiêu diệt địch hoặc bị địch phát hiện phải nhanh chóng rời khỏi vị trí đó, tiếp tục lợi dụng vật khác.

2. Lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ

Lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ chủ yếu để có tư thế vững vàng, dùng hỏa lực tiêu diệt địch chính xác, đồng thời tránh đạn bắn thẳng, mảnh (bom, pháo, cối, lựu...) của địch, gây thiệt hại cho ta. Trong mọi trường hợp cần che giấu hành động có thể lợi dụng vật che đỡ.

a. Vị trí lợi dụng:

- Lợi dụng để che giấu hành động khi quan sát, vận động, ẩn nấp vị trí cơ bản như lợi dụng vật che khuất.
- Lợi dụng để bắn súng, ném lựu đạn, làm công sự, bố trí vật cản. Vị trí chủ yếu ở phía sau hoặc phía sau bên phải.

b. Tư thế, động tác khi lợi dụng:

- Tùy theo vật lợi dụng cao hay thấp để vận dụng các tư thế như đứng, quỳ hay nằm bắn hoặc ném lựu đạn cho phù hợp, nhưng chủ yếu phải lấy yếu tố thuận lợi để tiêu diệt địch đồng thời bảo vệ được mình.
- (*Động tác cụ thể khi lợi dụng vật che đỡ để bắn súng, ném lựu đạn ở tư thế đứng và tư thế quỳ*).



Hình 7.2 : Lợi dụng vật che đỡ ở tư thế đứng



Hình 7.3 : Lợi dụng vật che đỡ ở tư thế quỳ

3. Vận động ở địa hình trống trải.

- Khi vận động: Dù ban đêm hay ban ngày đều phải lợi dụng nơi sơ hở của địch hoặc sương mù, khói bụi che mắt địch... vận dụng động tác vọt tiến để nhanh chóng vượt qua. Ban đêm, nếu thấy điều kiện không vọt tiến được thì nguy trang phù hợp, dùng tư thế thấp, nghiêng người để thu nhỏ mục tiêu, khéo léo thận trọng tiến thẳng về hướng địch, người không nhấp nhô và không làm rung động nguy trang

	khi đến gần địch hoặc lợi dụng được địa hình kín đáo. - Khi ẩn nấp và quan sát: chủ yếu lợi dụng nơi có màu sắc thích hợp, dùng tư thế thấp thu nhỏ mục tiêu, hành động phải hết sức khôn khéo, thận trọng, chủ yếu là không làm thay đổi hình dáng tư thế một cách đột ngột và rung động nguy trang.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để hoàn thành bài luyện tập

c. Sản phẩm: HS luyện tập các động tác lợi dụng địa hình địa vật

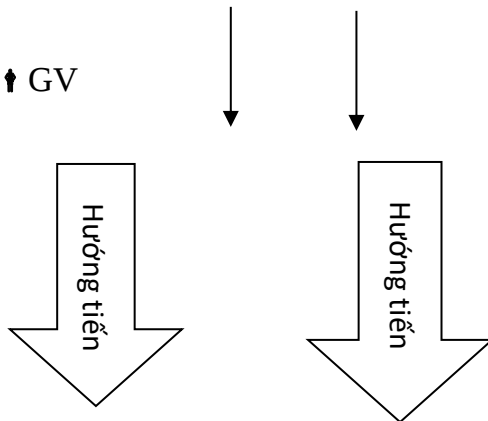
d. Tổ chức thực hiện:

+ Từng người trong đội hình tổ luyện tập theo 3 bước (tự nghiên cứu, tập chậm từng cử động, tập nhanh liên hoàn động tác).

* **Đội hình luyện tập** (học sinh nữ cho thực hiện cự ly ngắn hơn nam).



↑ GV



(Đích đến)

D.

a.

nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV cho HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm:

1. Khi lợi dụng các loại địa hình, địa vật che khuất cần lưu ý gì?

a. Trong mọi điều kiện đều phải lợi dụng vị trí phía sau địa vật

b. Bao giờ tư thế vận động đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng

c. Tùy theo địa vật dày mỏng khác nhau để lợi dụng cho phù hợp

d. Không được thay đổi vị trí khi lợi dụng địa vật che khuất

2. Khi lợi dụng các loại địa hình, địa vật che khuất, che đỡ cần lưu ý gì?

a. Khi đã tiêu diệt địch phải rời khỏi vị trí đó và lợi dụng vật khác

- b. Phải liên tục thay đổi vị trí khi lợi dụng
- c. Thay đổi vật che khuất khi địch xuất hiện
- d. Cố định vị trí lợi dụng để giữ vững vị trí chiến đấu
- 3. Một trong những tác dụng của địa hình, địa vật che đỡ là gì?
 - a. Lợi dụng để giữ vững vị trí từng người trong chiến đấu
 - b. Có tác dụng bảo vệ an toàn cho người khi địch sử dụng bom cháy
 - c. Tránh đạn bắn thẳng, mảnh bom, mảnh đạn của địch
 - d. Giữ an toàn tuyệt đối cho người và vũ khí trong chiến đấu
- 4. Khi chọn địa hình, địa vật che đỡ để lợi dụng cần lưu ý gì?
 - a. Trong chiến đấu phải ổn định được vị trí và an toàn
 - b. Phải an toàn tuyệt đối trước các loại bom, đạn của địch
 - c. Cảnh vật che đỡ phải có địa vật che khuất để kết hợp lợi dụng
 - d. Phải thuận lợi trong tiêu diệt địch, bảo vệ được mình
- 5. Mục đích lợi dụng địa hình, địa vật che khuất để làm gì?
 - a. Tránh mảnh bom của địch
 - b. Tránh đạn bắn thẳng của địch
 - c. Để có tư thế chiến đấu tốt
 - d. Để che kín hành động của ta
- 6. Trong chiến đấu, tư thế, động tác cụ thể khi lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ như thế nào?
 - a. Ném lựu đạn phải chọn tư thế nằm
 - b. Dùng để bắn súng phải chọn tư thế quỳ
 - c. Nếu để bắn súng và ném lựu đạn nên ở tư thế đứng và quỳ
 - d. Cần lợi dụng để dùng tư thế đứng bắn
- 7. Khi phải vận động vượt qua địa hình trống trải, cách xử lý nào sau đây phù hợp?
 - a. Báo cáo người chỉ huy cho tạm dừng vận động
 - b. Nhanh chóng vượt qua bằng mọi giá
 - c. Ngụy trang, vận dụng tư thế thấp, khéo léo vượt qua
 - d. Dùng ý định vượt qua khu vực này
- 8. Tại sao khi bắn súng, vị trí lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ lại chủ yếu ở phía sau, bên phải?
 - a. Người bắn được che đỡ tuyệt đối trước quân địch
 - b. Theo nguyên tắc, mọi người phải thực hiện nghiêm túc
 - c. Phù hợp với cấu tạo súng và thuận lợi cho động tác sử dụng súng
 - d. Phù hợp với điều kiện của địa hình, địa vật lợi dụng
- 9. Nếu người sử dụng súng thuận tay trái, mắt trái, lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ thường ở vị trí nào là tốt nhất?
 - a. Phía sau, bên phải
 - b. Phía sau, bên trái
 - c. Phía sau, chính giữa
 - d. Hai bên, phía trước

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HShọc bài cũ và chuẩn bị kiểm tra 1 tiết

Tiết 27: KIỂM TRA 1 TIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Kiểm tra khả năng lĩnh hội kiến thức, kỹ năng thực hành, thái độ học tập của học sinh. Từ đó điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp với đối tượng.

2. Nội dung

Bài 6: Các tư thế động tác cơ bản vận động trên chiến trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Gv: Giáo án, vật chất.

Hs: Bàn Gv, súng AK: 4 khẩu.

III. TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Hình thức: Kiểm tra thực hành

2. Thực hành kiểm tra

- Gv: Gọi từng nhóm Hs kiểm tra mỗi nhóm 4 em)
- Hs: Thực hiện động tác theo yêu cầu của Gv.

* Nội dung:

- + Động tác đi khom.
- + Động tác chạy khom.
- + Động tác bò cao.
- + Động tác lê.
- + Động tác trườn.
- + Động tác vọt tiến.

- Gv: quan sát, nhận xét và cho điểm.

Bảng điểm

Thực hiện đúng kỹ thuật, yêu cầu các động tác.	9-10
Có một số sai sót.	7-8
Thực hiện kỹ thuật và yêu cầu chưa đến mức khá.	5-6
Một số động tác, yêu cầu chưa thực hiện được.	3-4
Không thực hiện được đa số các động tác	1-2

3. Kết thúc kiểm tra

Nhận xét chung

Dặn hs chuẩn bị tiết sau: đọc trước bài 7 Sgk.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 8: CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Tiết 28: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được những nội dung cơ bản ban đầu về công tác phòng không nhân dân, sự phá hoại của kẻ thù bằng đường không.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết cách phòng tránh đơn giản khi kẻ thù tiến công bằng đường không.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm đối với công tác phòng không nhân dân.

- Tham gia tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện công tác phòng không nhân dân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.

- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV

d. Tổ chức thực hiện:

GV nêu câu hỏi:

+ Trách nhiệm của học sinh đối với luật sĩ quan Quân đội và Công an?

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Âm mưu đánh phá đất nước ta, địch dùng nhiều mặt quân sự tiến công: đánh trên đất liền, đánh dưới biển và cả vùng trời. Hôm nay chúng ta tìm hiểu bài “ **Công tác phòng không nhân dân** ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Khái niệm chung về phòng không nhân dân

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu khái niệm chung về phòng không nhân dân

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: khái niệm chung về phòng không nhân dân

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv: Thế nào là công tác PKND ? - Giới thiệu hình ảnh, qua phim tư liệu về không quân của địch đánh phá miền Bắc (1964 – 1972).	I. Sự hình thành và phát triển của công tác phòng không nhân dân. 1. Khái niệm chung về phòng không nhân dân - Là tổng hợp các biện pháp của nhân dân, đối phó với tiến công đường không của địch. - Do đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, điều hành.

 Pháo đài bay B-52 của Không lực Hoa Kỳ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghe, xem hình ảnh, sơ đồ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đọc Sgk, thảo luận và trả lời. Bước 4: Kết luận, nhận định: - Gv: Kết luận. - Hs: Ghi chép ý chính.	- Chuẩn bị chu đáo trong thời bình sẵn sàng đối phó với chiến tranh. - Lấy phòng tránh là chủ yếu, nhưng cũng cương quyết đánh trả. - Nhằm bảo đảm an toàn cho nhân dân, bảo đảm lực lượng chiến đấu, bảo vệ các mục tiêu quan trọng, giảm thiệt hại, giữ vững sản xuất đời sống, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
--	--

Hoạt động 2: Sự hình thành và Phát triển của Công tác phòng không nhân dân

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu sự hình thành và Phát triển của Công tác phòng không nhân dân

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Sự hình thành và Phát triển của Công tác phòng không nhân dân

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Mục đích của cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta là gì ? + Ta đã có chủ trương và biện pháp gì để đối phó với chiến tranh phá hoại của địch ? + Công tác PKND trong tình hình mới có những đặc điểm gì, yêu cầu, nhiệm vụ ra sao ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Đọc Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: - Gv: Kết luận. - Hs: Ghi chép ý chính.	2. Sự hình thành và phát triển của công tác phòng không nhân dân Công tác phòng không nhân dân ở Việt Nam hình thành trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ (1964 – 1972). - Nhận rõ âm mưu của địch, ta đã tổ chức vận dụng kết hợp cả 2 hình thức: + Chủ động sơ tán, phòng tránh. + Kiên quyết đánh trả tiêu diệt địch. - Hai hình thức đó quan hệ chặt chẽ thể hiện tính chủ động tích cực nhằm đánh thắng chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ. - Ngày 20/5/1963 Bộ Chính trị ra chỉ thị đầu tiên về công tác phòng không. - Ngày 25/7/1963 Chính phủ ra Nghị định số 112/CP về việc tổ chức công tác phòng không. - Tháng 01/1964 Bộ Tổng tham mưu QĐND tổ chức hội nghị phòng không miền Bắc lần thứ nhất. - Ngày 23/12/1964 Chính phủ thành lập Ủy ban phòng không nhân dân Trung ương. * Yêu cầu, nhiệm vụ công tác Phòng không nhân dân trong thời kỳ mới - Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh xảy ra với vũ khí công nghệ cao. - Mức độ khốc liệt, tàn phá lớn. - Chuyển tiếp từ thời bình sang thời chiến nhanh.

	- Công tác phòng không là một nội dung quan trọng trong xây dựng nền quốc phòng, là một bộ phận của thể trận chiến tranh nhân dân trên mặt trận đất đối không, nhằm thực hiện phòng tránh, đánh trả.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Câu hỏi

+ Khái niệm công tác phòng không nhân dân?

+ Yêu cầu, nhiệm vụ công tác phòng không?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau :

1. Công tác phòng không nhân dân (PKND) lấy hoạt động nào là chính?

a. Đánh trả quân địch ngay từ đầu để giảm bớt tổn thất

b. Đánh trả tốt, khắc phục hậu quả nhanh, giảm bớt tổn thất

c. Sơ tán, phòng tránh khắc phục hậu quả, giảm bớt tổn thất

d. Coi trọng công tác phòng ngừa, khắc phục hậu quả

2. Một trong những mục đích của công tác phòng không nhân dân là:

a. Bảo vệ mục tiêu trọng yếu về kinh tế của đất nước

b. Bảo vệ mục tiêu trọng yếu về quốc phòng của đất nước

c. Bảo vệ mục tiêu chiến lược về quân sự và kinh tế của đất nước

d. Bảo đảm an toàn cho nhân dân, bảo vệ mục tiêu quan trọng của đất nước

3. Một trong những nội dung khái niệm về công tác phòng không nhân dân là:

a. Tổng hợp các biện pháp và hoạt động của quần chúng nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng đường không của địch.

b. Dùng các biện pháp hiệu quả nhất của nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng quân sự của địch.

c. Tổng hợp các biện pháp và hoạt động quân sự nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng đường không của địch.

d. Sử dụng các biện pháp và hoạt động của quân đội nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng máy bay của địch.

4. Tổng số máy bay của đế quốc Mỹ do lực lượng phòng không Dân quân tự vệ bắn rơi ở Miền Bắc từ năm 1964-1972 là bao nhiêu?

a. 424 chiếc

b. 425 chiếc

c. 426 chiếc

d. 427 chiếc

5. Một trong những nội dung chủ trương biện pháp công tác phòng không trong thời kì chống Mỹ là:

a. Lực lượng phòng không phải chủ động đánh trả nhanh, kiên quyết và hiệu quả

b. Lực lượng quân đội phải chủ động đánh trả nhanh, kiên quyết và hiệu quả

c. Chủ động phòng tránh, đánh trả mang tính chủ động tích cực và kiên quyết

d. Chủ động tích cực và kiên quyết trong phòng tránh, đánh trả hiệu quả

6. Từ năm 1964-1972, đế quốc Mỹ tiến hành tiến công đường không Miền Bắc nước ta nhằm mục đích gì

a. Phá hoại và thủ tiêu chế độ XHCN ở Miền Bắc nước ta

b. Chia rẽ khối đoàn kết của nhân dân hai miền, làm mất đi sự chi viện của Miền Bắc cho Miền Nam

c. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của ta, ngăn chặn sự chi viện của hậu phương cho tiền tuyến

d. Phá hoại tiềm lực kinh tế của ta, ngăn chặn sự chi viện của các nước XHCN cho Việt Nam

*** Hướng dẫn về nhà**

- Đọc trước bài “ Phần II. Công tác phòng không nhân dân ”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 8: CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Tiết 29: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được những nội dung cơ bản ban đầu về công tác phòng không nhân dân, sự phá hoại của kẻ thù bằng đường không.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết cách phòng tránh đơn giản khi kẻ thù tiến công bằng đường không.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm đối với công tác phòng không nhân dân.

- Tham gia tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện công tác phòng không nhân dân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.

- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu bài mới, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Khái niệm chung về phòng không nhân dân? (2HS)

+ Yêu cầu, nhiệm vụ công tác phòng không trong thời kỳ mới? (2 HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Âm mưu đánh phá đất nước ta, địch dùng nhiều mặt quân sự tiến công: đánh trên đất liền, đánh dưới biển và cả vùng trời. Hôm nay chúng ta tìm hiểu bài “ **Công tác phòng không nhân dân** ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Xu hướng phát triển của tấn công hỏa lực

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu xu hướng phát triển của tấn công hỏa lực

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: xu hướng phát triển của tấn công hỏa lực

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Trong tương lai gần xu hướng phát triển của tiến công hỏa lực sẽ như thế nào ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, suy nghĩ, thảo luận	II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI: 1. Xu hướng phát triển của tiến công hỏa lực a. Phát triển về vũ khí trang bị: - Đa năng, tầm xa, tác chiến điện tử mạnh.

và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV Nghe Hs trả lời, bổ sung, phân tích những vấn đề cần thiết và kết luận. - Hs: ghi chép ý chính.	- Tầng hình, hệ thống điều khiển hiện đại. - Độ chính xác cao, sức công phá mạnh. b. Phát triển về lực lượng: - Tinh gọn, đa năng, cơ động, hiệu quả. - Tính tổng thể cao. - Cơ cấu hợp lý, cân đối. - Có khả năng độc lập tổ chức thực hiện nhiệm vụ. c. Phát triển về nghệ thuật tác chiến: - Tiến công hỏa lực đường không phát triển mang tính đột phá. - Là một kiểu chiến tranh mới - chiến tranh bằng tiến công hỏa lực từ xa với các nguyên nhân sau: + Tiến công hỏa lực ngoài phạm vi biên giới, vùng trời, vùng biển của một quốc gia, tránh được thương vong về sinh lực. + Tiến công hỏa lực không phụ thuộc nhiều vào không gian và thời gian. + Tiến công hỏa lực không cần đưa quân đi chiếm đất, nhưng áp đặt được mục đích chính trị.
--	---

Hoạt động 2: Phương thức phổ biến tiến hành tiến công hỏa lực của địch

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu phương thức phổ biến tiến hành tiến công hỏa lực của địch

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Phương thức phổ biến tiến hành tiến công hỏa lực của địch

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Phương thức tiến hành tiến công hỏa lực sẽ như thế nào ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, suy nghĩ, thảo luận và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV Nghe Hs trả lời, bổ sung, phân tích những vấn đề cần thiết và kết luận. - Hs: ghi chép ý chính.	2. Phương thức phổ biến tiến hành tiến công hỏa lực của địch a. Tiến công từ xa b. Đánh đêm bay thấp, sử dụng phương tiện tàng hình, tác chiến điện tử mạnh, đánh từng đợt lớn kết hợp đánh nhỏ lẻ liên tục ngày đêm. *.Lý do: - Tiến công từ xa khó đánh được các mục tiêu di động, cơ động. - Một số lớn mục tiêu, địch nắm không chắc. - Số lượng tên lửa có hạn. c. Sử dụng vũ khí chính xác công nghệ cao đánh vào các mục tiêu trọng yếu - Chia đợt và các mục tiêu đánh: + Đợt 1 đánh các lực lượng phòng không, + Đợt 2 đánh các mục tiêu trọng yếu, cơ quan đầu não. + Đợt 3 đánh vào các mục tiêu quân sự - Thủ đoạn hoạt động: + Tổ chức trinh sát nắm chắc các mục tiêu định tiến công và tình hình để tạo bất ngờ. + Sử dụng tổng hợp các loại phương tiện trang bị, + Sử dụng hệ thống chỉ huy, tình báo, thông tin hiện đại.

	+ Kết hợp tiến công hỏa lực với các hoạt động bạo loạn lật đổ, tình báo, ngoại giao, kinh tế...
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Câu hỏi :

+ Xu hướng phát triển của tiến công hỏa lực?

+ Phương thức phổ biến tiến hành tiến công hỏa lực của địch?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Xu hướng phát triển hiện nay của vũ khí trang bị như thế nào ?

a. Tàn hình, tầm bắn ngắn nhưng có độ chính xác cao

b. Tàn hình, tầm bắn xa, độ chính xác cao, sức công phá mạnh

c. Tương đối hiện đại nhưng có độ chính xác tuyệt đối

d. Bố trí cố định để bảo đảm an toàn trước đối phương

2. Xu hướng phát triển hiện nay về nghệ thuật tác chiến?

a. Có thể tiến công từ xa, ngoài phạm vi biên giới, vùng trời

b. Tiến công từ bên trong có sự chi viện từ biên giới, vùng trời

c. Tiến công từ biên giới trên bộ và vùng trời

d. Có thể tiến công đánh chiếm biên giới, vùng trời

3. Phương thức phổ biến tiến hành tiến công đường không hiện nay của địch như thế nào?

a. Tiến công từ xa

b. Tiến công trực tiếp

c. Đánh gần

d. Đánh trực tiếp

4. Nội dung nào không phải là thủ đoạn trong tiến công đường không của địch ?

a. Sử dụng tổng hợp các loại phương tiện vũ khí để tiến công

b. Vũ khí đánh từ nhiều hướng vào nhiều mục tiêu cùng một lúc

c. Đánh đêm, đánh ác liệt từng đợt lớn kết hợp đánh nhỏ liên tục

d. Đánh lẻ, dài ngày, chủ yếu diễn ra trên mặt đất

5. Thủ đoạn kết hợp tiến hành tiến công đường không của địch là gì?

a. Đánh mạnh từ bên trong kết hợp với răn đe quân sự bên ngoài

b. Kết hợp vừa đánh vừa đàm; vừa đánh vừa giữ đất

c. Kết hợp tiến công hỏa lực với các hoạt động lật đổ, khủng bố và phá hoại từ bên trong nước đối phương

d. Chống phá về chính trị là chủ yếu kết hợp răn đe quân sự

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 8: CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Tiết 30: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được những nội dung cơ bản ban đầu về công tác phòng không nhân dân, sự phá hoại của kẻ thù bằng đường không.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết cách phòng tránh đơn giản khi kẻ thù tiến công bằng đường không.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm đối với công tác phòng không nhân dân.

- Tham gia tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện công tác phòng không nhân dân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.

- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu bài mới, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Xu hướng phát triển của tiến công hỏa lực? (2HS)

+ Phương thức phổ biến tiến hành tiến công hỏa lực của địch? (2 HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Âm mưu đánh phá đất nước ta, địch dùng nhiều mặt quân sự tiến công: đánh trên đất liền, đánh dưới biển và cả vùng trời. Hôm nay chúng ta tìm hiểu bài “ **Công tác phòng không nhân dân** ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Đặc điểm, yêu cầu công tác phòng không nhân dân

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu những đặc điểm và yêu cầu trong công tác phòng không nhân dân

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: đặc điểm và yêu cầu trong công tác phòng không nhân dân

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Hướng dẫn Hs nghiên cứu Sgk để nắm được đặc điểm, yêu cầu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, chọn lọc và ghi chép ý chính vào vở.	II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI: 3. Đặc điểm, yêu cầu công tác phòng không nhân dân a. Đặc điểm: - Địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, có ưu thế vượt

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS nghiên cứu, ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: Gv: Phân tích các đặc điểm, yêu cầu lấy dẫn chứng để minh họa. - Dịch sử dụng vũ khí công nghệ cao, có ưu thế vượt trội về phương tiện trang bị, gây khó khăn cho công tác phòng tránh, cơ động, sơ tán đặc biệt với các mục tiêu cố định. (dịch dùng mọi thủ đoạn về mọi mặt) - Yêu cầu quan trọng nhất hiện trong giai đoạn hiện nay là phải kết hợp chặt chẽ kinh tế xã hội với quốc phòng an ninh. Kết hợp nhà nước và nhân dân cùng làm để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân.	trội về phương tiện trang bị. - Phải đối phó với địch trên không, địch mặt đất, mặt nước và bọn phản động gây bạo loạn, gây cháy nổ, phá hoại. - Trong tình hình đổi mới của đất nước, cần lưu ý: + Gắn nhiệm vụ phòng không với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ. + Hệ thống mục tiêu cần phải tổ chức phòng tránh đa dạng, phù hợp. - Phải có sự phối hợp hiệp đồng chặt chẽ của các lực lượng. b. Yêu cầu công tác phòng không nhân dân: - Phải kết hợp chặt chẽ kinh tế xã hội với quốc phòng, an ninh. Nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy sức mạnh tổng hợp, phương châm: “Toàn dân - toàn diện - tích cực chủ động - kết hợp giữa thời bình và thời chiến”. - Kết hợp chặt chẽ giữa phần “phòng” trong nhân dân, với công tác chuyên môn nghiệp vụ của nhà nước để chống tiến công đường không của địch. - Lấy “phòng” và “tránh” là chính, đồng thời sẵn sàng xử lý mọi tình huống. Cụ thể là: + Phòng tránh: Sơ tán, phân tán, phòng tránh tại chỗ. + Chuẩn bị từ trước: Kế hoạch sơ tán, phòng tránh, tổ chức chỉ đạo... - Kết hợp giữa lực lượng chuyên môn và bán chuyên môn của quần chúng, giữa hiện đại và thô sơ, vận dụng kinh nghiệm - Hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, giữa các ngành theo kế hoạch chung.
--	---

Hoạt động 2: Nội dung công tác phòng không nhân dân

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các nội dung công tác phòng không nhân dân

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm:

+ Tuyên truyền giáo dục về công tác phòng không nhân dân

+ Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân, quan sát diễn biến các đợt đánh phá của địch, đánh dấu vị trí bom, đạn chưa nổ

+ Tổ chức nguy trang, sơ tán, phòng tránh:

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Hướng dẫn Hs nghiên cứu Sgk để nắm được nội dung công tác phòng không nhân dân Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, chọn lọc và ghi chép ý chính vào vở. Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI: 4. Nội dung công tác phòng không nhân dân. a. Tuyên truyền giáo dục về công tác phòng không nhân dân: - Nâng cao nhận thức về nghĩa vụ của mọi công dân. - Hiểu biết các kiến thức phòng không phổ thông.

HS nghiên cứu, ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: Gv: Phân tích lấy dẫn chứng để minh họa. - Nâng cao về nhận thức của mọi công dân, học tập các kiến thức phòng không phổ thông, hiểu biết về địch trên không, về các phương tiện tiến công đường không, máy bay, tên lửa hành trình, bom, đạn... Sử dụng các phương tiện vũ khí bộ binh đánh địch. Khắc phục hậu quả, cứu thương, cứu sập, phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo thông tin liên lạc, giao thông vận chuyển... - Xây dựng hệ thống tình báo, quan sát các mặt để kịp thời phát hiện và báo động trong mọi tình huống. - các đài quan sát phòng không được trang bị khí tài quang học như kính chỉ huy TZK, ống nhòm, phương tiện thông tin liên lạc bằng vô tuyến, hữu tuyến điện, kể cả các phương tiện thô sơ như: còi, keng, mỏ, ánh sáng, tiếng súng... - Công tác tổ chức sơ tán phải chặt chẽ, quản lý được dân số ở nơi sơ tán - Người già, trẻ con, những người không tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xí nghiệp, nhà máy nhưng phải bảo đảm hoạt động. - Hàm hào ở gia đình, cơ quan, xí nghiệp, cơ sở kinh tế và các khu vực công cộng. - Tường chắn, địa đạo, công trình ngầm, giao thông hào... - Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp chống gián điệp, nội gián, các quy định về bảo mật các công trình quân sự, dân sự...	- Huấn luyện kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cho các tổ, đội chuyên trách. b. Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân, quan sát diễn biến các đợt đánh phá của địch, đánh dấu vị trí bom, đạn chưa nổ - Yêu cầu: + Hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, đảm bảo phát hiện, thông báo tình hình địch kịp thời trong mọi tình huống. + Triệt để tận dụng các yếu tố địa hình để bố trí các đài quan sát. + Kết hợp chặt chẽ các phương tiện thông tin để thông báo, báo động phòng không. - Nội dung: + Tổ chức các đài quan sát mắt. + Tổ chức thu tin tức tình báo trên không. + Tổ chức mạng thông tin thông báo, báo động trong nhân dân. + Xác định các qui chế, quyền hạn, thứ tự ưu tiên thông tin, thông báo, báo động. + Trang bị khí tài cho các đài quan sát. c. Tổ chức nguy trang, sơ tán, phòng tránh: - Yêu cầu: + Đảm bảo an toàn. + Đảm bảo ổn định sản xuất và đời sống. + Không tạo ra mục tiêu mới. + Không gây hoang mang, rối loạn ở nơi sơ tán. + Phải có kế hoạch từ thời bình và bổ sung, điều chỉnh kịp thời khi tình hình thay đổi. - Nội dung: * Sơ tán, phân tán: 3 nội dung: + Sơ tán đến khi ổn định mới trở lại: Người, xí nghiệp, cơ quan, nhà máy... + Sơ tán trong tình huống khẩn cấp: Thực hiện với lực lượng phải ở lại bám trụ để duy trì sản xuất đảm bảo cho nhu cầu quốc phòng và đời sống nhân dân. + Thực hiện phân tán, giãn dân, tài sản ở các trọng điểm đánh phá. * Tổ chức phòng tránh: 7 nội dung: + Cải tạo hệ thống hang động để cất giấu tài sản... + Xây dựng các công trình ngầm. + Xây dựng hệ thống hầm, hào. + Nguy trang. + Không chế ánh sáng. + Xây dựng công trình bảo vệ. + Phòng gian giữ bí mật
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi :

+ Nêu đặc điểm công tác phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay?

+ Phân tích những nội dung cơ bản của công tác phòng không nhân dân?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Nội dung nào sau đây sai với phương châm của công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới ?

a. Lấy đánh trả là chính, phòng tránh là quan trọng

b. Chủ động sẵn sàng xử lý mọi tình huống

c. Lấy phòng, tránh là chính

d. Toàn dân – toàn diện – tích cực chủ động

2. Tính chất của công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới là gì?

a. Tính chất hiện đại, tính chất toàn diện trong chiến tranh

b. Tính chất nhân dân, tính hiện đại trong chiến tranh

c. Tính chất nhân dân, tính chất quần chúng trong chiến tranh

d. Tính chất toàn diện, tính nhân dân trong chiến tranh

3. Nội dung nào sau đây sai với yêu cầu chung của nguy trang, sơ tán và phòng tránh?

a. Đảm bảo an toàn nơi sơ tán, phân tán

b. Ổn định sản xuất và đời sống nhân dân

c. Không hoang mang, rối loạn xã hội nơi sơ tán

d. Phải tạo ra mục tiêu mới nơi sơ tán

4. Nội dung nào sau đây sai với yêu cầu cụ thể của nguy trang, sơ tán và phòng tránh?

a. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong xây dựng công trình phòng tránh

b. Nhà nước và nhân dân cùng làm, lấy lực lượng nhân dân tại chỗ là chính

c. Tận dụng lợi thế địa hình tự nhiên để tổ chức phòng tránh

d. Chủ yếu dựa vào sự đảm bảo về tài chính của nhà nước

5. Một trong những yêu cầu cụ thể của sơ tán, phân tán trong công tác phòng không nhân là:

a. Kết hợp giữa thô sơ và hiện đại trong tổ chức nguy trang

b. Kết hợp giữa đánh trả của quân đội và của nhân dân

c. Kết hợp giữa sơ tán và tổ chức nguy trang nơi sơ tán

d. Kết hợp giữa đánh địch trên không và đánh địch trên bộ

6. Một trong những yêu cầu của khắc phục hậu quả trong công tác phòng không nhân là:

a. Khắc phục nhanh hậu quả và tổ chức rời khỏi nơi sơ tán

b. Chủ động đánh địch và khắc phục hậu quả nơi sơ tán

c. Tích cực chủ động, kịp thời để giảm bớt thiệt hại, ổn định đời sống

d. Khắc phục hậu quả dựa trên cơ sở nhà nước đầu tư

*** Hướng dẫn về nhà**

- Dặn dò HS học bài cũ và đọc trước bài mới

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 8: CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Tiết 31: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được những nội dung cơ bản ban đầu về công tác phòng không nhân dân, sự phá hoại của kẻ thù bằng đường không.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Biết cách phòng tránh đơn giản khi kẻ thù tiến công bằng đường không.

3. Phẩm chất

- Xây dựng ý thức trách nhiệm đối với công tác phòng không nhân dân.

- Tham gia tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện công tác phòng không nhân dân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.

- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu bài mới, kiểm tra bài cũ

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Nội dung công tác phòng không? (2HS)

+ Tổ chức nguy trang, sơ tán phòng tránh? (2 HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Âm mưu đánh phá đất nước ta, địch dùng nhiều mặt quân sự tiến công: đánh trên đất liền, đánh dưới biển và cả vùng trời. Hôm nay chúng ta tìm hiểu bài “ **Công tác phòng không nhân dân** ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Nội dung công tác phòng không nhân dân

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các nội dung công tác phòng không nhân dân

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm:

+ Tổ chức đánh trả và phục vụ chiến đấu

+ Tổ chức khắc phục hậu quả

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Hướng dẫn Hs nghiên cứu Sgk để nắm được nội dung công tác phòng không nhân dân	II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI: 4. Nội dung công tác phòng không nhân dân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, chọn lọc và ghi chép ý chính vào vở. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS nghiên cứu, ghi chép Bước 4: Kết luận, nhận định: Gv: Phân tích lấy dẫn chứng để minh họa. - Dựa vào thể trận khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố và thể trận chiến tranh nhân dân, tạo thành thể trận phòng không vững mạnh, rộng khắp và có trọng điểm. Tập trung đánh địch.  Máy bay MIG 21MF số hiệu 5121 Phạm Tuân lái bắn rơi B 52 của địch ngày 27/12/1972 - Phát động toàn dân và huy động mọi lực lượng, phương tiện tham gia đánh địch, toàn dân bắn máy bay, toàn dân vây bắt giặc lái, tạo thế và lực cho lực lượng phòng không chủ lực có trang bị hiện đại, xác suất tiêu diệt lớn.  Nữ dân quân Hà Tĩnh Nguyễn Thị Kim Lai bắt phi công Mỹ nhảy dù	d. Tổ chức đánh trả và phục vụ chiến đấu: - Cách đánh: + Đánh tập trung: để bảo vệ các trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế quan trọng. + Đánh địch rộng khắp: đánh trên đường bay tiếp cận. - Lực lượng: + Lực lượng phòng không nhân dân nòng cốt. + Phát động toàn dân, huy động mọi lực lượng. - Trang bị: + Hiện có. + Hiện đại. + Chưa hiện đại. + Thô sơ. e. Tổ chức khắc phục hậu quả. - Yêu cầu: + Sử dụng các tổ chức, lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật tại chỗ. + Tổ chức chặt chẽ, kết hợp giữa các lực lượng. + Tích cực, chủ động, kịp thời. - Nội dung: + Tổ chức cứu thương: Tụ cứu, các tuyến cấp cứu. + Tổ chức lực lượng cứu sập ở các cấp. + Tổ chức cứu hỏa; cứu hộ trên sông, biển. + Tổ chức khôi phục đảm bảo giao thông, thông tin... + Tổ chức lực lượng chôn cất nạn nhân, làm sạch môi trường, ổn định đời sống xã hội.
---	--

Hoạt động 2: Tổ chức chỉ đạo công tác phòng không nhân dân ở các cấp

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được sự tổ chức chỉ đạo công tác phòng không nhân dân ở các cấp

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm:

+ Tổ chức đánh trả và phục vụ chiến đấu

+ Tổ chức khắc phục hậu quả

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
---------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Thủ tướng chính phủ đã có những chỉ đạo như thế nào trong công tác phòng không nhân dân các cấp Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu SGK, chọn lọc và trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời, HS khác nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định: Gv: Kết luận HS: Ghi ý chính	II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI: 5. Tổ chức chỉ đạo công tác phòng không nhân dân ở các cấp Để thực hiện công tác phòng không nhân dân được hiệu quả, ngày 06/01/2003 Thủ tướng chính phủ đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo công tác phòng không nhân dân Trung ương do đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm trưởng ban, các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ cử một đồng chí Thứ trưởng làm ủy viên. Ban chỉ đạo công tác phòng không Trung ương có cơ quan thường trực đặt tại Bộ Quốc phòng. Ban chỉ đạo công tác phòng không nhân dân địa phương do Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp làm trưởng ban. Trưởng các ban, ngành của địa phương là ủy viên. Hiện nay, hệ thống chỉ đạo công tác phòng không nhân dân từ Trung ương đến cơ sở đã đi vào hoạt động, nhiều nơi đã tổ chức diễn tập nhằm cụ thể hóa các nội dung công tác phòng không nhân dân trong điều kiện mới.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi :

+ Phân tích những nội dung cơ bản của công tác phòng không nhân dân?

+ Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện công tác phòng không nhân dân?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Trong tình hình mới, Nghị định 65/2002/NĐ//CP của Chính phủ thay thế Nghị định 112/CP về việc tổ chức công tác phòng không nhân dân ra ngày nào?

a. 01 - 7 - 2002

b. 01 – 8 - 2002

c. 01 - 9 - 2002

d. 01 - 10 - 2002

2. Trong công tác phòng không nhân dân, lực lượng nào sau đây làm nòng cốt?

a. Lực lượng phòng không của các địa phương

b. Lực lượng phòng không, không quân của các tỉnh, thành phố

c. Bộ đội phòng không, không quân của quân đội

d. Lực lượng phòng không, không quân của các xã, phường

3. Công tác phòng không nhân dân do ai lãnh đạo, điều hành?
 - a. Đảng lãnh đạo, Nhà nước điều hành thống nhất tập trung ở từng địa phương
 - b. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành thống nhất tập trung của nhà nước từ trung ương đến địa phương
 - c. Đảng lãnh đạo, Nhà nước điều hành thống nhất tập trung của lực lượng phòng không quốc gia
 - d. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội điều hành một cách thống nhất và tập trung
4. Lựa chọn nào sai so với nội dung của công tác phòng không nhân dân?
 - a. Tăng cường tuyên truyền giáo dục nhận thức, kiến thức phòng không nhân dân
 - b. Tổ chức thông báo, báo động kịp thời
 - c. Tăng cường tập luyện sơ tán phòng tránh, cứu thương, phòng chữa cháy
 - d. Toàn dân phải liên tục luyện tập các phương án chiến đấu
5. Phương thức phổ biến tiến hành tiến công đường không hiện nay, các vũ khí, phương tiện của địch hoạt động như thế nào?
 - a. Bay cao với các phương tiện tàng hình, hoạt động liên tục ban ngày
 - b. Bay thấp với các phương tiện tàng hình, hoạt động liên tục ngày đêm
 - c. Bay thấp với các phương tiện hiện đại, hoạt động liên tục ban đêm
 - d. Hoạt động liên tục trong các khu vực quan trọng
6. Nội dung nào không phải là hạn chế khi tiến hành tiến công đường không của địch ?
 - a. Khó tiến công các mục tiêu vì chất lượng của vũ khí hạn chế
 - b. Phải nắm chắc thông tin về mục tiêu
 - c. Khó tiến công các mục tiêu nhỏ và mục tiêu di động, cơ động
 - d. Tồn kém về tài chính, số vũ khí công nghệ cao có hạn
7. Xu hướng phát triển hiện nay về lực lượng như thế nào?
 - a. Tổ chức chặt chẽ, cơ cấu đủ lớn, có khả năng tác chiến lớn
 - b. Đa năng, số lượng cao, có khả năng đánh những trận lớn
 - c. Tinh gọn, đa năng, cơ cấu hợp lý, cân đối, có khả năng tác chiến độc lập
 - d. Có khả năng đánh thắng đối phương trong cuộc chiến tranh với quy mô lớn

*** Hướng dẫn về nhà**

- Xem trước bài “ **Trách nhiệm của học sinh với nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc**”.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 9: TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

TIẾT 32: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ AN NINH QUỐC GIA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Hiểu được tầm quan trọng của an ninh quốc gia và một số nội dung cơ bản trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Xây dựng ý thức trách nhiệm của học sinh đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

3. Phẩm chất

- Tích cực tự giác trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ ? Nêu đặc điểm công tác phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay (2HS).

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của công dân; trong đó có trách nhiệm của học sinh chúng ta. Hôm nay ta học phần I “**Những vấn đề chung về an ninh quốc gia**”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Bảo vệ an ninh quốc gia

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu về bảo vệ an ninh quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Bảo vệ an ninh quốc gia

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: + Như thế nào là an ninh quốc gia? + Nêu các mặt hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, trả lời các câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ AN NINH QUỐC GIA: 1. Bảo vệ an ninh quốc gia - Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia: - Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia là những hành vi xâm phạm chế độ chính

Đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức - GV: giải thích * An ninh quốc gia: - Là sự ổn định, phát triển của chế độ và Nhà nước; sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. - Bao gồm an ninh trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hoá, xã hội, quốc phòng, đối ngoại..	trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
---	---

Hoạt động 2:Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

a. Mục tiêu:Giúp HS tìm hiểu về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: + Để bảo vệ an ninh quốc gia chúng ta phải bảo vệ những mặt nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, trả lời các câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức - GV: giải thích * Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia: - Bảo vệ: + Chế độ chính trị. + An ninh về tư tưởng văn hóa. + An ninh kinh tế, quốc phòng, đối ngoại. + Bí mật nhà nước. + Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh.	I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ AN NINH QUỐC GIA: 2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia - Bảo vệ chế độ, Nhà nước, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. - Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hóa, khối đại đoàn kết dân tộc. - Bảo vệ an ninh kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác. - Bảo vệ bí mật Nhà nước. - Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi:

+ An ninh quốc gia?

+ Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm :

1. Bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- a. Là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia
- b. Là phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia
- c. Là phòng ngừa, phát hiện, làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia
- d. Là đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia

2. Hành vi nào sau đây không thuộc xâm phạm an ninh quốc gia là:

- a. Xâm phạm chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa của quốc gia
- b. Xâm phạm đến quyền lợi của giai cấp trong một quốc gia
- c. Xâm phạm an ninh, quốc phòng, đối ngoại của quốc gia
- d. Xâm phạm độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc

3. Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- a. Bảo vệ chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ biển đảo Tổ quốc
- b. Bảo vệ độc lập chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc
- c. Bảo vệ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
- d. Bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc

4. Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- a. Bảo vệ bí mật cơ quan và các địa điểm quan trọng của địa phương
- b. Tập trung giữ bí mật các mục tiêu về kinh tế của từng địa phương
- c. Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia
- d. Bảo vệ bí mật nhà nước và bí mật cá nhân

*** Hướng dẫn về nhà**

- Xem trước bài, Phần 3 “ **Nội dung bảo vệ an ninh Tổ quốc** ”.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 9: TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

TIẾT 33: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ AN NINH QUỐC GIA (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Hiểu được tầm quan trọng của an ninh quốc gia và một số nội dung cơ bản trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Xây dựng ý thức trách nhiệm của học sinh đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

3. Phẩm chất

- Tích cực tự giác trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia ? (2 HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ Cùng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của công dân; trong đó có trách nhiệm của học sinh chúng ta. Hôm nay ta học tiếp phần I “ **3. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia** ”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu nội dung bảo vệ an ninh quốc gia

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Hướng dẫn Hs tìm hiểu nội dung chính trong Sgk, nhấn mạnh tính chất quan trọng của an ninh quốc gia, liên hệ thực tế trên thế giới và địa phương. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, nắm nội dung chính, nghe, liên hệ thực tế	3. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia a. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ Là nội dung trọng yếu hàng đầu, thường xuyên, cấp bách - Bảo vệ chế độ, Nhà nước, Đảng. - Giữ gìn sự trong sạch của tổ chức đảng, Nhà nước. - Bảo vệ các cơ quan và những người Việt

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS ghi ý chính Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt kiến thức - Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia gồm vào các mặt chủ yếu như: Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; kinh tế; văn hoá, tư tưởng; dân tộc; tôn giáo; biên giới; thông tin...	Nam đang làm việc, học tập ở nước ngoài. - Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá. b. Bảo vệ an ninh kinh tế - Bảo vệ sự ổn định, phát triển của nền kinh tế thị trường. - Bảo vệ đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, các nhà khoa học, nhà kinh doanh. c. Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng - Bảo vệ sự ổn định và phát triển bền vững của văn hoá, tư tưởng. - Bảo vệ sự đúng đắn, vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. - Bảo vệ những giá trị đạo đức truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc. - Bảo vệ đội ngũ văn nghệ sĩ, người làm công tác văn hoá, văn nghệ. d. Bảo vệ an ninh dân tộc - Bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc. - Ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc. e. Bảo vệ an ninh tôn giáo - Đảm bảo chính sách tự do tín ngưỡng. - Đấu tranh với các đối tượng, các thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo. - Thực hiện đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng phát triển. g. Bảo vệ an ninh biên giới - Bảo vệ an ninh trật tự ở khu vực biên giới quốc gia, cả ở đất liền và ở trên biển. - Chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới. h. Bảo vệ an ninh thông tin - Bảo đảm an toàn, nhanh chóng, chính xác và bí mật. - Chống lộ, lọt những thông tin bí mật của Nhà nước. - Ngăn chặn các hoạt động khai thác, dò tìm để đánh cắp thông tin trên mạng.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi:

+ Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm :

1. Có mấy nội dung bảo vệ an ninh quốc gia?

- a. 07 nội dung
- b. 06 nội dung
- c. 05 nội dung
- d. 04 nội dung

2. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- a. Bảo vệ an ninh cá nhân
- b. Bảo vệ an ninh học sinh, sinh viên
- c. Bảo vệ an ninh địa phương
- d. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

3. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- a. Bảo vệ an ninh kinh tế
- b. Bảo vệ nền kinh tế đất nước
- c. Bảo vệ kinh tế thị trường
- d. Bảo vệ kinh tế biển

4. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- a. Bảo vệ an ninh giáo dục tư tưởng
- b. Bảo vệ an ninh giáo dục chính trị
- c. Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng
- d. Bảo vệ nền văn hóa cách mạng

5. Nội dung Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ có vị trí như thế nào?

- a. Là việc làm thường xuyên của mỗi quốc gia, dân tộc
- b. Là việc làm vô cùng cần thiết hiện nay của đất nước
- c. Trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách hiện nay
- d. Trọng yếu hàng đầu khi đất nước có chiến tranh

6. Lựa chọn nào sau đây không phải là nội dung Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ?

- a. Phải quan tâm đến nguyện vọng của nhân dân.
- b. Giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh của các tổ chức Đảng, Nhà nước
- c. Bảo vệ chế độ chính trị, Đảng, Nhà nước
- d. Bảo vệ cơ quan và những người Việt Nam đang học tập và làm việc tại nước ngoài

7. Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh dân tộc là:

- a. Bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng giữa các dân tộc
- b. Bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc
- c. Bảo vệ quyền bình đẳng của từng dân tộc
- d. Bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ giữa các dân tộc với nhau

8. Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh biên giới là:

- a. Chống các hành động xâm phạm, vượt biên giới quốc gia
- b. Chống các hành động xâm nhập biên giới quốc gia
- c. Kiên quyết trấn áp các hành động xâm nhập đường biên giới quốc gia
- d. Chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới quốc gia

*** Hướng dẫn về nhà:** Xem trước bài phần II

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 9: TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

TIẾT 34: HỌC SINH VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Hiểu được tầm quan trọng của an ninh quốc gia và một số nội dung cơ bản trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

Năng lực chuyên biệt:

- Xây dựng ý thức trách nhiệm của học sinh đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

3. Phẩm chất

- Tích cực tự giác trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án quốc phòng – an ninh và các tài liệu liên quan đến bài học.
- Các thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh cần thiết.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài và dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới

c. Sản phẩm: HS lắng nghe GV, trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra bài cũ:**

+ Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia ? (2HS)

- **Giới thiệu nội dung mới:**

+ củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của công dân; trong đó có trách nhiệm của học sinh chúng ta. Hôm nay ta học phần II **“Học sinh với nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc”**.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Học sinh với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc

a. Mục tiêu: Tìm hiểu học sinh với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc

b. Nội dung: HS đọc SGK, dựa vào hiểu biết của mình hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: Học sinh với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA HS GV	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv: Là một lực lượng tuyên truyền viên tích cực về nhiệm vụ này HS cần làm gì? + HS để thực hiện tốt các nhiệm vụ, nội dung bảo vệ an ninh quốc gia HS cần làm gì?	1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của học sinh về nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc trong thời kì mới - Nhận thức được tính chất, nhiệm vụ, nội dung bảo vệ an ninh quốc gia. Từ đó, xác định trách nhiệm là một lực lượng tuyên truyền tích cực cho nhiệm vụ này. - Tích cực học tập nâng cao kiến thức về Hiến pháp, pháp luật, hiểu được những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu Sgk, nắm nội dung chính, trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời, HS khác nhận xét bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt kiến thức Bảo vệ an ninh Tổ quốc là nhiệm vụ của toàn xã hội, là trách nhiệm của mọi công dân. Để thực hiện trách nhiệm công dân, mỗi học sinh cần thực hiện được những vấn đề sau: 1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của học sinh về nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc trong thời kì mới. 2. Thực hiện tốt những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia. 3. Nêu cao cảnh giác, chủ động, tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm góp phần bảo vệ an ninh Tổ quốc.	quốc gia. - Luôn nâng cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 2. Thực hiện tốt những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia - Luôn tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, tự giác chấp hành pháp luật và quy chế của nhà trường, sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật. - Thực hiện tốt phương châm: Học sinh với 3 không. - Không tự phát lập hội, câu lạc bộ, ra báo, bản tin, tạp chí và các hình thức khác trái quy định của pháp luật. Cảnh giác, phòng ngừa những âm mưu, thủ đoạn phá hoại. - Đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện. - Tích cực tham gia tuyên truyền, hướng dẫn, cùng mọi người thực hiện nhiệm vụ, nội dung bảo vệ an ninh quốc gia. 3. Nêu cao cảnh giác, chủ động, tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm góp phần bảo vệ an ninh Tổ quốc - Luôn nêu cao cảnh giác, phát hiện và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác những thông tin sai trái. - Chủ động đề phòng, không để bị kẻ xấu kích động, lôi kéo. Tích cực, tự giác tham gia giải quyết các nhiệm vụ theo yêu cầu. - Động viên giúp đỡ những người đã lầm lỡ, sa ngã để giúp họ mau chóng tiến bộ. Kiên quyết không được bao che khuyết điểm. - Phát huy tốt vai trò của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập các kiến thức đã học
- Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời các câu hỏi
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

Câu hỏi:

1. Trình bày nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia?
2. Nêu những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia?
3. Trách nhiệm của học sinh với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn
 - Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để trả lời câu hỏi
 - Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
 - Tổ chức thực hiện:**
- HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm :**
1. Trách nhiệm của học sinh với bảo vệ an ninh tổ quốc?

- a. Tích cực tham gia phong trào đền ơn, đáp nghĩa của địa phương
 - b. Tích cực học tập để hiểu được những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia
 - c. Tham gia phong trào toàn dân xây dựng nếp sống văn hóa
 - d. Tích cực tham gia phong trào vì môi trường xanh, sạch, đẹp
- 2.** Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung gì?
- a. Thực hiện tốt phương châm “1 không”
 - b. Thực hiện tốt phương châm “2 không”
 - c. Thực hiện tốt phương châm “4 không”
 - d. Thực hiện tốt phương châm “3 không”
- 3.** Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt một trong những nội dung nào sau đây?
- a. Không xem, đọc, lưu truyền các văn hóa phẩm phản động, đồi trụy
 - b. Xem nhưng không lưu truyền các sản phẩm văn hóa nước ngoài
 - c. Đọc nhưng không lưu giữ các tác phẩm văn hóa nước ngoài
 - d. Nói không với tất cả các sản phẩm văn hóa nước ngoài
- 4.** Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt một trong những nội dung nào sau đây?
- a. Chấp hành tốt đường lối, chính sách về quốc phòng, an ninh
 - b. Không xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước
 - c. Tham gia tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước
 - d. Tuyên truyền, vận động học sinh chấp hành quy định của nhà trường
- 5.** Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?
- a. Không truy cập các Website chứa các nội dung của nước ngoài
 - b. Không truy cập các Website chứa các nội dung không chính thống trong nước
 - c. Không truy cập các Website chứa các nội dung không lành mạnh, phản động
 - d. Không truy cập tất cả các Website hiện có trên mạng
- 6.** Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?
- a. Kịp thời trấn áp kẻ xấu khi bị kích động, lôi kéo vào việc xấu
 - b. Tấn công kiên quyết khi bị kẻ xấu kích động, lôi kéo vào việc xấu
 - c. Chủ động truy bắt khi bị kẻ xấu kích động, lôi kéo vào việc xấu
 - d. Chủ động đề phòng không để bị kẻ xấu kích động, lôi kéo vào việc xấu
- 7.** Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?
- a. Tham gia công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội của nhà trường
 - b. Nòng cốt trong công tác chống tội phạm, tệ nạn xã hội của nhà trường
 - c. Tấn công kiên quyết nếu xuất hiện tội phạm trong nhà trường
 - d. Tấn công kiên quyết nếu xuất hiện tệ nạn xã hội trong nhà trường
- 8.** Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?
- a. Tốt nhất là cách li ngay với người làm lơ sa ngã để không bị lôi kéo
 - b. Động viên, gần gũi, giúp đỡ người làm lơ sa ngã để giúp họ tiến bộ
 - c. Không động viên người làm lơ sa ngã, vì sẽ làm cho họ bị quan
 - d. Không nên gần gũi với người làm lơ sa ngã để không bị họ lôi kéo
- 9.** Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?
- a. Tích cực chống phá âm mưu phá hoại cách mạng của các thế lực thù địch
 - b. Kiên quyết tấn công các thế lực thù địch có âm mưu, thủ đoạn phá hoại cách mạng
 - c. Cảnh giác, tích cực phòng ngừa những âm mưu, thủ đoạn phá hoại cách mạng của các thế lực thù địch
 - d. Cảnh giác với các thế lực thù địch và thủ đoạn phá hoại cách mạng của chúng
- 10.** Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh dân tộc là:

- a. Phát hiện các hoạt động xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
- b. Phải kiên quyết đấu tranh với các hoạt động xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
- c. Ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc để xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
- d. Chú ý đề phòng với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc để xâm phạm đến an ninh quốc gia

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn bài chuẩn bị kiểm tra.

Tiết 35: KIỂM TRA HỌC KỲ II

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

Nhằm đánh giá quá trình học tập, ôn luyện của học sinh nhận xét rút kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp dạy học cho nội dung tiếp theo đạt kết quả cao hơn.

2. Thái độ: Nghiêm túc, tập trung làm bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Thiết kế ma trận, soạn câu hỏi, xây dựng đáp án và biểu điểm, đề và giấy kiểm tra.

2. Học sinh: Ôn tập, kiểm tra nghiêm túc.

III. Tiến hành kiểm tra

ĐỀ BÀI

A – TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. 7 điểm (0,5đ/ 1 câu). Chọn đáp án

Câu 1: Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, trong đó lấy sức mạnh nào làm đặc trưng?

- A. Kinh tế
- C. Khoa học, kỹ thuật
- B. Quân sự
- D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Củng cố Quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên của ai?

- A. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân
- B. Lực lượng vũ trang nhân dân và Nhà nước
- C. Đảng, Nhà nước và của toàn dân
- D. Tất cả đều đúng

Câu 3: Nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

- A. Xây dựng tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân
- B. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân
- C. Xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh
- D. Câu A và C đúng

Câu 4: Nhân tố nào sau đây được xem là nhân tố cơ bản tạo nên tiềm lực quốc phòng, an ninh:

- A. Tiềm lực chính trị, tinh thần
- B. Tiềm lực kinh tế
- C. Tiềm lực quân sự, an ninh
- D. Tiềm lực khoa học, công nghệ

Câu 5: Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là nền quốc phòng “của dân, do dân, vì dân”, nhằm mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng
- B. Sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là cơ sở để triển khai một chiến lược tổng hợp bảo vệ Tổ quốc
- C. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân, được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại
- D. Tất cả đều đúng

Câu 6: Đối tượng giáo dục quốc phòng, an ninh là ai?

- A. Cán bộ, đảng viên, những người công tác trong các cơ quan, đoàn thể, trường học
- B. Thế hệ trẻ: học sinh, sinh viên.
- C. Toàn dân, trước hết là Cán bộ, đảng viên, những người công tác trong các cơ quan, đoàn thể, trường học, thế hệ trẻ (học sinh, sinh viên)

D. Tất cả đều đúng

Câu 7: Hệ thống cấp, bậc hàm của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có:

A. 3 cấp, 12 bậc

B. 2 cấp, 8 bậc

C. 4 cấp, 12 bậc

D. 2 cấp, 12 bậc

Câu 8: Quân đội nhân dân Việt Nam gồm:

A. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng

B. Lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng thường trực và lực lượng dự bị

C. Tất cả đều đúng

Câu 9: Bộ quốc phòng có chức năng:

A. Quản lý nhà nước về xây dựng Nền quốc phòng toàn dân, Quân đội và Dân quân tự vệ

B. Chỉ đạo, chỉ huy Quân đội và Dân quân tự vệ cùng nhân dân đấu tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc

C. Phòng chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ

D. Câu A và B đúng

Câu 10: Chức năng của Công an nhân dân Việt Nam là:

A. Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nền an ninh nhân dân và các lực lượng công an

B. Phòng chống tội phạm

C. Quản lý xuất nhập cảnh, công tác hộ khẩu, hộ tịch

D. Tất cả đều đúng

Câu 11: Công an cấp xã là?

A. Lực lượng vũ trang chuyên trách về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn ở cơ sở

B. Lực lượng vũ trang bán chuyên trách về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn ở cơ sở

C. Đơn vị chịu sự quản lý, điều hành của công an cấp huyện

D. Câu A và C đúng

Câu 12: Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thuộc quyền thống lĩnh của?

A. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ Trưởng Công an nhân dân

B. Thủ tướng Chính phủ

C. Chủ tịch nước

D. Tất cả đều đúng

Câu 13: Ngày 19 tháng 8 hàng năm là ngày gì?

A. Ngày truyền thống của Công an nhân dân

B. Ngày truyền thống của Quân đội nhân dân

C. Ngày Hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc

D. Câu A và C đúng

Câu 14: Lực lượng Công an nhân dân bao gồm:

A. Lực lượng an ninh nhân dân, Cảnh sát nhân dân và lực công an điều tra

B. Lực lượng an ninh nhân dân, Cảnh sát nhân dân

C. Lực lượng an ninh nhân dân, Cảnh sát nhân dân, lực lượng phòng cháy chữa cháy

B – TỰ LUẬN (3 điểm)

Trách nhiệm của học sinh trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

ĐÁP ÁN

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (7 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	D	D	D	C	D	C	A	A	D	D	B	C	D	B

B. TỰ LUẬN.(3 ĐIỂM)

Trước hết, học sinh phải luôn tích cực học tập tốt, rèn luyện tốt, có niềm tin vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, vững tin vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ mà nhân dân ta lựa chọn. Mỗi học sinh không ngừng học tập, bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp sức cùng với toàn Đảng, toàn dân phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đồng thời cần phải nâng cao nhận thức về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và cuộc sống bình yên của nhân dân.

Để phát huy vai trò, trách nhiệm trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh đòi hỏi học sinh cần nhận rõ được âm mưu, thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch trong âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, chống phá cách mạng nước ta hiện nay; phải tự giác tích cực học tập nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức về quốc phòng, an ninh; luyện tập các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do nhà trường, địa phương tổ chức.

Trước mắt, học sinh cần tích cực học tập hiểu được những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, góp phần củng cố toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của đất nước trong thời kỳ mới.